

HILDA ARNHOLD

# BẮC KỲ

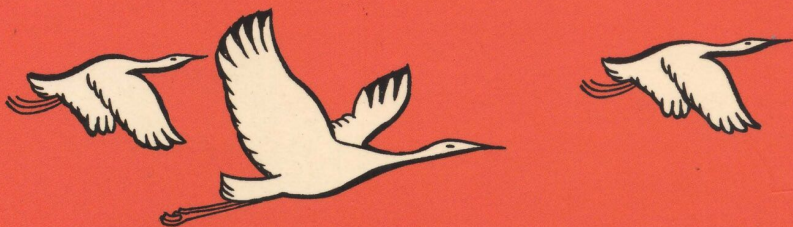
Phong cảnh  
và ấn tượng

Mạnh Quỳnh minh họa  
Đặng Anh Đào,  
Hoàng Thanh Thủy dịch



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG





Cô gái Pháp giống như một phóng viên lia ống kính từ cảnh vật đồng quê tới thị thành, thoát tiên, ghi lại âm thanh đặc trưng của công việc lao động, đêm tối, tiếng động, tiếng ru hời, hình ảnh người nông dân với tâm lí, phong tục, tín ngưỡng, cách ăn ở của họ. Từ nông thôn đến phố thị, thoáng chốc thay đổi, xen lẫn vào nhau. Có những thứ cho đến nay vẫn không thay đổi, chẳng hạn như cảnh phố thành sông sau một cơn mưa lớn ở Hà Nội, hàng xôi góc phố, tâm trạng hào hứng mỗi dịp tết đến xuân về... Nhưng có nhiều thứ chỉ còn xuất hiện trên những trang viết, như tiếng gọi xe, ánh đèn dầu le lói, sự nguyên sơ của vùng nông thôn... Toàn cảnh đời sống và “chất” Bắc Kỳ đầu thế kỉ 20 hiện lên với đầy đủ hình ảnh, âm thanh, mùi hương qua những cảm nhận tinh tế của con người.

(Đăng Anh Đào)



5222300010067

ISBN: 978-604-2-26697-0



9 786042 266970



8 935244 874815

Giá: 78.000đ

# BẮC KỲ

Phong cảnh  
và ấn tượng

In theo Hilda Arnhold, *Tonkin - Paysages et impressions*,  
*illustrations de Manh Quynh*, éditions du Courrier Hai Phong, 1944

Vẽ bìa: **Nguyễn Quang Toàn**



HILDA ARNHOLD

# BẮC KỲ

Phong cảnh  
và ấn tượng



Mạnh Quỳnh *minh họa*

Đặng Anh Đào, Hoàng Thanh Thủy *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

# Lời giới thiệu

Khi dịch cuốn *Bắc Kỳ - Phong cảnh và ấn tượng*, tôi đã trải qua từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Mở đầu bằng đề từ “Tặng mẹ tôi” và tiếp theo là những lời âu yếm, thoát tiên, người đọc tưởng đây là một thiên trữ tình. Nhưng khi lần lượt đọc các bài cụ thể, ta đã nhận ra đây là một bút kí về Bắc Kỳ cách đây gần một thế kỉ. Nơi đến đầu tiên là một vùng sơn hải và cái nhìn đầu tiên là của một cô gái Pháp đang ngắm cái xứ sở không phải là châu Âu quen thuộc đối với cô. Dĩ nhiên, cô gái thấy tất cả đều khác lạ nhưng điều thú vị là ngay đối với tôi – sinh ra trên đất Bắc Kỳ, được 10 tuổi khi cuốn sách được in ra – chính tôi cũng thấy ngỡ ngàng trước phong cảnh, phong tục đầy kì thú của Bắc Kỳ qua con mắt quan sát của cô gái Pháp.

Cô gái Pháp giống như một phóng viên lia ống kính từ cảnh vật đồng quê tới thị thành, thoát tiên, ghi lại âm thanh đặc trưng của công việc lao động, đêm tối, tiếng động, tiếng ru hời với 4 thanh đơn điệu (à a à oi), hình ảnh người nông dân với tâm lí, phong tục, tín ngưỡng, cách ăn ở của họ. Từ nông thôn đến phố thị, thoáng chốc thay đổi, xen lẫn vào nhau. Có những thứ cho đến nay vẫn không thay đổi, chẳng hạn như cảnh phố thành sông sau một cơn mưa lớn ở Hà Nội, hàng xôi góc phố, tâm trạng háo hức mỗi dịp tết đến xuân về... Nhưng có nhiều thứ chỉ còn xuất hiện trên những trang viết, như tiếng gọi xe, ánh đèn dầu le lói, sự nguyên sơ của vùng nông thôn... Toàn cảnh đời sống và “chất” Bắc Kỳ đầu thế kỉ 20 hiện lên với đầy đủ hình ảnh, âm thanh, mùi hương qua những cảm nhận tinh tế của con người.

Nhưng điều ấn tượng hơn cả là những đặc tả về Hà Nội. Dù đã gần bó với mảnh đất này gần cả đời người, nhưng chỉ đến khi đọc những dòng của Hilda Arnhold, tôi mới nhận ra sự thiếu sâu sắc của mình. Tôi thâm cảm phục tình cảm mà tác giả đã dành cho Hà Nội, bởi phải yêu nó đến thế nào, hiểu nó đến thế nào thì mới có thể mô tả nó cụ thể và giàu cảm thông đến thế: tiếng động trong đêm, tiếng muỗi vo ve, tiếng guốc khua dưới phố, tiếng chuông xe đạp leng keng,

tiếng rao hàng của những gánh hàng rong vào các thời điểm khác nhau trong ngày, cảnh náo động trong những dịp lễ tết và những hành trình tới các chùa chiền ven Hà Nội... Đời sống của con người được tác giả cực kì chú trọng với cảnh đời của những con người dưới đáy xã hội hoặc bữa cơm thường nhật của giới trung lưu.

Không dừng lại ở những ghi chép thoáng qua của thể loại bút kí, tác giả có những trang viết rất sâu về phong tục và lễ thói của người Việt khiến cho cuốn sách có dáng dấp của một nghiên cứu dân tộc học và trở thành một thiên kí sự về văn hóa và phong tục Việt Nam, chẳng hạn như câu chuyện về hạt gạo với đầy đủ các công đoạn “chế biến” tỉ mỉ biến thóc thành gạo, những so sánh với thói quen ăn bánh mì của người châu Âu, hay những mô tả về nơi ăn chốn ở của người Việt với những ràng buộc về phong thủy. Ta cũng bắt gặp trong cuốn sách này khuôn mẫu kiến trúc một ngôi nhà nông thôn phù hợp với khí hậu, công việc đồng áng và trật tự gia đình, vai trò của cái sân và vườn đối với thói quen sinh hoạt của người Việt...

Những mô tả về rau cỏ, thực phẩm và các món ăn, cách chế biến món ăn của người Việt lại khiến cuốn sách lại trở thành một cẩm nang ẩm thực. Tôi ngạc nhiên vì bản thân mình cũng không biết hết giá trị và hương liệu mà cuốn sách đã ca ngợi, những món ăn được tác giả mô tả. Dưới con mắt quan sát kĩ lưỡng của tác giả, một số điều tưởng như hết sức quen thuộc đối với chúng ta bỗng trở nên mới mẻ và giàu màu sắc. Tôi cũng bất ngờ trước những nhận xét hóm hỉnh của tác giả về những điều bình thường trong cuộc sống của chúng ta. Bất giác tôi bỗng nhớ tiếc về những năm tháng xưa cũ, về những điều giờ đã vĩnh viễn mất đi ở Hà Nội và xứ Bắc Kỳ. Bao giờ cho đến ngày xưa...

Khi một tác phẩm mang lại cho người đọc những điều bất ngờ thì chính là nó đã thành công bởi bản thân nó đã tạo được sự khác biệt. Nhưng chỉ như vậy thì vẫn chưa đủ. Cần phải có cảm xúc thì mới tạo nên sức hấp dẫn. *Bắc Kỳ - Phong cảnh và ấn tượng*, dù được viết cách đây gần một thế kỉ, nhưng đã chạm đến được trái tim người đọc hiện đại bởi nó được viết ra bằng cảm xúc và từ sự rung động của trái tim.

**ĐẶNG ANH ĐÀO**  
*Tháng Giêng, 2022*



# Tặng mẹ tôi

Trước đây vài năm, ngẫu nhiên tôi bắt gặp những dòng cuối của “Bó vàng”, cuốn sách mà Henri Bérand kể lại thời thơ ấu ở Lyon:

“Cha hãy yên nghỉ, vì cha đã đi ngủ...”

Nếu nhìn qua vai con mà thấy chữ con viết trên trang giấy, cha biết rõ là con đang kết thúc cuốn sách, và sắp tới con sẽ mang nó tới nơi ấy cho người mẹ đang ngồi đợi chờ, trên chiếc ghế bên cửa sổ, nơi có thể nhìn thấy đường phố Ferrandière.

Mẹ sẽ ngắm rất lâu cuốn sách này, không dám mở nó ra vì cặp mắt già nua không còn nhiều nước mắt nữa. Bà đã tuôn lệ quá nhiều xuống những dòng suối đôn đau! Cuốn sách này con viết là để cho mẹ...”

Trong nỗi xúc cảm vẫn đang còn thổn thức qua những dòng chữ ấy, tôi hiểu được hạnh phúc mình có thể hiến tặng những người đã cho bạn tất cả, cái bằng chứng cho thấy nỗi nhọc nhằn của họ không phải đã mất đi, rằng ta đã đôi chút trở thành điều mà họ hi vọng.

Và tôi nồng nhiệt khát khao tới một ngày, cũng có thể khắc ghi tên mẹ mình trên trang đầu một cuốn sách.

Ngày ấy đã tới, dù rằng với tôi, mọi điều đều khác với tình cảnh đã gọi lên qua những trang sách của Bérand, song vẫn cùng cảm xúc ấy mà ngày nay tôi thực hiện ước mơ của mình.

**H. A.**

# Mục lục

## CẢNH VẬT

Đồng quê . . . . .	10
Mưa phùn . . . . .	13
Lễ Phục Sinh ở Bắc Kỳ . . . . .	17
Mùa mưa . . . . .	19
Ngập lụt . . . . .	25
Mùa thu . . . . .	29
Mùa đông ở Bắc Kỳ . . . . .	32
Hoàng hôn . . . . .	38
Chiều tối . . . . .	41
Mục ca giữa thành phố . . . . .	44
Nơi Hồ Lớn . . . . .	47
Qua những ruộng đồng . . . . .	50

## ẢN TƯỢNG

Những con muỗi . . . . .	58
Những cuộc du hành đẹp nhất . . . . .	63
Một giấc mơ . . . . .	68

## NHỮNG CẢNH ĐỜI AN NAM

Ông bán chuột . . . . .	74
Khúc ca của những đôi guốc . . . . .	79
Nước vối! Nước vối! . . . . .	84
Điệp khúc mùa hè . . . . .	88

Các nghề vật vãnh . . . . .	93
Trong phố . . . . .	100
Thầy bói . . . . .	117
Ở nhà băng . . . . .	123
Cà phê - quán ăn . . . . .	127
Hoa sen . . . . .	130
Những người hút thuốc phiện. . . . .	135
Tối ngày Tết ở nhà hàng ăn Tàu. . . . .	140

## **PHONG TỤC VÀ LỄ THÓI**

Từ món ăn Pháp đến món ăn An Nam . . . . .	146
Nơi ăn chốn ở xứ Bắc Kỳ. . . . .	168
Câu chuyện về hạt gạo. . . . .	199

## **LỄ TẾT AN NAM**

Trước Tết . . . . .	210
Trong và sau Tết . . . . .	217
Tết Trung Nguyên . . . . .	226
Tết Trung Thu . . . . .	231

## **CHÙA CHIỀN**

Đi lễ chùa Hương Tích . . . . .	240
Đình Bốn Cột . . . . .	246
Dạo chơi Yên Sở . . . . .	252



**CẢNH VẬT**

# Đồng quê

Trong thung lũng của dòng sông Đá Bạch nằm dưới những ngọn núi Đông Triều nơi vẫn còn kí ức về bọn cướp biển, bình nguyên trải dài bị chia cắt thành các thửa ruộng; một phía là bức bình phong nhấp nhô những chỏm núi đá vôi phủ đầy cây lá rậm rì, phía kia là một dãy những ngọn đồi cao đáy tròn nối tiếp nhau, dẫn tới biên giới Trung Hoa.

Ôi! Không khí đồng quê Bắc Kỳ vào những ngày giáp Tết, đồng ruộng trống không màu đất xám, màu bạc mịn màng của ao hồ và màu xanh nhạt của lúa mới cấy mới nao lòng làm sao!

Đám chim săn mồi bay lượn trong không trung.

Trên làn đê mấp mô những tảng đất cứng vẫn còn vương rơm rạ, người ta đi, và gió thổi một khúc ca mùa đông uốn những cây sậy rạp xuống bờ nước bùn lầy.

Đậu trên đầu cây gậy cắm bên bờ nước, một con chim bói cá dôi theo những lớp sóng, nơi có tiếng rì rào đung đưa những con thuyền dường như đang thiếp ngủ.

Đây đó, giữa những ruộng lúa xâm xấp nước và những cánh đồng đang trồng trọt, nép mình sau bụi tre là một túp lều tranh với vài cây cau, một khoảnh đất nện và đụn rơm mà





đám gà mái cứ quanh quẩn kêu cục tác; thỉnh thoảng con chó vàng lại nhồm lên sủa.

Về phía xa, con đê trở thành đường mòn: lối đi quanh co đất vàng nhòe giữa những bụi cây thấp; dưới đám cỏ chết mòn do chân người đi, người ta đã thấy trước được thảm xanh đang mạnh mẽ mọc lên và trên những bụi cây nhỏ còi cọc, giữa gai góc, mầm lá hồng đang nở bung.

Xa xa, những đám cỏ tranh đứng đưa những chòm lông mềm mại. Và gió vẫn thổi, uốn cong những cụm lúa non ẻo lả soi bóng trên mặt nước gợn sóng lăn tăn. Một con cò bay đi, trắng xóa, trên cánh đồng xen màu lục xám. Giữa cảnh buồn bã ta hiếm thấy nông dân; chỉ vài người đang dùng gầu sòng hoặc cái thúng tưới ruộng, và những người đàn bà nặng nhọc đập đất bằng cái vồ gỗ, hoặc vài người đánh cá rét run thăm thú những đơm cá đan bằng tre.

Một ông già, khoác áo tím nhạt bước trên đường mòn, gánh hai bó củi bằng chiếc quang gánh làm nên vệt màu duy nhất giữa cảnh vật thảm đạm. Nhưng đây rồi, một tia sáng mờ nhạt xuyên qua màu xám dày đặc của bầu trời, ánh lên và đùa giỡn một lát trên khoảnh ruộng ngập nước, nơi dựng lên những mái tranh.

Trên cành cây khô, một con chim run rẩy cất lên một khúc ca. Chẳng bao lâu ánh sáng ấy vụt tắt và trên cánh đồng buồn thiu, một cái điều đang bay lượn mà tiếng kim loại khe khẽ vang lên sẽ mang đến cơn mưa<sup>(1)</sup>.

---

(1) Theo quan niệm của người An Nam.

# Mưa phùn

Ôi buồn vô cùng cơn mưa phùn muộn màng này...

Giữa hoàng hôn nhạt nhòa cơn mưa bụi mỏng manh, ta buông mình theo những cú xóc mệt mỏi của một cái xe kéo mà người phu rách rưới, thở phì phò, chệnh choạng kéo đi.

Bánh xe nặng nhọc nảy trên mặt đất mấp mô của con phố ngoại ô gió buốt và ẩm ướt từ cánh đồng cận kề hút tới.

Đó là lúc ta nhận thấy cảnh tập hợp lộn xộn của các ngôi nhà: lều tranh và vách đất bên cạnh mặt tiền nhàm chán của những khu nhà – mái thấp lợp ngói xám của một túp lều cũ, lớp tôn uốn lượn hay mặt trước bằng ván, khung kính pho trương của một cửa hàng hiện đại; và bao công trình chẳng có phong cách, chỉ hữu dụng, khắp nơi nước sơn màu sáng theo một thuộc địa mau chóng bị ố đen, vàng vọt, phủ đầy vết loang lổ, xước xát, lem luốc mà trận mưa thấm ướt thảm hại các lớp vữa.

Vài cây bàng còi cọc xòe ra dưới bầu trời âm u những tán lá khẳng khiu, khô héo, đôi chỗ còn một chiếc lá rách nát rung rinh.

Và những đám người qua đường nhộp nhúa ướt sũng làm bắn tung bùn đen trong khi những người bán hàng rong trên



phổ núp dưới mái che: đám đông đơn điệu và âu sầu với quần áo tàn tạ, đầm mưa phùn, như bị bão hòa vì ẩm ướt xám xịt và lo âu; những bóng dáng lù xù mang áo tơi bằng lá gồi, các bà già co rúm, bàn tay thu vào dưới áo dài, những người bần cùng co ro trong manh áo che thân rách rưới, và những người cu li bước đi, quần xắn cao lên tận đùi, chân đất dẫm lên bùn lầy lổn nhổn đá cuội.

Xa hơn nữa mở ra một đại lộ đơn côi hắt bóng xám chìm trong sương mù dưới những cây phi lao rũ rượi. Và ta nghe tiếng tuôn chảy chậm rãi, u sầu của tất cả sự ẩm ướt ấy đang nhỏ giọt cùng tiếng tí tách nhẹ nhàng của cơn mưa. Đôi khi ta thấy bóng dáng một chiếc xe tay trùm mui kín đang tới gần, vài người đi xe đạp bị áo mưa làm vương vãi và ít người lữ hành còng lưng dưới sương mù thấm buốt.

Trong không trung, phảng phất, không phải là mùi mà là một thứ kì lạ tựa như hơi bốc lên từ mặt đường bùn lầy và từ sự khốn khổ của tất cả những ngôi nhà ẩm ướt, tỏa ra mùi khói khen khét từ ngọn lửa cháy không được.

Nhưng bây giờ đã có vài cây đèn dầu được thắp lên, hắt ánh sáng vàng nhạt khiến khung cảnh buồn thiu nơi đô thị thêm u hoài và đột nhiên ta lại tìm thấy vẻ sầu muộn khủng khiếp trong những bức tranh phong cảnh của Utrillo<sup>(1)</sup>: một cái cây khẳng khiu chết sau bức tường bẩn thỉu và bầu trời vô vọng...

Khi đó ta có cảm giác là ánh nắng đã tắt vĩnh viễn và mãi mãi sẽ không còn nụ cười. Ta lang thang vô định ngẫu nhiên

---

(1) Utrillo (1883-1995): Họa sĩ người Pháp. (ND)

qua những con phố đường như xa lạ và ta không hề nhận ra, cứ như thể ta không còn có nhà và đơn độc giữa đời; hồn ta thấm đẫm nỗi u sầu của mọi vật, gần như tê liệt, ta buông rơi vào cơn chóng mặt.

Tựa như những tiếng vọng yếu ớt, những kỉ niệm của quá khứ ta không còn thấy đáng tin lại trở về, và tự hỏi: Có thật *mình* là cái kết của chuyện này, *mình* đang bước dưới mưa trên con phố tăm tối chiều nay, nơi tận cùng Trái Đất?... và có phải mình đã muốn vậy?

Có gì đâu!

# Lễ Phục Sinh ở Bắc Kỳ

Tối chiều ngày lễ Phục Sinh, trời đang nắng gắt bỗng nhiên nổi gió...

Chẳng mấy chốc, trên thung lũng thôn dã của Đông Triều ngập sương mù, hoàng hôn buông xuống gần như vô sắc, chỉ phớt một lớp bụi hồng trên nền trời xanh xám. Đường nét xanh sẫm của dãy núi canh gác biên giới với Trung Hoa, đóng nó lại như một bức thành huyền diệu dường như mỗi lúc càng vươn cao khi chiều tối càng sẫm lại.

Đất đỏ triền đê, dưới bàn chân trần giẫm lên vẫn ấm, khi nhẵn nhụi và trơn trượt, khi ram ráp cát, đây đó một cụm cỏ cứng hoặc vài vỏ sò mấy người đánh cá ném ra. Ở ven đê, cây cúc gai với những bông hoa trắng tẻ nhạt đứng dựng lên xen giữa những bụi cây bò rạp. Và những con bọ muện mẩn vẫn còn hút nhụy hoa tàn tạ ấy.

Gió rít gần như hoang dại giữa những cụm lúa đã mọc cao và khiến làn nước vỗ dập dềnh trong các hồ ao, nơi những chiếc bầy cá đan bằng lạt tre soi mình tựa như bức tường ngăn nho nhỏ.

Vùng nước trũng của dòng sông làm lộ ra bùn đặc quánh từ đó bốc lên mùi i-ốt và các thứ của biển; những con thuyền

tam bản đu đưa theo sóng lướt qua với tiếng kéo kệt khe khẽ tựa như tiếng những cụm tre ngày lồng gió.

Một chú bé, cười trâu thong thả đi và khe khẽ hát một điệu vè, bóng dáng mục đồng in trên nền ngược sáng.Ếch nhái bắt đầu khúc dạ ca.

Nhưng rồi sự thanh bình đồng quê bị khuấy động bởi tiếng trống trầm vang lên, tiếng thanh la và tiếng sênh, tiếng ồn truyền thống của những cuộc vui chơi An Nam.

Vì về phía bên kia, nơi nhà thờ khiêm tốn không có tháp chuông nép mình giữa bụi tre đầy cờ phướn, họ đang làm lễ mừng Phục Sinh theo lối vùng Bắc Kỳ.

Nông dân đi lại trên con đường nhỏ, cách quãng lại có những cây cột được trang trí, họ vội vã, tươi tắn, diện quần áo lễ hội và cổ đeo tràng hạt, trong khi một đám đông vui vẻ nhảy trước nhà thờ theo nhịp vừa đơn điệu, vừa sôi nổi của điệu múa rồng. Và khi bóng tối bao phủ màn đêm bí ẩn lớn lao lên đồng ruộng, ấy là lúc điệu nhạc quen thuộc của Sứ đoàn Tây Ban Nha vang vang, trong sáng, rung động như sấm dậy, át hết tất cả do nhịp nhẩn của tiếng kèn đồng.

Lúc đó, chẳng hiểu vì sao, trong thăm sâu kí ức của tôi vang lên một câu hát rất êm dịu của bài *Thời thơ ấu của Chúa*, bản nhạc thơ dịu dặt của Berlioz, giản dị và trong trẻo đến thế, khiến như ta thấy Chúa Giê-su đang ở giữa những người đánh cá “trên biển Galillée”<sup>(1)</sup>...

---

(1) Biển hồ Galillée là một hồ nước lớn nằm ở miền Bắc Israel ngày nay. Đây là một địa danh gắn liền với nhiều điển tích về quyền năng của Chúa Giê-su theo Kinh Thánh.

# Mùa mưa

Suyt! Lại mưa nữa rồi!

Tuy vậy, sau vài ngày nóng ngột ngạt, những ngọn gió ồ ạt trước cơn giông tố thật sự làm nhẹ lòng.

Ngay sau những giọt mưa đầu tiên là cả một sự cuồng cuồng trong những con phố, nơi cất lên tiếng gọi quen thuộc “*Xe ơi... Xe ơi...*”<sup>(1)</sup>.

Bầu trời xé trưa biến đổi thành hoàng hôn vang dội tiếng gầm dữ dội của sấm sét, vạch theo làn chớp tựa như những tia mắt lóe lên của một vị thần giận dữ.

Cây cối gập mình theo những trận cuồng phong ngược gió, dưới cơn mưa nặng hạt đang tuôn ra những tiếng ào ào hoang dại.

Chỉ trong mấy phút những ống máng đã đầy tràn và khạc ra âm ỉ sát mái nhà, trong khi nước ở đường cống đã ngập, dâng lên vỉa hè. Giống như hàng nghìn kị sĩ li ti, những giọt mưa nhảy nhót trên mặt đường.

Suyt! Lại mưa nữa rồi!

Đúng lúc tôi muốn đi ra ngoài, nhưng vấn đề là tìm được một cái xe kéo: *Xe ơi... Xe ơi...*

---

(1) Bằng tiếng Việt trong nguyên bản. Các từ tác giả dùng luôn bằng tiếng Việt được in nghiêng trong sách này. (ND)





Mọi cái đi qua đều đã có người; người cu li chạy, đầu cúi xuống; giữa cái mũ và tấm che căng ra, ta chỉ thấy mắt của người hành khách, bí ẩn như mắt người đàn bà Hồi giáo trùm mặt. Hoặc có những xe vẫn trống nhưng đã có chủ, chậm rãi đi qua với vẻ nhạo báng, và vài cái xe hơi, không ai ngồi hoặc chỉ có người chiếm nửa xe, bóp còi, trong con phố hoang vắng, giống như những con tàu hơi nước đường bộ bấm còi mở đường ra những đại dương.

Trầm tư, tôi chờ trên bậc cửa nhà mình.

Dưới mái che, cả một đám đông cũng đang đợi, không phải xe kéo mà họ chờ cho ngọt cơn giông. Ôi thật sốt ruột! Dầu suy cho cùng, vẫn có một vẻ hấp dẫn nào đó khi nhìn những người khác lội nước còn bản thân có nơi náu mình và không thật vội vã.

Những phu kéo xe đã phải cam chịu đến lâu vùi nước tắm siêu việt của trời và hiếm kẻ tìm cách tránh điều đó: quần áo dính vào người, lướt trượt như bị chìm dưới nước, họ chạy nhanh hơn hòa theo tiếng chân dậm thành thịch và cơ bắp nổi căng sau làn da bóng loáng nước.

Nhưng những người đi xe đạp mới thật cảm động; có những kẻ xông lên, mũi kè ghi-đông, lưng uốn cong, như thể họ tin rằng nếu cuộn mình lại thì có thể tránh được mưa; những người khác mũ cát mềm oặt và áo vải dầu rùng rùng nước, trông thật thảm; chỉ cần nhìn họ, ta tưởng như cảm thấy tất cả những ống máng đã mưu mô luồn lỏi vào bên trong lớp ni lông đỡ tẻ của một chiếc áo mưa dưới cơn mưa vùng nhiệt đới. Có những người đạp xe cẩn thận, tay cầm ô, trang trọng như kẻ mang cờ xí trong đám rước.

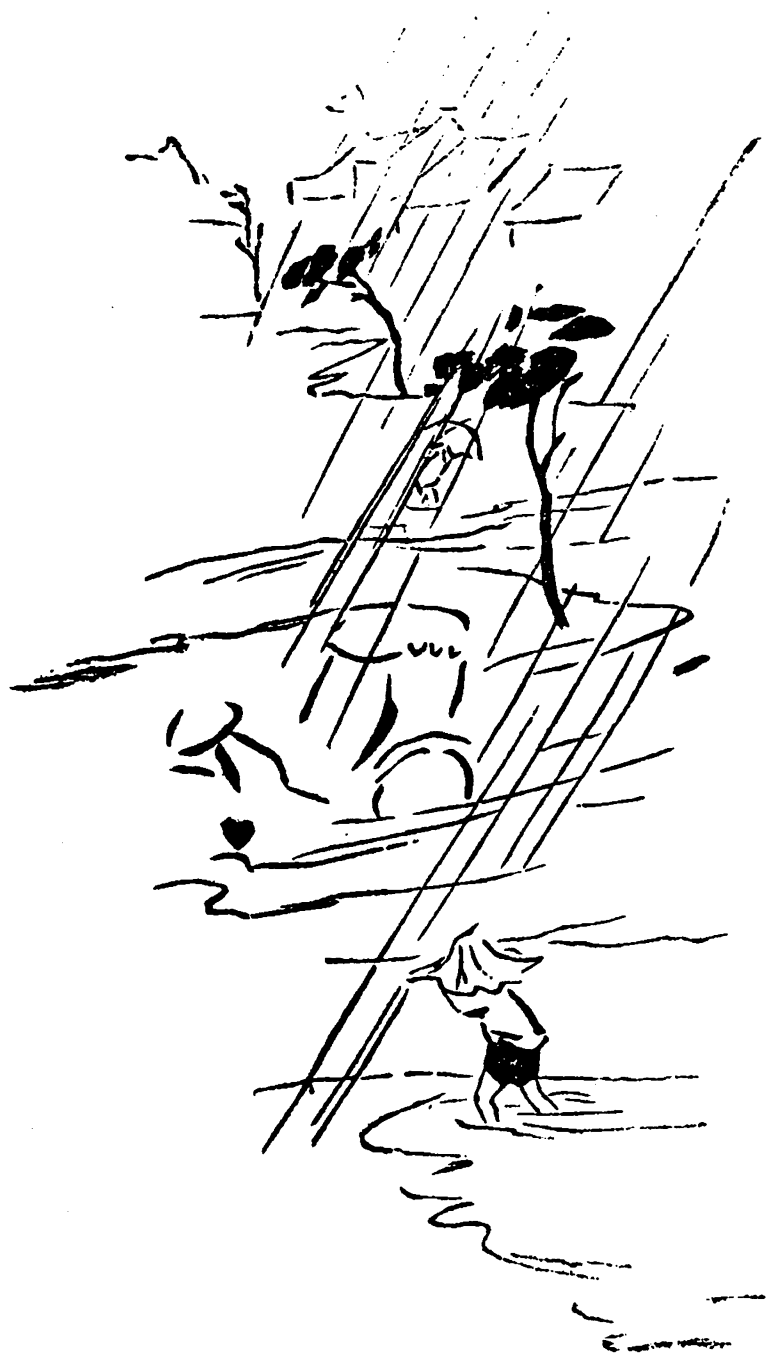
Với những người đi bộ, quang cảnh cũng không kém phần thú vị: một số cu li xắn quần dài cao hết cỡ, thụt cổ và thu mình lại dưới cái nón hình chóp nhọn, cứ như thể họ mong tránh được mưa dưới tấm mái nhỏ bé ấy. Những người khác khoác trên vai cái áo tơ kết bằng lá cọ và nhìn từ xa, với đôi chân dài để trần, họ vẽ nên hình bóng lạ lẫm của những con cò đi di trú. Nhưng đó mới là cách ăn mặc thuận tiện nhất với thời tiết. Ấy! Tiết kiệm được bao nhiêu, trong khi ta thấy nhiều người không tránh được mưa trong bộ áo mưa đắt tiền thấm nước và xỏ chân vào giày da ướt sũng, mà khi rút ra thì chân đã được sơn màu nâu hoặc màu đen!

Một phụ nữ bất ngờ gặp cơn mưa đội lên mái tóc vấn một cành lá sen và lấy tay cuốn cái quần rộng trên bắp chân khiến ta ngạc nhiên vì chúng trắng nõn.

Mặc áo choàng may bằng hàng lụa không thấm nước trong suốt, hai nàng sành điệu trông tựa bản chụp X quang di động với khoảng giữa tối tối và đường viền nhạt nhòa.

Nhưng mưa ngày càng xối xả, người qua đường dần thưa đi và những người đã núp dưới mái hiên bắt đầu yên vị; bên cạnh tôi, một bà già bán hàng rong hé những chiếc mũng và bán hai xu *xôi* cho một cậu bé ngồi xổm như con nhái trên rìa một bậc thềm.

Một người chạy việc (chắc chắn là đang mang một lá thư khẩn) dựng xe bên bờ tường, lau kĩ cái mũ cát ướt sũng từ đầu trận mưa, trong khi một ông lão *nhà quê* nhân cơ hội trình trọng chìa ngón chân dưới dòng nước sủi bọt từ ống máng. Đột nhiên, trong đại lộ đã biến thành dòng sông, một chú nhóc



trần truồng nhảy ra, thét lên hoang dã, quăng mình giữa dòng nước chảy xiết, chạy, nhảy, múa may, lặn lội trong nước và hét vang niềm vui. *Bé con* sướng thế!

Cây cối, mà những cái gốc mắt hút trong nước, gọi lên quang cảnh ngập lụt khiến ta tưởng sẽ thấy những con thuyền đi tới chứ không phải là xe tay và xe đạp; nhưng rồi tựa như một mũi tàu rẽ sóng, một chiếc xe tải đồ sộ tiến lên làm bắn tung tóe hai làn nước bắn thiêu.

Chốc chốc gió lại táp nhẹ mưa bụi mơn man vào mặt tôi, mang theo mùi đất và mùi cỏ cây, và rồi điều huyền diệu mà tôi không còn hi vọng cuối cùng đã đến: một cái xe tay trống không đáp tới via hè tràn nước, cái xe khốn khổ ướt đầm, mui xe rách lợp bằng một tờ báo cũ ốp dưới nửa tàu lá chuối; vội vã như một kẻ thoát hiểm, tôi lên xe và chẳng mấy chốc đã trôi giữa giông bão, bên trên một tấm đệm như được độn bằng miếng bọt biển, hai chân ngâm trong vũng nước lấp xấp bùn và trận mưa rạch thẳng xuống con phố theo góc 45°, hắt vào dưới mui xe để quất vào chính mặt tôi.

# Ngập lụt

Đó là trận giông tố mùa hạ đầu tiên, vào đầu tháng sáu; một trong những đoạn đời của tôi ở thuộc địa mà sau này về Pháp tôi đã kể lại, cố gắng không nói quá lên nhưng khoảng cách không gian và thời gian vẫn sẽ thêm thắt một chút huyền diệu vào đó giống như ta thường thấy trong những chuyện phiêu lưu, dầu tôi khát khao nói thật.

Sau mấy cú sấm rền trên bầu trời đen tối, mưa bắt đầu rơi dữ dội đến nỗi chúng bắn tung bọt trắng trên đường nhựa. Trong những đường phố trung tâm Hà Nội, chỉ trong mấy phút cống rãnh đã biến thành suối chảy xiết và dưới tất cả các mái che, người qua đường đã ướt hết tìm cách ẩn trú, gọi không được một cái xe tay hiểm hoi nào đi qua.

Lúc đó là khoảng năm giờ chiều, nhưng đến bảy giờ, khi tôi muốn rời văn phòng, trời vẫn cứ mưa xối xả như thế và không hề có một cái xe tay nào: gã chạy việc, gần như chìm trong nước, rốt cục dẫn về cho tôi một cái xe nệm ngấm sũng nước, bên trong cũng như bên ngoài mui nước tuôn chảy như nhau; trong cái vòi tắm di động ấy, tôi lên đường cố che mình bằng hai quyển sách to tướng mang về nhà.

Nhưng sau một hành trình ngắn tới đại lộ Gambetta<sup>(1)</sup>, đột ngột tôi thấy mình ở bên một bờ biển đen xám phủ

---

(1) Nay là đường Trần Hưng Đạo. (ND)

khắp khu vực nhà ga, nơi chỉ có cây cối trồi lên chỉ đường. Người kéo xe vừa cười vừa tiếp tục chạy trong nước nhưng bước chân càng ngày càng chậm hơn trong khi nước sóng sánh bắt đầu vỗ quanh chân tôi; anh ta dần từng bước để tới gần ga và cuối cùng đến một vỉa hè hạ thấp để xe cộ tới được một dãy nhà, làm dâng lên một lớp sóng to đến tận ghế chiếc xe, nơi tôi đang ngồi co rúm. Thế là xong, tôi cảm thấy đã cập được bến khi nâng những cuốn sách ngang tầm mũi, tôi đặt chân lên trên chỗ cao nhất của những bậc thềm vô hình.

Mau lẹ, tôi trèo lên phòng của mình, trước tiên là để thay quần áo vì tôi ướt sũng, nhưng cũng là, chính thế, để thấy cảnh tượng thú vị. Từ trên phòng mình ở tầng hai, làn nước nhìn có vẻ trải rộng hơn và cây cối, bị hòa lẫn do phối cảnh, vạch nó thành hai đường kẻ màu xanh lá kéo dài mất hút trên đại lộ Gambetta; trong nước lầy bùn rơi rớt những lá úa, việc lưu thông dầu thế nào vẫn tiếp tục trong tiếng hò hét và cả tiếng cười, nhưng chậm lại; ở đôi chỗ mặt đất mấp mô khiến người ta bị bất ngờ, kẻ bộ hành nước ngập lút hết thân mình, vừa đi qua phố vừa nâng cánh tay giữ gói đồ hoặc thùng mùng; xe đạp ngập đến ghi-đông và rất đáng để thấy những người ương ngạnh ráng sức ngồi trên xe, cố đạp cho nó di chuyển trong làn sóng sủi bọt ấy; xe tay, chạy đều đều, mỗi cái rẽ nước tiến lên trong khi hành khách dưới mui xe, vịn vịn người để tránh bị tắm trên ghế ngồi; những đứa nhóc trần truồng quấy mình trong nước ré lên niềm vui sướng, còn định bơi, nhưng hai cậu bé bán nước muốn qua đường lại phải quay lại tìm một

chỗ cạn vì có những chỗ chúng bị trượt chân, phải cố giữ thăng bằng để cứu lấy bình nước và rổ đựng trầu.

Một cái xe hơi màu đen chết máy – ai cũng sẽ như vậy – đi qua, nhờ được các cu-li đẩy; mui xe bóng loáng và đầu xe có đèn pha trời trên nước khiến trông nó giống như một con trầu to bị đang dần vào dòng kênh lầy bùn ngập tận mắt.

Thú vị nhất là xem vẻ mặt và sự cố gắng của những người cứ tưởng rằng chính mình sẽ tránh được để không bị ướt: người đàn ông khoác áo mưa trùm xuống đầu và vai trang trọng đi trong làn nước vỗ ngang sườn mình; có những người đàn bà giữ quần dài cuốn lên trên đầu gối rồi khi họ đi tới, ta chỉ còn thấy áo khoác trắng và chiếc nón quai thao khiến họ giống như những nhân vật của một bàn cờ<sup>(1)</sup>; một cậu bé che ô nước ngập tới ngực...

Tiếp theo là cái xe ngựa; những con vật khốn khổ dần tới, chúm mũi xuống, khó nhọc và sợ sệt tự hỏi không biết con đường lạ lẫm này sẽ dẫn chúng tới đâu; cùng với người đánh xe ngồi ghế trên nghé cao, chúng không thể không gọi ta nhớ đến những nhóm gấu bó trên tượng đài thế kỉ trước, như bầy ngựa lồng lên ở đài phun nước Bartholdi tại Lyon; có điều bầy ngựa ấy coi thường nước, vì chúng đều bằng đồng!

Cuối cùng, hiện ngang như một thương thuyền, một chiếc cam nhông, vạch một luống dài thành hình tam giác trên làn nước u tối mà những xoáy nước vỗ vào các ngôi nhà; chỉ có tiếng còi kêu òng ọc lộ ra để ta nhận thấy có gì đó bất thường.

---

(1) Ý nói trông giống quần xe trắng trên bàn cờ vua. (BT)



Hoàng hôn buông xuống với tiếng nước vỗ nơi mặt nước vằn vãi những ánh phản chiếu sẫm màu, ta tưởng như những con thuyền chứ không phải những chiếc xe tay đang di chuyển trên cái hồ lạ lùng ấy, nơi mà theo kiểu những lâu đài của Venise, nhà ga đang rửa chân với vẻ khó chịu của một bà già quý tộc.

Một giờ sau, mưa tạnh, nước bắt đầu rút.

# Mùa thu

Đột ngột mùa thu tới. Chủ nhật vừa rồi, khi tỉnh dậy thời tiết đã thay đổi. Sau bầu không khí nóng và ẩm của mùa mưa với trận giông tố ào ạt cuối cùng, đột nhiên mùa khô tới.

Thiếp ngủ vẫ mờ hôi đầm đìa vào tối qua, ta tỉnh dậy run rẩy, da căng ra lạ lùng; bên cửa sổ mở tung ta ngạc nhiên hít không khí khô và tươi rói với cảm giác trong trẻo, cứ như đang uống một ly nước to tươi mát. Quanh móng tay, da giãn ra và đã bắt đầu nẻ gây cảm giác lạ lùng như đang có hơi ẩm từ bên trong, kiểu như sôi sục, bởi huyết mạch do không khí mạnh quất vào, lưu thông nhanh hơn, khi mà bên ngoài làn da khô và mát có vẻ đã co lại; đúng là ngược lại với cái nóng của mùa hạ, từ bên ngoài bao bọc bạn, phết nhựa bạn, làm bạn ngạt thở, trong khi cơ thể hoạt động chậm lại và sức lực chùng xuống.

Đột nhiên mái tóc cứng lại như nhiễm điện dưới cái lược, thay vì được nó chải mượt lại dựng đứng tóc lên, bù xù ngộ nghĩnh, dép lỏng ra dưới bàn chân trần tự nhiên thu nhỏ lại; và tôi biết có mấy người ngần ngại tắm sáng sớm trong khi mới hôm qua, họ còn không thể dùng được.

Bắc Kỳ đã quen với những thói đồng bóng thay đổi của khí hậu nhưng mỗi lần người ta vẫn ngạc nhiên, và mỗi lần thời tiết

thay đổi, người ta lại tự hỏi vì sao lại có thể lạnh hoặc nóng đến thế mới chỉ vài hôm trước.

Chiều chủ nhật vừa rồi, khi ngồi trên chiếc ô tô ray<sup>(1)</sup> Hà Nội - Hải Phòng, nhìn phong cảnh quen thuộc của vùng châu thổ chạy ngoài cửa xe, tôi đã thực sự cảm nhận mùa thu; nó chỉ chiếm nửa phần chi tiết mà ta thấp thoáng nhận ra khi bị chia cách nhưng tổng thể hợp thành một ngoại cảnh gây ấn tượng.

Ruộng đồng xanh non nơi lúa tháng mười đang vươn mạnh phủ lên bình nguyên, chỉ bị ngắt quãng khi cây cỏ màu xanh thẫm hơi che khuất làng xóm. Nơi chân ruộng làn sương trắng mỏng manh dập dờn và nơi chân trời, bóng dáng núi non nhòa phai trong hơi nước xám hồng buổi hoàng hôn. Đầm nước và ruộng đồng ngập tràn tựa những tấm gương bạc xâu chuỗi trong tất cả màu xanh cây lá, trên đó vài loài chim săn mồi sàu thẳm đang bay. Trong những ao sen đã tàn hết, co rúm những chiếc lá khô, đây đó, một bông hoa cuối cùng nhạt nhòa và tê tái.

Một buổi hoàng hôn thanh bình đang trải xuống cánh đồng: dưới những mái tranh chốc lát còn phản chiếu ánh đỏ của Mặt Trời lặn, nông dân ngồi trên phản quanh mâm cơm sẵn sàng; lũ gà mổ loanh quanh còn bọn chó đang canh chừng, hi vọng một món thừa bất thường, tai vỉnh và mõm chìa ra. Ta còn thấy những đứa bé con chơi giữa sân, dưới áo khoác ngắn, những cái mông trần, lấm lem bụi đất.

---

(1) Nguyên văn: Autorail, một phương tiện di động nửa giống xe buýt, nửa giống tàu hỏa chạy trên đường tàu hỏa. (ND)

Quanh vài túp lều, chất đống những thứ thu hoạch được trong ngày: những bó mạ xanh chờ cấy, bọc cỏ hay bó củi, ớt đỏ phơi trên những cái mẹt to.

Trên những bờ ruộng nhỏ giữa đồng lúa, những phụ nữ nông dân muộn màng quẩy cặp *gánh* nặng đựng dưa và vài thằng nhóc đưa trâu bò về. Tất cả đều yên bình đến nỗi hạnh phúc dường như là có thật.

Khi quang cảnh cứ vô tình nhòa đi dưới bầu trời tối sẫm dần chiếm lấy mặt đất, tôi lại nghĩ tới những mùa thu nước Pháp cũng dịu dàng như thế này, êm đềm, phảng phất mơ màng và vẻ đẹp buổi tối nông thôn xứ Bắc Kỳ này đối với tôi, nó cũng giống như nông thôn nước Pháp với công việc thanh bình của những nông dân cần mẫn đến nỗi tôi không còn cảm thấy mình bị lưu đày trên một mảnh đất xa xôi nữa.

Chưa hẳn đúng là mùa thu thực sự trên lịch biểu nhưng trong thiên nhiên mùa hạ đã chấm dứt rồi.

# Mùa đông ở Bắc Kỳ

Bắc Kỳ vào mùa này tặng cho ta luân phiên hai cảnh tượng: một ngày lạnh, không khí đầy ánh sáng và trong veo, từng bùng lá đỏ sẫm; ngày hôm sau, mưa phùn u ám làm dịu bầu không khí phủ màn sương lên con người và mọi vật; và ta đông đưa trong sự đan xen ấy, cũng chẳng còn biết thực sự bầu không khí nào in đậm tính chất ở cái xứ mang gương mặt luôn thay đổi đến thế.

Trên các đại lộ dài của Hà Nội, trong những ngày lạnh đẹp trời, cảm giác về mùa thu choán lấy bạn; và dưới hàng cây gần như trụi kết thành vòm nhỏ trên vỉa hè, những kỉ niệm về nước Pháp, thấp thoáng, lại trở về; ta từng biết ở Chambéry, Grenoble, Nice cũng có những con đường như thế. Và ta thoát khỏi hiện tại một lúc cho tới khi gặp một người *con gái* mặc áo dài [nhuộm] *củ nâu* và đội nón đưa ta trở về thực tế.

Ngoài ra cũng không phải bao giờ cũng là nước Pháp ta tìm thấy dưới hàng cây mùa thu, bởi vẻ đẹp sáng rõ của cái mùa ngắn ngủi này tỏa lên những truyền thuyết Á Đông một vàng sáng đầy sức quyến rũ huyền diệu.



Mới gần đây, đi qua đại lộ Carreau<sup>(1)</sup> gần chùa thờ Phật, tôi thấy trước mặt mình con đường dài vô tận mà phối cảnh dần khép lại tới chân thềm trường Đại học<sup>(2)</sup> do những cành cây sến màu xám. Bụi vàng bay trong không trung; tiếng thầm thì của các vị sư đang lặp lại kinh kệ vắng tới chỗ tôi. Đột nhiên, một làn gió khiến khóm cây rung rinh và những chiếc lá vàng nhỏ cuối cùng bay lên, cơn mưa vàng rơi trên đường. Đẹp hoàn hảo đến nỗi tôi dừng bước, thảng thốt trước bài thơ của thiên nhiên không lời nào diễn tả nổi. Lúc ấy tôi nhớ tới câu chuyện về Rikyn, nhà thám mĩ người Nhật ở thế kỉ XVI, một hôm trong khi đợi khách khứa, ông ra lệnh cho đứa con trai quét sạch và dọn dẹp khu vườn; cậu bé quét dọn những lối đi rất kĩ, rửa đá lát, nhưng người cha vẫn không vừa lòng và bắt làm lại tới ba lần. Cuối cùng, ông tới rung một cây phong và “phủ lên lối đi tấm gấm vàng của mùa thu”, ông dạy con trai mình sửa soạn một khu vườn ra sao.

Ở vài ba đại lộ, lối trộn lẫn nhiều màu khiến ánh mặt trời rực rỡ: lá bàng to đỏ sẫm quện với màu vàng nhạt của cây sến đối lập với màu cây cối xanh suốt các mùa.

Gần các ngôi chùa những cây sung trơ trụi in lên nền trời trong veo bóng dáng của vô số cành mà ở đầu ngọn, những cái mầm nhú lên chỉ còn chờ đến Tết là bung lá màu hồng.

Đọc theo vỉa hè, trên những vườn hoa công cộng, đàn bà và nhất là trẻ con đang nhặt lá khô; lá bàng để nhuộm màu, lá khác dùng để đốt... và khi gió xoáy những chiếc lá đỏ sẫm

---

(1) Ngày nay là đường Lý Thường Kiệt, Hà Nội. (ND)

(2) Viện Đại học Đông Dương, hiện nay nằm ở 19 Lê Thánh Tông, Hà Nội. (ND)

quanh các cô bé đang lượm lá, bức tranh ấy đẹp đến nỗi ta quên hẳn những bộ đồ rách rưới của chúng khi một tia nắng làm thay hình đổi dạng nỗi khổn cùng.

Thời tiết khô ráo tăng thêm màu sắc và trong những ngày giá lạnh, một chiếc váy màu tím nhạt tà bay phấp phới, một chiếc khăn trùm đầu màu lục nhạt hoặc khăn quàng hoa hút mắt những khách qua đường, mà nếu là ngày khác hẳn họ sẽ không để ý.

Đôi khi có người đàn bà bán hoa đi qua, đội trên đầu cái thúng dẹt đựng đưa những bông hoa thược dược đỏ và hoa cúc trắng, vàng hoặc màu nâu ánh đỏ, khiến con phố vui hẳn lên như một nụ cười. Và tiếng chim hót vút lên bầu trời trong trẻo...

Không có đoạn chuyển tiếp, lắm khi trong một ngày, thời tiết thay đổi; ánh nắng tắt sau cơn mưa phùn ẩm áp; thế là những lề đường dính nhớp và toàn thành phố trùm sương mù ẩm ướt làm nhòa những mái nhà và khiến những cái ở xa hơn mờ mịt.

Mọi người luôn nguyện rửa mưa phùn, theo thói quen và vì nó cứ kéo dài, nhưng nếu sự trả giá là mưa và bùn thì trái lại bầu không khí ấy vẫn tỏa ra một sức hấp dẫn không thể cưỡng lại, hợp thành từ vẻ dịu dàng và thơ mộng; và trong suy nghĩ, người ta tìm lại âm vang những câu thơ của Droin<sup>(1)</sup>:

*Một cơn mưa không chạm vào được rải rác trong không trung,*

*Trên ruộng đồng làn hơi nước dày trải ra...*

*Linh hồn cảnh vật tựa như giấc mơ đã chết...*

---

(1) Alfred Droin (1878-1967): Nhà thơ và tiểu thuyết gia người Pháp. (ND)





Có những nơi phù hợp với mối hoài niệm về nỗi buồn vốn dường như chỉ có tính chất thực sự này dưới làn mưa bay màu xanh lơ nhạt của mùa đông ẩm. Nên chỉ vào ngày Noel, đi xuống phố Grand Bouddha<sup>(1)</sup>, dường như tôi đã tìm thấy lại trong màu xám ướt át, tất cả tâm hồn của Bắc Kỳ cổ kính. Những con đường sáng lên, đầy bùn, dưới những cái cây lớn rõ xuống không ngớt hơi ẩm của chúng, và những cái lá mục tích lại trong rãnh bốc lên mùi mùn. Phong cảnh ảm đạm này toát ra nỗi buồn sâu sắc xuyên suốt một số trang của Boissière<sup>(2)</sup>, người mà hơn ai hết, đã cảm nhận được sự quyến rũ u buồn của những mùa đông Bắc Kỳ.

Hẳn là mưa phùn ở thành phố luôn khó chịu; không có ai thấy dễ chịu với quần áo ẩm ướt và chân vấy bùn, nhưng nếu ta tới đồng ruộng, bị bão hòa bởi làn mưa bay tràn trề, nhìn lúa non xanh tươi và hít vào mùi đất bốc lên dưới bầu trời xám, nơi những con cò phết lên những vệt trắng, dầu ruộng đồng còn hoang vắng, ta đã thấy dường như có một sự đổi mới.

Rồi đột nhiên, trong cảnh cô đơn, gió quét thêm mưa, ta cảm thấy thấm lạnh và bị bỏ rơi, ta khát khao mãnh liệt trở về nhà. Trời không lạnh lắm, nhưng ta nhóm lửa và tới tận tối ta ngồi mơ màng trước những ngọn lửa đang nhảy múa, với cuốn sách kẹp giữa các ngón tay.

---

(1) Ngày nay là phố Quán Thánh, Hà Nội. (ND)

(2) Jean Galtier-Boissière (1891-1966): Tiểu thuyết gia, nhà báo người Pháp. (ND)

# Hoàng hôn

Mặt Trời tròn và đỏ đã biến mất, để lại trong đêm xám những lần vạch đường chân trời; trong cảnh thanh bình thôn dã bốc lên mùi phân bón của những chiều thu, mùi thô lậu của súc vật người ta dắt về chuồng và mùi tươi mát của rơm tươi cây lúa vừa gặt xong.

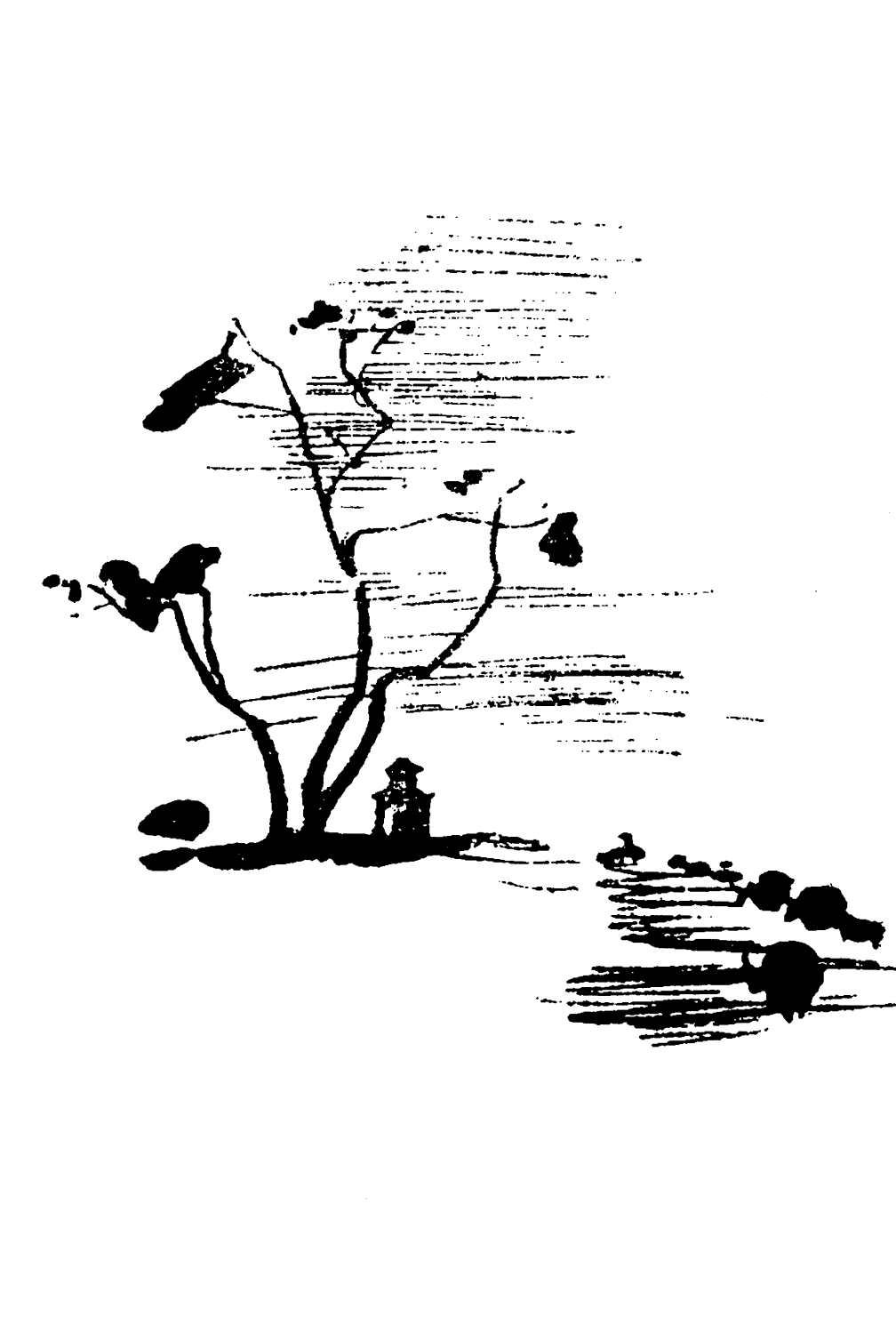
Những con trâu đi qua: những bóng sẫm tối hắt trên nền sáng; một đứa nhỏ đung đưa dần dần, cười trên con trâu to nhất.

Hai lẽ đường cây cối in bóng và khuôn lá in màu đen trên nền trời đã xẫm tối.

Ở phía ngã tư Hàng Kênh [ở Hải Phòng] những ngôi nhà đã lên đèn, nơi người ta bắt đầu cuộc sống khi đêm xuống. Ngược lại, phía Lạch Tray, sương mù vội vàng phủ xuống ruộng đồng đang ngủ, tới tận đường chân trời nhấp nhô, đây đó nhô lên vài cây cau.

Một cô bé mắt to khăn quàng đen thắt dưới cằm ngồi trên bậu cửa túp lều tranh ru em bé đang khóc nhè: một khúc ngâm với bốn thanh đoản điệu cứ lặp đi lặp lại, đều đều êm ả đến mức xoa dịu đầu óc và con tim của kẻ đang lắng nghe cô độc trong đêm.

Vài bóng người đàn ông đang hoạt động bên bờ một cái ao và ta nghe thấy tiếng nước róc rách từ tay họ.



Có những cái bóng đi qua, giọng đàn bà, đàn ông, tiếng bàn chân trần trên nền đất khô.

Bên rìa các mái nhà những con dơi đầu tiên chao bay.

Trong những túp lều, các cây đèn nhỏ sáng lên; có thể hình dung phía trong những *cái phen*, nhờ tiếng động của việc nhà; nhưng còn những túp lều khác thì vẫn để ngỏ tấm [liếp] che cửa bằng tranh; trong ánh sáng chập chờn của cây đèn dầu hỏa ta lơ mơ thấy bề mặt của một tấm phản với cái chiếu, đường viền đánh bóng của cái ấm và ống điếu thuốc Lào, hoặc động đậy bóng dáng của một bà già nào đó với gương mặt lạ lùng do ánh lửa hắt lên và những người đàn ông ngồi xổm thành vòng, quanh ván bài đã bày, có vẻ như những bóng ma đang đặt cược linh hồn của chúng.

Một mùi hương thoang thoảng bay trong đêm do sương mù làm dịu bớt và ta đoán được, trên bàn thờ có đồ cúng tổ tiên, hoa trái chồng chất trên cái khay và những cây nhang...

Trên nền trời đêm nơi ngôi sao đầu tiên lấp lánh, những con dơi vạch nên các đường uốn lượn.

# Chiều tối

Tôi đọc sách đơn độc trong tiếng vo ve đong đưa của một con muỗi.

Cây đèn lơ mờ chiếu trang sách, mang lại cho những con chữ một kiểu tính cách bí hiểm và đồ đặc quanh tôi giống tựa những con ma sẽ làm sinh động cuộc sống buổi chiều tối nay của những sinh vật sống giữa chúng.

Ngoài kia, trăng rằm đang lên trên cánh đồng, đỏ đòng đòng, giữa nền trời xanh đen thăm thẳm lốm đốm sao. Tiếng lao xao của côn trùng và những con ếch ương xen vào tiếng oàm oạp phát ra từ họng chúng...

Đột nhiên gió mát hơn, mang mùi của những hàng rào tre cùng tiếng động nơi đồng quê; tiếng chó sủa liên tục vô nguyên cớ, tiếng rống của trâu bò, tiếng gọi nhau, tiếng trẻ con khóc, một bài vè buồn bã; sát nơi này, họ bỏ củi, tiếp đến là cú va chạm của cái vạc, tiếng chân trần cọ xát trên nền mảnh đất nện có lát gạch.

Và trăng vẫn lên cao, màu đỏ và in những cái bóng nơi người ta tin là thấy Ông lão lợm khộm đang ngồi dưới gốc một cây quế trên trời<sup>(1)</sup>.

---

(1) Theo truyền thuyết người An Nam, có một *ông lão* già nua ở trên Mặt Trăng; theo câu hát dân gian lại là... một thằng nhóc khôn lỏi, thằng Cuội, ngồi dưới gốc một cây quế hoặc cây đa, có những người coi đó là con thỏ, con cóc...; văn chương Hán Việt thường xuyên nhắc đến những truyền thuyết đó.



Phía trên đồng ruộng có nhịp trống kéo dài, tựa như bóng tối đã khiến nó trầm hẳn đi.

Nhưng những tiếng động dường như nghe rõ hơn khi bóng đêm càng dày đặc, bởi tai trở nên thính hơn tìm cách đoán chúng để có thể định hình cho những tiếng âm vang từ xa vọng tới cùng gió và bóng tối.



# Mục ca giữa thành phố

Đây là lúc hoàng hôn; mưa vừa tạnh, cơn mưa giông để lại thấp thoáng trong thiên nhiên một vẻ đẹp buồn mơ hồ; tất cả bầu không khí thấm đẫm hơi ẩm ẩm áp, thoang thoang mùi thơm của nhựa cây và phấn hoa, mùi đất, cỏ tươi, lá thơm. Trên các đại lộ hoang vắng, những vũng nước bốc hơi dưới hàng cây to; sương mù làm nhòa lá cây non xa xa. Thân cây ướt có vẻ gần như mang màu đen in vết sáng màu xanh nhạt của rêu và được chống giữ nhờ những trụ đỡ là các rễ cây mập mập trời lên từ cỏ rậm; ta có thể cho đó là những thân cây trong một khu rừng bí ẩn đột nhiên xuất hiện, giống như bọn trẻ con một mình rong chơi thường gặp trong truyện thần tiên.

Thế rồi giữa đại lộ Carreau, một đàn súc vật đi tới, những con bò cái, dê và dăm con cừu nhút nhát; lũ bò cái bình thản tiến lên, gặm cỏ chỗ này chỗ nọ quanh cây cối và ta nghe thấy tiếng chúng gặm cỏ rồi tiếng thở phì phò; những con bê nhỏ cẳng chân mảnh dẻ, mõm đeo cái rọ bằng tre nhọn ngăn chúng bú sữa; nhưng chúng cứ tiếp tục tìm mẹ, động tác vụng về và vẻ thật là đại khờ dưới vầng trán lông còn xù lên; hơi bốc lên từ lưng những con bò cái đỏ sẫm đẹp đẽ phả ra một thứ mùi cổ sơ của loài vật khỏe khắn, mùi lông, mùi sữa, mùi chuồng trại.



Một người Ấn Độ râu ria, đội khăn vàng dắt đàn súc vật và cái bóng dáng lạ lùng ấy tức thì gợi lên một hình ảnh khác: những bộ lạc chăn súc vật đem bầy đàn của họ tới tận cùng vùng Tây Tạng gặm cỏ dưới bóng khổng lồ của dãy Himalaya.

Những con dê chạy sau, bước nhảy ngắn và vội vã của hàng trăm bộ giò móng nhọn, con màu trắng, con màu đen và con dê đực to râu ria, có sừng, hăng hái; đàn dê con khó theo kịp kêu be be đến hết hơi và tất cả để lại trên con đường những cục phân tròn... Một chú bé người An Nam không cao hơn đàn súc vật, tựa như một cái nắm do đội nón, đi cùng chúng chốc lát lại đưa sáo lên thổi vài nốt lặp lại một đoạn nhạc chói tai bay trong đại lộ hoang vắng, những nốt nhạc trôi chảy và quê mùa hòa hợp với mưa và cỏ xanh.

Cả đoàn đi xa; ngay sau đó tất cả trở thành mơ hồ, nhòa đi trong hoàng hôn ẩm ướt và ta ngạc nhiên thấy mình đang ở trong thành phố, tại một đại lộ, nơi những cái xe tay và xe đạp lại bắt đầu lưu thông trong khi những cây đèn của trục đường đã sáng lên.

# Nơi Hồ Lớn

Có những nơi quen thuộc mà tất cả mọi ngày lại dường như thay đổi hình dáng. Phải chăng là do màu thời gian hay trạng thái tinh thần của kẻ chiêm ngưỡng chúng?

Vừa hôm qua, tới từ đại lộ Grand Bouddha kéo dài và râm mát, tôi dừng lại, bất ngờ trước vẻ đẹp luôn luôn mới của cảnh quan nơi Hồ Lớn<sup>(1)</sup>, dấu đã quen thuộc, những cây cột cao màu trắng của đền Trấn Vũ, với cầu thang dẫn xuống tận mép nước<sup>(2)</sup> và những cây bàng tán rộng mà rễ cây mấp mô bám vào đất; rồi cố gắng tam quan với những con rồng và hình uốn lượn trên đỉnh bị che lấp sau tán lá rậm rạp của những cây xoài.

Ở cuối khu vườn yên tĩnh, ta thấy lấp lánh những cánh cửa thép vàng của điện thờ và trong sự bí ẩn của một cánh cửa khép hờ, lóe lên ánh sáng phản chiếu từ những ban thờ chất đầy đồ cúng tế, nhưng lại không thể thấy được trong mê cung của những đền thờ và dưới muôn vàn tấm voan, người chiến binh già màu đen Trấn Vũ đang canh chừng tại đó.

Mùi nhang thấm đẫm bầu không khí và đôi khi khúc kinh kệ trầm trầm của *mô* hoặc tiếng chuông rung nghẹn lại tuôn ra chập chờn trên mặt nước.

---

(1) Hồ Tây, để phân biệt với Hồ Nhỏ (hồ Hoàn Kiếm). (ND)

(2) Bấy giờ đến Trấn Vũ, hay Quán Thánh, còn ra đến tận mép hồ và có bậc thang dẫn xuống mặt nước; sau này, khi mở đường Thanh Niên (1958), khuôn viên đền mới thu về bên kia đường, như ta thấy hiện nay. (BT)



Một nhóm người nghèo khổ sống ở đó, lặng lẽ, trên các bậc ngòi của đền, nấu dưới những cây bàng, dưới chân các cây cột: những bà già móm mém bán *vôi* và vài thứ bánh kẹo trên một quầy hàng lung lay; bé gái xinh xẻo mời quýt, quả quá bé và vẫn còn xanh dưới đáy rổ; thầy bói mù, bất động trên cái chiếu vôi vè thầy đồ; những chị bán đồ cúng chuẩn bị cho các bà sùng đạo bày trên những cái mâm nhỏ những nén hương, một nhúm cánh hoa và vài quả cau, để dâng lên thần thánh trước khi cầu cúng.

Rồi có những người đi qua và dừng lại một lúc, cu li túa mồ hôi đặt *gánh* đứng nghỉ, lấy mũ làm quạt; một ông già người Tàu vẻ long trọng, ngồi trên một cái rế cây mập cần thận xắn cao ống quần quá rộng; một cô gái mặc áo dài hồng mỉm cười với vẻ duyên dáng màu mè nhìn hai đứa nhỏ đang bắt châu chấu.

Nơi chân trời, bên kia dòng nước màu lục lẫn tắn theo gió, ta thấy dãy núi màu sẫm mây phủ trên đỉnh và ngay gần đây, vài chiếc thuyền đánh cá lặng lẽ lướt qua đám ruộng sen lá khô héo và tê tái.

Đột nhiên, trên bầu trời u tối, ánh sáng hoàng hôn xuyên qua và dưới tia sáng vàng yếu ớt của Mặt Trời mùa thu, cảnh vật ấy thoáng một nét mơ màng dịu dịu và lại thơ mộng đến thế, tựa như một mùi hương quá vãng, trong kí ức bạn, những bài thơ cổ và truyền thuyết của nước Trung Hoa xưa lại trở về, bởi không có gì nhạy cảm đối với những bậc hiền nhân và thi sĩ Á Đông bằng linh hồn của thiên nhiên.

# Qua những ruộng đồng

Có một ngày ai đó trốn chạy khỏi phố phường cùng những âu lo rồi băng qua đồng ruộng rong ruổi trên những con đường mòn nơi làng quê, họ sẽ có một bài học về niềm thanh thản, hi vọng, hạnh phúc như thế nào!

Khi dân thành thị bình luận gay gắt về những tin tức và phí thời gian tìm giải pháp cho các vấn đề của thế giới trong những bàn cãi dài dòng vô vị thì người nông dân – chính họ – đang làm việc kiên trì, đầy lạc quan; giống như tổ tiên họ đã lao động trên cùng mảnh đất ấy và được chôn cất, cũng như đến lượt các con trai họ sẽ lại làm việc và yên nghỉ ngay tại đó.

Ít người thực sự biết được về đồng quê xứ Bắc Kỳ này, mà họ nói nhiều đến chuyện nó đơn điệu; nhưng nếu bỏ qua những con lộ lớn, tình cờ đi vào những con đường nhỏ quanh co xuyên qua các cánh đồng, ta sẽ phát hiện ra vẻ hấp dẫn, có lúc rộn ràng, có lúc thơ mộng, của cảnh vật vùng châu thổ! Nhưng nổi trội nhất là cảm nhận về niềm tin thanh thản lan tỏa từ đất, nơi người nông dân cần mẫn đang lao khổ!

Ngay gần Hà Nội, có một con đường quê nối từ con lộ Hà Đông dẫn tới Văn Điển gặp đường cái quan. Và ta không thể





tưởng tượng được có cuộc dạo chơi nào tươi đẹp hơn vào một ngày hân hoan nhờ luồng không khí tươi rói và ánh nắng như ngày chủ nhật tháng Giêng này.

Con đường lần theo những khúc quanh co của một lạch nước có lúc màu lục lúc màu lam, tùy theo thảo mộc và màu trời góp phần vào sự trù phú tươi tắn quanh vùng.

Cảnh vật hẳn là không hoành tráng cũng không quá đẹp mắt, nhưng vẻ đẹp của nó chính là từ sự giản dị, cổ sơ và từ lao động của những con người đã cho nó một linh hồn.

Ngày thời tiết tốt hiển nhiên là thuận lợi cho việc đồng áng: trong tất cả những mảnh ruộng, trên tất cả những cánh đồng, người nông dân đều bận rộn và đến tận xa tít mù tấp vẫn lặp lại những động tác cổ sơ của một công việc không bao giờ kết thúc, bởi lẽ nó là biểu tượng của chính cuộc sống

Sự chậm rãi của nông dân là hiển nhiên, nhưng những bóng dáng màu *củ nâu*<sup>(1)</sup> điểm xuyết trên đất nhiều đến nỗi từ quang cảnh toát ra một bầu không khí hoạt động mãnh liệt, hơn thế nữa một cảm giác về sự liên kết, chung sức; tất cả những người vô danh đó dường như cùng nung nấu một mong muốn, hợp nhất lại bởi cùng một luật lệ khắc khe của đất, và được tôn vinh do bầu không khí luôn uy nghi của thiên nhiên, những cử chỉ của *người nhà quê* nhỏ mọn nhất vẫn đầy chất quý phái và tôi đã hiểu hết tầm quan trọng mà người ta đã gán cho nghi thức canh nông được tôn quý trong những xứ sở chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung Hoa.

---

(1) Màu nước nhuộm lấy ra từ một loại củ. (ND)

Nhìn những con người đang còng lưng xuống vì việc nặng, lại vẽ lên trước mắt tôi một hình ảnh khác, kỉ niệm về một buổi hoàng hôn vào mùa thu nào đó, trên những cánh đồng trải quanh ngôi nhà tôi đã được sinh ra, người nông dân vùng Lyon đang vội hái củ cải đỏ trước khi trời trở lạnh. Cùng cách xử sự, cùng những động tác gần giống tới mức tôi có thể sẽ không ngạc nhiên khi đột nhiên nghe thấy vang lên tiếng chuông lanh lảnh từ Tu viện của các Sơ mỗi chiều lại điểm giờ Cầu kinh Đức Bà tản mát trên những cánh đồng của Bình nguyên [nước Pháp]...

Tôi ngẩng nhìn không chán cứ như lần đầu tiên tôi thấy những phụ nữ nông dân đội nón tròn lũ lượt bước, vai gập xuống dưới *gánh* nặng; những cái vò bằng gỗ vung lên đập “vồ lát” đất cày; hoặc con trâu xám gặm cỏ thưa bên bờ ruộng, trên lưng vắt vẻo một đứa bé ngồi.

Những con đường nhỏ lát gạch đi sâu vào giữa những hàng rào tre đều có vẻ dẫn đến những ngôi làng hạnh phúc, bầu không khí dễ chịu của sự trù phú bốc lên từ đất nặng màu nâu vừa cày ải và những cánh đồng đã trồng trọt, nơi các bà các cô đang rẫy cỏ cho những ruộng rau đã được đánh luống cẩn thận.

“Hạnh phúc thay nếu người của đồng quê biết được ân phước của họ”, Virgile<sup>(1)</sup> đã nói vậy; người nông dân không suy tính nhiều đến thế, nhưng dường như họ hoàn tất những nghi thức của một công việc vĩnh hằng, nếu không phải là với hạnh phúc thì ít nhất là với niềm thanh thản và niềm tin gợi lên nhờ

---

(1) Nhà thơ La Mã cổ đại. (ND)

sự hiện diện của những người đã khuất khi mờ mả vẫn canh chừng những cánh đồng trù phú.

Suốt dọc con đường mòn có những điện thờ thôn dã, lưu giữ bằng chứng của tín ngưỡng gần đây; nén hương cháy tàn nửa chừng, vàng mã và cánh hoa còn tươi.

Một bà già bước tới, đội trên đầu cái mâm đồng xếp các đồ thờ: cơm nếp, chuối và hoa cúng: huệ, hồng, hoàng lan<sup>(1)</sup>.

Tựa như các hòn đảo nhỏ trên đồng bằng, những ngôi chùa sừng sững, xung quanh là những cây đa; một ngôi chùa trong số đó được trang trí thêm một ki-ốt hai tầng, làm chỗ cho trường làng và ông thầy già, bận áo dài vải bông đang đi dạo dưới những cây phi lao giữa những bụi hồng và trắc bá lùn, gọi lên một quá khứ mà ở nhiều điểm nhìn, ta có thể nuối tiếc cái đã tiêu biến.

Nơi chân trời, từ những đám mây vươn lên ba đỉnh màu sẫm của núi Ba Vì, Tản Viên thiêng liêng, nhắc lại những cuộc chiến đấu trong quá khứ đầy kịch tính mà truyền thuyết đã cho cư ngụ nhiều thần thánh.

“Trên ba đỉnh núi nơi không ai tới, có một ngôi chùa mà thiên hạ nói rằng đó là do chính các vị thần xây nên. Ngôi chùa ấy mắt người trần tục chưa hề nhìn thấy và sẽ không bao giờ thấy...”; kẻ nào táo bạo liều mình trên núi bị lạc đường, “trèo lên, đi xuống, chạy trốn và vĩnh viễn lang thang qua những đám mây trên đỉnh núi cho tới khi chết vì con người đó khiếp sợ các vị thần... Trên đó, chẳng có người tu hành, không có

---

(1) Nguyên văn tiếng Việt cổ: Ylang-ylang. (ND)

nơi thờ cúng, và buổi sáng, sương mù che vàng trán Tản Viên, con rồng sáu móng đáp xuống đó, nghỉ ngơi và chiêm ngưỡng vương quốc của mình”.

Ở những chỗ khác, cách xa không gian thoáng đãng của những cánh đồng, con đường chạy qua những vườn trồng cây ăn quả; những cây nhãn rậm rạp, và những cây vải mà trong mùa ra trái, người ta treo lên những cái lục lạc để đuổi bọn chim phàm ăn; những cây ổi cành cong, khế và bưởi.

Bên bờ dòng kênh, con cò già trầm ngâm đi dạo và con chim bói cá màu xanh biếc hằng hái tìm cái ăn.

Những cô *con gái* đang dùng gàu tưới một góc ruộng, cười đùa rất vui vẻ trước những lời tán của một chàng trai đang nghỉ, tay tì lên cán xẻng...

Cảm giác dễ chịu trong một ngày đẹp trời không cho phép chúng ta quên rằng nếu người nông dân nghèo có thể hạnh phúc vô tư lúc đó, thì họ đã nếm trải biết bao đắng cay: lụt lội, khô hạn, sâu bọ... và, để có một ngày lí tưởng như ngày chủ nhật mùa đông đầy nắng như thế này, có muôn vàn ngày hạ khô kiệt và bao nhiêu sớm mai mưa phùn tê buốt khi phải nặng nhọc lội bì bõm trong bùn giá lạnh.

Nhưng phải chăng viên thư kí đang co ro đôi vai gầy trong chiếc áo vét theo kiểu Tây, có mặt từ 8 đến 10 giờ tù túng trong văn phòng của mình, lại sung sướng hơn?

Người nông dân ít nhất cũng có tự do trên cánh đồng; hạnh phúc được sống trong gia đình mà không ai đánh giá cao bằng những người An Nam.

Qua bao thế kỉ và ngay cả trong sự khuấy động của cuộc sống hiện đại – người nông dân An Nam vẫn trung thành với việc thờ tổ tiên, “thứ đạo đức học cổ xưa rút ra từ học thuyết Khổng Tử và thiết lập một phần theo tự nhiên – máu và đất, và phần khác theo truyền thống – kinh nghiệm của quá khứ”.

Đồng quê chính là nơi ta phải đến để hiểu được điều đó, và chưa bao giờ tôi đánh giá đồng quê Bắc Kỳ cao đến mức ấy, ngay cận kề thành phố lớn, vẫn biết bảo tồn tính chất thuần phác của nó.

Khi hoàng hôn buông tia phản chiếu màu hồng cuối cùng xuống ruộng đồng, tôi nghe thấy tiếng chuông của một ngôi chùa vang lên, tưởng như rung động ngân nga tới tận chân trời, tựa như để ban ân phước cho đất thiêng liên tục đổi mới.

**ẨN TƯỢNG**

# Những con muỗi

Tất cả những ai biết điều đều sử dụng màn, đó là một thực tế được công nhận; do vậy buổi đêm của họ không xảy ra chuyện gì.

Nhưng có một số kẻ “chống đối”, cưỡng lại cả nền văn minh, không thể quyết định che chở giấc ngủ của mình trong cái cũi bằng vải tuyền cứ tùy theo mùa có mùi giặt giũ ẩm ướt hoặc mùi bụi bặm trong nhà. Và bọn họ nhận ra rằng nói chung có rất ít muỗi, trừ những góc ngách bẩn thỉu thì cứ phải ở trong màn 24/24 giờ thì mới được yên thân.

Tôi được biết một ông lão vốn có tính dị biệt đã mấy tháng trời không che chắn gì và lúc nào cũng khoe với tôi những ưu việt của phương thức sống ấy, nó cho phép tận hưởng được cơn gió nhẹ nhất, “sắc màu của thời gian” và còn bao nhiêu thứ mà giác quan của con người hiện đại gần như đã mất dần ý niệm.

Vào mùa muỗi chẳng hạn thì có kém phần thi vị đồng quê và ông ta lại phải nhờ vả vào hương chống muỗi. “Nhưng việc này lại là chuyện khác!”

Ta có thể tin theo tờ quảng cáo, rằng chỉ cần vào buổi tối thắp hương vòng để buổi sáng thức dậy tắm trong cảm giác khoan khoái sau một giấc ngủ sâu, nhưng không phải thế; thực tế cho ta nhiều bất ngờ.

Trước tiên, cần phải lựa chọn giữa các nhãn hiệu có trên thị trường: “Con Voi, Con Dơi, Sư Tử, v.v...” để có được một loại hương vòng không khiến người ngủ bị ngạt mà lại có mùi đủ gây khó chịu cho muỗi. Bao giờ ta cũng nhận ra điều ngược lại và việc đi tìm sản phẩm lí tưởng bao hàm cả một cuộc nghiên cứu; rồi việc luôn xảy ra là khi đã tìm thấy nó, hỏi mua 10 hộp thì người bán hàng bình thản đáp lại (vì chắc chắn người đó cũng nằm màn): “Hết rồi.”

Nhưng có một loại hương muỗi ta cần đặc biệt nghi hoặc, loại uốn vòng xoáy, đáng lẽ cháy trong 7 hoặc 8 giờ lại chỉ phòng ngừa được 4 giờ là nhiều nhất. Bởi lẽ khi ngủ thiếp đi với niềm tin tràn trề, ta tỉnh dậy lúc nửa đêm, quanh tai vang tiếng của một đàn côn trùng thực sự hung hăng và những chỗ nhạy cảm thì ngứa ran lên. Gần như vô thức, sâu trong giấc ngủ, ta cứ tình cờ tung ra những cú đập và tưởng rằng với động tác vô ích ấy là đã thắng trận rồi nên bắt đầu ngủ tiếp nhưng, vo vo, vù vù... chúng lại tới, hàng trăm, hàng ngàn, bọn trở lại còn phàm ăn hơn nữa đối đầu với bạn. Dừng cảm... vì nhu nhược, ta lại để bị xơi nghiến ngấu, nhưng những cơn ác mộng lạ lùng nhất lại nảy sinh dưới các cú đốt của những con muỗi hung hăng.

Cuối cùng, trong một cơn nghị lực bùng phát, điên tiết, ta bừng tỉnh, gần như mừng rơn vì có cách trả thù: miếng ăn kề miệng nhưng đừng hòng ăn được nhé, bởi một que hương muỗi mới sẽ bao trùm lên bạn, tựa như nữ chiến binh Walkyrie<sup>(1)</sup>, trong vòng tròn lửa của nàng, từ một đám mây che chở bạn, ở rìa vòng lửa đó, bọn hút máu sẽ nhận thấy nhưng không thể

---

(1) Hay còn gọi là Valkyrie: Nữ chiến binh trong thần thoại Bắc Âu, chuyên bảo vệ và giải cứu những chiến binh dũng cảm. (BT)



tới gần cái thân mình khoái khẩu là bạn mà hẳn chúng vẫn còn giữ cái mùi vị “phải trở lại đây mới được”.

Nhưng... nhưng đối với người đang ngủ thì việc đó thật là khổ: phải đứng dậy, tìm cái hộp hương muỗi, tìm diêm; do còn ngái ngủ đâm ra vụng về, làm gãy que diêm đầu, que sau bị tắt, những que diêm đáng quý ấy... và thề rằng *ngày mai* sẽ đi tìm một phương pháp có thể dễ dàng tắt cái mớ bông bong này; ta lại làm bỏng ngón tay; cuối cùng thì cũng làm được. Ta cầm nó lên. A! Ta sắp được ngủ ngon đây! Nhưng nào có được! Lúc này có mát hơn một chút nhưng tất cả việc loay hoay lục đục đã khiến ta tỉnh hẳn và không ngủ lại ngay được nữa, thế là đầu óc ta lại hoạt động. Dẫu ta có tự nhủ rằng mình ngu, rằng đêm là để ngủ, rằng sáng mai mắt mình sẽ thâm quầng và đầu óc sẽ lơ mơ, ta cảm thấy tỉnh táo, sáng suốt đến nỗi cơn bùng phát của niềm vui trong lòng tiêu diệt hoàn toàn lí trí, và thay vì biết khôn ngoan như truyền thống đếm những con cừu nhảy qua các thanh chắn, ta lại sung sướng chìm đắm trong việc lạm dụng tư duy.

Trước tiên, cuộn mình trong cái chăn dễ chịu, ta hưởng thụ niềm khoan khoái đến mức bất chợt thấy thương những người cứ ngủ một mạch mà không hề biết họ [còn có thể] sung sướng như thế nào.

Sau đó, ta lại nghĩ xem hôm qua mình đã làm gì; lảm lòi vô ích, hành động thiếu chín chắn, kích động vô vẩn; và tự thề rằng *ngày mai* sẽ khác.

Bạn thiết kế cả một thời gian biểu và viễn cảnh vui vẻ khiến bạn không nghe thấy một giọng trêu chọc đang thì thầm

với bạn: ngày mai sẽ lại giống như hôm qua thôi, mây sẽ khuấy động một cách vô ích, tội nghiệp cho mây...

Nhưng lúc này, vô tình, bạn không biết cuộc sống lạ lùng của ban đêm đang bao quanh bạn; bao nhiêu là động thái, bao nhiêu tiếng động trong cái mà người ta gọi là “sự im lặng của đêm”; chưa bao giờ ta nghe thấy tiếng cây xào xạc rõ đến thế: lá cây long nảo xào xạc khê như tiếng bạc, lá cây bàng thì như tiếng vò những tờ giấy to bản.

Nhưng con chim nào có tiếng kêu the thé? Có lẽ là *chim lợn*, chim lợn theo người An Nam thì tiếng kêu mang lại tai họa. Ta nghĩ đến những con cú ở Pháp; những con chim tội nghiệp bị niềm mê tín dân gian nguyên rủa. Và trở lại trong đầu ta, kỉ niệm về ngôi làng nhỏ, một cánh đồng, một góc mền thương của tổ quốc xa xôi...

Nghe này! Ai đang đập cửa bên cạnh! Anh láng giềng về rất muộn, anh vốn thường mang về rất nghiêm túc; và ta dựng lên cả một thiên tiểu thuyết...

Giờ đây là một cuộc đối thoại, hẳn là hai cu li ngồi trên cang xe kéo; đột nhiên có mùi thuốc lá thô lậu lan tỏa trong đêm gợi lên một cảnh tượng quen thuộc: một người cu li hẳn là đang rít một hơi khói dài sát cạnh bao diêm rỗng và cái điều cày... im lặng... ta tưởng tượng được người đó đang vội chuyển điều sang cho bạn đồng hành, trước khi ngọn lửa bị tắt, sau đó, câu chuyện lại tiếp tục...

Trong một con phố rất gần tiếng guốc gỗ lóc cóc vội vã, giờ đây là tiếng gọi (giọng đàn bà): “Hằng ơi! Hằng ơi!...” và những tiếng đập lên cái cửa có vẻ như vẫn muốn đóng lại...

Tiếng gọi khắc khoải, ta ngẫm cảm thấy một bi kịch hẫng đang xảy ra ở đó...

Thoi thóp, tiếng đồng hồ với điệp khúc nhạc điểm  $\frac{3}{4}$  giờ không rõ là giờ nào...

Tiếng gà trống gáy xa xa gọi lên trong kí ức một quang cảnh: mái nhà tranh sau hàng rào tre xanh, cái đầm nước, hai cây cau... và đột nhiên mỗi hoài niệm xâm chiếm khiến ta tự hứa rằng ngày chủ nhật lại tới đồng quê.

Tự đâu đến không rõ, một xe ngựa, lăn trên bánh xe lóc cóc cứ như là bánh xe hình vuông; chỉ qua tiếng động thì đoán rằng con ngựa còn non, lấm lông len, mái xe bằng lá gồi hình cái nôi và cây đèn nhỏ run rẩy ở càng xe.

Đột nhiên một đứa bé cất tiếng khóc trong ngôi nhà bên cạnh và tiếp sau là một khúc ru đơn điệu gồm bốn nốt nhạc dài bất tận, mà các bà mẹ Bắc Kỳ dùng để xoa dịu nỗi buồn của trẻ...

Bây giờ là tiếng chó sủa dữ dội... Sau đó là tiếng giày bọc sắt nện trên vỉa hè khô khốc... Bao nhiêu người đi dạo ban đêm!

Ta cứ thế lắng nghe, nửa mơ nửa tỉnh, với ấn tượng kì lạ được tham dự vào bí mật của ban đêm, khi trong bóng tối bùng đỏ que hương chống muỗi vốn đã thành vô dụng.

# Những cuộc du hành đẹp nhất

Ít lâu sau, khi soát lại thư từ, một lá thư đột nhiên khiến tôi lưu ý; giữa những phong bì phết màu vụng về vong mạng, chỉ chút tem, đen sì những con dấu không đọc được, một lá thư ở đó, trắng toát, ghi chú cẩn thận và trong một góc nổi bật lên rất tuyệt, rõ ràng và rành mạch, con dấu của bưu điện: Pakha<sup>(1)</sup>  
– Bắc Kỳ.

Hẳn là con dấu ấy ít khi được sử dụng nên nó mới sạch đến thế... trừ phi nhân viên chăm chút dụng cụ của mình, song nhất thiết là đã không có nhiều thư để đóng dấu trên đó...

Pakha – Bắc Kỳ! Ngón tay tôi lật đi lật lại cái phong bì rõ nét ấy, bỗng nhiên tôi trốn chạy khỏi cái văn phòng tăm tối bề bộn bốc mùi mực in, mùi cồn dãn và tờ báo cũ... Pakha – Bắc Kỳ... những ngọn núi dốc đứng và cô đơn vươn lên quanh thung lũng xanh ngắt:

“Xa xa, về phía Tây, biên giới không rõ ràng

Trung Quốc đang nghe ngóng, dựng đứng những mỏm đá lở loét,

---

(1) Bắc Hà, thuộc tỉnh Lào Cai. (ND)

Qua những đám sương mù bò rạp, quỷ quái,

Trên những rãnh nước trong bóng tối và bí ẩn...”

Pakha – Bắc Kỳ: dưới cái dấu ấn hành chính như trong một chiếc gương thần, các hình ảnh lần lượt hình thành rồi mờ nhòa, có lẽ không đúng nhưng quá đẹp, vì nảy sinh từ tưởng tượng của tôi! Và cái tên làm sống lại hoài niệm trong tôi về những vùng miền ấy, trong đó có những miền thân quen, nơi “những tiếng động dừng lại ở chân núi và nơi ta nghiệm thấy quên hết mọi cuồng nhiệt của con người và dân tộc, mọi khuấy đảo của họ, mọi lí lẽ để sống và để chết của họ...”.

Tôi gần như sung sướng vì thấy lá thư này ghi một địa chỉ không phải là của tôi và tôi không cần mở nó ra bởi điều ghi trong đó không thể đẹp như giấc mơ của tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn gửi lại lá thư ấy cho người nhận và vừa làm việc tiếp vừa mơ màng.

Đúng lúc ấy từ đám giấy tờ vương vãi trên bàn, vươn lên một ảo ảnh mà tôi tưởng đã quên rồi, đã bị xóa nhòa bởi thực tế. Tôi thấy lại mình đang ở Pháp, trong một ngôi làng thanh bình của Lyon. Ngồi cạnh bàn kê trước cửa sổ một ngôi nhà thôn dã, viết và suy nghĩ nối tiếp, không nhìn thấy bầu trời xanh lơ xám đục qua những cây tiêu huyền, tôi du hành bất động.

\*

\*   \*

Chẳng bao lâu sau chiến tranh, ông tôi đã bắt tay hành nghề bán thuốc rất thịnh vượng. Nhưng ông là kẻ du hành liều lĩnh, dẫu đã có tuổi, ông không thể chịu nổi công việc chỉ ngồi một

chỗ và cứ đi du hành tuần tự xuyên qua nước Pháp, tìm thấy khách hàng ở những nơi bất ngờ nhất. Tất cả bọn họ đều trả tiền bằng hối phiếu khiến cứ vào cuối tháng lại có nhiều mẫu phải điền vào, và đó là phần công việc của tôi.

Tôi đã chóng biết những khách hàng chính, nhận ra khách hàng mới, ghi lại những người khách nhì nhằng, nhưng nhất là tôi đã khám phá ra... địa lí nước Pháp.

Tôi không thể viết mà không mơ mộng. Ông A... phố Những cái đầu, Colmar (Sông Rhin thượng) hoặc Ông Y... phố Gubernatis, Nice (Alpes vùng Biển); mỗi thành phố, mỗi tên phố khiến một hình ảnh nảy sinh trong tôi; chẳng có mẫu nào tôi đã điền mà lại vô tri cả. Cách làm việc hẳn là thiếu hợp lí, tuy nhiên tôi vẫn làm xong việc kịp thời, bởi mơ mộng không chặn được bàn tay.

Hơn nữa tôi lại có một cuốn bản đồ thế giới bên mình, nơi tôi tìm thấy những tên mới và khi ông tôi trở về sau chuyến đi xa, ông không chỉ đem về vài con búp bê mặc đồ địa phương và những đặc sản của tỉnh lẻ ông đã đi qua; ông còn sẵn sàng kể lại những chặng đường yên bình của chuyến đi, hay đến nỗi với phép nhiệm màu của những cái tên, tôi đạt tới chỗ hình dung được khá chính xác về những thành phố xa lạ ấy.

Henri Fauconmer<sup>(1)</sup> từng mơ màng rất lâu về Malaisia trước khi đến đó, từng kể lại rằng ông đã thấy nó trong từng chi tiết, sự trù phú và chính xác của chúng đã ngăn cái cảm giác

---

(1) Henri Fauconmer (1879-1973): Nhà văn Pháp, chủ yếu được biết đến với tiểu thuyết *Malaisia* đoạt giải Goncourt năm 1930. (ND)

tệ hại: “Chỗ ở của tôi là một túp lều hình chóp, nơi người ta vào như vào một ổ chó. Cùng những người Mã Lai ria mép dài được trang bị giáo và dao quắm, tôi khai thác một khu rừng rậm trải trên lũ rắn và đầy chim sâu.”

Gần như luôn luôn như vậy và ý tưởng của tôi về Montauban<sup>(1)</sup> hay về Sainte-Marie aux Mines<sup>(2)</sup> hẳn là cũng phóng khoáng giống vậy. Nhưng một vài địa chỉ gợi lên những hình ảnh tuyệt vời của chúng: Phố Tay Vàng ở Boulogne, phố Phocéens ở Marseille, quảng trường Vải gai ở Doullens... Bao lần tôi đã từng gợi lại nghĩa địa Alycamp ở Arles và nhìn Alsace qua đôi mắt của Hansi<sup>(3)</sup>... Không chỉ có những tên thành phố gây ấn tượng cho tôi, tôi còn có những nhận xét lí thú về tên những con phố; thật là nhiều tên Phố Lớn, Quảng trường Lớn; quảng trường Nhà thờ, nhà Ga, hay Tòa thị chính; trong một số vùng thì tên của các Thánh chiếm phần lớn: phố Thánh Jean, Thánh Georges, Thánh Michel...; nơi khác là những hồi tưởng về chính trị: phố Jean-Jaurès, Sadi-Carnot, Jules Grévy<sup>(4)</sup>, đại lộ Cộng Hòa, sân Tự Do...

Hoặc lại có những đặc sản địa phương: mứt ở Bar le Duc, bánh madeleine ở Commercy, bánh mì gia vị ở Dijon, hàng thịt ở Strasbourg và kẹo nuga ở Montélimar, mà tôi đã thường thức, gợi lên dư ba trong trí nhớ của tôi.

---

(1) Tỉnh lỵ của tỉnh Tarn-et-Garonne, thuộc vùng Occitanie, nằm ở phía nam nước Pháp. (ND)

(2) Một xã ở tỉnh Haut-Rhin trong vùng Grand Est ở đông bắc Pháp. (ND)

(3) Jean-Jacques Waltz (1873-1951), còn được gọi là “Chú Hansi”, hay đơn giản là “Hansi”, là một nghệ sĩ người vùng Alsace, Pháp. (ND)

(4) Tên các danh nhân Pháp: Jean-Jaurès (1859-1914): Nhà chính trị theo đường lối xã hội chủ nghĩa và cũng là một sử gia; Sadi-Carnot (1796-1832): Nhà vật lí, người đầu tiên đưa ra lí thuyết thành công về nhiệt năng, ngày nay được gọi là Chu kì Carnot; Jules Grévy (1807-1891): Tổng thống Pháp từ 1879 đến 1887. (BT)

Luôn có những lúc trong hành trình của cuộc viễn du tại chỗ diễn ra khi tôi viết những hồi phiếu ấy, tôi lại nghĩ tới cuốn tập đọc tôi từng áp úng ở trường tiểu học, vài năm trước; “Chuyến đi du hành qua nước Pháp của hai đứa trẻ”, và tôi thấy tiếc là cái mốt du lịch theo kiểu ấy đã qua rồi. Tuy nhiên, vì còn là một cô bé, chuyện đó không có gì là quan trọng.

Rồi một ngày, ông tôi chẳng hề hấn gì lại gửi những mẫu hàng tới “Thương quán X... tại Sài Gòn – Chợ Lớn, Đông Dương”. Thời trai trẻ, ông đã đi du lịch nhiều lần tới vùng Ấn Độ, nhưng vẫn rất hi vọng có ngày tới vùng Viễn Đông và nửa đũa nửa thật, khi chuẩn bị những món hàng mẫu này, ông đã “đặt những cột mốc”. Nhưng tôi chưa bao giờ biết câu trả lời bởi lẽ sau đó ít lâu, một đề nghị đặc biệt có lợi khiến ông nhượng lại việc kinh doanh của mình để rồi nghỉ hẳn.

Như thế, trên ngưỡng cửa hướng ra nơi xa, những cuộc du hành đầu tiên của tôi kết thúc.



# Một giấc mơ

Có những bông hoa dễ thương mà ta có thể nói, cố ý dành cho những bình hoa trưng bày, những bông hoa thanh nhã, tầm thường một cách xa xỉ, cũng đều tầm tắp như thể là hoa giả mà người phụ nữ bán hoa đã cẩn thận cắt cành đúng độ dài như ý muốn; những bông hoa được vun trồng sẽ hoàn toàn thoả mái giữa các quý bà vào giờ uống trà và buôn chuyện.

Nhưng có những bông hoa mọc dại, ngoài tầm tay của con người và có loại ở dưới cỏ, trên hàng rào, hay giữa những vòm lá – những bông hoa mang một kiểu diện mạo riêng tư, một gương mặt, một tâm hồn.

Có mấy người bạn bị bắt ngờ trong vụ lụt vùng truông gần Đồng Mỏ<sup>(1)</sup>, đã mang về cho tôi một bó toàn những loài thảo mộc hoang dại, cây nhỏ có hoa màu hồng và dương xỉ nhỏ trong rừng, và từ hai hôm nay dường như trong phòng tôi có một sự hiện diện lạ lùng.

Từ văn phòng trở về, tới ngưỡng cửa, chưa nhìn thấy bó hoa lá trong cái vại màu nâu, tôi đã ngửi thấy mùi vùng đất

---

(1) Thị trấn thuộc huyện Chi Lăng, Lạng Sơn. (ND)

có dương xỉ, mùi nhựa cây và phân ải bốc lên mũi, phát tán huyền diệu trong khoảnh khắc phá tan sự tồn tại đang cố thủ một chỗ trong tôi để nhắc nhở tới mớ lộn xộn của những con đường đẹp nhất mà tôi từng rong ruổi trong cuộc đời và khiến cho tôi hoài niệm sâu đậm về những con đường tôi còn muốn biết. Bởi những kỉ niệm mang lại sự hưởng thụ thụ động, còn sự chờ đợi, niềm khao khát tương lai là một thứ hạnh phúc nồng nhiệt hơn.

Và đêm nay, bùa yểm của những bông hoa xa lạ thức tôi tỉnh dậy. Cứ như là chúng đang sống bên tôi; bóng hoa in rõ trên tường vẽ lên hình của những con ma; qua cánh cửa ra vào để ngỏ của ban công, tôi thấy trên bầu trời tối đen những luồng sáng ánh trắng băng qua.

Lúc ấy dường như tôi nghe thấy ai đó đang nói: “Chúng tôi sẽ không ra khỏi khu rừng nữa; khu rừng âm u vô tận kéo dài từ châu thổ Bắc Kỳ đến biên giới Trung Hoa vô tận và mù mờ ở Quảng Tây, chúng tôi sẽ không bao giờ rời khỏi đó nữa; chúng tôi đã bị ấn định chết ở đó... Chính là ở thung lũng Song-Li<sup>(1)</sup>, theo bản đồ cũ của An Nam, nơi có những mỏ vàng nay không còn khai thác, xưa kia chính quyền từng thu một thứ thuế được bọn khai mỏ người Hoa trả bằng những lượng vàng. Nhưng bản đồ không chính xác đến nỗi từ sáu tháng nay tôi tìm không nổi chỗ ấy, qua suốt khu rừng phủ lên vùng giờ đây hoang vắng...”

---

(1) Không rõ là địa danh gì. (BT)

Đó là một con ma nói rất nhỏ, bóng ma một nhân vật của De Boissière<sup>(1)</sup>, kẻ tìm vàng mà thuốc phiện đã tiết lộ về cuộc đời bị mọi sự che giấu; anh ta đã “đoán ra bao nhiêu nghị lực và biết mấy thông tuệ tàn mác trong chất liệu thô và gió ban đêm” rằng mãi mãi đối với anh ta, những cỗ thụ sẽ không cam lạng và bọn đào mỏ không hề vô hại.

Run rẩy vì sốt rét rừng, bị ảo giác vì thuốc phiện, anh đã thấy bạn mình, hút thuốc giống mình, ngay trước mắt đã bị bóp cổ bởi bàn tay gỗ của vị thần đèn, người canh gác số vàng mà “Ngọc Hoàng dành riêng để trả lương cho các thiên binh”.

Và trong đêm, tôi tưởng như nghe thấy giọng xa lạ âm thầm kể lại những mối lo âu:

“Cái bọn lính canh và bọn người Thổ sao mà trở tính nghi ngờ khi tôi hỏi bọn họ về nơi có mỏ vàng cũ!

“Chúng cứ tin rằng chỗ đó có bọn ma nguy hiểm canh giữ; bọn nó không chịu cho tôi biết, đầu óc bị ám bởi những mê tín hời hợt. Vào lúc chiều tối, quanh ngọn lửa rừng và cái nồi, họ thì thầm kể với nhau nhiều truyền thuyết buồn thuở xưa và với niềm kính nể họ nói về những linh hồn lang thang trong khu rừng quanh đó.

“Ừ, những thứ khủng khiếp ấy hẳn đã sinh ra trên cái thế giới chẳng có không khí cũng như chân trời này, trên mảnh đất

---

(1) Trong *Khu rừng*, truyện kể đầu tiên trong tuyển tập của De Boissière, *Những người hút thuốc phiện*. (ND)

chết chóc này. Cũng có lẽ ở cái xứ sở này nơi cây cỏ ngụ trị như đáng bề trên kiêu ngạo và tuyệt đối – nơi con người không đáng giá mấy, một trường hợp đặc biệt chỉ được thừa nhận đôi chút, ở nơi này họ chỉ có thể nán lại khi chấp nhận chết yểu, do sự lan tỏa chết chóc của cây cỏ, có lẽ nơi này sống nổi nhờ ảnh hưởng bí ẩn mà thời trung cổ tối tăm của ta đã hiểu rất rõ, và những bóng ma, bị tước mất khỏi thế giới có người cư ngụ, đã lui về đây để thống trị như kẻ độc tài trên những linh hồn sắp tàn của những con người tội nghiệp...

“Những bóng ma quỷ lúc nhúc và kéo hàng đàn hàng lũ trong những giấc ngủ của tôi. Nhưng trong số bọn lính canh, có những người nhận ra những người ở thế giới bên kia, hơn là tôi, không hút thuốc, bởi tác động duy nhất của một sự thừa kế lâu dài trong khu rừng bí ẩn.

“Đôi khi, họ ngừng nói, giơ lên một ngón tay và nhắm mắt lại, lắng bầm những câu chú cổ thần diệu: họ đã xua đuổi tà, có thể như những con chó sữa trắng. Chiều tối, dưới những nơi ẩn nấp tự tạo trong rừng, hoặc trong những túp lều thôn xóm, họ tụ tập quanh đống lửa sáng, kể cho nhau những truyền thuyết khủng khiếp, rồi run rẩy lặng lẽ khi làn gió đêm rít qua những hàng tre. Đã bao lần tổ tiên của họ suốt bao nhiêu thế kỉ kéo dài đã run rẩy như thế! Ngay những người này, dân An Nam hoài nghi, cũng thấm nhuần nỗi ghê sợ bí ẩn đối với rừng, với đêm và với những truyền thuyết; cho tới sáng, mỗi người trong bọn họ thay nhau canh chừng, cây kiếm trong tay; và khi cơn ác mộng gieo rắc lên những đồng bọn đang

ngủ của anh ta, người thức canh làm những động tác xua đuổi tà ma... Chúng tôi sẽ không ra khỏi rừng... Số phận của chúng tôi là chết ở đây...”

\*

\*      \*

Tôi đã mơ như vậy bao lâu hay thực sự tôi vẫn tỉnh?

Sáng hôm ấy các bông hoa đều tàn, đúng hơn là khô héo; những cây dương xỉ cong queo, cánh hoa màu hồng cứng ngắt và lá cây dễ gãy; nhưng điều tôi cảm thấy rõ là một khoảng trống, một khiếm diện: linh hồn của những cây hoang dại đã trở về rừng.

**NHỮNG  
CẢNH ĐỜI  
AN NAM**

# Ông bán chuột

Sau cái lạnh khó chịu của thời gian Tết, thế là ngày đầu tiên của mùa xuân đến đột ngột, mùa xuân dịu dàng của châu Á thơm hương từ những cánh hoa bay theo gió Đông.

Hôm ấy, khi men theo bờ Hồ Nhỏ<sup>(1)</sup>, tôi nhận ra tiếng vọng của một bài thơ Trung Hoa, có lẽ đã từ gần một nghìn năm trước, tuy nhiên lại chỉ có nó hợp với cảnh tượng này:

*“Gió xuân vui đập dương liễu hoa*

*Như mưa tấp mặt khách qua đường.*

*Đặt đầu oanh ẩn trong vòm lá...”<sup>(2)</sup>*

Phía xung quanh đền Montagne de Jade [Ngọc Sơn] có nhiều mẹt hàng của các bà bán hương, ta thấy ở đó, qua tấm màn lơ thơ của hàng cây liễu, những tờ giấy đỏ và bức vẽ tô màu rực rỡ.

Suốt tháng Giêng việc lên chùa đã thành truyền thống và trên tấm ván cầu bằng gỗ cả đám đông đàn bà náo nhiệt mặc áo dài màu sáng lũ lượt qua lại trong khi cơn gió nhẹ làm làn nước màu xanh lá lăn tăn thành từng lớp sóng nhỏ óng vàng;

---

(1) Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. (ND)

(2) Trích tác phẩm của Yenn Chou (984-1046).





hình ảnh của hàng ngàn năm, vẫn vậy, ngoại trừ con đường cao nơi tàu hỏa đi qua nghiêng kèn kẹt.

Bên bờ đường, dưới chân một trong những ki-ốt trắng của ngôi chùa Báo Ân khi xưa, một ông già rách rưới có túm râu cằm tới ngói, áo khoác rách tứ tung chẳng còn bông; chẳng mấy chốc mọi người vây quanh ông. Từ trong cái rổ tròn, ông lôi ra hai con chuột bằng giấy các-tông, một con màu hồng và con kia màu xanh lá; ông làm cho chúng chạy trên đầu một sợi dây khiến cho những kẻ tò mò rất ngạc nhiên; và thế là những tiếng “chết rồi!” đầy thán phục và tiếng thì thào của những người tò mò bảo nhau: “*Con chuột! Con chuột!*”

Có ai đó chìa bàn tay và ông già, miệng mỉm cười lém lỉnh đưa cho kẻ đang sốt ruột đầu sợi dây giữ con chuột nhỏ xanh lá, nhưng sau một lát, nó không động đậy và thẳng bé ngẩn người.

Lúc ấy, con người giỏi giang kia, lật ngửa con vật lên, chỉ cho thấy dưới lớp vỏ bằng các-tông cái chốt có sợi dây lò xo xuyên qua, mỗi khi xoắn lại hoặc giãn ra, sợi dây lại khiến cho con chuột chạy. Mỗi người đều muốn thử và ảo thuật gia già nhanh nhẹn bắt tay làm những con chuột khác; ông có sẵn trong rổ cả một chồng đã cắt sẵn; chỉ cần làm phồng cái lưng đang xẹp một chút, kéo dài cái mũi nhọn, dựng các chân chúng lên; rồi ông nắn bộ ruột lò xo; cuối cùng dùng móng tay của ngón cái và ngón trỏ bấm vào đuôi khiến nó xoắn lên như cái vỏ bào, đến mức những con chuột hồng lại giống như bầy lợn con! Thực ra đây là loại máy móc đơn giản nhất, nhưng ta có thể thực sự nói rằng những bàn tay dài héo hắt của ông

già kì lạ mới mang lại sự sống cho ổ chuột chẳng mấy chốc sẽ chạy tứ tung.

Bị mê hoặc, các khán giả cứ nấn ná; phần nhiều là những gương mặt nhân hậu của người *nhà quê* rám nắng và thật thà, khi cười hé răng nhuộm đen; những biểu hiện muôn vẻ của nỗi thán phục hồn nhiên và kiên nhẫn.

Hai cô *con gái* mặc áo dài *củ nâu* mới tinh, cầm tay nhau bước tới; ngẩng người quên cả nhai trầu, rồi vừa nói thì thầm vừa cười với vẻ thách thức và ngượng nghịu mà các cô gái vẫn thường tỏ ra giữa đám đàn ông.

Khi một người qua đường dừng lại hỏi giá bán, ông già hơi ngược mắt lên nhưng tất cả bọn lêu lổng đứng từ lâu ở đó đã đua nhau trả lời: “Hai xu... Hai xu...” và giải thích lối vận hành của bộ máy thần kì.

Rồi một bà bán cỏ về trung hậu đặt *gánh* gần như trống không đến để nhìn cho rõ; nhưng trong đôi mắt bà không chỉ có sự thú vị và thán phục, dường như còn có vẻ âu yếm; ta có thể đoán là bà có những đứa con và đang hình dung chúng đã từng chơi với con chuột thần diệu ấy. Với vẻ cần mẫn bà tháo chiếc thắt lưng màu xanh lá bần nhem để lấy ra hai xu; cẩn thận cầm trên tay món đồ chơi khiêm tốn, bà rời đi khiến những cái thùng đựng đưa vui vẻ trên *đòn gánh*.

Trên nét mặt của mỗi người mới tới, người ta thấy ngay là sau vẻ ngạc nhiên nguyên sơ một niềm vui gần như thơ trẻ, tiếp đến là vẻ hài lòng tràn đầy thanh thản và dường như tất cả vòng người vây quanh có thể ngấm mãi ông già đang làm những con chuột, ngấm đàn chuột chạy, không hề mỏi, không

bao giờ chán: nhóm dân đen bình dị, dễ vui; và ta hiểu rằng từ hàng trăm năm nay, đã có những ảo thuật gia già như thế tạo ra niềm vui cho các đám người như thế, bởi chính là bên bờ hồ, vào ngày xuân ấy, có một cảnh tượng giống như ta đã thấy trên tranh Nhật Bản của các bậc thầy ngày xưa.

Trên làn nước, vang lên tiếng chuông chùa trên hòn đảo và gió thổi tới mang theo một luồng hương khói... sau lưng vị ảo thuật gia già, trên bức tường trắng của cái am, lay động bóng thấp thoáng bí ẩn của những cây dương liễu.

# Khúc ca của những đôi guốc

Khúc ca của những đôi guốc không bao giờ ngừng, ngay cả ban đêm, trong im lặng luôn có tiếng lốc cốc đơn côi khiến những người chưa ngủ tự hỏi: “Người ta có thể đi đâu vào cái giờ buồn thiu và tăm tối này?”

Từ sáng đến tối, từ hoàng hôn tới rạng đông, luôn vang lên khúc ca của những đôi guốc, khi to khi nhỏ, khi lâu khi chóng, thay đổi tùy theo thời tiết, giờ giấc hoặc khu vực của thành phố, khúc ca ấy đi đi lại lại, lên rồi xuống, vội vã hoặc thiếp ngủ, khúc hòa tấu dân gian, vẻ bề ngoài đơn điệu, nhưng cũng tựa như chính quần chúng, nó được làm nên từ vô vàn phương diện, tính cách và gương mặt; không có khởi đầu cũng không kết thúc, bất tuyệt như cuộc sống vậy.

Tai ta quen nghe đến nỗi cuối cùng không còn nghe thấy nữa, song chỉ lưu ý một chốc lát cũng đủ để nhận ra một khúc hòa tấu biến hóa với lối theo nhạc đuổi, đơn ca, đồng ca, với tốc độ chậm hay gấp gáp, buồn hay vui, presto, moderato, adagio<sup>(1)</sup>, và tất cả sự uyển chuyển những sắc thái đi từ nhịp đập pianissimo xa xăm tới forte<sup>(2)</sup> của một lũ khách rất gần.

---

(1) Nguyên văn tiếng Ý: Các thuật ngữ âm nhạc chỉ nhanh, vừa phải, thong thả. (ND)

(2) Thuật ngữ âm nhạc, chỉ rất nhẹ và mạnh. (BT)

Vào mùa đông, khúc ca của guốc đường như sống động hơn bởi cái lạnh làm vĩa hè khô ráo khiến những đôi guốc gõ bình dị vang to và rõ hơn; và những kẻ lữ hành run rẩy vội vã... “lốc cốc – lốc cốc”... Trong khi về mùa hạ, cái nóng khiến các động tác chậm lại và bầu khí ẩm bộp nghệt tiếng động, dìm tắt tiếng vang.

Từ sâu trong ngôi nhà bạn, hãy nghe những khách qua đường vô hình; không nhìn, ta lại nghe rõ hơn; rồi hãy chạy ra cửa sổ; ta luôn đoán đúng, theo nhịp và âm thanh của những *cái guốc*, đó là đàn ông hay đàn bà đang đi qua, tuổi tác của họ, họ đang bận bịu hay đi chơi, bởi trong một tiếng lốc cốc đơn giản có biết bao dấu hiệu, bao nhiêu điều hé mở; thế là có những đôi guốc, vội vã, vui vẻ, vô tư, suy ngẫm, giận dữ, lả lướt, khiêm tốn hay oai vệ; những đôi guốc vui vẻ, giận dữ, những đôi khác lại vang lên tiếng âu yếm; đây là một đôi guốc mòn... những đôi này thì còn mới... những đôi kia thì đã cũ...

Và lại không phải lúc nào cũng cần lắng nghe; thường khi, dẫu không muốn, tiếng lốc cốc, lốc cốc của người qua đường vô hình vẫn kích thích đôi tai tò mò và trí tưởng tượng vẽ ra một bóng dáng:

Lốc cốc, lốc cốc... một tiếng gõ theo nhịp đuổi (mi-đờ, trong âm vực cao) vui vẻ, nhanh, điểm một chút nghịch ngợm: hẳn đó là một cô *con gái* nhanh nhẹn mà lối chuyển bước làm cái yếm phập phồng và tung bay những vạt áo túm lại ngang thắt lưng.

Đây là một tiếng lốc cốc ngoan ngoãn hơn, nhẹ và thanh, tuy vậy có vẻ dè dặt: một cô gái mặc áo dài hồng hoặc xanh lá, búi tóc sau gáy.

Quan trọng, vẻ bề trên, tiếng lốc cốc từ một đôi guốc to của một nhân vật rất tự tin: gã bồi của một người Âu nào đó, với tất cả vẻ vênh váo tương ứng, đang đi chợ.

Này đây một người đang lê bước: “lốc cốc” nói thì thầm rằng đôi guốc là của một người ngán ngấm, chán nản, quả là đúng khi người này rốt cục bỏ guốc và ngồi lên đó, bên lề vỉa hè rồi nhổ râu không ngừng bằng hai đồng tiền.

Cùng với tiếng lốc cốc đơn điệu gồm hai nốt nhạc tiếp liền nhau (si-la, vực âm trung) một bầu đoàn chán ngắt gồm vô số người, bận đồ trắng bẩn, màu *củ nâu* hoặc đen cháo lòng, đàn ông đàn bà, già trẻ, đi guốc chưa mòn cũng không còn mới lắm vang lên một âm thanh trung hòa.

Một tiếng nện guốc mạnh mẽ: đó là người phu hàng thịt đang mang vác những giỏ xương.

Tiếp đến là một tiếng gõ nhỏ, không đều đặn, lưỡng lự: một chú nhóc, mộng để trần hông hào trong cái quần đùi không đáy, va vấp, đi không vững trên những *cái guốc* nhỏ xíu.

Một đám học sinh nam, quần dài trắng và áo dài thâm, đi ngang qua với tiếng gõ nện xuống đất âm ỉ.

Nhưng đây là hai *bà già* mà những đôi guốc theo nhịp nghiêng ngả vang lên mỗi một; tiếp đến là cả một đám ông già khốn khổ guốc đã mòn vẹt đến nỗi gót chỉ còn là một lát mỏng nổi trên nền đất với tiếng động rập khò... “Lốc cốc – lốc cốc” tiếng guốc xứ Bắc Kỳ lặp lại đến vô tận...

Những *cái guốc* thường được bán ở khắp nơi, dầu số đông các bà bán guốc còn tụ tập ở phố Panier<sup>(1)</sup>, kỉ niệm một thời

---

(1) Phố Hàng Bỏ. (ND)



mà các ngành nghề còn tụ hội theo phường phố. Những bức tường cửa hàng của họ đều dán ra những đôi guốc, đủ mọi thể loại, cho đàn ông, đàn bà, trẻ con và đủ mọi giá, từ loại guốc thô mộc của dân cu li, to rộng và phẳng, gọt đẽo sơ sài ta có thể từ nó hình dung ra bàn chân bẹt có móng thô, cho đến loại xinh xắn uốn trên gót cao mà ngón chân hồng của một cô gái xinh đẹp sẽ giữ cho thẳng bằng; có loại bằng gỗ trắng, loại sơn màu nâu hay đen hoặc có hình vẽ, tô điểm hình con chim hay bông hoa... Cũng đa dạng như thế, khi người phụ nữ bán hàng chọn quai guốc để bán, thử vào chân khách hàng; những cái quai cắt từ lớp xe đứng hàng đầu bởi chúng mềm mại khi ta bước đi, dẫu có xấu nhưng được cái tiện, người ta cũng thấy thêm nữa loại da tự nhiên, vẽ cổ xưa, da đánh véc-ni và cả quai bằng nhung thêu hoặc gắn hạt cườm.

Nhưng đó là guốc theo một cũ; bởi loại hàng này cũng như nhiều loại khác luôn đổi mới; giờ đây ta thấy tất cả mọi hình thù bắt chước giày dép phương Tây, được sơn bằng màu dịu hơn – màu vàng kem, màu hoa anh thảo, thanh thủy hoặc vàng nghệ, với quai bằng da trắng thêu trổ thùng hoặc viền ren giống như đồ thêu kiểu Anh. Lúc mới quả là chúng gây một hiệu quả nào đó, nhưng chúng thật sự chóng phai hơn kiểu guốc cũ tốt sơn mà vốn thường chuyển màu nước dễ chịu: những màu vàng nhạt in dấu mòn của gót chân và dưới mỗi ngón chân.

Giữa cửa hàng bộn bề guốc, bà bán hàng ngự trị, ngồi xổm trên chiếu, cuốn sổ nhỏ dày trên đầu gối, một nắm đinh, cái búa và những rẻo da: uế oải, miệng bồm bẻm nhai trầu, bà chỉnh những chiếc quai... cốp, cốp, cốp... và thế là chẳng mấy chốc trên vỉa hè hòa lẫn vào tiếng ồn của phố xá, một đôi guốc mới gỗ lóc cóc đầy thẳng thế.



# Nước với! Nước với!

Rất nhiều khi vào chiều hè nóng bức, từ những cửa sổ mở toang ở văn phòng của tôi vang lên tiếng rao của những chú bán nước chè; một tiếng rao ngắn: “*Nước với! Nước với!*” lặp lại đều đặn, từ xa tới rồi đi qua; hoặc là một mẫu bài ca uốn theo một khúc đoản âm giai: “*Ai nước với nóng, ăn thuốc nào?*”

Bấy giờ, khi tiếp tục công việc, tôi hình dung bóng dáng điển hình của một *bé con* đầu tóc bù xù, bận bộ đồ ít nhiều rách rưới đang một tay dùng đưa ấm nước to bằng đất nâu, bọc bằng những miếng giẻ, còn tay kia là một cái rổ nhỏ đựng chiếc muỗng cà và những miếng trầu đã tẽm.

Tôi biết rằng một bác phu xe sẽ chẳng mấy chốc ra hiệu gọi: “*nước!*” và rồi với một xu, ngồi xõm trên vỉa hè, bác ấy sẽ uống từng hớp nước chè chát sục soạt rồi rít một hơi muỗng cà, nhấn nhá thật lâu luồng khói thuốc trước khi miễn cưỡng nhả nó ra. Sau đó, vươn vai, đội lại cái mũ mà bác đã lột ra để quạt, bác trở lại giữa hai càng xe, đỡ mệt rồi... Những giây lát ngắn ngủi được nghỉ ngơi trong cuộc đời bạc bẽo... những thú vui bình dị của những *nước với! nước với!*... bình dị!

*Nước với* rõ ràng là thức uống lan tràn khắp Bắc Kỳ, được nấu từ những lá *với* hoặc cây với, bán khi còn xanh. Cây cao từ 8 đến 10 mét, hơi giống với cây khuynh diệp và mọc nhiều



nhất ở vùng trung du, quanh nhà ở. Đôi khi người ta thêm vào lá với những lá cây long não (*rễ hương*).

Như tất cả mọi trà thú thiệt, *nước vối* phải được giữ sao cho thật nóng. Những chú *bé con* ngoài phố quán ấm chè bằng những mảnh vải, còn các bà bán nước ngồi ở các ngã tư hoặc dọc theo những con đường quê, bà chủ quán bình dị dưới một cái mái bằng lá gồi giữ nóng cho các vại *nước vối* trong một cái thúng to nhồi bông, lá cây hoặc vỏ bào theo nguyên tắc nôi ủ của Na Uy. Họ múc nước bằng một cái gáo làm bằng nửa vỏ quả dừa có cán tre.

Ơn trời trong các buổi đi chơi ngày chủ nhật, đã bao lần tôi dừng chân ở những cái quán ấy, và những kỉ niệm đẹp nhất của tôi với những cuộc xe đạp luôn gắn với các chặng nghỉ dễ chịu, nơi tôi thấy nước vối nóng có màu rượu vùng Chartre.

Tôi nhớ một buổi chiều sau khi đạp xe xem xét vùng Yên Viên ở ngoại vi Hà Nội, xe tôi không may bị “nổ lốp” buộc phải đi bộ vài cây số. Trời vẫn rất nóng dầu Mặt Trời đã lặn; khi đã đi rất lâu trên con đường hoang vắng lại khát nước đến nỗi thấy khó thở, đột nhiên tôi thấy dưới bóng cây bàng, một mái nhà lợp tranh, một cái ghế dài và hai bà già hiền lành đang thanh thản nhai trầu. Họ cười khi nhìn thấy tôi, hỏi tôi ở đâu đến và nhiều thứ khác nữa mà tôi không hiểu.

Hai lần, ba lần, tôi lấy thêm bát nước đầy và dù đã tủa mồ hôi ướt đầm, tôi sung sướng nốc *nước vối* nóng trong khi họ cứ đông dài vẳng cả tai. Họ có vẻ rất thú vị về vị khách không chờ đợi này, trong khi tôi tự hỏi họ kì vọng bán cho ai những món hàng bình dị trên con đường hoang vắng này: vài quả

đưa hấu vàng, một cái thẩu [đựng gì không biết], hai lọ kẹo và những gói thuốc lào.

Khi lên đường trở về, nắng bắt đầu tắt, dường như đã bớt nóng và sau đó một lúc, tôi ngoái lại để nhìn lần cuối cái quán nhỏ đáng mến, nó đã biến mất, có lẽ đơn giản vì con đường uốn quanh co; thế nhưng trong vẻ huyền diệu của hoàng hôn tôi tưởng tượng rằng hết như trong các truyện cổ An Nam, có hai bà tiên đã rời bỏ trong chốc lát vương quốc của Ngọc Hoàng để tới con đường hoang vắng này, dưới vẻ ngoài của hai bà già tốt bụng, bán nước chè cho một nữ khách cô đơn.

# Điệp khúc mùa hè

*“Kem một xu đây...”* kem giá một xu... kem giá một xu...

Sau những ngày nóng bức, điệp khúc ấy vang lên trong tất cả phố phường Hà Nội.

Lúc nào cũng chạy lon ton như không hề biết mệt, những chú nhóc bán kem nước đá không bao giờ ngừng bán, sáng sớm, chiều muộn, thậm chí cả giờ ngủ trưa.

Ta thấy chúng trải bước dài vô định trên các phố, lướt quanh các quảng trường, chờ đón chiếc xe buýt tới; lúc nào cũng rình mò cơ hội có khách hàng, và từng phút cất tiếng rao mà cái giọng mũi không bao giờ thay đổi: “Kem một xu đây...”

Kem một xu, kem một xu... kem nước đá nhiều màu tươi đẹp, cắm trên cái que nhỏ: tím nhạt, hồng, cam hoặc chanh; dầu là sô cô la hay chuối, vẫn chỉ cùng một vị: một ít đường, một chút tưởng tượng và việc bồng lạnh càng khiến những cái miệng háo nước thêm khát bởi nó chỉ được giải khát trong giây lát nhờ sự xoa dịu giả tạo.

Bao giờ người ta cũng bị cám dỗ và các chú bé bán hàng đã mau lẹ thu về được một chuỗi xu đáng giá xâu vào một sợi dây ngoắc lên cái phích đựng kem.

Sáng sớm, khi những tia nắng đầu tiên xuyên qua lá hoa, làm mặt nước phẳng lặng nơi Hồ Nhỏ óng ánh, đã vang lên



tiếng kêu quen thuộc... “kem một xu...” và ngay từ đầu con đường vẫn còn lưu vẻ bí ẩn của ban đêm, một cậu *bé con* đầu tiên xuất hiện; một cậu khác tới từ phía ngược lại; rồi đến ba, rồi năm; những tiếng rao chập lại, giao nhau, nhưng có đủ khách cho tất cả mọi người.

Ai lại không thể tìm được một xu để tặng cho mình món xa xỉ tân tiến ấy cơ chứ, càng được đánh giá cao vì nhập ngoại, vì được thưởng thức khi chỉ số đo ngoài phố Paul Bert<sup>(1)</sup> lên tới 40°.

Đó là lúc người ta cảm thấy mình thật sự văn minh!

Trong mớ hỗn độn của sáng sớm, với tiếng ồn và náo nhiệt chung, ta ít nhận thấy khúc tráng ca của kẻ bán kem, nhưng vào những giờ ngái ngủ giữa trưa, nó trở nên rõ ràng, và nằm dài tận trong cùng ngôi nhà mát mẻ, người ta tự hỏi ai còn có thể ở ngoài đó, nơi nắng gắt để mà mua những que kem hân sẽ tan ngay lập tức.

Nhưng nhất là lúc ban chiều, khi cả Hà Nội ra hít thở một chút bên bờ hồ, việc buôn bán lên tới đỉnh. Nhanh nhẩu như những con rận, chúng lướt giữa đám đông và trong tranh tối tranh sáng của những bãi cỏ, quả thật là một khúc nhạc chiều, với những nhịp đuổi, đơn ca và đồng ca, trên chủ đề không đổi “kem một xu... kem một xu...”

Và mọi buổi sáng, lúc rạng đông, ta lại gặp một bà già bình dị hoặc một đứa trẻ nào đó chăm chú nhặt những cái que mà những người thích thú với kem tối qua đã vứt; cần phải thấy những cái rổ đầy thứ họ lượm được mới hình dung được việc tiêu thụ.

---

(1) Phố Tràng Tiền, Hà Nội. (ND)

Còn những chỗ quý giá cho việc buôn bán nhỏ này, đó là trạm cuối của tàu điện và các điểm giao nhau; có rất ít hành khách nhể nhại mồ hôi và nhàn rỗi cưỡng lại nổi một que kem màu da cam đầy cảm dỗ. Họ sẽ lại bị khát hơn sau đó, nhưng con người ta là vậy, luôn luôn là sự cảm dỗ thắng lí trí; vậy nên họ bị sa vào chỗ phải khát, mãi mãi và mãi mãi...

Và lại, một xu thì đáng bao nhiêu; tuy nhiên, biết mấy trăm và hàng mấy ngàn xu đã tan chảy trong những cái miệng thèm khát?

Ta thật sự hiểu được là đồng xu ấy có thể tuyệt diệu biết bao, khi ta gặp một *bà già* cao tuổi ngồi trên bờ đường đang thưởng thức một cách thư thả gần như là kính nể sự xa hoa của một vật vô ích, trong khi những đồng tiền thì luôn thiếu cho những thứ có ích.

Với một thái độ khác hẳn, nhân viên, thư kí mặc đồ Tây, tự “trả” cho mình món kem: dáng vẻ thư thái của một quý ông biết phong tục phương Tây và đã quen với lối thanh lịch văn minh; khinh bỉ và hách dịch, anh ta ra hiệu cho chú *bé con*, thông thả chọn và mút kem với vẻ xa cách.

Bọn nhóc con không điệu đà gì, ồn ào “bú” kem đang chảy và nhỏ giọt khắp quanh mình, cùng với những tiếng cười phá lên và những cú xô đẩy.

Hoặc lại có một nhóm *con gái* dưới bóng râm cây bàng; đặt gánh nặng xuống và hau háu hít hà niềm khoái lạc mong manh của thứ giải khát đang tô điểm cho lúc nghỉ ngơi của thân trâu ngựa.



Gã chạy giầy đi xe đạp cản cái “kem” của mình, dừng lại bên vỉa hè, vẫn không rời yên xe, rồi ấn mạnh pê-đan đi tiếp.

Và đôi khi, ta thấy một gia đình *nhà quê* vừa tới từ một vùng đồng ruộng xa xôi, ông già búi tóc và bọn thanh niên nhón nhác; họ tập tọng ngón nghề những khoái lạc chưa từng biết nơi thành phố, nơi hiếm khi họ đến và nhăm nháp một cách khoái trá xen lẫn hồ nghi và ngạc nhiên món khoái khẩu hầu như bí ẩn này; rồi những tiếng cười bối rối, nét nhăn nhó khi cái lạnh chạm vào răng, những nhận xét ngây thơ, nhưng lúc nào cũng kèm theo vẻ lưỡng lự cùng đôi chút hồ nghi trên gương mặt... ấy là người thành phố thật là hay lừa đảo!

Nhưng đẹp nhất là khi thấy các cô gái thanh lịch mút ở đầu bờ môi, với vẻ lả lướt và tinh tế yếu điệu, liếm đầu lưỡi lên cây kem hồng hoặc xanh lá, nổi bật trên hàng răng trắng.

Đôi mày vẽ hoàn hảo thành hình “lá liễu”, búi tóc buông lơ sau gáy, họ dạo bước trên ven hồ vào những buổi hoàng hôn êm dịu và cơn gió nhẹ uốn lượn tà áo dài màu nhạt. Họ nói cười riu rít, xúc động khi một giọt nước ngọt chảy dài theo cái que họ đang cầm ở đầu ngón tay thon thon.

Và các chàng trai trẻ đi qua nhìn những nàng xinh đẹp đang cười...

Kem một xu, kem một xu...

# Các nghề vật vãn

Tùy theo sự tiến hóa của hoàn cảnh và nhu cầu từng lúc, loại nghề vật vãn nảy sinh và phát triển, những công việc bản chất là phù du sẽ tự biến mất khi hoàn cảnh thay đổi; nhưng trong một khoảng thời gian, chúng góp nên một phần diện mạo quen thuộc của thành phố, và gắn chặt với cuộc sống hằng ngày đến mức ta không nhận thấy chúng; *bé con* giữ xe đạp, bà bán hàng xổ số và các hình bóng khác, ngày hôm nay quen thuộc sẽ bị quên lãng vào hôm sau...

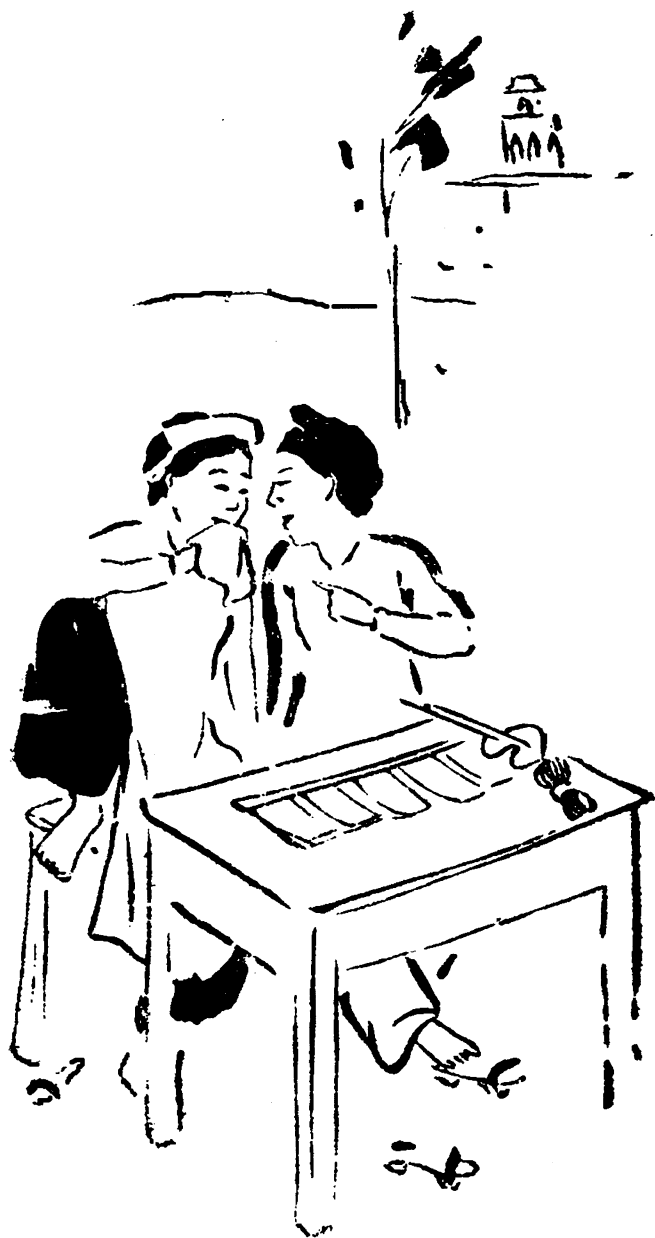
\*

\* \*

Một cái bàn, một ghế đẩu, đây là “cửa hiệu” của bà bán vé số, nếu có thể thì đặt trong góc một ngôi nhà hoặc dưới mái hiên của một cửa hàng, nếu không thì đơn giản ở ngay tại một góc phố, giữa những cơn gió lùa.

Phủ lên một phần bàn là chiếc khăn trải bàn bằng giấy tờ tã, được chùng dây buộc lại, trên đó trải ra dăm sáu tập vé số được bó lại bằng cái bìa rời và đặt dưới tấm kính.

Lúc đầu người bán hàng luôn là một bà không rõ tuổi – hình dáng luôn không thay đổi, mặc áo dài *củ nâu* hoặc đen và



đội nón. Ta có thể thấy không mấy đẹp mắt. Nhưng dạo gần đây số lượng người bán có vẻ tăng thêm và nghề buôn này bắt đầu có đôi chút đa dạng. Giờ đây ta thấy đủ mọi diện mạo, người già, người trẻ, người xinh đẹp và người cau có, tất cả đều có xu hướng thêm vào việc bán vé số vài thứ tạp nham; ghim có đầu bằng hạt ngọc, bình mực, bằng phiến, thuốc nhuộm vải (người ta tiêu thụ thuốc nhuộm xanh từ khi xà phòng khan hiếm, để che giấu vết cáu bẩn không thể tẩy rửa được) và ngay gần đây lại thêm món “bánh tây ống”. Bánh tây ống là món gây sóng gió mới ở Hà Nội; từ khi một người làm bánh đầy sáng kiến “phát minh” ra nó, những kẻ cạnh tranh thấy khách hàng đánh nhau (đây không phải là ẩn dụ) trước cửa đối thủ khôn khéo, họ sẽ không dừng lại chừng nào còn chưa làm được món mới cũng thú vị như thế, đến nỗi giờ đây đi vài ba bước là ta gặp ngay người đang bán hoặc người đang nhai bánh tây ống.

Vậy là các bà bán vé xổ số cũng bán cả bánh tây ống và cả dép đi ngủ bằng rơm, kim chỉ v.v..., và ở phố rue de la Soie<sup>(1)</sup> có cả một cửa hàng thực sự giữa trời; cần phải thấy rằng bà bán hàng đã khéo sử dụng đinh và các sợi dây đến thế nào để biến cái bàn thành nơi phô ra các mặt hàng.

Có những phụ nữ khác, kín đáo hơn nhưng cũng không kém phần khéo léo ngồi đan miên man: áo len cổ cao dài tay xanh lá, áo khoác xanh lơ hoặc tất chân màu trắng; hoặc có khi họ khâu những đường viền dài bất tận.

Luôn luôn có một bà già rách rưới mắt kèm nhèm nào đó, đầu trùm khăn đen, vừa nhai trà vừa tỉ mỉ nhặt rau: những

---

(1) Phố Hàng Đào. (ND)

cọng rau muống chẻ giống vỏ bào hoặc củ cải thái thành lát mỏng như giấy quần thuốc lá.

Có những cô gái trẻ đứng từng đôi để chuyện trò, đom đóm và tươi cười, đầu trùm chiếc khăn sặc sỡ; hoặc ngồi xồm trên chiếc ghế đầu hẹp, cùng những đôi guốc sơn mài buông lơl cầu thả.

Nhưng có những người đàn ông đàn bà bán vé xổ số không có được chỗ thuận lợi trên đường phố, và thế là giữa con hẻm, trong quán cà phê, trong cửa hàng, bất cứ chỗ nào, cứ thế mà xấn tới, đột nhiên chìa ra trước mũi ta: “Vé số thua ông, vé số thua bà!” Không có gì làm họ dừng lại, không có gì làm họ nản chí. Ít ra thì họ cũng dùng cách khác tiếp cận bạn rất nhẹ nhàng, vé riêng tư đến độ trong giây lát ta tưởng họ thật sự có điều gì muốn nói với ta. Đó là lúc họ thủ thỉ mách tin tuyệt vời này: “Vé xổ số... *Tốt lắm...*”

\*

\*   \*

Đã từ lâu chú *bé con* là thứ phụ kiện không thể thiếu trong cuộc sống thường ngày ở Đông Dương; đó là món có thể trao đổi tuyệt vời, gắn đúng vào chỗ cảm thấy có nhu cầu; ta không tìm được ai thích hợp hơn chú bé con và tuyệt đối không thể nào kể hết những nghề mà tay phụ trợ quý báu ấy có thể làm; đây là một trong số đó, đặc biệt nhất trong chương trình nghị sự: chú bé con giữ xe đạp. Chắc chắn đó là người anh em của những kẻ ngày xưa ở bên hiên của các tiệm cà phê phố Paul Bert

“đổ xô ra khi có người đến và tranh nhau xem ai được nắm dây cương con ngựa. Nhóm của chúng kêu om sòm (một người viết mục thời sự thời đó kể lại) và hoảng hốt khi hai con ngựa Đà Nẵng, nhỏ con và giận dữ cắn nhau; hoặc có khi là những cú đấm liên quan đến chuyện nhận món tiền boa cuối cùng...”

Phải chăng đây chính xác là cảnh diễn ra ở Hà Nội ngày hôm nay, khi vừa trên xe đạp bước xuống, bạn bị vây bủa bởi một đám đông *bé con*, chui lên chẳng biết từ đâu, giống như những con bọ cát nhảy lên dưới bước chân của bạn trên bãi biển; nhưng chỉ khác là những thứ để cười mà các *bé con* ngày nay giữ đều có bản chất đặc biệt ôn hòa.

“Giữ xe thưa ông... giữ vô lô<sup>(1)</sup>... tôi giữ...”

Thế là ta đưa xe đạp cho đứa bạo dạn nhất, đứa đã quyết đoán nắm lấy ghi đông xe và ta thanh thản rời đi, làm công việc của mình trong lúc chú *bé con* bị các đứa cạnh tranh không may mắn sỉ vả, vẫn trụ lại để trông cái xe của bạn.

Khi ta trở lại, tất cả các *bé con* đều đã dàn hòa và chơi *cờ hùm*, họ hàng xa với cờ tướng, hoặc chơi xu (anh em họ với trò chơi bi của trẻ con Pháp), thậm chí cả chơi một loại bài nào đó, đập mạnh những mảnh bìa các tông cũ cáu bẩn và rách nát. Cần phải nhìn thấy những gương mặt nhóc con ấy với cặp mắt lấp lánh, chờ cơ hội ra một cú bài sướng tay và nghe tiếng rửa phát ra từ bọn bé con, láu cá và nồng nhiệt chơi bài như đám đàn ông.

Cả một vòng người châu bài mách nước và bình luận các cú ra bài; bọn *bé con* bán báo vì vậy quên cả chuyện bán chác

---

(1) Tiếng Pháp: Vélo, nghĩa là xe đạp. (ND)

của mình – bạn biết đấy, cái nghề chỉ nhằm gào vào mặt khách qua đường: “Hành Động, thưa ông... Thời Báo... Ý Chí đây...”<sup>(1)</sup>

Đồng phục của *bé con* đó là sự rách rưới, chân đất và đầu tóc bù xù, tuy vậy vẫn có những đứa có gương mặt dễ thương với những cái răng bần cước và đôi mắt to của những thằng nhóc khiến ta tự hỏi ai là mẹ của những đứa trẻ mà nếu được tắm rửa và ăn mặc sạch tươm thì có thể thực sự là những đứa trẻ thay vì là tiện dân này: bọn *bé con*.

Đôi khi đứa *bé con* có vẻ thật tệ đối với bạn – đặc biệt khi ta ra khỏi hiệu bánh – ta cho nó 10 xu; thế là ta đã mắc sai lầm bởi với một khách hàng ít xúc động hơn sau đó chỉ cho một hoặc hai xu – mức độ thông thường – nó sẽ trở tráo đòi thêm. Thêm nữa, nếu sau đó ta thấy lại vẫn đứa *bé con* ấy ăn cắp của mình những cái núm van xe hoặc vài phụ tùng không dễ thấy, ta sẽ nhận ra mình thật ngu hơn nữa... Nhưng rồi ta vẫn cứ tiếp tục làm vậy, bởi ta không thể nào ngăn được lòng thương hại và sự dại dột.

Hơn nữa giờ đây đồng xu đã mất nhiều giá trị: khi bạn cho người ăn mày một xu, ông ta nhìn nó vẻ khinh thường và nếu điều đó còn chưa đủ vẻ miệt thị thì ông ta có đủ sức mạnh để đòi được bạn 10 xu; nếu không thì ông ta sẽ tạm thỏa lòng mà lăm bắm rít qua kẽ răng những điều khinh miệt đến nỗi bạn đi khỏi như một kẻ có tội.

Đứa *bé con* giữ xe đạp vậy là nhìn đồng xu của bạn, thậm chí hai xu và không hề xấu hổ chìa cái tay lấm lem ra xin xỏ: “Năm xu thưa bà, năm xu...”

---

(1) Nguyên văn báo tên tiếng Pháp: “Action”, “Courrier”, “Volonté”. (ND)

Tuy nhiên, vẫn có những *bé con* rụt rè – bọn mới vào nghề – hoan hỉ với hai hoặc ba xu của bạn: vừa cầm được xu vào tay chúng liền loan báo số tiền cho tất bọn trẻ con quanh đó đang bàn tán về vị khách hàng hào phóng.

Số lượng xe đạp càng tăng thì nghề giữ xe đạp càng mở rộng và giờ đây ta thấy trước cửa tất cả những công trình lớn của thành phố một nhà để xe (mà không bảo đảm)<sup>(1)</sup> với một nhân viên thừa hành đôi khi đồng ý xếp xe của bạn vào giá cắm bằng gỗ. Nhưng hầu hết là y giao cho một *bé con* làm phụ tá bởi lẽ, chính y, người đã trụ ở một cấp bậc quá cao, không thể hạ mình làm việc gì ngoài việc cao quý nhất, đó là không làm gì.

Nhân vật này tỏ ra vẻ hơn người, mũ cát lệch bên tai; y thích những khẩu trang kẻ ô vuông, mốt mới nhất, và những áo vét-tông có đai thực sự là đã phai màu; thậm chí chẳng hiếm khi ta thấy y đi giày và tất (mà lỗ thủng lên tới mắt cá chân).

Cuối cùng, ngay cả cái nghề này, đàn bà đã tới ganh đua với đàn ông... mọi người đi xe đạp dừng chân ở sở lớn đều biết cô bé đứng dưới hiên lợp tranh trông coi xe đạp, cô bé chần cừ dễ thương của bầy đàn dễ bảo là những con vật hai bánh.

---

(1) Ở đây có lối chơi chữ không thể chuyển dịch: Nguyên văn garage (nhà để xe) và sans garantie (không bảo đảm) lấy âm đầu và có ý mỉa mai. (ND)



# Trong phố

Con phố tôi ở không to lắm, không đẹp lắm, cũng không nhỏ lắm, không bẩn, không buồn; một con phố giống như nhiều phố khác, có những giờ lặng lẽ, có những giờ náo nhiệt, nhưng tất cả mọi ngày đều diễn ra “tấn kịch to rộng ấy gồm hàng trăm hồi khác nhau” đã giúp ông La Fontaine<sup>(1)</sup> đôn hậu khuây khỏa rất nhiều.

Điều đó bắt đầu từ trước lúc buổi đêm kết thúc, khi hãy còn tối đen; một tiếng bánh xe lăn chậm, lóc cóc, cứ như là bánh xe hình vuông: đó là người phu quét đường cùng cái thùng tô nô đặt trên một loại xe ba gác; ta nghe thấy tiếng ông ta xì mũi, khạc nhổ, ngáp... cuối cùng, ông đụng chạm đôi chút vào đồ nghề, chuyện trò đôi câu với một người phu kéo xe đang ngồi giữa hai càng xe, nơi ngọn đèn vẫn sáng theo quy định, rồi cho tới sáng... loạt xoạt, loạt xoạt, loạt xoạt... tiếng quét chổi âm thầm của ông ta.

Chuyến tàu điện đầu tiên không chậm trễ kêu ken két ở chỗ ngoặt, trong khi từ xa vọng lên tiếng động của đồng quê: gà trống gáy, chó sủa, tiếng mõ<sup>(2)</sup> vang trầm đục mà người tuần phu nào đó đang gõ lên.

---

(1) Jean de La Fontaine (1621-1695): Nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp. (ND)

(2) Mảnh thân tre có rạch kẻ theo chiều dài.

Chốc chốc lại có tiếng lóc cóc vội vã: tiếng guốc của một người đi đường sớm sủa; hoặc là tiếng chân bước thoáng nghe được của bàn chân trần. Đôi khi là âm sắc của xe đạp, một khúc hát ngân nga khe khẽ chứng tỏ một người đàn ông đang đi qua; có lúc chỉ là mùi khói thuốc lá; và ta tự hỏi những người trong đêm tối ấy đang đi làm việc gì...

Đúng lúc sau rạng đông người bán *phở* bước tới do có tiếng va lách cách khe khẽ của *cái bát* và mùi hương thơm ngon của nước dùng. Người đàn ông đặt cửa hiệu di động của mình ở góc phố và tỉ mỉ chuẩn bị nguyên phụ liệu trong khi đưa *bé con* phụ việc thổi vào cái ống tre để ngọn lửa bùng lên; và ngay tức thì mấy người phu tុ tập quanh bếp lửa đỏ bừng và được chiếu sáng bởi ánh lửa khiến cảnh tượng giống như một cuộc hội họp của những con ma.

Bập, bập, bập, người bán thịt đang băm những nhát dao gấp gáp, kèm theo tiếng rao của người bán *phở*: “*Phở... ở...*” vang to lạ lùng trên con phố vẫn đang còn vắng vẻ.

Sau đó một chút, người bán cà phê đến; ngồi giữa hai thùng chứa, ông ta quạt liên tục bếp lửa nhỏ xíu trên có đặt một chiếc bình sắt; ông ta rao hàng với lối nói trống không bằng một nốt duy nhất: “Cà phê... ô lé”<sup>(1)</sup> – sữa không còn, nhưng tiếng rao vẫn thế.

Đó là lúc tiếng chuông buổi sáng vang lên trong ngôi chùa bên cạnh dường như để xua tan bóng tối cuối cùng và chấm dứt việc xua đuổi hắc tà ma.

---

(1) Tiếng Pháp bồi, nửa tây nửa ta. “Ô lé” (au lait) nghĩa là “kèm theo sữa”. (ND)

Giờ đây bắt đầu ngược xuôi những người đầy tớ đi từ nhà nọ sang nhà kia để lấy lửa và chú tâm mang về những mảnh đước tre có ngọn lửa nhỏ rung rinh; với cách làm ấy, chỉ cần một cái bếp của khu phố giữ lại suốt đêm những hòn than vùi tro là có thể nuôi mọi bếp lò; cách tiết kiệm những que diêm thật tốt!

Đồng thời những phụ nữ cung cấp nước bắt đầu đi lại, kèm theo lúc đi là tiếng động vui vẻ của những thùng rỗng, còn khi trở về vạch ra cả một con đường của những giọt hoặc những vũng nước do chốc chốc dừng lại cho một người phu vội vã uống ngay trên mặt nước sóng sánh.

Đó cũng là lúc quét cửa, ngay tức thì và cố định như một nghi thức: trước mặt mỗi ngôi nhà, vài đứa *bé con* hoặc một con sen, mang chổi xể cọ sạch kĩ lưỡng những bậc thềm và mảng vỉa hè dưới đó; bã mía và các loại rác rơi xuống rãnh nước liên tục đầy ắp.

Một ông láng giềng hẳn là không có nước máy và còn thiếu đường ống dẫn ra cống đang rửa mặt ngoài cửa sổ ở tầng trên, nhổ một bãi đầy bọt của thứ kem đánh răng màu hồng; tiếp theo là một chậu nước to hắt ra mà chẳng cần nhìn xem có ai đi qua, tất nhiên.

Tiếp đó là cuộc dạo chơi của hai con chó bên cạnh một cậu nhóc con lấm lem đang nóng lòng kiếm chế bọn hăng máu bằng cách giật dây xích; một vòng nhỏ dạo quanh bãi cỏ dốc trước mặt, bọn gâu gâu<sup>(1)</sup> tội nghiệp bị cưỡng chế đưa về cái lều của những người chặn giữ.

---

(1) Chuyển dịch từ nguyên văn "toutou": chó (theo lối gọi của trẻ con). (ND)



Cứ như thế, ngày càng sáng, mọi hoạt động và tiếng ồn càng tăng thêm. Đường phố đã tràn ngập tiếng động hằng ngày ngày lúc tiếng rao của chú bé bán báo vang lên khi chú chạy học tốc tay chìa ra một tờ báo: “*Ai Đông Pháp, Tin Mới ơi...*”, đúng là tiếng kèn đồng lạnh lạnh kết thúc bằng đoạn nhạc đệm luyến láy âm cuối với độ rung yếu dần theo nhịp của cuộc chạy.

Giờ đây trời sáng hẳn, vô số bà bán hàng đang tới để mọi người mua bữa sáng; trước tiên là một bà già, gương mặt nhăn nhúm, miếng vải buộc trên cái đầu trọc lóc cặp cái thúng bên hông, chân thọt bước cà nhấc đi tới và rao to “*Ai xôi ơi*”<sup>(1)</sup>, một khúc ca có những nốt không rõ, không thể tìm thấy trong một cung bậc nào vì giọng ấy cũng suy yếu như bóng dáng con người. Một chú *bé con* ra đứng trên bậc cửa, tay cầm *cái bát* ra hiệu gọi bà già “*xôi!*...”. Rồi bà già đặt thúng xôi xuống giữa vỉa hè, ngồi xổm xuống, vén tấm vải và vãi buồm giữ cho tảng xôi màu vàng của bà ta được nóng ấm, dùng cái đĩa mẻ xúc lấy một phần xôi giá 4 hoặc 5 xu.

“*Ai bánh cuốn ra mua*”<sup>(2)</sup>, với giọng rao dựa trên hai nốt đàn rung rung, một “cây sào” to lớn tay đung đưa, đội trên đầu một cái thúng; thò ra ngoài nắp đậy của cái thúng là một cái cổ chai và một bó dũa. Vì những người láng giềng của tôi hay mua món bánh này, bà ta rao thật to khi đi qua trước nhà họ. Một cô con gái khăn quần tóc buông lơ lửng hé cánh cửa và bà bán hàng, ngồi ở bậc cửa, trong giây lát đã bày ra trên cái mẹt một

---

(1) “Qui veut acheter du xôi, riz gluant”: Xôi vò là một loại cơm nếp, trộn với đồ nhuộm có màu vàng.

(2) “Qui veut acheter du banh cuốn”: Loại bánh tráng bằng gạo, tấm mỡ có chứa mẩu hành xanh và đôi khi có cả thịt.

đĩa *bánh cuốn*, một chén *nước mắm* với ớt và chanh, một đôi đũa. Con sen bê đi và mấy phút sau mang lại đĩa chén trống không và lộn xộn bên trên một cái mẹt; bà bán hàng dùng một miếng giẻ màu xám lau chùi vật dụng, bỏ lại vào thúng nâng lên đỉnh đầu quấn khăn và cái thân hình gầy gò, thẳng đứng lại bước tiếp: “*Ai bánh cuốn ra mua...*” Bà bán hàng *bún thang*<sup>(1)</sup>, bước đi loạng choạng dưới cái *gánh*, quẩy một bên là nồi nước dùng bốc hơi đặt trên một lò lửa nhỏ và bên kia là những món bày biện chu đáo: bún trắng, thịt gà xắt miếng, trứng rán thái chỉ, *giò* cắt sẵn, tôm và rau diếp thái cùng với những gia vị không thể thiếu như mắm tôm, bị người châu Âu ghê sợ; cái thúng được bày biện ở bên trên như một cái ngăn để người ta có thể từ bên hông kéo ra những cái bát và các đồ phụ kiện. Hai người phu mang một bó củi ngồi xuống bờ dốc để thổi lửa và ra hiệu cho bà ta; bà đến nơi đặt *gánh* nặng xuống, lấy một cái ghế dài nhỏ và thiết lập nhà hàng lưu động của mình; các khách hàng chăm chú hau háu nhìn bà chuẩn bị những phần ăn để tưới lên nước dùng đựng trong nồi bằng một cái gáo dừa; chốc chốc vẫn không dừng tay làm việc, bà lại rao to bằng giọng mũi: “*Ai bún thang ơi...*” để gọi những ai muốn ăn.

Những bà bán *xôi* lần lượt tới, đu đưa cặp đôi thúng *xôi lạc trắng*, *xôi đậu đen* hoặc *xôi lúa*, mỗi người rao lên thứ mà họ bán; khi trời lạnh người ta bán món xúp gạo (*cháo*), những bánh nếp to nướng (bánh đa) kèm thêm những lớp hạt kê xay và đỗ xanh tẩm đường; tuy nhiên cũng không có nhiều lúc ta nghe thấy tiếng rao: “*Ai xôi, cháo, bánh đa kê ra mua...*”

---

(1) Dạng xúp với sợi; mắm tôm là loại mắm làm từ tôm tép, có mùi rất nồng.

Cũng hơi hiếm có người bán phở gà, nhưng ông ta gây khá nhiều náo động; giao cho chú *bé con* phụ việc trông nom cái bếp lưu động, ông đi qua con phố và cất tiếng rống lên “*phở gà... phở gà... phở gà... ê...*” bằng một giọng như kèn đồng và quả quyết hoàn toàn át đi giọng của ông bán phở bò.

Người bán bánh bột rán bọc tôm (*bánh tôm*) cũng tựa tựa như ông kia, chỉ khác mỗi một điểm là ông ta im lặng; nhưng ông lại có vẻ hơn người ở cái mũi phớt đội lệch (hiệu Fléchet hoặc Borsalimo!) với cùng một vẻ thoải mái; ông ta làm những động thái của diễn viên kịch khi nặn miếng bột, làm cho miếng rán sủi bọt rồi dùng cái kéo to tướng cắt bánh rán thành miếng. Khách hàng dõi mắt theo sự chuẩn bị thêm thắt nét hoa mĩ của ông có vẻ cảm thấy đôi chút hài lòng; chẳng mấy lúc món ăn ngon đã sẵn sàng; khách cầm lấy đôi đũa và chấm vào nước chấm (*nước mắm* pha chanh) những miếng bánh bột rán, nhai rau rầu cùng rau diếp lẫn với các thứ rau thơm.

Vào mùa đông, ta cũng thấy người bán *bánh chưng* rán, những cái bánh chưng nhỏ hình tam giác mà ông ta nhấn bẹt trên miếng tôn loáng mỡ chảy ra từ một miếng mỡ, bên dưới là bếp lửa đốt củi. Khi bánh đã vàng ươm, bên ngoài giòn tan, bên trong thấm dầu, ông ta mời những tay háu ăn đã nhanh chóng tụ tập lại. Nhưng đó chỉ là một món ngon gặp dịp thôi, còn thông thường là hằng ngày, người bán cơm *nếp* nào đó quẩy gánh đựng đưa cái chõ gỗ giữ nóng cách thủy cùng chiếc tủ nhỏ, vừa đi vừa cất tiếng rao ngắn ngủi “*Ai nếp ơi...*”, theo độ ngân quãng ba hoặc quãng tư tùy theo mỗi người; ông già mà ta thấy nhiều nhất đúng là người đầu bếp tí mĩ nhất; cần phải thấy cái cách chu đáo khi ông dùng những cái muỗng tre xúc

cơm nếp bốc hơi ngon lành vào đĩa rồi cắt những miếng xúc xích hồng (lạp sườn) thành lát mỏng đến độ trong suốt; ông tỉ mỉ trang trí cho phần cơm rồi lại để vào nồi hấp nóng chốc lát; cuối cùng ông chìa cái đĩa cho khách dùng cùng đôi đũa ngắn màu đỏ và mùi ngon thơm của xôi kèm xúc xích bốc lên tận cửa sổ nhà tôi.

Trong suốt thời gian ấy, những con sen đi đi lại lại với một cái bát có đĩa đậy, đôi khi là cái mâm đựng mấy chiếc bát, để mua một bát của ông bán hàng phở; họ tán gẫu rất to quanh cái bếp hàng rong.

Ở cuối phố ta nghe thấy ông bán hàng bánh khúc đang tới, với tiếng rao vang lên rồi hạ xuống mau lẹ do ông ta bước đi gấp gáp, cái thúng bên hông.

\*

\*   \*

Tàu điện đi Hà Đông và Cầu Giấy chạy ngang qua phố liên kè và ngay gần đó có một chỗ giao nhau; có nghĩa là hành khách luôn phải chờ hoặc một lúc lâu hoặc chóng và có thể mua cái gì đó để khuây khỏa; cả một đám *bé con* ừa lại mỗi khi tàu đến mời mua báo, bánh ngọt, mía, hạt dưa, hoa quả, kem, mọi mặt hàng vật vãnh của nghề buôn bán nhỏ trên đường phố, thay đổi tùy theo mùa; bọn chúng thật sự đổ xô vào các toa với tiếng rao và la lối om sòm, bản hòa tấu khó nghe gồm những tiếng hét lớn, hòa lẫn với tiếng nghiêng kèn kẹt, tiếng huýt còi và tiếng chuông; cảnh tượng như trong sử thi của



Homer cùng với cảnh xe cộ chật ních nơi những người mới tới tìm cách cố len vào, mỗi người mang theo gói quần áo, cái ô, hoặc một bó hoa, và đủ mọi loại thú mừng. Bọn *bé con* xông vào đám khách hàng, xô đẩy nhau, cấu xé nhau, đâm vào mặt và chửi bới nhau, đánh nhau và luôn có những đứa ngã nhào xuống mặt đường bùn lầy, tất cả hàng hóa tung rơi hết, trước niềm vui chung.

\*

\*   \*

Xe gom rác không đi đều đặn lắm, tôi cho rằng vì sự thất thường của khách hàng; nó lặng lẽ tới do một người phu kéo bằng một sợi dây thừng ngoắc trên vai. Cái chuông nhỏ gắn trên càng xe, ông lắc nó luôn, hình như chưa đủ bởi có một phụ tá đi theo gào tướng lên câu: “Đổ rác đi” khiến cho như là có phép màu, từ tất cả mọi nhà bọn đầy tớ nhao ra, ban đầu còn uể oải; mỗi người tới với vật dụng riêng, người thì một cái giỏ cũ, người thì cái thùng thủng hoặc một mảnh chiếu rách; với tiếng cười và lời giễu cợt, họ vừa đổ rác vừa để rơi trên đường cả một vệt rác.

Khoảng tám giờ, những người bán hàng rau tới, còng lưng dưới gánh nặng đồ sộ; một cuộc diễu hành đẹp mắt của màu sắc tươi mát; cà chua đỏ lẫn với màu xanh lục sáng của rau diếp, với màu xanh lục sẫm của rau muống, bắp cải nhỏ lá gần như xanh lơ, cà rốt rửa sạch; tỏi tây to màu trắng. Tất cả bọn họ tới đặt thùng cách nhà tôi một trăm mét, dưới hàng hiên

hiếu khách nơi trở thành một cái chợ cóc thực sự trong chốc lát, bởi khi những nông dân dừng lại nghỉ và sắp xếp lại rau củ, các bà nội trợ quanh đó liền nắm lấy cơ hội may mắn bất ngờ; một số phụ nữ ngồi xuống chiếc ghế con, nơi gánh rau của họ đã được đặt xuống đất, để sửa soạn lại hoặc gĩa cổ giò rau cao ngất trong thúng, tưới nước lên rau bằng cái gáo dừa, phụ kiện không thể thiếu của các bà bán hàng rau tươi; còn những phụ nữ khác thì trò chuyện với nhau trong khi dùng cái nón to thường có dán tem đóng thuế để quạt mát, rồi tất cả lại đi, nối đuôi nhau, tới cái chợ nào đó trong khu vực.

\*

\*   \*

Hằng ngày, gần như vào đúng thời điểm ấy, ta thấy vẫn là những người ta đã nhận ra mà không quen biết: sáng sớm là một phụ nữ Tàu theo Công giáo vừa trở về từ buổi lễ thầm, tay cầm cuốn sách; sau đó là một tay chơi thể thao, từ sân vận động ngay gần đây, tóc tai đầm đìa và chiếc khăn quấn quanh cổ...

Hầu như mọi buổi sáng đều có một ông thầy bói già với đôi mắt trong lạ lùng; bộ đồ mà ông luôn thay đổi thường là thứ pha trộn dị thường nhất, gồm những thứ vút đi kiểu đồ Tây nhưng đã được vá víu cực kì cẩn thận khiến chúng biến đổi hoàn toàn và càng trở nên kì cục hơn; tuy nhiên sự xa xỉ có vẻ được thể hiện ở những đôi giày mà ông trưng ra với sự chọn lọc thực sự, tất cả ít nhất có ba cỡ quá khổ; mũ phẳng làm bằng lá gồi, kiểu chưa từng có, đôi khi sơn màu đỏ, cùng bọc

áo quần có những dụng cụ gồ lên; đó là người đáng mến nhất trong số những vị pháp sư già, vụt xuất hiện từ một truyền thuyết Lão giáo.

Từ lúc bảy giờ, người đi làm và bọn trẻ đến trường mới đi qua; một nhân vật vênh vác trên xe kéo nhà mình, một người khác mặc cả mải giá một chiếc xe thuê; đây là một chàng trai hoàn mĩ, điều thuốc lá trên môi với tất cả dáng vẻ của một quý ông đang làm tan nát trái tim phụ nữ; một sinh viên bước đi tay cắp sách; rồi tới một cô gái An Nam, thoải mái trên xe đạp tuy rất dè dặt, lai một cậu bé ngồi sau yên xe đến trường; vài nhân viên đường sắt được nhận rõ do đội mũ cát kết đồng phục, một người lính... rồi một nhóm bé trai mặc áo dài đen, mỗi đứa cầm nghiền mực và quill bút, ngồi chĩa ra phía trước; rồi tới một cô bé, thật là dễ thương, cái khăn mùi soa hoa buộc dưới cằm, với vẻ người mẹ thực sự khiến ta cảm động, đi kèm cậu em, một thằng nhóc ngúng nguẩy và giận dữ, lụng thụng trong cái áo dài quá rộng và chiếc mũ đội đầu cứng màu trắng xệ xuống tận mũi; từ nhà bên cạnh một cô gái chồm chu bước ra bên người đầy tớ cầm cái cặp... thêm vài người phụ nữ đi chợ, thế là cảnh sôi động sáng sớm đã qua đi; qua đi, đó chỉ là một lối nói bởi trên một con phố xứ An Nam, hoạt động và tiếng ồn không bao giờ ngưng lại; tuy những bà bán hàng rong rất ít, nhất là không đều đặn và các khách hàng chỉ được chẳng hay chớ.

“*Ai muối mua*” – người đàn ông hàng muối rao to bước rất nhanh, đu đưa hai cái thùng đựng muối màu xám, và tiếng rao dường như còn kéo dài rất lâu, sau khi ông đã đi qua.

Không hiếm khi ta nghe thấy chính người phụ nữ bán hàng hoa rao bằng tiếng Pháp “La fleur... madam’...”<sup>(1)</sup>, hai nhóm từ quãng âm điệu bị rút ngắn, làm sai lạc lối phát âm, trong chốc lát người phụ nữ xuất hiện ở ngã rẽ, những bó hoa lớn sắc màu rực rỡ đặt trên những cái mẹt; thoang thoảng mùi thơm của hoa huệ làm cho con phố trong chốc lát tươi vui hẳn lên vì những bó hoa.

Họ hàng nghèo với người phụ nữ bán món hàng tươi đẹp ấy là những người đàn bà bán đồng nát, đem theo trong cái *gánh* khốn khổ những mảnh vỡ và lông gà vịt cũ, rao lên bằng một giọng đều đều: “*Ai đồng nát, sắt, thiếc, gang!...*” hoặc “*Ai chai trắng, cốc vỡ, lông vịt bán không...*” tùy theo loại hàng đặc thù của họ.

Mùa nào thức nấy, ta thấy những bà hàng rong đi bán loại gạo xanh<sup>(2)</sup>, được ủ cho tươi giữa lá sen, những cái chổi nhỏ mới, làm bằng cọng của chính thân cây gạo ấy, khoai lang luộc, mía, hoa quả, hạt dưa, gương sen giống như vôi của bình tưới nước, ngô rang... có chừng ấy thứ từ khoảng năm này sang năm khác, nên nó là một cuốn lịch sống động; hoặc giả, lại vẫn có những *bé con* hoặc bé gái suốt ngày đi rong để bán hoa quả, lạc rang, kẹo, mọi thức ăn vặt giá từ một đến hai xu mà dân An Nam thích thú. Đáp lời ca trầm bổng của chú nhóc bán kẹo: “*Ai kẹo vừng, kẹo bột ra mua*” là cô bé bán mía giọng the thé: “*Ai mía ra mua...*”, hoặc những giọng không dứt rao bán những quả quýt: “*Ai quýt ê...*”, rồi khi trời nóng là tiếng rao ám ảnh của những cậu bé bán kem: “*Kem một xu đây, ai kem đây...*”; cuối cùng, mới đây thôi là lời đông dãi về bánh tây ống: “*Ai bánh tây... bánh tây năm xu đây...*”

---

(1) “Hoa đây, thưa bà”. (ND)

(2) Cốm. (BT)

Ngay gần quãng đường tàu điện giao nhau có các chú bé bán hàng đông hơn ở các con phố, và thường thường chúng bỏ bê việc bán hàng tùy hứng, đến tụ tập thành nhóm dưới bóng râm tròn của cây long não nhỏ; đứa thì đặt xuống rổ hoa quả, đứa cái phích kem; chú nhóc đánh giày bỏ bê cái hộp, và một nhóc khác mết mải rao lên hú họa “*Ai nước vối nóng, ăn thuốc không?...*”, quên luôn cái bình nước to dùng để cùng những đứa khác chơi bài hoặc chơi xu, theo cách tung lên tường cho nảy lại... – cuộc sống vừa thảm hại lại vừa lí tưởng cho bọn trẻ đường phố...

Thỉnh thoảng có người mài dao kéo đi qua, một cụ già rách rưới, cặp mắt sắp mù bởi bệnh loét giác mạc; “*Ai mài dao, mài kéo ê...*” – một giọng nói yếu ớt mết mải khê lặp đi lặp lại trong khi cụ bước đi lập cập, lúc lắc miếng đá mài và cái bình nước nhỏ.

Có những khi người thợ mộc đi rong mang theo cửa và đục, hoặc bác thợ khóa với xâu chìa khóa đồ sộ dùng đưa quàng trên khung hộp đựng dụng cụ cùng bài ca: “*Ai chữa khóa không?*”

“*Kẹo hồng, kẹo hồng!*” – giọng của người bán kẹo gồm lặp đi lặp lại với âm điệu nhỏ rồi để thu hút khách hàng, lấp xấp cái kéo to tướng rồi dùng nó cắt tảng kẹo lác đác những hạt vừng, trải ra trên một cái khay gỗ lớn.

Hiếm hoi hơn, ta nghe thấy tiếng rao của người đàn bà bán kẹo đường nấu chảy: “*Ai kẹo mua*”, bàn tay mau lẹ cuốn quanh chiếc que cái chất nhão sền sệt tuyệt vời đựng trong chiếc hũ đất; còn những người khác bán loại kẹo này đã đông cứng và dùng dao cắt chuyên dụng xắt nhỏ thành miếng...

Vào khoảng 11 giờ sáng, bà bán *bún chả* tới nơi và một mùi khoái khẩu của thịt nướng tràn ra khắp con phố. Khách hàng ngồi xõm quanh bà, còn bà thì sửa soạn cho họ những phần *bún* trắng và rau sống cùng các loại rau thơm, một bát *nước mắm* pha chanh ớt, rồi bà nướng những xiên thịt lợn đã tẩm ướp gia vị ép chặt giữa các que tre bằng cách để chúng lên trên một cái hộp sắt nhỏ chứa than hồng mà quạt; món ăn nướng tuyệt hảo sẽ được thả vào bát nước chấm khi hãy còn nóng.

Giữa giờ ngủ trưa êm ả luôn có một thầy thuốc người Tàu cứ nhai đi nhai lại một khúc điệu khó hiểu phát ra từ trong họng, rong ruổi với vẻ trang trọng trên con phố hoang vắng; một phụ tá theo sau, mang đồ nghề của ông thầy.

Ta vừa tỉnh dậy là bà bán *chè* với chồng *bát* đựng món sền sệt thơm mùi tinh dầu hoa bưởi có điểm hạt sen hay gạo nếp: “*Chè hạt sen*”, bà vừa đi qua vừa khẽ rao; hoặc đây là ông bán nem, rao bán món đặc sản của mình với giọng mũi vang to: “*Ai nem chua chả sốt ra mua*”... – sao ta có thể cưỡng lại việc thêm ăn thêm nữa? Trừ phi ta lại bị quyến rũ bởi ông bán *giò* đi tới, trên đầu đội một thúng đầy các bó *giò lợn* hoặc *giò bò*; ông thận trọng cân những khoanh đã cắt bằng cái cân nhỏ mang theo mình, và thế là diễn ra những cuộc mặc cả từng xu dài lâu trước khi ông ta đưa cho khách hàng vài lát khoanh tròn mỏng bọc trong một mảnh lá chuối.

Cánh cổng các ngôi nhà thường hé mở, trừ khi trời quá lạnh, việc này khiến các bà ngồi trong nhà khâu vá hoặc gấp dài có thể giải khuây với cảnh tượng luôn náo nhiệt trên phố, hoặc ngóng trông những người bán món hàng mà các bà cần mua đi qua.

Vài ba bà có thể ra hiệu cho ông *thầy bói* mù, thường mang theo những nén hương và quả cau đựng trong cái đĩa, ông ta sẽ tiên đoán cho họ một tương lai tức thì mà tâm lí giữ vai trò quan trọng, bằng cách cho vài lời khuyên lấp lửng giúp vị pháp sư này không bao giờ bị mất thiêng.

Vào đầu buổi chiều, người ta cũng luôn nghe thấy tiếng rao của ông bán hàng cơm lên men<sup>(1)</sup>: “*Ai nếp mua!*” rồi xới món hàng vào những *cái bát* nhỏ xíu cẩn thận như một người bào chế thuốc; hoặc còn cả tiếng rao của người bán chè đậu ngọt: “*Lục tào xá*” – ông ta rao với một âm tiết đều đều, rất quen thuộc với bọn trẻ háu ăn món ấy.

Tới khi trời nóng, những người bán đậu tương đặc quánh (đậu phụ) xuất hiện và ta luôn nghe thấy tiếng rao kéo dài “*tào phớ*” trước khi thấy được người đàn ông đựng đưa trên đòn gánh cái thùng gỗ chứa món ăn đông sánh, và cái ngăn tủ có xếp những *cái bát* và thìa bằng sứ.

Cũng vào lúc bắt đầu nóng, ta thấy yên vị nơi góc phố một ông bán đồ uống giải khát: nước chanh và si-rô với sắc màu lạ lùng; ông ta không ngơi tay... nào cắt hoa quả, nào nạo đá, nào khuấy các món pha trộn; tiếng lanh canh của những chiếc thìa nhỏ khuấy mạnh và tiếng sục sọt thể hiện rõ người hưởng thụ đang ngon miệng; nhiều khi giữa đám trưng bày chai lọ, cũng có một cái chậu lớn chứa đầy thạch nâu ăn với đá – món *phục linh cầu*<sup>(2)</sup>.

Nhưng ngoài những hàng rong thường nhật, còn có tất cả những người đàn ông đàn bà bán hàng tùy theo thời vụ: có bà

---

(1) Rượu nếp. (ND)

(2) Chế phẩm được làm từ nấm phục linh.

bán chậu đất mà khách ngồi xổm trên bậc cửa búng ngón tay cho nó vang lên, đông dài tranh cãi trước khi quyết định lấy một cái cũng... giống như những cái khác, nhưng thời gian mặc cả khiến cho họ cảm thấy mình đã mua được món hời; ông bán vật dụng bằng đồng có ánh vàng hoặc đỏ chói rực bên trên cái *gánh* đựng dưa; bà bán những thứ làm bằng tre: dưa và dưa cả xối cơm, chổi nhỏ, v.v...; bà bán giấy thủ công mang từng chồng giấy màu xám; bà bán vôi hồng và trắng; ông bán chiếu cất giọng oai phong: “*Ai chiếu mua*”; ông già bán kem lạnh cóng với tiếng rao “*xê cẩu, xê cẩu*” là một trong những nét tiêu biểu của mùa hè.

Thỉnh thoảng có bà chữa giày ngồi trong một góc cửa ra vào và luôn tìm thấy trong cái thúng mảnh da cũ hoặc cái đinh quý giá trong chốc lát sẽ làm sống lại những chiếc “giày to hàm hồ”, kể cả những cái đã bị nứt toang và gót mòn vẹt nhất.

Không hiếm những người hành khất, mỗi người có bài ca của mình, lời than vãn, van lơn đặc biệt, và nhất định là mọi người đều bố thí cho họ...

\*

\*   \*

Dầu là buổi sáng hay ban tối, con phố Bắc Kỳ bao giờ cũng sống động, ồn ào, náo nhiệt; thoát tiên là khúc hát của những đôi guốc khi lên khi xuống, rời xa hoặc tới gần, vui hay buồn, chậm rãi hay vội vã, tiếng lóc cốc vĩnh cửu mà người ta chẳng còn nhận ra nữa.



Rồi có những chuyện đông dài vô vị của những người có vẻ không bao giờ vội vã, đàn bà bên ngưỡng cửa, đàn ông ngồi xồm trên vỉa hè; bọn trẻ con, lúc nào cũng đông đúc, chơi đùa và hò hét, tự do, coi con phố như là địa phận của chúng vậy; những chiếc xe kéo chạy qua, và vô số những phu phen rảo bước dưới cái *gánh*...

Cuối cùng trời trở về tối và sau tiếng chuông *thu không* để “thu lại không gian” vang lên trong ngôi chùa gần đó, người ta nghe thấy tiếng rao của người bán hàng cuối cùng “*ai miễn*” còn vang lên rất lâu trong đêm tối.

Mùa đông, con phố buồn tẻ vào chiều tối; bởi tất cả các ngôi nhà đều đóng cửa và để tiết kiệm việc thắp sáng, nhiều người đi ngủ rất sớm; nhưng vào mùa hạ, có những đêm đẹp trời trong sáng, người ta thức khuya hơn và trước tất cả cửa ra vào ta thấy những nhóm bóng nho nhỏ trò chuyện, chơi đùa hoặc mơ màng theo nhịp phe phẩy của vài chiếc quạt.

# Thầy bói

Ngồi xồm trên chiếu, không hề để ý tới tiếng ồn giữa chợ là ông thầy bói trầm tư mặc tưởng; nếu không thì đơn giản thôi, giống như nhiều người vùng Viễn Đông, những người có một tài năng tuyệt diệu đó là thấy hạnh phúc khi không làm gì cả mà không sốt ruột, ông ta chỉ đợi thời gian trôi qua và khách hàng đi tới. Hơn nữa điều đó nói lên rằng, chẳng hề có ý xấu, mỗi người đều tự do để hiểu ý nghĩa cuộc đời theo cách của mình và luôn gặt hái được phần thưởng từ thái độ của mình, dù thế nào đi nữa, bởi vì nguyên lý của đạo Phật đã khẳng định: “Nghiệp sinh ra từ nhân quả, mỗi kết quả đến lượt nó lại trở thành nguyên nhân và phát sinh ra một loạt kết quả khác. Đã từng có những nghiệp như viên đạn bắn ra mà người bắn không thể thu nó lại được nữa, cũng không thể nào tác động tới đường đi của nó...”

Thầy bói ở Bắc Kỳ, là một phần của đời sống thường nhật, và nếu bài ca dao thường chế nhạo ông ta: “Nhà này có quái trong nhà/ Có con chó đực sủa ra đặng mồm” thì cũng không vì thế mà người ta lại ít thường xuyên đi hỏi thầy bói, bởi thương vụ của ông đáp ứng các nhu cầu thật nhân văn, đó là được biết và tin tưởng rằng mình là chủ vận mệnh của mình. Bản thân [ông vua] Minh Mạng vĩ đại cũng hoàn toàn tin tưởng vào thứ khoa học thần bí này và đã soạn ra một cách thức xem tử vi với

cuốn sách có những lời tiên tri được khuyến cáo, sau khi đã dâng đồ cúng tế để “cầu thánh thần hoặc đức Phật tiết lộ thiên cơ trong chốc lát”.

Ông *thầy bói*, nhà tiên tri đi rong, luôn là người mù, tới nhà, có nghĩa là ông đi qua phố và người ta gọi vào để xin quẻ bói.

Một trong những *thầy giò* ngồi ở bên đình Nam Hương (phố Jules Ferry<sup>(1)</sup> ở Hà Nội) sẽ bói cho bạn bằng chân gà mái và ông *thầy tướng*, ở phố Panier hoặc phố Chanvre<sup>(2)</sup>, rút lá số tử vi dựa trên đường nét gương mặt, những chỗ gồ ghề trên đầu hoặc dựa vào chữ viết.

Ở Chợ Lớn<sup>(3)</sup>, đủ các loại thầy bói ngồi ở những khoảng còn trống đằng sau các bà bán hàng hoa và cây [cảnh], người thì ngồi trên ghế dài hoặc chõng tre, còn những ông khác ngồi ngay xuống đất trên một manh chiếu; có vài hình vẽ thô thiển làm bằng hàng, một chuỗi chân gà giò co quắp hoặc một chùm đu đủ làm thẻ bói (quẻ) thể hiện chuyên môn của mỗi người. Số lượng và mối quan tâm của họ thay đổi theo từng ngày: ông già uyên bác hiền lành, bọn mưu mô cáo già hoặc người bần cùng mà học thuật được gom lại trong vài việc mê tín dị đoan.

Mỗi người đều thu xếp chỗ ngồi nhỏ cho mình trên khoảng hai hoặc ba thước vuông: một ấm chè, một ống điếu, một cái quạt... – tất cả tiện nghi theo kiểu Á Đông – rồi đến cái hộp nhỏ sơn mài chứa đồ nghề, một bình hương đang cháy, một đĩa hoa và quả cau, vài cuốn sách gập nổi kiểu Tàu và những

---

(1) Nay là phố Lê Thái Tổ. (ND)

(2) Phố Hàng Gai - tên gọi thời Pháp thuộc. (ND)

(3) Chợ Đồng Xuân. (ND)





cuốn sách ma thuật bụi bặm, nhiều khi có một nghiên mực, chiếc bút lông và con triện bằng gỗ khắc chạm dùng để làm bùa trên giấy vàng hoặc đỏ. Những người mù mặc áo dài và đội khăn đen, thường đeo kính che đôi mắt mù khốn khổ; họ nói nhỏ trong khi tay sờ soạng khoảng không và nhẩn nhẩn làm sáng tỏ những bí mật vô nghĩa.

Rồi có những người đàn bà cũng làm nghề bói toán ngồi xồm trước hộp đựng trà đặt một cái gương nhỏ, một đĩa hoa và một bình cắm những nén nhang – nói chung là những mù trù về tinh ranh với những lời tiên đoán giống như chuyện ngồi lê đôi mách.

Nhưng đẹp mắt hơn là những ông già, hình ảnh cụ đồ có râu cằm và kính mắt, vị đạo sĩ mặc áo dài tím hoặc áo khoác ngoài màu vàng nghệ, kiểu nhà thơ Trung Hoa gợi nhớ Lý Bạch ham vui; tất cả những người đó diễn giải với vẻ uyên bác, nhồi trộn một cách bí ẩn những lá số, bởi vì mỗi một thẻ đã in dấu ấn một con số tương xứng với một lời phán truyền của cuốn sách tử vi vốn vô cùng thông thái; những lời khuyên nhủ hợp lí hay mĩa mai, chuyện hiển nhiên, những suy ngẫm được gợi ý từ lẽ thường hoặc những câu nói bóng gió mà tâm lí giữ vai trò chủ yếu.

Phải chăng bao giờ cũng có chút gì đó có thể vận dụng vào trường hợp riêng biệt của bạn khi có câu trả lời như thế này:

“Khởi đầu sẽ tốt, kết thúc xấu; sau khi ấm tiếp theo là lạnh; mùa đông tới sau mùa hè. Bông hoa trên cây trở thành quả rồi rụng xuống, thối rữa rồi khô héo chỉ để lại cái vỏ, nhưng cái vỏ này chứa đựng lượt gieo mầm.”<sup>(1)</sup>

---

(1) Dịch lại theo ông Dumoutier.

Đó cũng là kiểu triết lí kết lại bằng sự nhần nại và lí thuyết định mệnh từng thẩm thấu trong tất cả văn chương Hán Việt, cũng như cuốn *Lục Vân Tiên*<sup>(1)</sup> khi người học trò trước khi rời xa người thầy, hỏi làm thế nào để tiên đoán tương lai, ông thầy đã chỉ tay lên vầng trăng mà trả lời: “Việc người chẳng khác việc trăng trên trời/ Tuy là soi khắp mọi nơi/ Khi mờ, khi tỏ, khi vơi, khi đầy.”

Và làm sao lại có thể thất vọng với công thức này: “Để được việc thì khả năng thôi chưa đủ, mà còn phải gặp được vận. Hai vợ chồng có thể rất thương yêu nhau; nhưng nếu sống xa nhau và không gặp nhau bao giờ, thì làm sao sinh con đẻ cái được?”

Song có thể kiểu minh triết này chỉ hợp với... những nhà hiền triết, còn đối với những người bị khuấy động bởi những thèm khát nhỏ mọn và thường nhật lại trở thành khó nghe. Nhiệm vụ của thầy bói là uốn nắn những công thức bất di bất dịch cho hợp với thước đo mỗi người, chuyển cái điều tưởng như chỉ hiểu được trong lĩnh vực tinh thần sang bình diện vật chất; vậy là người thầy bói chỉ có thể bước đi rất thận trọng mà thi hứng dân gian đã giấu nhại trong bài ca dao này:

“Số cô chẳng giàu thì nghèo  
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà  
Số cô có mẹ có cha  
Mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông  
Số cô có mẹ có chồng  
Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai.”

---

(1) Truyền thơ rất nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu.

# Ở nhà băng

Ngồi trên cái ghế dài, đối diện với những cửa quầy, tôi đợi tới phiên của mình đến quầy thu tiền vừa lúc hai ông già *nhà quê* bước vào.

Họ có cái vẻ vừa ngập ngừng vừa vụng về của tất cả nông dân mọi xứ sở trên thế giới, lạc lõng trong một thành phố lớn; trong khi đó, ở nông thôn sự giản dị và thoải mái thô lậu lại trao cho họ một vẻ sang trọng hài hòa với thiên nhiên.

Bóng dáng của họ có vẻ rất khiêm nhường dưới ô cửa cao với những cây cột và hết sức lạc lõng trong khung cảnh xa hoa lạnh lẽo của cơ ngơi. Sự tương phản làm cho tôi nhận ra cái điều tôi đã luôn nhìn mà không thấy: những cột trụ trần ngực và vòm mái rộng lớn, những tấm đá cẩm thạch, những đồ khảm, đồng thau lấp lánh và đồ sắt rèn, những tấm ván gỗ dày dặn, những cái quạt, máy sưởi, tất cả những thứ ở đây có thể đủ tập hợp cho quan niệm về tiện nghi của phương Tây. Và đằng sau cái quầy rộng mênh mông nơi khách hàng đến đứng áp vào, ngồi bên những chiếc bàn bóng loáng là những nhân viên trang trọng trong bộ y phục hoàn hảo, tiến hành đầy đủ các thủ tục của việc kinh doanh tiền bạc.

Hai người nông dân vẫn còn vấn trên đầu cái vành khăn nhiều tím the kiểu cũ, ria mép thưa thưa và bốn sợi râu cằm;

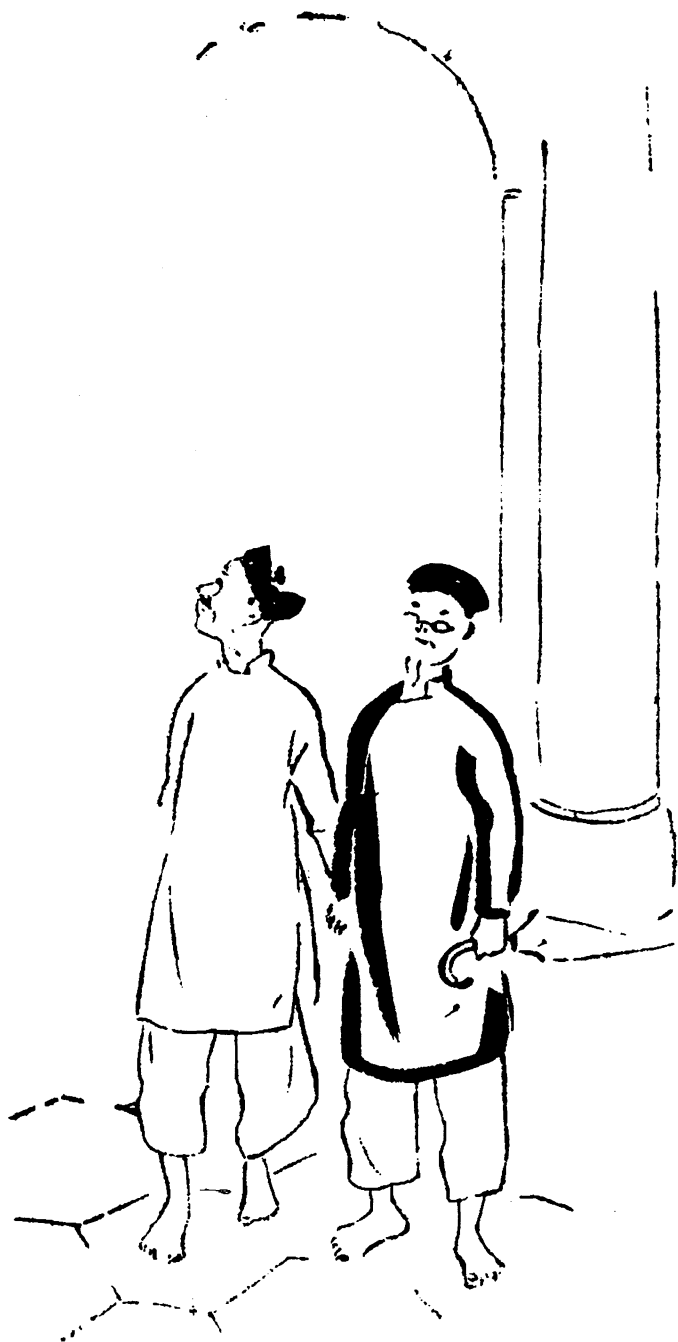


phủ ngoài chiếc quần vải trắng của họ là mấy lớp áo dài đen có khuy nhỏ bằng đồng hoặc bằng xương mà lớp viền cổ bóng loáng chứng tỏ áo đã cũ. Bàn chân trần thô nhám gót nứt nẻ đôi lúc thò ra ngoài dép để cho thoáng những ngón chân méo mó, vốn vẫn thường quen với những con đường sỏi đá, với bùn của ruộng đất, những cái chân chắc nịch không sợ nhọc nhằn.

Về thận trọng, sau khi đã đi qua khoảng rộng của những viên gạch vuông màu sáng, họ có vẻ đã tới chốn giao dịch và thương thảo với một nhân viên trẻ người An Nam trong khi ngay bên cạnh, một người Ấn Độ, hoàn toàn thoải mái với những bí quyết tài chính phương Tây, xem xét giấy tờ của họ.

Họ đứng đó, cụ này nắm cánh tay cụ kia, lắng nghe lời giải thích của người đồng bào trai trẻ mặc áo vét tông hàng nỉ, với vẻ vừa dè dặt vừa tinh ranh; và trên hai gương mặt nhăn nheo và xạm lại vì bao nhiêu năm nắng chói, mồ hôi và mệt nhọc, những cặp mắt nhỏ sinh động đánh chính lại về quê mùa của họ; hẳn ta sẽ thấy thú vị khi được thấy họ tranh cãi ở một cái chợ quê nào đó giữa những sản phẩm màu mỡ đích thực của đất đai.

Cuối cùng nhân viên người Ấn bình thản chỉ cho họ nơi phải điểm chỉ, đặt trước mặt họ một hộp giấy thấm to; lúc ấy một trong hai ông già cầm bàn tay ông kia xoa lần lượt từng ngón trên dấu ấn đỏ rồi in nó xuống cuối tờ văn bản. Ông ta chăm chú làm run rẩy những bàn tay già nua vụng về, vốn chỉ thành thạo trong những công việc thô thiển, còn ông già kia thì ngoan ngoãn chìa ra những ngón tay méo mó, chai sạn, với những móng cứng không được chăm chút. Những bàn tay



khốn khổ tiều tụy và ngấm bẩn, màu của đất từng bao lần xói lên và dường như vẫn còn in dấu vết những công cụ trang trọng, biểu tượng cho công việc vĩnh hằng của những người nông dân, những con người có lòng tin vào tương lai.

Lúc ấy bài ca dao của dân Bắc Kỳ trở lại kí ức của tôi:

“Ai ơi bưng bát cơm đầy  
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.”

# Cà phê - quán ăn

Đó là một quán ăn An Nam rất nhỏ, bên lề một con đường lớn, không cách xa Hải Phòng lắm.

Trên cửa mặt tiền khiêm nhường quét vôi trắng, dưới tên chủ nhà, có thể đọc được một thứ tiếng Pháp có chút gì đó hóm hỉnh một cách hồn nhiên: “Café-restaurant-Boissons gazeuses – Plat au choix” (Cà phê-quán ăn – Đồ uống có ga – Món tùy chọn” (cái từ “au choix” ấy có vẻ được làm vội vã nếu người ta tin vào chính tả).

Mé bên trái là một ông thợ mộc của làng đang kéo cửa hoặc bào nhẵn những tấm ván tùy theo nhu cầu từng lúc có thể trở thành giường hoặc quan tài. Mé phải là một bà bán các loại ngũ cốc đựng trong nhiều thúng mủng: gạo trắng, gạo đỏ, và gạo *nếp* hạt màu đục, đậu xanh và ngô nghiền vỡ, cám tuôn ra từ những túi phồng to... một mái nhà bằng lá gồi phủ lên toàn bộ ba cửa hàng mà chỉ có quán ăn là sở hữu duy nhất mặt quầy.

Do cụm nhà đó nằm trong khu vực của những “Ca nương”, nơi người ta làm việc chủ yếu vào buổi tối, hoạt động của nó bắt đầu lúc đã muộn: cánh cửa gỗ chỉ hé mở trước giữa trưa và các cánh cửa của hai cái quầy bằng kính trông giống như những mi mắt cụp lại trên gương mặt đang ngủ.

Nhưng nếu buổi chiều ta vào đó uống một ly cà phê hoặc nước ngọt, ta ngạc nhiên vì cảnh tượng cổ sơ dễ chịu của căn phòng nhỏ và cảm thấy rất xa phố phường.

Mái nhà lá xếp gối lên nhau lộ ra khung tre, bụi bậm và mạng nhện chăng.

Trên nền nhà lát gạch hoa màu hồng nhạt, có chỗ không bằng phẳng, những cái ghế tựa khập khiễng quanh mấy cái bàn; và đám ruồi vo ve, sung sướng trong khoảng tối mát rượi.

Giống như một tấm màn che khuất cửa ra vào đồng thời được dùng làm nơi quảng cáo, một thứ tủ kính dựng lên chứa những món đồ quý hiếm tốn: nửa miếng xúc xích trên cái đĩa trắng, những cái bánh mì nhỏ có vẻ đã ỉu, một cái bình thủy tinh đựng đường nâu và những quả quýt, trứng, hộp đựng kiểu Nhật, vài gói thuốc lá bán lẻ...

Những chai bia và nước cam xếp thành hàng dọc hai cửa sổ và sau một quầy hẹp, trong một ô tủ không cửa gắn trên tường, ta thấy những chai khác đựng thứ “choum”<sup>(1)</sup> trong mớ nút bằng rơm.

Thêm nữa, dưới lớp mái cao nhất một cái ngai sơn đỏ dùng làm bàn thờ tổ tiên: một chữ Hán chiếm vị trí thiêng liêng làm nền, với chuỗi, đĩa hoa và vài nén nhang làm đồ cúng lễ.

Hai cây xanh trên quầy trả tiền, một cái lọ bằng thủy tinh đựng cà phê đã xay và hai, ba cái khác đựng bánh bích quy, những chiếc xúc xích kiểu Tàu móc vào một cái đinh, đó là tất cả cái kho của nơi bán hàng nhỏ bé ấy.

---

(1) Người Pháp mới sang Đông Dương chưa biết loại rượu trắng (quốc lủi) nên gọi là “choum” (phát âm là “sum”). (ND)

Cho dù khiêm tốn đến mấy, cái quán hàng nông thôn này vẫn có chút gì đó chào đón, với tường màu trắng sạch sẽ có những chỗ treo áo khoác dài hình con bướm và vài bức tranh chẳng biết đến phối cảnh là gì.

Trong một góc, cái thau đồng nhỏ đặt trên chiếc kệ ba chân trưng ra loại nước vắn đục và cái khăn thường lệ cho người ta lau mặt sau bữa ăn. Trên bàn là ống hút thuốc Lào và cái ấm pha trà xung quanh có những bát nhỏ hoàn thiện thứ tiện nghi giản dị này.

Ngồi khuất sau chai lọ của mặt quầy hàng, ta thấy sự hoạt động trên con đường – khách vãng lai, xe tay, xe đạp, đôi khi một cái xe hơi và cảm thấy phố thị không xa mấy. Thế nhưng qua cánh cửa hẹp về phía sân nơi có ánh nắng, ta nhận ra, dưới mái túp lều tranh bếp lửa bốc lên quanh vạc cơm, cái thớt cũ kĩ, với dao băm và trong cái rổ đặt dưới đất, rau cỏ và những con cá nhỏ. Lúc ấy ta có cảm giác đang ở xa, rất xa phố phường và quá khứ vẫn sống bất kể sự náo động kinh khủng ở thế kỉ hai mươi của chúng ta.

# Hoa sen

Trong đầm gì lại đẹp hơn sen?  
Một đóa kia kìa nở trước tiên.  
Mặt nước, chân giòi, thân gái lạ  
Đài xanh, cánh trắng, nhị vàng chen  
Xôn xao bay rồi đàn con bướm  
Đủng đỉnh bơi xa một chiếc thuyền.

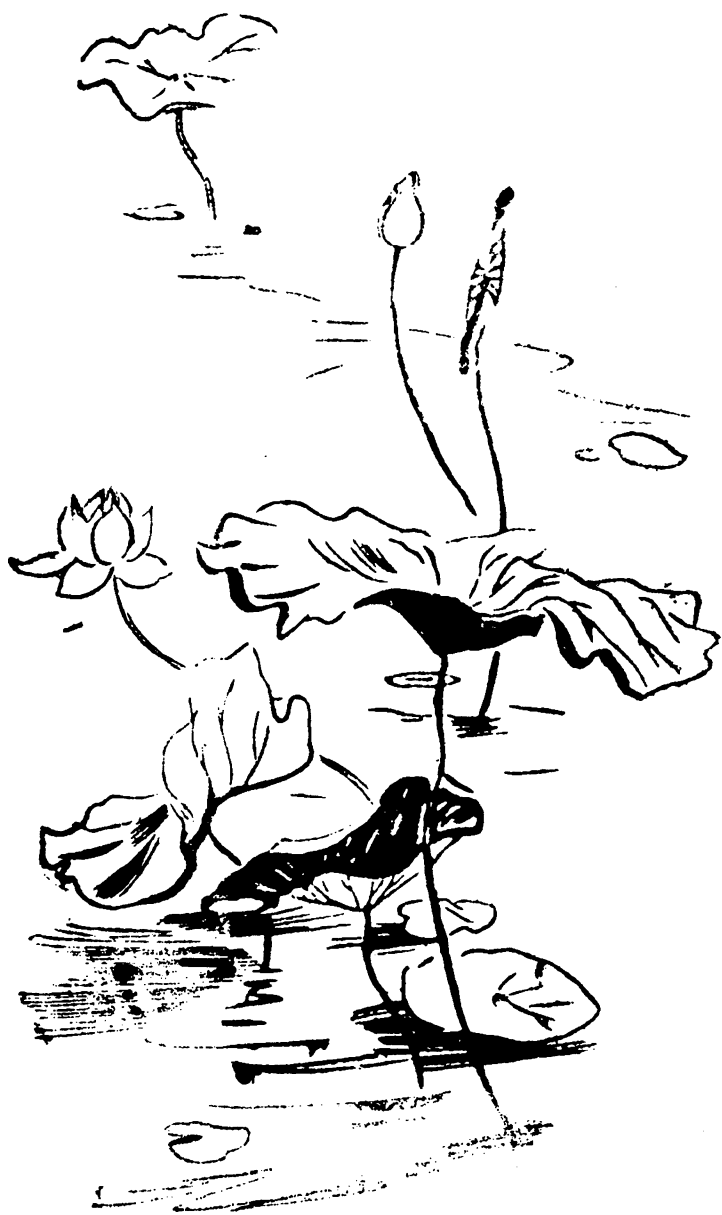
Thơ Tản Đà

\*

\* \*

Đây là mùa sen, loài hoa được người An Nam ưa thích, biểu tượng của Phật giáo, tượng trưng cho sự trong trắng khi rễ cắm trong bùn mà trên mặt nước vẫn bung ra vành hoa sáng mịn với cánh hoa mỏng manh.

Hồ Lớn của Hà Nội chính là nơi cần đến để ngắm hoa sen, vào buổi sáng, khi những búp sen đầu tiên hé mở cùng với những tàu lá tròn còn giữ lại những giọt sương. Núi non xa xa nhô lên giữa sương mù ban mai và trên mặt nước phẳng phất sắc hồng, nhàn nhạt như những cánh hoa sen. Một mùi hương thoang thoảng trong bầu không khí và ta nghe thấy tiếng chuông chùa Trúc Bạch, khuất sau rèm liễu.





Lúc đó ta mới hiểu được vì sao những bông hoa này từng có thể qua bao nhiêu thế kỉ gợi cảm hứng cho văn chương và nghệ thuật Hán - Việt, thậm chí ta có thể hình dung rằng trong một sớm rạng đông có một người tu hành đơn độc tới bên bờ nước, giống như những nhà nho Trung Hoa xưa, đến lắng nghe tiếng động bí ẩn của những bông hoa sen hé nở.

Tuy nhiên ở Hồ Lớn vào buổi sáng, người ta rất hiếm gặp các nhà hiền triết đi chiêm ngưỡng, mà lại gặp những nông dân trung hậu và những phụ nữ bán hàng hoa đến hái hoa sen. Bọn họ xuống nước, có khi một hoặc hai người, trong những cái thuyền thúng kết bằng tre, rồi dùng cây sào làm chèo, trong chốc lát họ biến mất giữa lùm cây rậm rạp. Chốc chốc vang lên những tiếng gọi hoặc ta thấy từ xa cái nón của một phụ nữ lượm hoa, nhưng có những chỗ lá và hoa vươn cao tới độ không thấy được những cái thúng lướt qua đó. Thế rồi những người đã hái lượm xong gạt cây lá xanh tươi, đột nhiên xuất hiện trở lại. Đứng thẳng ở đầu mũi, giữa những bó hoa sen hồng, người phụ nữ chèo thuyền tựa trên mũi sào và cái thuyền nhỏ đầy hoa xinh đẹp đến nỗi thay vì là một người thường dân, ta tưởng như được thấy một nàng tiên đang đáp xuống một khoang thuyền hoa trên mặt hồ huyền diệu.

Nhưng những người An Nam cũng thực dụng, họ biết kết hợp cái hữu ích với sự dễ chịu và hoa sen có vô vàn cách sử dụng.

Một phần nhỏ hoa được chăm chút hái khi đang còn là búp để bán ở chợ hoa, mang cúng lên chùa và dâng lên bàn thờ tổ tiên, còn phần lớn để dùng với mục đích ẩm thực.

Suốt mùa sen, ta thấy trên các con phố những phụ nữ nông dân chở những chiếc thúng đồ sộ chứa đầy đầu bông hoa [đài sen] và trong một số căn nhà, ta có thể thấy trước mặt đàn bà và trẻ con là một đồng cánh hoa màu hồng để họ lấy nhụy hoa có gạo sen dùng để ướp trà cho thơm (*chè sen*). Chính nhụy hoa được dùng trong việc pha chế thuốc bắc, thuốc nam để làm thuốc ngủ<sup>(1)</sup>.

Trong một số đầm hồ người ta để cho hoa tàn và phát triển cái bao xốp có hình thù giống hệt cái vôi tưới cây, trong có hạt. Trước lúc những cái hạt này già hẳn, chúng có vị tuyệt vời, kiểu trộn lẫn mùi vị của hạnh nhân và hạt dẻ. Người ta mua những đài sen ấy ở các hàng bán rong. Những cái đã già hẳn được tách ra, lúc này hạt sen có hình thù gần giống như hạt dẻ có màu nâu sẫm gần như đen.

Nhưng những *hạt sen* đem đun với đường sẽ còn tuyệt hơn, có nghĩa là làm giống như hạt dẻ ướp lạnh khiến chúng gợi nhớ vị của thứ hạt này, và rất hiếm người châu Âu lại không khoái món này.

Ngành bánh trái An Nam biến nó thành món hàng tiêu thụ lớn, có thể là để nguyên, có thể làm thành nhân bánh ngọt, đặc biệt là bánh Trung thu thường bán vào dịp tết Trung thu.

Hạt đã sấy khô dùng vào việc nấu nướng, như món vịt, hoặc bỏ câu nhồi v.v...

Rễ cây có bột (*củ sen*) có khoang rỗng, được thường thức bằng cách cắt thành khoanh có hình giống như cái bánh xe có

---

(1) Có lẽ tác giả nhầm với tâm sen (được tách từ hạt sen). (ND)

nan hoa rồi đem rim với đường, món ấy cũng gợi nhớ hạt dẻ ướp lạnh nhưng nhạt hơn. Người ta nấu nó với thịt lại hợp hơn, xay nhỏ thành bột sấy khô, nó góp vào việc chế biến thứ nước hầm có tính chất làm cho dễ ngủ.

Cuối cùng, bản thân cái lá cũng đặc dụng, như để... gói hàng, nghĩa là nó có giá trị như lá chuối dùng để gói xôi và các thứ thực phẩm khác khi người ta mua với vài xu ở các bà bán hàng ngoài phố.

# Những người hút thuốc phiện

Trên phản rộng, ba người họ nằm duỗi chân hút thuốc phiện, quanh cái bàn đèn, và những ánh phản chiếu mờ tối lên gương mặt khiến tôi không nhìn rõ họ.

Qua luồng khói xanh nhạt tỏa ra trong phòng mùi thuốc phiện khiến tôi mù mị và dần dần, tôi cảm thấy như bị đẩy ra ngoài một vòng tròn ma thuật, ra ngoài vũ trụ nơi hiện nay những con người vốn là bạn tôi đây đang sống.

Theo bản năng, tôi im lặng và rút về đầu sập, tôi cũng nằm dài với một cuốn sách trong tay, tôi tìm đọc những bài thơ:

“A, những cái bóng của thân xác ta

Quấn vào nhau trong những cái bóng của hồn ta...”

nhưng tôi không biết bản thân những từ ngữ hay bầu không khí làm cho những câu thơ của một người không quen biết trở nên thật kì lạ.

Một chiều hôm giông gió khiến cho những khóm tre rên rỉ bên ngoài và làm những cánh cửa trên bản lề kêu cọt kẹt.

Trên phản, bên trong chiếc bình phong sơn mài với các tiên nữ Trung Hoa đang tươi cười, trời đã tối xung quanh ngọn đèn bàn.

Nhưng qua các ô nhỏ của một cửa sổ cao, ta vẫn nhận ra bầu trời và những chiếc lá của một cây long não đang lay động trong gió.

Họ nói, cả ba người, quên đi sự có mặt của tôi; họ thật là gần nhưng tôi có cảm tưởng một tấm màn rất mỏng ngăn cách họ với tôi: khói là nơi thoát ra suy nghĩ của họ.

Họ nói với giọng nhẹ nhàng và chậm rãi mà tôi không hiểu và những từ ngữ cứ lướt qua, lướt qua, không để cho tôi hiểu ý nghĩa của chúng.

Trên chiếu, đây đó những ánh phản chiếu lóng lánh đã tắt, họ nằm dài, gáy kê trên những chiếc gối cứng, bọc da màu hung bóng láng và trang trí bằng vàng.

Dưới cái bóng đèn hình chóp nón, ở giữa cái khay gỗ màu đen, ngọn lửa của cây đèn soi sáng mờ mờ những phụ kiện và những đồ mỹ nghệ theo nghi thức hút thuốc phiện, và những ánh phản chiếu của chúng lóe lên những đồ chạm trổ bằng kim loại, lên những đường cong của đồ sứ Trung Hoa.

Những tấm màn nhỏ che bớt ánh sáng được móc lên kính, bởi những con ghệten có mắt rất nhạy cảm và tôi nhìn thấy như trong một giấc mơ, trong một thứ ánh sáng tù mù, những cánh tay của người phụ nữ sửa soạn tẩu động đây; một đồ trang sức ánh lên trên ngón tay của cô, giống như phần nạm bạc ánh lên trên chiếc tẩu bằng ngà voi, cũng như cặp mắt cô ánh lên dưới những mí mắt chốc chốc ngược nhìn.

Những cuộn khói lại tỏa ra và cái người vừa nhả khói buông mình, nằm duỗi; khi đó ta tưởng như nhìn thấy những tiên nữ



trên chiếc bình phong Trung Hoa đang chuyển động, uốn lượn trong chiếc khăn mỏng như chính làn khói thuốc, cười bí ẩn dưới búi tóc cài hoa.

Xuất hiện kì lạ trên tường, những cái bóng chuyển động.

Họ luôn nói chuyện với giọng trầm thì liên tục của dòng nước chảy. Trong phòng, nơi tất cả thật là tĩnh lặng, ta cảm thấy cô độc với thế giới, tách biệt với thực tại bởi khói thuốc này, thứ khói thuốc làm mờ khí quyển và giam hãm bạn trong một vũ trụ ở ngoài rìa dương thế; ngay cả âm thanh của những giọng nói cũng có điều gì đó siêu thực, như một tiếng vọng từ thế giới bên kia.

Và đây, bên ngoài, trong hoàng hôn ướn ắt, cất lên tiếng hót của chim chóc, tự do và thuần khiết; những chiếc lá long nảo nhảy múa trước cửa sổ, những chiếc lá mà tôi biết rất rõ mùi hương khi trời mưa; khi đó, cứ như trái tim nghẹt thở, tôi nhìn những con người đang nằm dài cạnh tôi, kí ức gọi tôi nhớ về lời thú nhận thống thiết của ông Boissière:

“Tối qua, vừa rời khỏi bàn ăn, lúc bước vào căn phòng của con nghiện, tình cờ tôi nhìn – từ lâu tôi không nhìn như thế nữa – qua cái cửa sổ nhỏ hẹp.

Mặt Trăng tròn nhô lên trên những *cái nhà* đen với mái tranh rung rinh, trên những cây chuối, trên chiếc lá cứng của cây cau, trong một bầu trời sáng, và cơn gió biển mát lạnh – một cố nhân từ những tháng ngày quên lãng – thổi tới đầy mặt tôi những làn hơi trinh trắng, mặn mòi do bụi nước.Ồ! Cứ như nước mắt đang dâng lên trong mắt tôi!

Tôi nhìn cái sập, cây đèn, cái khay, tất cả kho vũ khí tự sát này, và chấn song bằng gỗ của cửa sổ rồi tôi nghĩ rằng tất cả điều đó chia cắt tôi vĩnh viễn với nguồn an ủi cổ xưa – Tự nhiên. Nhưng thuốc phiện vẫn là ông chủ: tôi nói lời vĩnh biệt xót xa hối tiếc, với vàng trắng, với cây cối, với đất, với tất cả những con người mà tôi biết là đang sống ấy, mà trước kia tôi đã từng yêu biết mấy, và vẫn bất lực trong việc cứu vớt tôi; cuối đầu, tôi đi về phía cái sập, với những tàn ngần do dự của con chó bị đánh đập nhưng vẫn trung thành.”



# Tối ngày Tết ở nhà hàng ăn Tàu

Trong thành phố tối tăm có vẻ hoang vắng, tối nay, chỉ có vài con phố tại khu người Tàu là còn sôi động.

Giữa các ngôi nhà có rèm không che chắn ánh sáng, là sự xô đẩy, tiếng rì rào của đám đông đang hưng phấn hòa với tiếng ồn ào của ván mặt chược ở những cửa hàng lớn.

Ta tình cờ bước vào một quán bởi tất cả đều giống nhau, tầng trệt mở ra ngoài đường phố, cầu thang thẳng đứng và mê cung của những hành lang, những căn phòng, các ngăn.

Cả một đám nhân viên đang cắn hạt dưa, mỉm cười chào đón khách với vẻ vừa bận rộn vừa rất uể oải vốn tạo nên khung cảnh của những tòa nhà Trung Hoa. Những cành đào nở hoa trong cái bình cổ hẹp, những tờ giấy đỏ nghi thức và hoa quả chất chồng lên nhau hoàn chỉnh việc trang trí ngày Tết; các trái quýt vỏ rực rỡ, chuối để cả buồng và những quả khế vàng bóng lộn; bên cạnh đó là đồ ngọt và những cái bát nhỏ xíu của bộ pha trà.

Những cây cam lùn và cúc trồng trong chậu xếp dọc theo bậc thang dẫn tới căn phòng đầu tiên đã đầy thực khách;

những gia đình mang trên người đồ trang sức lòe loẹt, những nhóm độc thân làm ra vẻ tân tiến, hơi chảnh mắng, nhóm những vị uyên bác Trung Hoa với chòm râu cằm và áo dài tím thẫm, rất trang trọng, thường thức từng ngụm trà và vẻ thi lễ.

Những chú hầu bàn đi đi lại lại, mềm mỏng và khéo léo, luôn vội vàng mà lại có vẻ xa xăm trong khi một cô hầu bàn bận bộ áo dài Thượng Hải chuyển liên tục những chiếc khăn tay ấm cho thực khách.

Mùi các thứ nước xốt bốc lên từ những đĩa bày trên bàn hòa lẫn với mùi lưu cữu từ phía nhà bếp, với mùi hoa thơm cùng hương trầm thấp lên trong những ngày lễ hội Á Đông, hòa lẫn với mùi thuốc lá và hơi người tụ tập tại cái nơi chật hẹp ấy.

Ngồi ngoài hiên ta phóng tầm nhìn xuống phố, con phố với đám khách qua đường vui vẻ đi qua đi lại, nơi những người kéo xe cũi cọ, nơi dân buôn bán không cửa hàng bày biện các thứ hàng cho buổi chiều: thuốc lá, những trái cam, những nén hương, pháo hoặc là đồ ngọt.

Một người bán bánh gối nóng đi rong cất tiếng rao róc rắt, tiếp theo là tiếng sênh khe khẽ của một người mù hòa thêm một lúc vào trong tiếng động của đêm. Và những ả đào nhỏ nhắn trang điểm cầu kì mặc áo dài sặc sỡ nom như những bông hoa hoặc bướm bướm giữa đường phố bắn thiu sức mùi nước cống. Mỗi cô có người hầu gái đi sau, tóc buộc chặt, vận áo dài quần thẫm, mang thêm áo quần hoặc vài dụng cụ đàn hát.

Ở đầu vỉa hè, khách qua đường chìm vào bóng tối, các động thái, tiếng ồn, niềm vui tan biến và đột nhiên ta cảm thấy mình

đã sống thụt lùi từ lâu, ở nước Trung Hoa già cỗi, nơi người ta mãi mãi mơ tới...

Qua tiếng động lách cách của quân bài mật chược ta hình dung được dân chơi: bốn người ngồi quanh bàn và đang trộn những quân bài; chốc chốc có một bài ca giọng mũi đệm bằng tiếng đàn pibao<sup>(1)</sup> với hòa âm lạnh lạnh. Và lúc nào cũng có tiếng kêu, tiếng trò chuyện ầm ĩ, tiếng gọi nhau í ới, tiếng lách cách của những hạt tròn trên bàn tính<sup>(2)</sup> và chốc chốc lại có tiếng pháo nổ. Tất cả niềm vui của ngày Tết rung lên trong tiếng ồn ào của đêm giao thừa.

Đối diện là những quán ăn và những ngôi nhà hai hoặc ba tầng có hàng hiên chất chứa những cây loang lổ và một mớ những thứ cũ kĩ xù xì, tựa như chỉ có thể được vun vén trong bao năm bởi những người không biết vứt đi thứ gì: đồ nội thất sứt gãy, rèm che mục rữa, áo quần rách nát, bát đĩa vỡ, dụng cụ vô dụng...

Những hàng rào ban công bằng sắt rèn hắt bóng xuống bức tường những đường uốn lượn cổ điển làm rối tung thêm mớ lộn xộn kịch cỡm.

Trên mặt vòm cửa ta đọc: Nhà cung cấp Shipchandler. Thiết lập năm 1892... Kỉ niệm thoáng qua về xứ “Bắc Kỳ Cũ”, của thời kì con phố duy nhất ở Hải Phòng là một hồ nước bắn bao quanh là những ngôi nhà buôn bán của người Tàu, thời những người Pháp đầu tiên đến trụ “giữa những cái ao hôi thối, nơi suốt ngày đêm thoát ra những khuẩn cầu đáng sợ gây bệnh

---

(1) Một loại đàn sáu dây.

(2) Người Trung Quốc xưa tính tiền bằng cách đẩy những viên tròn trên bàn tính bằng gỗ. (ND)



sốt rét, bệnh lỵ và dịch tả”, thời mà “trên những rẻo đất mỏng bị chinh phục nhờ sự hi sinh của tất cả các loài, người ta bắt đầu xây dựng những căn nhà tranh thiếu chỉnh trang, trống hơ trống hoác, không có bóng dáng của tiện nghi...”

Thiết lập năm 1892...

Ta ra phố và nhận ra mưa phùn đã bắt đầu, mịt mờ ánh sáng; trên vỉa hè dính nhớp mang theo những giấy đỏ xác xơ của xác pháo, những vỏ hạt dứa và những cánh hoa vấy bẩn của một bông cúc vàng. Lúc này, tâm hồn đắm chìm trong sầu muộn, ta nghe thấy quá khứ thì thầm trong đêm nguyền ngoác mưa phùn.

# PHONG TỤC VÀ LỄ THOẠI

# Từ món ăn Pháp đến món ăn An Nam

Cách đây vài năm, khi lưu trú ở Hồng Kông, tôi được bạn bè mời đến Fort Bayard.

Trong tiểu thuộc địa Quảng Châu Loan<sup>(1)</sup>, cuộc sống khá là nhàm chán, nhưng ở đây người ta được chào đón nồng nhiệt và việc một người nước ngoài mới đến luôn là cơ hội của nhiều hội hè và tụ tập. Bởi vậy, tôi được từng người luân phiên mời đến ăn tối hoặc ăn trưa và mỗi lần, tôi luôn gặp lại ở từng nhà cả bộ sậu.

Sau khi đã phải chịu trong một thời gian sự nhàm chán của ẩm thực Anh ở Hồng Kông, tôi ngỡ ngàng trước tài nghệ của những người *bếp* An Nam, khi họ có thể, với bếp lò bản địa cùng những dụng cụ làm bếp ít nhiều phù hợp, chế biến món gà gô non nấu với bắp cải ngon lành và món bánh ngọt sô cô la khoái khẩu. Tôi cũng ngưỡng mộ những người Pháp đã dạy bảo họ

---

(1) Tiếng Pháp: *Kouang-Tchéou-Wan*, Tràm Giang là một cảng cá nhỏ, bị người Pháp chiếm đóng năm 1898. Tháng 11 năm sau, người Pháp buộc Trung Quốc phải cho họ thuê Tràm Giang trong 99 năm như là một tổ giới với tên gọi Quảng Châu Loan, trực thuộc quyền quản lý của thống sứ Bắc Kỳ và phụ thuộc Toàn quyền Liên bang Đông Dương. Tại đây có thiết lập trụ sở làm việc của tổng công sứ Quảng Châu Loan. Người Pháp muốn phát triển hải cảng mà họ gọi là Fort Bayard để phục vụ những khu vực mà Pháp có đặc quyền ở miền nam Trung Quốc, trong việc xây dựng đường sắt và khai thác khoáng sản. (ND)

môn khoa học quý giá này. Nhưng... sau mười lăm ngày theo một chế độ như vậy, vài thực khách than phiền là bị đau gan.

Chắc hẳn rằng những món ăn được nấu nướng tuyệt vời này, với rất nhiều rượu vang và rượu cồn mà người ta tưới tắm lên chúng, không mấy được khuyến dùng dưới khí hậu nhiệt đới và ta tự hỏi làm thế nào mà những kiều dân trước kia có thể chịu đựng được những bữa tiệc ê hề như thế này, được trưng ra trong Hội chợ lần đầu tiên tại Hà Nội vào năm 1902:

Thủ lợn rừng hầm với hạt dẻ cười

Thịt công nấu đông

Bánh patêô nhỏ kiểu Cussy

Cá sói vịnh Hạ Long kiểu mới

Phi lê bò kiểu Talleyrand

Pa-tê gan ngỗng kiểu Châtelaine

Xúp đậu Hà Lan

Chim dẻ gà kèm bánh mì lát

Gà lôi nhồi nấm kiểu Figeac

Kem hũ ngàò đường

Bánh nghìn tầng hoa quả

Bánh nướng nhỏ đủ vị

Rượu vang hồng vùng Cévennes-Pommard-Château Margaux

Rượu sâm-panh Louis Roederer ướp lạnh.

Thực ra không phải ngày nào người ta cũng ăn uống như vậy và nếu những bữa ăn ngon – cứ cho là vào chủ nhật – là khá dĩ ở thành thị, thì đến lượt mình, những người sống ở nơi



rừng núi chắc cũng phải ăn uống theo kiểu An Nam thường xuyên hơn; hơn nữa, gan của họ sẽ không phản đối bởi thức ăn An Nam, cũng như ẩm thực của mọi nước, thường thích ứng với khả năng và nhu cầu của người dân.

Sợ tôi phát mệt vì biết bao nhiêu pa-tê gan ngỗng béo, bánh *vol-au-vent* và xúp hải sản, đôi khi, bạn bè đưa tôi đi thưởng thức một bữa ăn kiểu Tàu và ở đây nữa, tôi cũng cảm thấy ngạc nhiên thú vị, bởi ở Hồng Kông, nói thật, người Anh chỉ thích ẩm thực của họ thôi, và họ ít tò mò, nên hiếm khi bước vào một nhà hàng Tàu. Mặc dù ở đó có những món ngon tuyệt. Và khi họ đến đó, chính là để bằng lòng một cách thận trọng với cơm chiên Quảng Đông, gà xào hoặc tôm rán, tóm lại là những món ăn rất cổ truyền, dè chừng những thứ “ốc sên và đuôi chó nhỏ”<sup>(1)</sup> mà người ta làm cho đám “dân ngoại” này nếu để họ muốn làm gì thì làm.

Tôi đọc trên thực đơn với sự thèm thuồng: Thịt hoa mạn, rô ti sốt ớt ngâm rượu, cơm bát bảo, hoặc sò tắm mật ong. Tôi chưa bao giờ được thưởng thức ở Hồng Kông những món đó.

Một hôm khác, tôi có dịp dự một cuộc hội họp, nơi món *sukiyaki*<sup>(2)</sup> được các kiều dân Nhật Bản ở Fort Bayard mang ra mời chúng tôi một cách thật khả ái và tôi nghĩ đến các truyện kể của Pierre Loti<sup>(3)</sup> (rất thi vị và cũng đầy sai lầm, bởi tôi đã có thể dần nhận ra điều đó theo kinh nghiệm của mình ở thuộc địa); tôi không thấy xuất hiện trong thực đơn món thịt

---

(1) Nguyên văn bằng tiếng Anh *snails and puppy dogs' tails*, câu thơ trong một bài thơ thiếu nhi. (ND)

(2) Một món lẩu nổi tiếng của Nhật Bản, bao gồm thịt hầm, rau và các thành phần khác. (ND)

(3) Pierre Loti (1850-1923): Nhà văn và sĩ quan hải quân Pháp với các tác phẩm chủ yếu là tiểu sử tự thuật, về những cuộc hành trình đến Tahiti, Sénégal, Nhật Bản... (ND)

chim sẻ bầm, cả món tôm nhồi, cá khô tẩm đường cũng không có; nhưng ngược lại, tôi được thưởng thức món sukiyaki, ragu gà và bò ướp xì dầu ngon tuyệt, nấu trên một cái bếp con mà các thực khách ngồi quanh.

Đó chính là món ăn cổ truyền thường xuyên được phục vụ cho người nước ngoài; được chuẩn bị tươm tất và ăn kèm với cơm trắng ủ nóng, trong một cái chảo cách nhiệt bằng gỗ, nó làm vinh dự cho ẩm thực Nhật Bản.

Dù sao, một trong những nét hấp dẫn của bữa ăn Nhật Bản nằm ở cái thú bài trí hài hòa các đồ dùng, bao giờ cũng mang tính nghệ thuật, và sự sắp đặt, ta có thể nói gần đẹp như tranh, của các món ăn.

Mà đó không phải là một nghệ thuật chỉ dành cho những cuộc hội họp riêng tư; trong các nhà hàng bé nhỏ nhất, trong những nhà trọ Nhật Bản nhỏ mọn nhất, ta đều thấy sự ngay ngắn cẩn thận này cũng như ý niệm về nghệ thuật trình bày này, vốn bổ sung nhiều cho thú vui dùng bữa.

Vả lại, trong tất cả các bữa ăn trên thế giới, việc trình bày món ăn luôn đóng một vai trò lớn, và nếu như quả thật những món sốt ngon lành được đựng trong các đĩa mẻ và được ăn bằng những đồ dùng nhẵn mờ không còn là món sốt ngon, thì đối với phần lớn mọi người, bát đĩa xinh xắn và cách bố trí ngon mắt của các món ăn là một nét thú vị đáng kể.

Vậy nên, ở Ford Bayard, sau khi lần lượt nếm món Pháp, món Tàu và món Nhật, một hôm tôi mạnh dạn yêu cầu... một bữa ăn kiểu An Nam.

Bởi một mặt vì các anh *bếp* đều là người An Nam, cũng như phần lớn mọi người và mặt khác, hầu hết người Pháp ở đây đều từng lưu trú ở Đông Dương, yêu cầu của tôi dường như rất tự nhiên. Nhưng bà chủ nhà chẳng có vẻ nhiệt tình.

“Món An Nam!... nhưng chẳng có gì... trừ món *nem* và đó cũng chưa phải là một món ăn thuần An Nam... Còn lại thì ta chẳng biết nó mềm ngang mũi dọc thế nào...”

Người ta hỏi ý kiến ông chồng, ông cũng cho biết “món An Nam chẳng có gì đáng kể, chả nên so sánh với ẩm thực Tàu, lại còn hơi mất vệ sinh”. Và tôi trở về Hồng Kông mà vẫn tin chắc rằng người An Nam ăn ba cái đồ bé mọn bí hiểm.

Thật ngạc nhiên biết bao khi cập bến Đông Dương một thời gian sau đó!

Ẩm thực An Nam không những không tầm thường chút nào, mà nó còn bao gồm một số món ăn cực kì tinh tế, chưa kể lợi thế nghiêm chỉnh về mức độ tiện dụng.

Tuy nhiên, ta có thể ngạc nhiên khi nhận thấy rằng theo quan điểm của người châu Âu, ẩm thực An Nam không thành công như ẩm thực Tàu, hướng chi nhiều món của nó còn bắt chước món Tàu.

Chắc hẳn là Bụt chùa nhà thì không thiêng, nhưng có vẻ như, trong rất nhiều trường hợp, người An Nam phải chịu trách nhiệm cho việc ẩm thực của họ không được đánh giá đúng.

Ở Hà Nội hoặc Hải Phòng, liệu có một nhà hàng An Nam nào được ca tụng, như một số nhà hàng Tàu không? Phải thừa nhận là không. Hơn nữa, cũng như người Anh ở Hồng Kông,

nhiều người hơi e sợ cái xa lạ. Và chẳng, sự e sợ của họ thường xuất phát từ thành kiến về vấn đề vệ sinh hơn là sợ sự kì quặc.

Tất nhiên, có những nhà hàng An Nam nơi người ta được ăn nhiều thức ngon, nhưng cần phải thừa nhận rằng thường thì bề ngoài của chúng chẳng hề hấp dẫn. Còn mọi người thì không có óc tò mò lẫn cái dạ dày khỏe mạnh; cẩn thận một chút vẫn hơn, ví dụ như với những ai ăn đồ tươi sống chẳng hạn. Sau lời khuyên khôn ngoan ấy, tôi cần phải thừa nhận rằng, về phần mình sự tò mò mạnh hơn hết thảy, và chẳng phải là không biết đến mức độ nghiêm trọng của các rủi ro mà những người “tò mò vô độ” mắc phải, tôi luôn nếm tất cả với lòng nhiệt tình quả cảm. Không biết bao nhiêu lần, tôi đã được cảnh báo về bệnh dịch hạch, bệnh tả, bệnh nấm chân Hồng Kông và còn tệ hơn thế nữa... Tôi tự an ủi mình về tất cả những tai ương sẽ đến ấy, với ý nghĩ rằng nếu ốm đau, chí ít tôi đã có được sự thỏa mãn xứng đáng. Khi dần thân làm những điều nguy hiểm hoặc bị cấm đoán, người ta dù sao cũng nhận ra sự công bằng của số phận, trong khi nếu tai ương giáng xuống mà không biết tại sao, như vẫn thường xảy ra, ta sẽ cảm thấy nỗi đau trầm trọng hơn.

Trên quan điểm vệ sinh, các nhà hàng Tàu chắc chắn không hề vượt trội so với các nhà hàng An Nam tử tế, nhưng họ được hưởng thụ một danh tiếng đã được thừa nhận và những thực khách người châu Âu thì từ lâu cũng đã chấp nhận, như một phần của hội hè, những khăn bàn vấy bẩn ở một số nhà hàng Tàu, và rác rưởi vương vãi trên sàn. Ngược lại, ở một số nhà hàng Tàu khác, người ta ăn tối trong khung cảnh cây cối xanh tươi với sự phục vụ bắt chước tập quán châu Âu.

Bếp nấu chắc chắn vẫn là một cái xó với nền đất nhộp nháp, những bức tường lem luốc, những dụng cụ vậy bản. Nhưng ngay cả ở châu Âu, người ta chẳng đã nói rằng tốt hơn là chớ có bao giờ đi thăm khu bếp của một nhà hàng nếu ta muốn thưởng thức những món ăn đó sao? Và lại, nếu biết sự thật về mọi sự, ta sẽ chẳng còn thiết sống nữa...

Đặt sang một bên mọi vấn đề về vệ sinh, còn có một khó khăn nữa đối với những nhà hàng An Nam, đó là ngôn ngữ.

Bởi dành cho người An Nam nên các thực đơn được soạn bằng chữ *quốc ngữ* và người châu Âu có thể đọc được thì không nhiều lắm; mặt khác, những cậu bồi bàn rất hiếm khi nói được tiếng Pháp để có thể giải thích các món ăn ấy là gì, còn những cậu ma lanh nhất thì có nguy cơ tái diễn sự cố của người nước ngoài nọ trong một nhà hàng ở Paris, vì không biết từ “nấm” nên đã vẽ ra một cây nấm để diễn tả rồi thấy mình được đưa cho một cái ô.

Phần lớn các nhà hàng Tàu có thể đưa ra một thực đơn với thứ tiếng Pháp ít nhiều phóng tác, nhưng dù sao cũng hiểu được – điều khiến cho chúng trở nên thu hút hơn. Làm sao có thể cưỡng lại mong muốn được thưởng thức những thứ tuyệt vời như “rùa núi ninh hơi” (sơn quy hấp) hay “gà nấu với dầu con hàu” (gà nấu dầu hào) hoặc “món canh đủ bộ năm con rắn”<sup>(1)</sup> (canh ngũ xà)?

Chẳng có gì ngạc nhiên khi người châu Âu không thể đánh giá cao ẩm thực An Nam với đúng giá trị của nó: họ không biết

---

(1) Nguyên văn tiếng Pháp lần lượt là “la tortue dans les montagne à l’étuvée”, “le poulet aux huiles d’huitres”, và “la grande union de cinq serpents au bouillon”. (BT)

về nền ẩm thực này! Hiếm có người *bếp* nào thành thạo “món Pháp” mà vẫn ưng thuận làm một bữa thuần Việt, như bữa ăn mà họ phục vụ cho đồng bào của mình; bao giờ họ cũng sửa soạn những món mà họ đoán là có thể làm vui lòng chủ.

Cái mà người ta gọi là “ăn theo kiểu An Nam”, ở nhà, thường xuyên nhất là một kiểu bữa ăn thân mật mà dưới ánh mắt giễu cợt của các bồi bàn, những thực khách cố gắng kẹp dũa giữa các ngón tay lóng ngóng gắp những miếng trứng ốp lết hoặc thịt băm, trong khi làm lấm lem khăn trải bàn và kêu toáng lên vì sự kì lạ của các món ăn.

Hoặc đó là những bữa tối thịnh soạn, mà các món ăn phong phú và đa dạng đến nỗi cái bụng dạn dày nhất cũng nhanh chóng mất khả năng nhận biết được những mùi vị hiếm hoi và các gia vị được lựa chọn.

Rất ít người [Pháp kiều] thực sự hiểu biết về món ăn An Nam đơn thuần trong các thực đơn gia đình, tuy chúng có lợi ích rất lớn do dễ tiêu hóa, ít dầu mỡ và nhiều gia vị hơn món Tàu; và giờ đây, khi không còn một số sản phẩm nhập khẩu khiến các bà chủ nhà phải than thở rằng khó lên thực đơn, thì chính là thời điểm nghiên cứu một chút, để biết được ẩm thực An Nam có thể giúp chúng ta như thế nào.

Hơn nữa, sẽ thú vị khi biết được cách thức mà người dân của một xứ sở được nuôi dưỡng, bởi chẳng phải đến mức như kẻ sành ăn từng nói “hãy nói cho tôi biết anh ăn gì, tôi sẽ nói cho anh biết anh là người như thế nào”, lịch sử về đồ ăn là một điểm cơ bản trong nghiên cứu về các dân tộc, sinh ra từ năng lực, điều kiện sống và thói quen của họ.

Cách đây vài năm, trong một chuyến đi, tôi gặp một bà người Mỹ đang thực hiện một kiểu chuyến đi vòng quanh thế giới về ẩm thực. Dĩ nhiên, dọc theo cuộc hành trình, bà ghé thăm một số nơi nổi tiếng, nhưng toàn bộ mối quan tâm của bà đều đặt vào những nguồn lương thực thực phẩm của mỗi đất nước; về đề tài này, bà đã thực hiện những quan sát rất thú vị và đã có thể viết một cuốn từ điển về đặc sản của mỗi thành phố, từ New York đến Havre, và hẳn nhiên là lượn một vòng lớn, qua Nhật Bản.

Và bản thân tôi, mỗi khi kinh ngạc vì sự bất ngờ của một món ăn địa phương, tôi lại lo sợ nghĩ đến trào lưu hiện đại chuẩn hóa thế giới nói chung và ẩm thực nói riêng. Cần phải biết nền “ẩm thực quốc tế” của Viễn Đông để thích bất cứ món ăn dân tộc nào hơn là lát thịt dai mà người ta chẳng biết là thịt con gì, được người Nhật gọi là *bisuteki* và người Việt gọi là “bít-tết”, còn tôi thì luôn bị từ chối khi gọi đó là *bifteck*, và cả *beefsteak* nữa, dù người ta vẫn thường phục vụ cho người châu Âu trong tất cả các nhà hàng Âu hóa ở các thành phố lớn tại Viễn Đông. Món ăn dân tộc góp phần làm nên diện mạo của một dân tộc, làm mất nó hay ngay cả từ bỏ nó, chính là dần khước từ chính dân tộc đó.

\*

\*   \*

Bây giờ, chúng tôi sẽ quay trở lại với ẩm thực An Nam, nền ẩm thực mà chúng tôi quan tâm nhất bởi vì chúng tôi thấy nó được chế biến quanh mình và bởi nó có thể mang lại cho chúng tôi sự phục vụ thực sự.

Chúng tôi không dám nói ẩm thực An Nam ngon nhất thế giới, nhưng nó chứa đựng những ưu điểm đáng được biết đến, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại.

Tất nhiên, đồ ăn thức uống An Nam khác nhau rất rõ rệt tùy theo bậc thang xã hội và ta có thể phân biệt rất rõ giữa thức ăn của lớp người nghèo với thức ăn của tầng lớp tiểu tư sản. Thực đơn ngày Tết thì cần phải nêu riêng. Cuối cùng, giữa các món được nêu, có loại rất đặc biệt là những món ăn kiểu Pháp-Việt, trong đó có “*ốp-lê*” (omelettes), “*trúng la coóc*” (oeuf à la coque), “*trúng lập là*” (au plat), cà chua và bắp cải cuốn nhân cùng tất cả những chế phẩm khác bắt chước kiểu Pháp, được nấu nướng theo lối An Nam.

Dù là thức ăn của những người bốc vác, bữa ăn của tiểu tư sản hay các thực đơn ngày tết, người ta đều thấy có cơm và *nước mắm*.

Cơm là món thường khó được người châu Âu chấp nhận nhất. Do tập tục từ xưa, người ta chỉ cho vào thực đơn kiểu Pháp một lượng cơm tối thiểu, như một thứ ăn kèm với một món khác, hoặc cũng được trộn với pho mát, cà chua hoặc thịt, thêm nước sốt và gia vị để tăng vị cay, thì đó tuyệt không phải là cơm nữa; trong khi cơm Đông Dương được nấu mà không trộn với bất cứ thứ gì, theo một cách thức đơn giản nhưng khéo léo, và hoàn toàn không được biết đến ở Pháp.

Đặc biệt ở Anh, người ta ăn cơm trong món ăn ngọt tráng miệng trộn với nước và sữa, đôi khi kèm theo nho khô hoặc mứt, nhưng các chế phẩm thường hòa lẫn vào nhau và nhạt nhẽo như cái món khủng “rice pudding” [chè gạo] từng ám ảnh



tuổi thơ của tất cả những người Anh; đến các thuộc địa, họ không muốn nghe nhắc đến cơm nữa.

Định kiến chống lại cơm này (thường được chế biến dở tệ ở châu Âu) đến mức có một người bạn kể lại với tôi về chuyến du hành trên một tàu khách, một người bạn đồng hành khoe khoang rằng sau ba năm sống ở Sài Gòn, anh ta không hề đụng đến dù chỉ một hạt cơm; và có thể có những người tán thưởng cũng như chúc mừng nghị lực của anh ta.

Cần phải nói rằng ở châu Âu, người ta chỉ ăn thứ gạo có vẻ ngoài đẹp mắt, bóng bẩy, nghĩa là loại hảo hạng; đó là thứ gạo mà việc vận chuyển không chỉ tước đi mùi thơm, mà còn cả phần lớn chất dinh dưỡng trong khi việc làm bóng thường nhờ vào những tác động thêm về vật lí hoặc hóa học vốn hoàn toàn chẳng thêm gì cho chất lượng thực tế của gạo, hoặc thậm chí biến mất trong nước vo gạo hay nước nấu cơm. Chẳng có gì ngạc nhiên khi người ta thấy nó nhạt nhẽo. Tuy nhiên gạo chất lượng tốt, được nấu đúng cách, không hề thiếu vị; và rất thường xuyên, ở Hồng Kông, lúc đi qua một nhà hàng gần nhà, vào giờ ăn, tôi vẫn hít hà với niềm thích thú hương thơm ngon lành bổ dưỡng và đúng vị tỏa ra từ những cái nồi.

Hơn nữa, có một loại gạo thơm (gạo *tám*), ngay cả khi không cần nấu lẫn với thứ gì khác, cũng vẫn là mĩ vị thực sự. Nhưng ở đây, đó là một thứ quà ngon, bởi mất không dưới 30 đồng mới mua được một tạ<sup>(1)</sup>.

Một loại gạo khác, rất được người An Nam ưa chuộng, nhưng ít được người châu Âu biết đến, có vẻ vậy, đó là gạo *nếp*

---

(1) [Giá] năm 1943.

hoặc gạo dẻo. Người ta đồ gạo nếp bằng hơi và không quá lâu để giữ cho các hạt gạo một độ săn chắc nhất định. Nó chứa nhiều glucose hơn và ít tinh bột hơn so với *cơm tẻ* và vị của nó rất đặc trưng cũng như dậy mùi lâu hơn khiến người ta có thể ăn riêng nó (*xôi trắng* – cơm dẻo tự nhiên), giống y như ở Pháp ta ăn một chiếc bánh mì nhỏ hoặc một chiếc bánh bít cốt. Mặt khác, trộn với đỗ xanh, mật mía, hoặc các thành phần khác, nó được một lượng lớn người An Nam ăn thường nhật vào bữa sáng: với 5 xu, người ta có thể mua được một suất *xôi lạc* (gạo nếp nấu với lạc), *xôi hoa cau* (gạo nếp nấu với đỗ xanh khô), *xôi vùng* (xôi rắc vùng), *xôi đậu đen* (nấu với đỗ đen)...

Ở mọi góc phố Hà Nội, ta đều thấy, nhất là vào buổi sáng, một bà bán *xôi* ngồi giữa hai cái thúng: thúng bên này là *xôi lạc* còn thúng bên kia là *xôi đậu đen*, hoặc một món thập cẩm gồm ngô trắng, gạo nếp và đỗ xanh nghiền (xôi lúa) cực kì bổ dưỡng.

Xôi cũng là một trong những “món ăn thuần khiết” được dâng cúng trong những ngày lễ tết tại đền chùa và trên bàn thờ tổ tiên. Vào những dịp này, người ta thường nhuộm xôi với *gấc*, một loại quả thuộc họ bầu bí có gai, mang đến cho xôi một màu đỏ cam đẹp đẽ. Mặt khác, ta biết rằng gạo nếp được dùng để cất rượu. Với gạo *nếp*, người ta cũng chế ra một loại đường, chính là *kẹo mạch nha*, thay thế khá ổn cho đường, mà ở Hội chợ vừa rồi, người ta giới thiệu dưới cái tên “kẹo mạ” (loại mật từ gạo).

Hơn thế nữa, bột gạo nếp được dùng ở khắp Đông Dương để làm các loại bánh trái.

Chúng tôi không có chủ tâm thực hiện ở đây một nghiên cứu sâu về gạo, nhưng tất cả những chế phẩm từ gạo nếp, mì vị

chung của cả người giàu lẫn người nghèo, đều đáng được chỉ ra, hoàn toàn có thể làm hài lòng vị giác của người Âu.

Ở điểm nhìn sinh lí học, một số người ngần ngại ăn cơm vì tính nhiệt tai tiếng hoặc hay bị nói đến của nó. Vậy tại sao nó được ít ra là nhiều trăm triệu người dùng làm thức ăn hằng ngày mà vẫn khỏe mạnh? Chính là bởi nó luôn được ăn kèm với một món rau thích hợp, hoặc là *rau muống*, hoặc là một trong vô số loại rau sống hay bắp cải mà người ta đem xào với các lát thịt nhỏ. Người An Nam còn ăn một lượng lớn trái cây tươi (chuối, bưởi, cam quýt) và lạc mà hiệu quả là bù trừ cân đối lại tác động của cơm.

Trong đồ ăn thức uống, gạo có thể mạnh là rất dễ tiêu. Điều này trở thành thế yếu khi ta phải chờ lâu giữa các bữa và nó có thể là điều giải thích tại sao người An Nam luôn sẵn sàng nhai hoặc nhấm nháp thứ gì đó.

Tầng lớp nghèo chủ yếu ăn cơm với vài thứ rau luộc và vài miếng cá hoặc thịt bạc nhạc, tất cả được nêm *nước mắm* chất lượng thấp. Không phải người dân Đông Dương thì mới ca ngợi phẩm chất của *nước mắm*, thực phẩm bổ sung không thể thiếu cho cơm và nhất thiết được nêm vào gần như tất cả các món ăn An Nam. Chính giáo sư Guillermin, thuộc Viện Pasteur Sài Gòn đã tóm tắt những đặc tính của nước mắm như sau: “Tự nó đã gồm muối, nitơ dưới dạng axit amin, photpho khoáng và hữu cơ; thông qua phương pháp điều chế không đòi hỏi bất cứ sự tiệt trùng nào, sẽ không quá thừa khi thêm các vitamin vào hàm lượng của nó”...

Tất cả điều đó thật tuyệt vời, nhưng cũng không thể át đi được mùi nước mắm, mà phần lớn người châu Âu không thể

tập quen nổi; như một người bạn đã nói khi nhắc đến sữa chua: “Mùi của nó tệ thế thì chắc phải tốt cho ông lắm nhỉ.” May thay, nấu với thức ăn, nó tỏa ra một vị dễ chịu, chẳng người thấy đâu nữa; vậy nên người ta không ngần ngại ăn một hợp chất tuyệt vời cho sức khỏe... Ta không thể nói như vậy về mọi thực phẩm chức năng được mua ở hiệu thuốc.

Hiển nhiên, nhiều người thuộc tầng lớp nghèo không được ăn cho đến no; sự đạm bạc cùng cực do nghèo đói không cho phép họ đánh giá một cách xác đáng về giá trị của đồ ăn thức uống An Nam, và tốt hơn là xem xét thức ăn của giới tiểu tư sản; ở đó, ta có thể tìm thấy chất liệu cho một nghiên cứu thú vị về ẩm thực An Nam.

Càng ở trên cao bậc thang xã hội, người ta càng ăn ít cơm và ăn các “thức ăn” nhiều hơn; trong những “cỗ bàn” (những bữa ăn thịnh soạn), người ta cũng ăn nhiều món khác nhau mà không có một hạt cơm nào, cơm chỉ xuất hiện về cuối bữa ăn.

Những thực đơn hằng ngày của tầng lớp trung lưu bao gồm cơm và bốn năm món khác nhau tùy theo cảm hứng của bà chủ nhà và nguồn thực phẩm theo mùa, nhưng cơ bản vẫn là: một món canh, một đĩa thức ăn rán, cá hoặc trứng, và một đĩa rau.

Chính ở đây, chúng tôi thấy tất cả sự đa dạng của món *cháo* rất bổ dưỡng và đôi khi thú vị. Sau đây là vài ví dụ: *cháo hoa* là loại cháo đạm bạc, nêm muối hoặc *nước mắm* hay rắc đường nâu; người ta bán cháo hoa trong các phố xá vào tất cả các buổi sáng, và trong nhiều gia đình, nó được nấu thường ngày. *Cháo gà* và *cháo vịt* được nấu với nước luộc *gà* hoặc *vịt*; *cháo bò dục* thì được nấu với quả cật thái lát, nêm tiêu, *nước mắm*,

ớt bột tùy ý, rắc hành hoa và rau thơm thái nhỏ, tất cả được đập thêm một quả trứng tươi vào, tạo nên một món cháo tuyệt hảo, rất bổ dưỡng và với sự chế biến rất đơn giản, một món ăn gần như toàn vẹn.

Cùng kiểu chế biến ấy cũng có thể được thực hiện bằng cách thay thế cật lợn bằng thịt gà hoặc thịt *lợn*..., thay đổi đồ nêm nếm hoặc rau thơm, và vì thế, chỉ càng làm ta rối lên khi phải lựa chọn, bởi vì xứ Đông Dương có cực kì phong phú gia vị và hương liệu mà người An Nam rất biết sử dụng để làm tăng hương vị cho sự nhạt nhẽo không thể tránh khỏi của một số món ăn đơn giản.

Trước hết, có những cây hương liệu được người Pháp biết đến dưới cái tên chung chung và mơ hồ là “cỏ nhỏ” (*petites herbes*); tuy nhiên mỗi loại lại có đặc điểm và mùi thơm riêng; với một số loại thịt, người ta ăn với *rau mùi* giống với mùi tây, hoặc sự đa dạng phong phú của *rau thơm* và *rau húng*, một loại rau bạc hà; người ta dùng *rau sam* để nấu canh, còn để ăn kèm với *nem (chả rán)*, người ta trộn lẫn ba loại lá họ Hoa môi là *tía tô*, *tía tô quan*<sup>(1)</sup> và *kính giới*, chưa nói tới xà lách và cộng rau muống chẻ nhỏ.

Gà luộc để làm đồ cúng theo nghi lễ được rắc lá chanh thái mịn, nước dùng cũng vậy. Ngay cả chanh, hành, tỏi, hành hoa và các biến thể địa phương của hành xanh nhỏ (*hành ta*)<sup>(2)</sup> cay nồng, vẫn thường được sử dụng.

---

(1) Tía tô quan: Nguyên văn bằng tiếng Việt và được chú giải bằng tiếng Pháp là *pérille royal*, có nghĩa là tía tô hoàng gia, không rõ để chỉ loại rau thơm gì của Việt Nam. (BT)

(2) Nguyên văn chú là hành ta, nhưng có lẽ phải là họ mới đúng, vì hành ta chính là hành hoa, đã được kê ra từ trước đó. (BT)

Tóm lại, bởi đây là chương nói về đồ nêm nếm nên cần phải nói đôi lời về gia vị: ớt, hồi, quế, tiêu, đinh hương, gừng, nghệ, bột cà ri... mà người ta dùng khá nhiều.

Ngoài *nước mắm* truyền thống, người An Nam còn dùng *tương* (nước chấm chế từ đậu nành), các loại *mắm cá*, *mắm tôm*... mà ta có thể kể tên ra... nhưng không đến mức phải nêm thử hết lượt.

Ta không thể lặng lẽ bỏ qua sự đa dạng của nước chấm kiểu Tàu với *tsiangyeou*, được chế từ đậu nành, giống *maggi*, nên có tên là *maggi tàu*, xì dầu, sảch và nhạt (*shoyu* của người Nhật), *hou tsiang* hay tương ớt...

\*

\* \*

Sau khi nói xen về các hương liệu và gia vị, chúng ta quay trở lại với các món ăn với nghĩa sát sao nhất có chứa ít nhiều các thành phần đã kể ở trên.

Sự đa dạng của món canh không hề ít hơn so với sự đa dạng của cháo; đó trước hết là *canh thịt gà*, *canh thịt lợn* hoặc *canh thịt nấu rau*, với các loại rau cũng như thịt có thể hoán đổi cho nhau được, và nguyên tắc chế biến thì vẫn vậy. Đối với những loại canh này, người ta cũng dùng nhiều loại bắp cải phổ biến trong các chợ địa phương và một số chắc chắn sẽ được ưa chuộng trên các bàn ăn kiểu Âu, nếu ta biết về chúng mà theo tôi, còn ngon hơn so với đậu Hà Lan đóng hộp và các đồ hộp khác vốn dĩ lại còn khó kiếm [do chiến tranh]; *cải thìa*, với những cọng dày màu trắng, hơi giống như *cải bette*

của [người Pháp] chúng ta, *rau cải*, cải bẹ xanh, *cải tàu* và các giống khác của chi cải, rất được người Tàu ưa thích.

Cũng theo cùng một cách người ta ăn lá của cây *củ cải trắng*, rất nhạt, mà rễ là thay cho củ.

Các món xào rất đa dạng; phần lớn người châu Âu biết nhiều hơn đến *mì xào* vốn là món ăn Tàu, được chế biến từ sợi bột mì, xào mỡ với những miếng thịt gà, cải bắp, hành tây, nấm và các đồ nêm nếm khác nhau.

Tương tự, người ta cũng làm với bánh tráng gạo (*bánh phở*) – [món ăn] vẫn được tất cả những người bán *phở* phục vụ (*phở*, đôi khi được [người Pháp] gọi tên một cách không chính xác là phở Tàu, là một loại xúp bò rất phổ biến trong các phố xá).

Tôi sẽ không nói rằng *bánh phở* có giá trị như là mì sợi (mì làm với trứng tươi) nhưng dù sao nó cũng ưu việt hơn thứ mì làm từ bột nhào có chất lượng trung bình, dư vị chua chua và bụi bặm mà hiện nay người ta vẫn mua.

Xào với thịt gà, cần tây và những thành phần được nêu ở trên, với một chút giấm và nêm nếm gia vị tùy ý, *phở xào* là một dạng khác từ món ăn này vốn có thể thay đổi một cách thú vị những thực đơn kiểu Âu.

*Thịt bò*, lợn hay gà, cũng như cua và tôm trộn với rau (*cua xào* và *tôm xào*) có thể kết hợp với rau củ theo mùa để làm đa dạng các món ăn, trong đó rau luôn được cắt khúc nhỏ, và thịt thái lát giúp dễ dàng tiêu thụ thịt bạc nhac mà người ta coi thường nên không thể chế biến thành món khác do vẻ ngoài xấu xí. Bởi vậy, người ta ăn *củ đậu*, *xu hào* và *củ cải trắng* thái thành lát mỏng, làm vè vang cho sự kiên nhẫn của những

người *bếp*. Ngay cả củ cải nghiền cũng được [người Hoa] dùng để chế một loại bánh thạch, *bánh củ cải* hơi nhạt nhẽo.

Người ta cũng xào riêng các loại rau củ, *giá xào*, *rau muống xào* và các rau khác, thường là với tỏi, nên chúng rất dậy mùi, nhưng than ôi, điều đó lại thể hiện những phiền phức trong giao tế xã hội!

Món ốp-lết (*chả trứng*) thì khác hoàn toàn với món ốp-lết của chúng ta: một dạng bánh kẹp được trộn đều [gồm trứng] với thịt lợn băm, thịt cua, tôm hoặc cá vụn, tất cả được nêm nếm theo cách gia giảm rau thơm, hành, nấm... Nếu không gọi chúng là ốp-lết thì ta sẽ thấy chúng thật tuyệt.

Các món rán thì còn đa dạng hơn rất nhiều, bắt đầu từ cá rán, cá được cắt thành khúc mỏng, rán lên sẽ rất giòn (*cá rán*), *nem* (*chả rán*), *đậu phụ rán* – món này rất tuyệt xét theo quan điểm dinh dưỡng nhưng mùi lại không làm vừa lòng người châu Âu; tuy nhiên, được nhồi thịt thì nó có thể được chấp nhận. Người ta cũng thả đậu phụ cắt lát vào để nấu canh. Cuối cùng, [món tào phớ]; được ăn ẩm với nước đường và ướp hương thơm (như người ta vẫn bán trong các phố vào mùa hè), đậu phụ không hề tệ chút nào, mặc dù nó luôn giữ lại dư vị của đậu.

Những chế phẩm khác thay thế cho mì sợi, rất đắt đỏ đối với người Pháp ở miền Bắc, ngoài bánh phở đã được nhắc đến, có thể là *miến* (sợi trong suốt làm từ bột củ dong giềng<sup>(1)</sup>) và *bún* (sợi làm từ bột gạo).

Với *miến*, người ta nấu món canh ngon tuyệt bao gồm nước luộc gà, nấm và toàn bộ bộ lòng, tim, gan, mề... không quên rửa đoạn ruột gà thật sạch và cắt khúc.

---

(1) Nguyên văn là bột đậu, nhưng có lẽ tác giả nhầm. (BT)



Hơn nữa, lòng gà còn dùng trong nhiều món, nhất là xào với rau và nấm.

*Miến* rất ngon khi xào với cua, trứng và nấm.

Loại nấm thông dụng nhất là *mộc nhĩ*, được thu hái từ các nhánh cây mục trong rừng. Người ta bán mộc nhĩ khô trong mọi cửa hàng An Nam, bên cạnh măng khô, và những món ăn ngon lành nhất bao giờ cũng có một chút mộc nhĩ.

Một loại nấm khác được Ch. Crévost nghiên cứu là *nấm hương*, do người Mán vùng Chợ Bờ<sup>(1)</sup> thu hái, rất được những người sành ăn ưa thích và nấu trong mọi bữa ăn ngày lễ tết; chắc chắn ta có thể sử dụng nó trong một số món ăn Pháp.

Măng tươi đã được người châu Âu ưa chuộng, cũng như cau (trong món salat)<sup>(2)</sup>, nhưng măng khô cũng không thể xem thường; mặc dù vẻ ngoài kém hấp dẫn, nó thường được nấu kèm với chân lợn (*chân giò nấu măng*) và có những cái tên rất đẹp: phượng vĩ, phi vân, tử long! Người ta cũng bảo quản măng bằng cách muối (*măng muối*), nhưng do mùi của nó khá nồng nên cần phải có sự luyện tập nhất định thì mới thích ăn được, cũng như tôm khô nấu canh rau muống (*canh tôm nấu rau muống*).

\*

\* \*

---

(1) Thuộc tỉnh Hòa Bình ngày nay. Người Mán là cách gọi cũ của người Mường. (ND)

(2) Không rõ tác giả đã từng được kiểm chứng từ đâu cách ăn cau như thế này? (BT)

Đối với những ai ưa thích mùi vị đậm nồng, thì có những món được chế biến bằng cách ngâm tẩm trong *nước mắm*: cá khô hoặc thịt khô, và để thay đổi, thì mùi vị độc đáo của những vuông thịt lợn tẩm nước hàng (chả sườn) không hề kinh như ta có thể nghĩ, mà nước sốt tuyệt vời của nó giúp ta ngấu nghiến một lượng lớn cơm; nhưng tôi phải cần đến cả một tập sách nếu vẫn muốn nói về *bún chả*, thịt ướp gia vị nướng vì trên than, ăn kèm với bún và hỗn hợp các loại rau thơm ăn sống; về *chả cá*, những miếng cá phi-lê ướp cà-ri dậy mùi và nướng vì, với các thứ ăn kèm giống như bún chả, cả hai món được nêm nếm gia vị tùy sở thích; về *gà sốt vang*, gà được chặt nhỏ, nấu với rượu vang thành một món sốt tuyệt vời.

Cái dở trong cách chế biến kiểu An Nam và Tàu là chặt nhỏ gia cầm, bao gồm cả xương và vô tình làm vỡ xương, nên những vụn xương nhỏ này thường rải rác một cách khó chịu trong nước sốt.

Cần lưu ý rằng *chim bồ câu* và *vịt* cũng được chế biến theo cùng công thức như gà.

Tôi chỉ nêu lướt qua cơm rang vốn rất nổi tiếng và phở Tàu còn nổi tiếng hơn: nước dùng gà chan mì sợi. Sợi này được thay bằng *bánh phở* mà không hề hấn gì; còn phở thứ thiệt thì được nhiều người châu Âu ưa thích và sai thằng nhỏ đi mua một bát ở hàng rong trên vỉa hè. Nhưng, dĩ nhiên, đó là một sở thích riêng và ở đây có sự can dự của vấn đề vệ sinh (sự tươi ngon của thịt...) mà mỗi người nhìn nhận theo lẽ thói của mình.

Toàn bộ sự đa dạng của *giò* (thịt lợn xay gói lá chuối rồi hấp) cũng được biết đến quá nhiều nên khỏi phải nói chi tiết,

và chẳng nó không hề bị chê. *Giò* ngon tuyệt khi ăn với xôi, hoặc kẹp với xôi giã nhuyễn rồi nặn thành bánh (*bánh giày*).

Tôi sẽ chú ý chỉ nói về những món ăn đơn giản và dễ được người châu Âu chấp nhận hoặc thích ứng. Một nghiên cứu sâu sẽ vượt ngoài khuôn khổ của mục này. Cuốn sách Vatel<sup>(1)</sup> của người An Nam vẫn còn phải viết; cũng có vài tài liệu bằng chữ *quốc ngữ*, nhưng dường như sẽ thú vị khi thực hiện một đối chiếu về ẩm thực An Nam với cuốn sách của Lecourt về ẩm thực Tàu, được nhà Nachbaur xuất bản ở Bắc Kinh.

Cũng là chú ý khi tôi kiêng nói về một số món ăn mà thành phần là chuối xanh, dọc mùng, trứng lợn, thịt chó, cá khô, đuông dừa... khiến những người không phải dân bản địa phải ghê sợ.

Trong những món ăn ngày tết, đều có gốc Tàu, có những món canh nấu với tổ yến (*yến nấu*) và vây cá mập (*vây cá*), nấm, *bóng cá thủ* hoặc bóng cá thường được thay bằng bì lợn mà phải qua sự chế biến đặc biệt – ta thấy bì lợn [bóng] là những tảng to trắng và phồng treo tại quầy của những cửa hàng An Nam.

Ruột cá mà người ta còn gọi là *long tu*, râu rồng, trong khi [người Pháp] chúng ta thấy “thật kinh tởm” thì lại là một món ăn được ưa chuộng, cũng như vịt tiềm, được nhồi hạt sen, *miến*, thịt lợn, nấm và nêm rất nhiều gia vị. *Cá mực*, lòng gà vịt (*ngũ tạng*) cũng là những món ngon. Nhưng trong phần lớn những món ngon lành này, tính độc đáo có thể làm người châu Âu thích thú lúc đầu sẽ khiến anh ta nhanh chóng gọi một lườn bò nấu táo.

---

(1) Cuốn cẩm nang về nấu ăn của François Vatel, đầu bếp nổi tiếng người Pháp thế kỉ 17. (ND)

Hơn nữa, tôi vẫn muốn nói về *chè*, một dạng thạch hoặc kem làm từ bột sắn dây, khoai lang, đậu xanh... ướp tinh dầu hoa bưởi (gợi nhớ đến hiệu cắt tóc) và được gia giảm khác nhau bằng cốm (*chè cốm*), hạt sen (*chè hạt sen*)... hoặc là gạo nếp nấu mật mía (*chè bà cốt*) vốn thường được sửa soạn cho những ngày lễ tôn giáo và người châu Âu ưa thích như một dạng bánh nếp nếu họ không thấy khó chịu bởi từ “mật mía” nghe chẳng mấy ngon lành.

Cần phải thừa nhận rằng những món tráng miệng ngọt không được đa dạng phong phú lắm; hơn nữa dường như được người An Nam ăn cách đây chưa lâu theo cách thông thường, và ngay cả trong cuốn *Kinh Lễ*<sup>(1)</sup>, tổ tiên của những cuốn sách ẩm thực Trung Hoa, người ta cũng không nêu sự tồn tại của chế phẩm quý này.

Người Pháp cũng không phải là không ham thích những món ngọt và nếu “di Marie”<sup>(2)</sup> có nhiều công thức vô song cho món kem tráng miệng *sabayon* hay bánh tạc dẫu, thì cần phải công nhận rằng người Anh, mà thực đơn vốn rất vô vị, lại trở thành bậc thầy trong nghệ thuật tạo nên một chiếc bánh *pudinh* và biến hóa những chiếc bánh *cake* của họ. Hơn nữa, bản thân người Anh cũng thú nhận rằng họ hảo ngọt.

Còn về bánh trái An Nam và nhất là mứt trái cây (rất được người Pháp ưa thích), thì tốt hơn là nói về nó vào thời điểm Tết, khi những bánh mứt phong phú nhất cảm dỗ bạn ở mỗi sạp hàng.

---

(1) Kinh Lễ: Còn gọi là “lễ kí”, một quyển trong bộ Ngũ Kinh của Khổng Tử, tương truyền do các môn đệ của Khổng Tử thời Chiến Quốc viết, ghi chép các lễ nghi thời trước. (ND)

(2) Tante Marie, tác giả của cuốn sách *La véritable cuisine familiale*, được xem là “kinh thánh” của ẩm thực hằng ngày của người Pháp, tập hợp gần 1.000 công thức nấu ăn. (ND)

# Nơi ăn chốn ở xứ Bắc Kỳ

*Nhà cửa.* – Thường xuyên đi thăm các thành thị cổ, tôi nghĩ rằng quy hoạch đô thị và sự đẹp mắt chẳng ăn nhập gì với nhau và tiếc cho sự biến mất những khu phố cổ từng mang đến cho mỗi thành phố một đặc tính riêng biệt. Tuy nhiên, phải công nhận rằng một số ngôi nhà cổ, đẹp đẽ bên ngoài, nhưng bên trong là ổ chuột thực sự, thiếu không khí, thiếu ánh sáng, bẩn thỉu, bất tiện thôi rồi và những bản đồ quy hoạch hợp lý cũng có cái tốt.

Ở Viễn Đông, sự đối lập giữa vẻ đẹp và sự tiện dụng còn rõ ràng hơn nữa; dù bắt đầu hiểu khá nhiều về những khu phố cổ nhất Hà Nội, tôi cũng vẫn còn sửng sốt trước sự bố trí khó tin của một con phố nhỏ hoặc sự chằng chịt không tưởng của một khối nhà.

Đã hơn một lần, tôi tự hỏi những ý tưởng nào đã có thể thôi thúc người chủ nhà xây dựng một tòa nhà kì quặc hoặc bố trí những lỗ cửa của nó với sự dị thường đến vậy. Vậy là từ đó, tôi bắt đầu để ý: trong cấu trúc nhà cửa của người An Nam, thường thì sự dị thường chỉ là vẻ bề ngoài; thực ra, người ta buộc phải tuân theo những quy tắc phức tạp của thuật phong thủy.

Thuật phong thủy, khoa học đặc biệt bí hiểm nhằm tìm kiếm những nơi thuận lợi cho việc đặt mồ mả hoặc xây dựng một ngôi nhà bằng cách “xác định môi trường sinh khí tốt của tự nhiên, và hơn nữa, trong tương quan với tác dụng tốt lành của các hành tinh”.

La bàn từ trường Trung Hoa giữ vai trò chính trong những nghiên cứu này và việc diễn giải các dấu hiệu cùng biểu tượng chi chít trên la bàn vẫn là bí quyết của các thầy phong thủy, phải nói là thường xảo trá hơn là thông thái; hơn nữa, bí quyết xung quanh thực hành phong thủy và sự không thể hiểu nổi những mẹo mực của thầy phong thủy tăng thêm ấn tượng với những đầu óc cả tin.

Ảnh hưởng của phong thủy ở bình diện chung thêm vào những xem xét ở bình diện cá nhân; những chỉ dẫn liên quan đến hoàn cảnh hiện tại còn khiến chúng trở nên phức tạp hơn; thế nên cuối cùng tất cả rồi mù đến nỗi những người đi nhờ xem phong thủy hẳn là cảm thấy mình như bị giam trong một mạng dây điện cao thế chằng chịt mà ngay cả những cử chỉ nhỏ nhất, thậm chí một bất cẩn nhỏ nhất cũng trở nên nguy hiểm.

Để thấy chuyện phức tạp đến nhường nào, chỉ cần ngẫu nhiên đọc lại một trong những hướng dẫn phong thủy: “Người sinh ra dưới ảnh hưởng như vậy cần xây nhà dài 29 hoặc 47 *thước* và rộng 15 *thước*, gian giữa phải 7 *thước* rưỡi; anh ta cần đào một cái ao mạn phía đông và bắt đầu khởi công vào ngày *mãn*. Nếu không tránh được việc xây dựng cạnh một con đường thẳng, người ta sẽ xây nhà mình ở bên phải con đường này và bố trí nó lệch đi...”

Xem ra chẳng tương hợp gì mấy với những điều mà [người Pháp] chúng ta xem là quy tắc hiển nhiên, sự tiện lợi và vệ sinh, nhưng có vẻ như nó giúp ta giải thích trong một chừng mực nào đó tính chất kì lạ của nhiều công trình xây dựng.

Hiếm có người châu Âu nào lại không bị tác động mạnh bởi khía cạnh phong phú của những ngôi nhà trong các khu phố An Nam ở Hà Nội, bên kia Hồ Nhỏ, và ngay cả những ngôi nhà có vẻ giống nhau ở mái ngói cong màu xám xếp lớp vảy cá hoặc khung trang trí hình chữ nhật đồ đầu hồi nhà, thì mỗi ngôi nhà lại khác nhau về kích thước, hoặc một chi tiết trang trí: hình một con vật tưởng tượng, hình bát quái của đạo Lão, vòng tròn thái cực đồ với nguyên lí *âm dương* (đực và cái), con dơi lấy khước, chữ *phúc* hoặc *thọ*, những cái xà được chạm trổ và những biểu hiệu phỏng theo truyền thống hoặc tôn giáo.

Nhưng nhìn kĩ thì mới hổ lớn làm sao! Có những ngôi nhà mang dáng vẻ ngôi đền, một số khác thì giống cái tổ, hoặc giống như chuồng chim. Trên nhiều mái phẳng chất đồng những đồ đạc tạp nham nhất, trên những mái khác thì có những cây hoa leo lên, với một cái am mái đao được dựng lên; có những mặt tiền tinh tươm và niềm nở, còn những mặt tiền khác thì bong tróc, sần thảm; những túp lều mà dường như một hơi thở cũng có thể thổi bay; những nơi ở tiện nghi với ban công sắt... Nhưng nếu nhìn sâu vào tận cuối những dãy phố này, bao giờ ta cũng phát hiện ra sự phối hợp không tưởng nhất của các phong cách, màu sắc, kích thước, với những cạnh rực rỡ, những vật bị cắt cúp, những mái dốc đứng, những hình dáng không thể giải thích được và một dãy – nếu ta có thể nói – là khó tin nhất. Chiều hôm, khi toàn bộ sự vật trở thành một hình bóng,

dáng vẻ của những con phố này vẫn còn gây xúc động; khi đó ta thấy vẽ lên nền trời những đường nét kì lạ biết bao!

Hơn nữa, trước kia, sự bố trí các thành thị ở Trung Hoa và Đông Dương cũng phải tuân theo những quy tắc phong thủy tương tự như các ngôi nhà.

Mối liên hệ với người Tây, những đòi hỏi của đời sống hiện đại, những quy tắc của việc quy hoạch đô thị được áp đặt toan làm giảm đi tầm quan trọng của những vị trí phong thủy, ít ra là trong những đô thị và hiển nhiên là trong một chừng mực nào đó, điều tuyệt vời nhất chính là thoát khỏi những rắc rối phức tạp này.

Nhưng cũng tiếc rằng phần lớn người An Nam khá giả khiến cho việc xây dựng hiện nay chẳng trở nên khá khẩm gì hơn khi thay thế những hướng dẫn hoặc những huyền tưởng của thầy phong thủy bằng việc bắt chước những tòa nhà phi thẩm mĩ nhất theo phong cách vùng Côte d' Azur<sup>(1)</sup>, những phóng tác theo phong cách baroc do một gu thẩm hại, chẳng hề độc đáo tẹo nào nếu như không phải là lối lằng, và trong khi chiêm ngưỡng một số nhà ở hiện đại nơi những giàn cây, cửa sổ, vách kính và bậc thềm lẫn lộn vào nhau một cách tai hại nhất thế giới, ta có quyền tự hỏi phải chăng những mê tín dị đoan vốn chủ trì sự sắp đặt của dăm ba nhà cổ xưa xinh đẹp chẳng phải là tốt hơn những quái dị này sao, những thứ làm xấu cả vùng nông thôn.

Giống như người Tàu, người An Nam xưa kia có tài làm cho các công trình xây dựng hợp với cảnh quan theo cách tổng thể

---

(1) Côte d' Azur: Một vùng ở miền Nam nước Pháp, nằm ven Địa Trung Hải. (ND)



tạo nên sự hài hòa. Một số khu vườn của đền chùa, vài cái sân trong hoàn thiện tòa nhà, có sự quyến rũ khó tả của một tác phẩm nghệ thuật.

Cũng như trong phần lớn các xứ sở, ở đây ta nhận ra sự khác biệt rất lớn giữa nhà cửa của người giàu và nơi ở của dân chúng, nhưng có một điều đặc biệt mà ta thấy trong tất cả những nơi ăn chốn ở đó, vốn làm nên đặc tính nơi ở của người An Nam, đó chính là cái sân. Người An Nam sống phần lớn là ở ngoài trời, nấu nướng, vệ sinh, giặt giũ diễn ra gần như lúc nào cũng ở ngoài trời. Dĩ nhiên là do khí hậu; trừ ít ngày mùa đông và mưa phùn (trong thời kì này, những ngôi nhà An Nam thực sự trở nên bất tiện nhất), trời lúc nào cũng khá ấm áp để sống ở bên ngoài và để thêm được ra ngoài nhằm tránh sự ngột ngạt thường trực của những ngôi nhà chật chội và kém thoáng khí, thường xuyên quá đông người.

Nhiều người ngay khi nóng lên đã thích ngủ ngoài trời, và nếu sân quá nhỏ hoặc có quá đông người, họ đơn giản sẽ cấp chiếu ra phố nằm.

Sân thực sự là phần hữu dụng nhất của ngôi nhà. Đó cũng là nơi kín đáo nhất và chỉ khi bước vào đây, ta mới thực sự cảm thấy bước vào sự thân mật của gia đình.

Trong sân thường có một bể chứa gom nước mưa; những nhà được ưu tiên thì được lắp vòi cấp nước của thành phố, nhưng thường xuyên nhất thì người ta hài lòng với một cái chum đơn giản, được đổ đầy nước mà họ gánh từ cột nước trên phố về.

Cũng thường khi, vài chậu cây cảnh hoặc một cái am bé tí tô điểm cho sân.

Trên thực tế, khả năng phải làm những công việc bẩn thỉu ở bên ngoài khiến cho việc bố trí xây dựng này tỏ ra rất tiện lợi.

Kiểu nhà ở thành thị mà người châu Âu gọi là nhà ống (ta cũng thấy cách bố cục không gian tương tự ở Trung Hoa và Malaysia) thường là những dải hẹp sâu hun hút nối với nhau, phát triển như một hành lang gồm những nhà và sân đan xen, tòa nhà cuối cùng nằm ở cuối cái sân cuối cùng dành để làm bếp. Số lượng không gian được che chắn và những cái sân có thể biến tấu theo sự giàu có của chủ nhân và vị trí mà ông ta xếp đặt. Trong nhiều nhà ống ở thành phố chỉ có một ngôi nhà, với duy nhất một cái sân ở cuối, nơi đặt bếp. Ngôi nhà có mặt tiền nhìn ra phố này được tạo thành từ nhiều dãy phòng khác nhau, ngăn cách nhau bằng những ván lùa, nhận ánh sáng gián tiếp qua mặt tiền hoặc sân; nhìn chung chúng khá tối tăm.

Dần dần, người ta bắt đầu xây dựng những cửa hàng theo lối Âu, với các quầy kính và mặt tiền cửa hàng; còn cửa hàng thứ thiệt kiểu An Nam là không có mặt tiền, cái lẽ ra đã làm đẹp hơn nhiều mà lại ít nặng nề. Nó được đóng lại đơn giản bằng những tấm ván gỗ, mà người ta nhấc lên vào buổi sáng lúc thức dậy và chỉ đặt lại vào buổi chiều tối, nhưng, như ông Paul Bourde<sup>(1)</sup> đã chỉ ra cách đây 58 năm, người ta không thể vừa thấy ảm áp vừa thấy sáng sủa ở đây được. Tuy nhiên, nhìn chung, người ta tìm thấy sự mát mẻ và trong loại đường hầm mà nhà ống tạo ra này, vào mùa hè, lưu thông một dòng khí trong lành.

---

(1) Paul Bourde (1851-1914): Nhà báo, tác giả và quản trị viên thuộc địa người Pháp. (ND)

Trong những nhà không có cửa hàng, người ta chỉ việc cuốn một bức màn hoặc lắp một cửa con hai cánh bằng gỗ, kê cao đến tận ngang người, tạo ra sự đóng cửa hoàn toàn mang tính tượng trưng chỉ đơn giản là để ngăn những người tò mò không nhìn thấy điều gì đang diễn ra trong phòng đầu tiên.

Chúng ta sẽ thấy rất rõ sơ đồ của những nhà ống này ở tầm chim bay, nếu có thể nói như vậy, khi ta đi qua bằng đường sắt, trên chiếc cầu cạn tạo nên đoạn sau của cầu Doumer<sup>(1)</sup> ở lượt về Hà Nội. Trong vài khoảnh khắc, ta ở trên cao ngang tầm con Quỷ Thọt<sup>(2)</sup> trứ danh, nâng mái của những ngôi nhà lên như những tấm bìa, dòm ngó cuộc sống của các cư dân. Chẳng hạn, khi bước vào một trong những cửa hàng trên phố Leblanc<sup>(3)</sup>, ta không ngờ rằng ngôi nhà được tạo thành từ ba hoặc bốn phần các tòa nhà đan xen nhau với ba hoặc bốn cái sân xếp thành dãy. Tất cả những điều mà ta thấy trên phố là lối vào của cửa hàng với cái sập, nơi chêm chệ bà bán hàng ngồi giữa hộp trà và ấm trà.

Những nhà này thường là nơi trú ngụ của nhiều gia đình, mỗi gia đình làm một nghề khác nhau và cả một thế giới từ bố mẹ, con cái, người ở và nhân công đều chen chúc ở đây; chẳng hạn người thợ may của tôi chung cửa hàng với một người bán mũ và một thợ đóng giày và tôi có biết một ngôi nhà khác vừa là nhà để xe, vừa là nơi cư trú của một thợ mộc và một kĩ giả; một ngôi nhà khác nữa là nơi tụ họp của một người bán

---

(1) Cầu Long Biên. (ND)

(2) Nhân vật trong tiểu thuyết cùng tên viết năm 1707 của nhà văn người Pháp Alain-Rene Lesage, kể về một chàng sinh viên giải phóng cho một con quỷ thọt và nó đưa chàng lên trên các mái nhà của thành phố Madrid, khám phá những bí mật của các gia đình. (ND)

(3) Nay là phố Gầm Cầu. (ND)

thực phẩm khô, một người bán vải và các sinh viên; và ta có thể nhân lên vô tận những ví dụ. Tất nhiên, tất cả điều này nhằm mục đích giảm chi phí thuê nhà.

Những ngôi nhà cổ nhất và nghèo nhất không có tầng gác, thế là dưới mái được sắp đặt một gác xép mà người ta leo lên từ phòng chính bằng một cái thang hoặc một cầu thang gỗ ọp ẹp. Nó như một ban công được dựng lên bên trong ngôi nhà.

Nhìn chung, nhà An Nam phát triển theo bề mặt chứ không theo chiều cao.

Một đặc tính khác mà ta thấy rất rõ ở những người nghèo cũng như người giàu, từng sống sót qua một thời kì cướp bóc vẫn còn chưa xa lắm, đó là các phương tiện bảo vệ. Cần phải thừa nhận rằng, ngay cả thời điểm hiện tại, chúng cũng không thừa nếu ta nghĩ tới chuyện mới đây thôi, giữa phố Borgnis Desborde<sup>(1)</sup>, chỉ cách đội hiến binh và đồn cảnh sát vài mét, bọn trộm cắp ban đêm đã táo tợn đến mức ăn cắp những thanh sắt khóa giữ cánh cửa của hai cửa hàng.

Thường thì người An Nam có nhiều phương tiện bảo vệ chống lại tất cả các âm mưu bẻ khóa. Ở ngoài, các chốc tường được cắm tua tua mảnh sành, những chỗ nhô ra nhỏ nhất cũng chẳng dây thép gai hoặc phủ đầy đinh sắt, cửa ngõ được rào giậu bằng các thanh gỗ hoặc lưới. Từ bên trong, người ta cố thủ như trong một chiến lũy; trước đây tôi chưa từng nhìn thấy nhiều những ổ khóa, móc khóa, dây xích, chốt cửa, then cài linh kinh đến như thế trên cùng một cái cửa, tất cả còn được gia cố thêm một thanh gỗ mà người ta đóng chặn ngang. Khi về muộn, mở cửa một thành trì như vậy không phải là việc nhỏ.

---

(1) Ngày nay là phố Tràng Thi. (ND)

Nhà của những người khá giả, dù được xây theo cùng quan niệm, thì đỡ sơ sài hơn, nhưng nó chủ yếu liên quan đến đồ trang trí và đồ nội thất, bởi bản thân việc xây dựng cũng vẫn còn đơn giản, thiếu tiện nghi như chúng ta nghe nói ở châu Âu.

Tồn tại một kiểu nhà khác, có tính chất của nhà nông thôn An Nam mà chúng ta gặp ở ngay thành thị. Ở giữa là dãy nhà được xây dựng trên sơ đồ hình chữ nhật và thường có ba gian. Gian giữa là gian chính, nơi đặt bàn thờ tổ tiên. Trong gian này, người ta tiếp khách; khách được mời ngồi trên cái phản trải chiếu, bên trên đặt ấm pha trà, chén, hộp trà... Hai bên gian chính này là hai gian khác dùng làm phòng ngủ, một trong số đó cũng dùng làm nhà kho; chính tại đây, người ta dự trữ các chum rau dưa muối, *nước mắm*, rau củ và các thực phẩm khác.

Thường thì hai bên của tòa nhà chính này, người ta xây các nhà ngang (nằm vuông góc), đó là các công trình khác cùng loại, mà tùy theo nhu cầu của gia đình, dùng làm các phòng, cửa hàng, kho lương; vậy nên, tổng thể các tòa nhà hợp thành như một bức tường bao quanh một sân trung tâm. Chính trong trường hợp này mà ta chú ý đến sự khác biệt cơ bản nhất giữa nhà châu Âu với nhà An Nam; nhà An Nam không như nhà của [người Pháp] chúng ta, một khối chắc chắn với các phòng liên kết nhau qua hành lang hoặc cửa; còn ở đây là một tập hợp các tòa nhà tách biệt nhau mà số lượng và tầm quan trọng thay đổi theo cách thức và nhu cầu, nhưng giữa chúng không có bất cứ mối liên hệ cụ thể nào.

Ở nhà những người giàu có, sân thường được lát gạch và được tô điểm bằng bồn nước với núi non bộ, tiểu cảnh,

cây bonsai và cây trồng trong chậu mà người ta mua lúc đã ra đầy hoa. Hoặc còn có những mái nhà ngấp dưới giàn cây, nơi những dây leo quấn quýt và để người ta treo những lồng chim riu rít.

Không một miêu tả nào có thể diễn tả được nét duyên thầm của những nơi ở theo lối cổ ấy, vẻ đẹp, vẻ sâu kín của những khu vườn bí mật này, nơi người ta tránh khỏi sự xô bồ của thế giới; cần phải bước vào trong đó thì mới hiểu được thú hưởng lạc của những nhà nho xưa mà đối với họ, cái vũ trụ chỉ vài mét vuông này thôi là đủ.

Lối vào ở những ngôi nhà dạng này được tạo bởi ngay con đường bên hông nhà, cổng chính được xây gạch bảo vệ, được trang trí, vẽ vờn ít hay nhiều để đánh lạc hướng các ác thần.

Tại các vùng nông thôn, những căn nhà phụ giữ một vai trò lớn, tạo thành từ các ô đất khác, xung quanh các sân khác, tất cả đều là nhà tranh tre nứa lá, không dùng tới một cái đinh nào, thường xuyên nhất là có một khu vườn, hoặc tốt hơn là một vườn cây ăn quả, bao quanh nơi ở của chủ nhà.

*Đồ đạc.* – Tất nhiên là có ít đồ đạc vừa hoàn hảo lại vừa tiện lợi như là sập hay phản (*cái ghế ngựa*), những đồ đạc cơ bản và mang tính truyền thống trong các ngôi nhà An Nam.

Dù là chiếc sập nguyên khối bằng gỗ *gụ* hoặc gỗ *trắc* được chạm trổ và khảm xà cừ của các nhà giàu, hoặc hai tấm gỗ tạp đặt trên các cái kệ (mễ) ở những gia đình nghèo hơn, thì đó vừa là giường, vừa là bàn, ghế và chỉ mình nó thôi mà

thay cho phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách, phòng làm việc hay xưởng tùy thích.

Chính trên cái sập, cả gia đình ngồi vòng quanh chiếc mâm đồng, thường đặt trên một cái kệ nhỏ gấp lại được, trên mâm xếp nhiều bát đĩa đựng các món ăn An Nam. Nồi cơm được đặt bên cạnh bà mẹ để bà xới cơm [cho mọi người]. Cuối bữa ăn, một người ở mang cái mâm ấy xuống bếp, dùng chiếc chổi nhỏ phui sạch đồ ăn rơi vãi còn vương trên chiếu.

Khách khứa đến ăn cơm xong chỉ việc nằm dài ra đánh giấc ngủ trưa, đầu gối lên một chiếc gối bằng da sơn hoặc song mây, trừ khi họ thích ngồi tán gẫu trong lúc uống trà, vừa nhấm nháp bánh kẹo hoặc hoa quả đặt trên đĩa, đều đã được gọt vỏ và cắt làm tư, với những que tăm để cầm cho khỏi bẩn tay.

Trong các ngôi nhà thuần Việt, khách khứa đến thăm trong ngày được tiếp đón ngay trên chiếc sập rộng bằng gỗ, nơi thường xuyên đặt hộp trà, ấm trà được ủ nóng trong giỏ và một ống điếu.

Cũng chính đây là nơi phụ nữ làm công việc khâu vá; nơi người ta ngồi đọc sách, viết bằng bút lông, tất nhiên là viết các chữ nho, bởi việc viết chữ tây rất khó thích hợp với tư thế ngồi xõm. Nhiều thợ thủ công làm việc ngồi xõm trên tấm sàn cao này.

Cuối cùng, buổi tối, chỉ cần chằng màn vào bốn cái đinh và thế là cái giường đã sẵn sàng; chiếc chiếu luôn trải lên thì được giặt giũ bằng bàn chải và xà phòng.

Ở đầu phản thường có một loại tủ thấp (*tủ chè*), tất cả tạo nên một tổng thể được trang trí theo cùng một phong cách;

phần trung tâm thường dành làm tủ kính; người ta xếp vào đây những bộ đồ pha trà tinh xảo, đồ mỹ nghệ; hai bên là những cánh tủ nguyên tấm cất giấu các đồ linh tinh.

Trong mọi ngôi nhà thuần Việt, phần lớn giữ vị trí danh dự ở giữa gian chính; tuy nhiên những đòi hỏi của cuộc sống hiện đại đã thay đổi những thói quen xa xưa, bởi rõ ràng là phản thích hợp với trang phục kiểu An Nam gồm quần ống rộng dành cho cả đàn ông và đàn bà, chân trần xỏ dép da hoặc đi guốc mà người ta có thể dễ dàng tháo ra, nhưng nó bất tiện với quần ống hẹp của một bộ complet đúng chuẩn mà nếp quần thẳng thớm là thứ trang sức đẹp đẽ nhất; rồi lại còn giày mà ta phải khó nhọc mới cởi được dây; hoặc những cái váy ôm của các quý bà.

Vậy nên trong nhiều gia đình, người ta phải thỏa hiệp khi đặt cạnh phần vài cái ghế tròn hoặc vuông theo phong cách Tàu mà đôi khi rất xinh xắn, dành cho những người mặc trang phục không thể ngồi xổm; cũng thường có một cái bàn, loại bàn một chân và những chiếc ghế bành bằng gỗ mun, bàn chân quỳ và những kệ sách theo mốt Quảng Châu; nhà càng giàu thì người ta càng tăng thêm cho các món đồ đặc này về lông lấy, sơn son, khảm hoặc chạm trổ, ghế nhỏ thường được trải đệm phẳng bằng lụa thêu.

Thêm vào chiếc sập hoặc phản và đồ đặc của gian tiếp khách, trong các gian bên có những giường, ghế đầu và những rương hòm, tùy theo việc sử dụng mà người ta dành riêng cho chúng.

Nhưng một khuynh hướng đang được phổ cập là kiểu thỏa hiệp giữa phong cách An Nam với phong cách châu Âu,



và hiện nay, người ta thường thấy trong cùng một gian nhà bộ phận truyền thống đặt cạnh bốn chiếc ghế bành và chiếc bàn nhỏ, được đánh véc-ni, của kiểu phòng khách hiện đại; sự phối hợp mang lại kết quả khá tai hại và sự so sánh thì phải nói là lợi thế hoàn toàn thuộc về đồ đạc truyền thống, bởi phòng khách này có sự tầm thường khuôn sáo của đồ đạc rẻ tiền mà hiện nay thuộc về những ngân sách eo hẹp.

Tất nhiên, đây vốn không phải là những đồ đạc đẹp dễ kiểu châu Âu mà đại đa số thợ mộc An Nam bắt chước, mà là những đồ dễ làm hơn, nhàm chán hơn và rẻ hơn.

Hơn nữa, trong nhiều nội thất, người ta có khuynh hướng thay thế giường kiểu An Nam bằng giường kiểu Âu; công nhận nằm ở đây thì dễ ngủ hơn, mặc dù thường chẳng có dát lò so cũng chẳng có đệm mà chỉ có một cái chiếu trải lên; tuy nhiên, theo quan niệm của người châu Âu, giường là một đồ vật mang tính riêng tư, được kê khuất tầm nhìn, trong phòng ngủ và việc nhìn thấy nó cùng với màn và tấm trải chinh ình trong gian chính chẳng có gì là hấp dẫn cả.

Những cái ghế dựa và ghế đầu theo kiểu Âu hiện nay được thấy khá phổ biến ở nhà người An Nam; nhưng không phải trong vài năm mà người ta bỏ đi được hàng thế kỉ truyền đời và người An Nam, nhờ sự uyển chuyển, cuối cùng thì bất giác, thường ngồi xồm trên những chiếc ghế này, trong các tư thế mà đối với [người Pháp] chúng ta có vẻ như gò bó.

Có thể là sự tiến hóa vẫn tiếp diễn, một biện pháp đúng đắn sẽ được thiết lập để dung hòa giữa các thói quen truyền thống

và những đòi hỏi của cuộc sống hiện đại... nếu như đó thực sự là những điều cần thiết.

Trang trí nội thất của người An Nam chủ yếu ở đôi câu đối trên gỗ sơn son thếp vàng, khảm xà cừ hoặc chạm trổ; một số bức là những kiệt tác thực sự mà sự giản dị và tinh tế dường như còn được thêm vào giá trị tư tưởng đạo đức hoặc thi ca mà nó minh họa. Gương soi rất được ưa thích, nhưng dùng để trang trí hơn là sử dụng, thông thường nhất là được tô điểm bằng tranh vẽ và các câu chữ.

Bên trên sập, người ta treo một hoành phi được chạm trổ, kèm đôi câu đối hai bên, tạo thành một tổng thể mang tính cổ truyền.

Trong gian thờ cúng tổ tiên, ban thờ trung tâm được trang hoàng bằng những đồ thờ cổ điển; vẻ đẹp và số lượng của chúng thay đổi tùy vào sự sung túc của gia đình; ở những nhà giàu có nhất, đó là những ngôi đền thực sự; trong những ngôi nhà khiêm nhường nhất, người ta hài lòng với một cái kệ đơn sơ bằng gỗ sơn. Tuy vậy, sự kính trọng và sùng bái thì không hề kém sâu sắc hơn, và kỉ niệm về tổ tiên luôn hiện diện trong kí ức của những người đang sống mà với họ, tổ tiên tham gia vào đời sống thường nhật. Trong mọi ngôi nhà, người ta còn thấy một hoặc nhiều bình lớn vẽ hoa văn màu xanh, bắt chước kiểu Tàu, dùng để cắm những cành đào nở rộ vào dịp Tết.

Như chúng ta đã thấy, bếp nằm ở một ngôi nhà biệt lập; đó là nơi cư ngụ của thần bếp (*Ông Táo* hoặc *Táo Quân*) mà việc thờ cúng rất phổ biến có nguồn gốc từ Trung Hoa. Vị thần này thực ra là tam vị nhất thể; theo truyền thuyết, đó là biểu tượng



cho một phụ nữ và hai người chồng mà bà đều thủy chung son sắt; thần bếp ngụ trong ba hòn đá hoặc gạch [ba ông đầu rau] dùng để bắc nồi nấu cơm.

Bếp là một khu vực xây gạch, trên đó người ta có thể tùy ý thêm bếp nấu bằng các viên gạch hoặc kiềng sắt ba chân; khói thoát ra qua một tháp nhỏ. Các món ăn nhìn chung được sơ chế lâu do phải nhặt rau và thái nhỏ, ngược lại được nấu khá nhanh; vài khúc củi và một nắm trấu là đủ làm chất đốt rồi.

Dụng cụ nhà bếp cũng rất đơn giản, chủ yếu là nồi nấu cơm; vài chiếc nồi đất khác đủ kích thước, cái chảo gang, vài rổ rá, dũa và con dao, cái thớt, dao thái, chày và cối là đủ hoàn tất bộ dụng cụ nhà bếp.

*Vườn cây ăn quả.* - Mỗi khi bước vào vườn của một ngôi nhà An Nam, tôi lại có ấn tượng mạnh bởi hai điều mà đối với tôi dường như không thể dung hòa: một mặt, người An Nam thích nhiều loại cây ăn quả, vườn của họ là vườn cây ăn quả thực sự, nơi họ quy tập đa dạng nhất có thể các loài cây; mặt khác, trái cây nói chung không đẹp lắm cũng chẳng thơm ngon lắm, bởi vì người ta để cho cây mọc dại. Ta có thể nói rằng người An Nam chẳng đếm xỉa đến việc cây cho quả cần được cải tạo thông qua việc chọn lọc, ghép, xén, bón phân... Nếu họ chăm chút cho vườn cây ăn quả cũng như chăm ruộng thì việc thu hoạch sẽ có lợi hơn nhiều cả về số lượng lẫn chất lượng.

Nhiều người châu Âu coi trái cây nhiệt đới “hoàn toàn chẳng đáng để ăn”, theo lời phát biểu của một người Anh, ông ta đã tỏ rõ sự khinh thường mà người ta có đối với trái cây

nhật đới, ở Hồng Kông chẳng hạn, nơi những trái cây duy nhất đáng được xuất hiện trên bàn ăn là táo, cam, mận của Canada và Australia. Còn ở đây [An Nam], thói trường giả học làm sang cũng khiến người ta thường xuyên tìm kiếm những trái cây nhập khẩu, mặc dù đất nước trồng được khá đa dạng các chủng loại.

Nếu trái cây châu Âu đối với chúng ta dường như đẹp đẽ và thơm tho hơn, có khả năng vì chúng được chăm sóc tốt hơn; trong một số vùng ở Pháp mà việc trồng cây ăn quả tạo nên sự thịnh vượng, chúng là đối tượng được nâng niu thường xuyên.

Đây là tôi còn chưa nói đến châu Mỹ, nơi các phương pháp hiện đại nhất mang lại những vụ bội thu trái cây gần như chuẩn mực.

Chắc chắn rằng ở đây có những thử nghiệm thú vị để làm, rồi việc giáo dục người dân nông thôn; những thử nghiệm được tiến hành theo hướng cải tạo giống cam và dứa chắc chắn có giá trị để áp dụng lại đối với những trái cây khác.

Những người châu Âu chưa hề có dịp đi thăm những khu vườn cây ăn quả tại các nhà của người An Nam, thì những khu vườn bao quanh hầu hết các đền chùa có thể cho họ một ý niệm khá chính xác. Chẳng hạn, ở chùa Một Cột, một trong những ngôi chùa xinh nhất Hà Nội, ta thấy trong một không gian cực kì hạn hẹp một sự đa dạng thực sự đáng ngạc nhiên với các loại cây và hoa: bưởi, nhãn, na, vải, roi, chuối, hồng, khế, mít, đào, cau và những cây mà tôi đã quên... Trong khi hoa xoan, hoa đại, hoa hoàng lan, hoa hồng, hoa nhài nở rộ thì các cây phong lan, xương rồng, cây leo, cây bonsai, cây phong,

phi lao, tre trúc cũng hội tụ trong khoảnh đất quây nhỏ bé này, điển hình cho mọi vườn tược đền chùa và các khu vườn đẹp xinh của những người An Nam khá giả.

Và khi hình dung trong đầu lại một lượt mọi khu vườn mà tôi đã biết, từ cái sân của người nông dân hèn mọn nhất đến nhà ở của những người giàu, tôi thấy biết bao nhiêu là cây thân thảo, biết bao nhiêu là cây thân gỗ, và biết bao nhiêu là hoa mà tôi nghĩ sẽ thú vị khi nói về chúng một cách chi tiết hơn.

*Cây bưởi* với hương thơm của hoa trắng tỏa ngát cả vùng nông thôn vào đầu xuân là một trong những cây được người An Nam ưa thích nhất, đối với cả hoa – mà tinh dầu được dùng để làm bánh – cũng như quả. Loại quả tuyệt vời này ngọt ngào và mọng nước; ruột quả, vỏ quả đều rất tuyệt. Những quả lớn màu vàng hoặc xanh lúc lỉu cực kì nổi bật giữa các tán lá và tôi vẫn nhớ mình đã ngạc nhiên đến thế nào khi lần đầu nhìn thấy chúng trên cây, trong một ngôi chùa Phật giáo ở vùng Hoa Nam; cứ như tôi đột nhiên lạc bước vào khu vườn của những vị thần.

Bên cạnh, người ta thường trồng những *cây na* với cành nhánh mảnh khảnh, *cây nhãn* và *cây vải* với cành lá rậm rạp.

Vào thời kì vải chín, người ta treo lên cây những con bù nhìn và chiêng trống để đuổi lũ chim háu đói, nếu không chúng sẽ nhanh chóng làm hỏng vụ thu hoạch; nhưng một số con chim đầu riu đen đậu trên những chùm quả màu hồng ấy thì xinh đẹp đến mức ta hiểu rằng chúng đã tạo cảm hứng cho những họa sĩ Trung Hoa.

Dưới những cây nhãn trồng ở ngoài đồng, người ta phải lo canh gác ngày đêm, không vì trộm cắp thì cũng vì chim chóc. Vài và nhãn được bảo quản thật khô và chỉ có ngon tuyệt trở lên.

*Cây doi*, cây thân gỗ với tán lá màu lục-lam, mang những quả màu hồng xinh xắn hơn là thơm ngon. Quả *cây hồng* với màu cam đỏ mĩ miều, trông còn đẹp mắt hơn nữa.

Treo mình trên thân *cây mít*, lủng lẳng như những túi da là các quả to tướng với vỏ gai tua tủa dạng chùy mà thứ mùi nhão của nó còn thơm lừng hơn cả hoa. Đó còn là một loại cây rất được người An Nam ưa thích bởi thứ gỗ không thể mục nát của nó dùng để đóng đồ thờ cúng.

Trong tán lá nhẹ nhàng của *cây khế* đung đưa những quả vàng góc cạnh như những chiếc đèn xếp nhỏ.

*Cây đào* được trồng trước hết để lấy hoa; đó là cây của ngày Tết, làm vui mắt như một đám sương mù màu hồng nhạt cho vùng nông thôn buồn rầu và lạnh cóng. Nó giữ vai trò lớn trong thần thoại Trung Hoa: biểu tượng cho sự trường thọ, những quả đào tiên chín trong vườn thượng uyển giúp người ta bất tử. Cây đào sinh trưởng dưới trần gian Bắc Kỳ thì chẳng hề có chút phép màu nào, nếu như đó không phải là một vị chất hiếm gặp. Người ta hái đào khi chúng đạt đến kích thước của một trái ô liu và ăn nó với muối ớt, giống như ăn *quả mơ* và *quả mận* xanh cùng loại.

Ngược lại, đào ở Vân Nam và Sa Pa thì lại ngon tuyệt; hiển nhiên là do vấn đề khí hậu.

*Cây chuối* mọc trong mọi khu vườn; căn nhà tranh nhỏ bé nhất được những phiến lá rộng của cây chuối quạt mát và tôi không thể nhìn một buồng chuối mà không ngạc nhiên trước sự hào phóng của thiên nhiên, lại chợt nghĩ rằng người ta cần trồng thêm thật nhiều cây này, thứ cây chỉ cần mọc lên và dễ dàng sinh ra một loại thực phẩm tuyệt hảo. Với chuối xanh sấy khô và nghiền nhỏ, người ta tạo ra một thứ bột ngon lành; chuối chín sấy khô là một món tráng miệng thơm ngon, cũng như người ta còn dùng chuối để chế biến một loại bánh lạnh và bổ.

*Cây đu đủ* cũng dễ mọc và cho ra nhiều quả tốt cho sức khỏe. Người ta nói rằng hoa đu đủ đực có đặc tính đuổi muỗi, nhưng hoàn cảnh chưa bao giờ cho phép tôi chứng thực điều đó. Cùng với chuối và cau, đu đủ tạo thành một bộ ba cây mà ta thấy trong gần như mọi ngôi nhà nông thôn.

Có thể nói *cây cau* là một phần của cảnh sắc Bắc Kỳ và đáng vẻ dung dộng của nó ngự trị mọi thôn xóm vùng đồng bằng châu thổ. Những bông hoa li ti màu trắng mọc thành chùm của nó vô cùng thơm, nhưng khó nhìn thấy đến nỗi người ta tự hỏi cái hương thơm bí mật kia đôi khi phảng phất trên những cánh đồng chẳng biết từ đâu tới.

Những *cây cam* cũng tỏa hương, khi chúng phủ đầy những bông hoa màu trắng hoặc những quả cam rực rỡ chất đống trên những kệ hàng, nhưng cây cam thì thất thường và việc thu hoạch không được đều đặn.

*Cây chanh* với hoa màu trắng phớt hồng có hương thơm dịu hơn, ra những quả nhỏ có thể dùng thay cho chanh Tây.



Còn về *cây thanh yên* cùng họ, ở đây mẫu phổ biến nhất là loại chẻ ngón hoặc tay Phật (*phật thủ*) mà người ta dâng cúng trên những ban thờ ở đền chùa, nơi nó tỏa ra thứ hương thơm được thần linh ưa thích. Còn người phàm trần thì thường thức phật thủ ngâm đường.

*Cây ổi* thì hoàn toàn mọc dại, cũng như phần lớn các loại quả mà người ta bán trong phố, quả ổi bé và có chất lượng thấp, nhiều hạt hơn là cùi và những hạt này thường mắc vào kẽ răng rất khó chịu; người ta dễ phải nói rằng chúng được phân cỡ để làm điều đó. Tuy nhiên, cũng có những loại ổi được cải tạo giống nên dày cùi hơn và thơm hơn, nhất là giống ổi đào có ruột quả màu cam. Mùi hương thơm ngát của nó có thể làm phật ý một số khưu giác, nhưng những ai không thích ăn ổi tươi thì có thể chế biến thành món mứt tuyệt hảo và thạch cổ truyền.

*Cây sơn trà Nhật Bản* [néflier du Japon] mang dưới nách lá những chùm quả phủ nhẹ lông tơ, màu cam nhạt, thịt quả ngọt và mọng nước, nhưng vì ít được chăm sóc nên chúng nhìn chung vẫn bé và do đó, như nhiều loại quả dại khác, chỉ là một cái túi đựng hạt mà thôi.

Nhiều ngôi chùa nấu mình dưới những *cây muỗm* cao to. Ở Bắc Kỳ, muỗm không ra quả ngon. Người An Nam hái quả muỗm xanh để làm gia vị. Đầu năm, muỗm nở hoa cực thơm thu hút các đàn ong.

Ngay cả *cây lựu*, loài cây rất phổ biến ở đây, cũng chẳng hề cho ra những quả thơm ngon; quả lựu vẫn bé và nhạt, ruột lựu hiếm khi có màu đỏ rực như lựu Ý, có nhiều hạt hơn là nước. Nhưng lựu rất được ưa chuộng như một cây cảnh nhờ những

bông hoa đỏ rực rỡ, vì có nhiều hạt nên nó được xem như một biểu tượng của sự sung túc; cùng với quả đào, quả lựu là một họa tiết trang trí truyền thống của người An Nam và người Trung Hoa.

Tiếp đến là sự đa dạng của những trái cây dân dã mà người châu Âu không biết hoặc coi thường, và người ta có thể mua bằng một xu ở người bán hàng rong; ta thấy chúng ít nhiều trong tất cả những khu vườn An Nam, nhất là ở vùng nông thôn: trước hết là cây táo ta, mà những quả bé màu xanh ngả vàng cỡ bằng một trái anh đào. Trong một câu chuyện cổ tích mà tôi đã đọc hồi bé, có một khu vườn kì diệu với đài nước chảy ra toàn si-rô hạnh nhân và những cái cây chỉ chít táo ta; cái tên “táo ta” thu hút tôi và tôi tưởng tượng táo là một thức quả ngon tuyệt diệu cho đến ngày tôi cắn cái viên bi nhỏ tội nghiệp màu xanh ấy. Than ôi, nhiều trái cây kì diệu là như vậy đấy!

*Cây nhót* còn tệ hơn nhiều, với thứ quả chua đến chảy nước mắt, nhưng rất đẹp mắt với các nhánh mềm mại, nơi đong đưa dưới tán lá xanh thẫm, mặt sau bàng bạc, những trái nhỏ màu cam có hình dáng giống quả chà là.

*Cây sấu* là một cây thân gỗ được trồng dọc theo những đại lộ, mang những chùm quả nhỏ màu vàng nhạt, khá tầm thường; tuy nhiên, trên các con phố ở Hà Nội, nó mang lại sự cảm dỗ khủng khiếp đối với những *bé con*. Mặc dù sợ cảnh sát, chúng vẫn trèo lên cây hái sấu, và đôi khi nhà cầm quyền tổ chức những cuộc vây bắt thực sự dưới gốc những cây sấu mà kẻ phạm tội đang ẩn mình tít trên vòm lá, ngấm nghĩ về điều gì đang chờ đợi mình lúc xuống.

Những *cây me*, loài cây xinh đẹp khác trên đại lộ với tán lá nhẹ nhàng cũng mang lại sự cảm dỗ không kém bởi bên trong thứ quả giống quả đậu của nó chứa cùi thịt thơm ngon; những người bán hàng rong chỉ bán chúng khi đã nấu chín hoặc được chế biến như một loại mứt ngào gừng.

Không hiếm khi ta thấy trong vườn của một ngôi nhà nông thôn một gốc già vạm vỡ của cây dâu tằm mà sắc xanh đã lốm đốm những quả nhỏ màu hồng và đỏ tạo cảm giác rất tinh tế.

Những *cây vả*, phổ biến ở vùng nông thôn Bắc Kỳ, mang trên thân và những nhánh chính các quả ăn được, nhưng chẳng gọi nhắc gì đến những quả vả ngon lành của vùng Côte d'Azur.

Trong các vùng nông thôn, người ta thu hái *quả sim*, thứ quả mọng mướt như nhung màu đỏ thẫm của một cây đại thấp (*rhodomyrthus tomentosa*) mà người ra có thể làm một món mứt sệt hảo hạng.

Trong nhiều khu vườn, người ta trồng một bụi mía, được chùng nào hay chùng ấy loại mía được chọn lọc và lũ trẻ trong nhà sẽ nhai rau rầu dóng mía cứng chứa mọng nước đường.

Trong vài khu vườn, ta cũng thấy những cây cho *quả dưa*, nhưng đó chỉ là sở thích riêng thôi, còn việc trồng dưa thực sự được thực hiện trên quy mô lớn. Ngay cả những *quả dưa hấu* to bụi màu xanh thẫm, ruột màu hồng và hạt đen, mọng nước nhưng nhạt nhẽo, cũng hiếm khi được trồng trong vườn mà trên những cánh đồng.

*Dâu tây* và *dưa bở*<sup>(1)</sup> do người Pháp du nhập vào được trồng thành công ở quanh Hà Nội.

---

(1) Nguyên văn là melon và chú là *quả dưa*. (BT)

Việc trồng trọt ưa thích khác trong vườn và đặc biệt là trong sân chính là những cây leo tạo vòm: *cây nho* với quả hiếm và chua; những cây dưa tây có hoa màu tím hoặc trắng biểu trưng cho chiếc mào gai và những công cụ trong Cuộc khổ nạn của Chúa Giê-su, từ đó mà nó có cái tên kinh điển là lạc tiên (*passiflore*). Trong nhà của một cô bạn An Nam, tôi có thể theo dõi sự phát triển của cây này, nó đòi hỏi sự chăm sóc khá đều đặn. Việc thụ phấn hoa bao giờ cũng do người thực hiện và anh trai của bạn tôi đã phải mất cả buổi sáng để làm cái công việc tỉ mỉ này. Nhưng kết quả mới mỹ mãn làm sao! Dưới mái giàn hoa rậm rạp, một lượng quả màu xanh ngả vàng to như những trái dưa bở nhỏ treo lủng lẳng như những chiếc đèn lồng Venise: người ta dùng nước nhầy chứa trong quả để chế ra thứ đồ uống rất thơm ngon tinh khiết.

Thường thì người ta hài lòng với giàn cây leo nhiều loại khác nhau gồm bí, bầu (quả *nậm rượu*), *su su*... đem lại những vụ bội thu; đẹp mắt hơn cả là *cây gấc*, mang những quả gai lớn hình con quay, màu cam rực rỡ mà thịt cùi nhuộm màu cho bánh trái làm từ gạo *nếp* trong những ngày lễ tết.

*Vườn.* – Dường như ở phương Đông người ta sống gần gũi với thiên nhiên hơn là ở phương Tây, do các vấn đề khí hậu, đặc tính khác biệt về văn minh và ảnh hưởng của tôn giáo.

Trong toàn bộ văn học phương Đông, thiên nhiên giữ một vị trí lớn, dù là trong thi ca Ba Tư, thơ Đường của Trung Quốc hay thơ haiku của Nhật Bản.

Trong những bài dân ca An Nam, người ta vẫn thấy chính đặc tính này và nhất là những so sánh thường xuyên với

cây cối mà người An Nam yêu thích quanh nhà và được họ gán cho một giá trị biểu tượng:

“Em xinh như đóa hoa đào

Mát tươi như lá dâm bụt...”

“Gió lay cành trúc bên lầu

Tim ta lay động nổi sầu suy tư....”<sup>(1)</sup>

Trong vườn châu Âu, chủ yếu có các loài hoa thường niên trong khi người An Nam đặc biệt tìm kiếm những cây lưu niên, cây thân gỗ và đặc biệt hơn là những cây bụi.

Vì vậy, vườn của người An Nam có thể ít sắc sảo hơn vườn của [người Pháp] chúng ta, nhưng chúng không hề kém duyên hơn, nhờ sự bố trí nơi ở hài hòa trong phạm vi môi trường thiên nhiên.

Một trong những cây thân gỗ mà ta thấy thường xuyên nhất ở đây là cây *ngọc lan ta* thuộc họ mộc lan có những bông hoa trắng hình thoi, thơm ngào ngạt mà người ta dùng để chế nước hoa.

Ở vùng Hoa Nam (Trung Quốc), cây này cũng rất được ưa thích, phụ nữ thường cài núp hoa ngọc lan thơm tho lên búi tóc. Trong năm hoa cúng bao giờ cũng kèm theo đồ lễ trong các đền chùa, ngọc lan là một loại hoa thường gặp hơn cả.

Các nhánh mềm mại của cây hoàng lan (*ngọc lan tây*) đôi khi mọc rất cao, rung rinh những bông hoa lạ lùng nhất mà ta có thể tưởng tượng, những dải màu vàng lục hội tụ thành hình sao, lẫn vào với lá.

---

(1) Người dịch không tra được nguyên bản hai câu ca dao này nên chỉ dịch nghĩa. (ND)

Được dùng làm chất thơm, hoa hoàng lan rất được ưa chuộng ở châu Âu hồi đầu thế kỉ, và tôi nhớ một tiểu thuyết mà nhân vật nữ xúc hương hoa hoàng lan, để tạo ra một “sức quyến rũ ngoại lai không thể cưỡng nổi”; đó còn là một trong những cái tên thần diệu được văn học khai thác, dành cho những ai mơ về thuộc địa như là một vùng đất xa lạ tràn trề khoái lạc. Nói về khoái lạc, hoa hoàng lan khi đã hết thời từng làm sạt nghiệp vài người thực dân khốn khổ, họ đã ném hết vốn liếng ra để trồng cây này. Cây *xoan* nở hoa vào mùa xuân là một loại cây thân gỗ phổ biến khác, được trồng gần nhà bởi những chùm hoa tím tím của nó, gợi ta nhớ đến hoa tử đinh hương của châu Âu, trở thành những lưu hương thật sự ngay khi cơn gió nhẹ nhất thổi tới. Nhưng ngược với những hoa nhiệt đới khác, hương thơm của hoa xoan dịu mát đến nỗi nó không bao giờ khiến ta nhức mũi.

Trong những khu vườn lớn, người ta cũng trồng *cây bàng* lá tròn nhuộm màu đỏ rất đẹp vào mùa thu và người An Nam nhặt lá bàng về để chế thuốc nhuộm màu đen; nhưng cây này có thể phát triển to rộng và được dành để trồng ngay trên các đại lộ.

Trong số những cây đẹp nhất, *cây gạo* có những cánh hoa to đỏ rực bung nở bất thành hình vào đầu xuân trên những cành trơ trụi; nhưng hào quang của nó ngắn ngủi và chỉ trong vài ngày, mặt đất lại phủ đầy những bông hoa rụng mà sắc màu đã vụt tắt của nó là biểu tượng của mùa xuân và tình yêu.

“Em như hoa gạo trên cây  
Anh như một đám cỏ may bên đường  
Lạy trời cho cả gió sương  
Hoa gạo rụng xuống, lại luồn cỏ may.”

Hiếm có khu vườn nào mà lại không có khóm tre trúc: tre cao lớn màu xanh hoặc trúc với thân vỏ màu vàng. Những hàng rào thường hay được làm nhất từ tre gai.

Cũng giống như cây cau, *cây tre* làm nên một phần của phong cảnh Bắc Kỳ: vươn cao trên những cánh đồng lúa, sừng sững đây đó là khóm tre với tán lá nhẹ nhàng như chùm lông chim, núp bên dưới là một thôn xóm nào hoặc một cụm mái tranh.

“Trúc xinh trúc mọc đầu đình.”

*Cây liễu*, cây thân gỗ thơ mộng hơn cả cho những huyền thoại đẹp nhất về tình yêu mượn vẻ yếu điệu uể oải của nó, hoặc diễn tả một phong cảnh:

“Lơ thơ tơ liễu buông mành  
Con oanh học hát trên cành mĩ mai.”

(*Kim Vân Kiều*)

Hoặc gợi lên một triết lí:

“Tuồng người lấy liễu mà suy  
Người khi xuân cối, liễu khi thu cần  
Liễu kia thu lại còn xuân  
Người kia đã dễ mấy lần xuân chẳng...”

(*Hoa Tiên*)

Trong vườn chùa, người ta thường trồng *cây đại* với hoa trắng, ở giữa màu vàng, tỏa ra một mùi hương thơm ngát đến mức nồng nặc.

*Cây phi lao* với những lá kim nhẹ nhàng rung rinh như một đám sương phớt xanh trên những mái đao, thường gặp trong sân đền, chùa, cũng như những loài khác nhau của *trắc bách diệp* mà tán lá màu sẫm tương phản với những bông hoa màu hồng rực của giống *hoa hải đường* nở vào dịp Tết.

Trong phần lớn các sân hoặc vườn thường có một cây hoa nhài mà hương thơm ngào ngạt rất giống nhài của châu Âu: *hoa nhài* với những bông hoa xếp nếp màu trắng tai tái mà người ta dùng để ướp trà hoặc *hoa lí*, loại hiếm hơn của chi nhài với vô số những bông hoa nhỏ hình sao màu xanh mà hương thơm có mùi tử đinh hương chỉ tỏa ra vào ban đêm.

Trên một cây bụi khác khá phổ biến, *hoa mộc* nở ra những cụm hoa bé xíu màu trắng ở nách lá cứng; người ta thường trộn hoa mộc với thuốc lá để ướp hương. Người ta cũng làm tương tự với những nụ hoa bé tí của *cây ngâu*, rất phổ biến trong các khu vườn.

*Cây dâm bụt* thường xuyên nhất là để làm hàng rào: trong đám lá xanh rậm rì, đóng đưa những bông hoa màu đỏ nhụy dài như những cánh bướm.

Rồi thì tất cả sự đa dạng muôn màu muôn vẻ của những cây leo: cây hoa giấy lồng lẩy nở ra những bông hoa màu tím nhạt. Dây rạng đông rủ xuống những thác hoa màu cam, hoa ti-gôn với những nụ hoa mong manh màu hồng mà người Philippine gọi một cách nên thơ là “chuỗi vòng tình ái” (*cadena de amor*),



*hoa giun*<sup>(1)</sup>, cái tên quê kệch dành cho một loại dây leo rất đẹp mà những nhánh mềm mại mang các chùm hoa đỏ hình sao.

Trong một số khu vườn, ta bắt gặp một hoặc hai gốc cà phê, mà những bông hoa trắng muốt chen chúc dọc theo các cành tỏa ra một mùi hương ngọt dịu; bọn trẻ mút những quả mọng khi đã chín, thết đãi nhau phần thịt quả ngọt.

*Trúc đào* và cây *dành dành* hoa trắng khá phổ biến, cũng như hoa hồng; người ta dùng cánh hoa hồng để ướp trà đen.

Nhiều khu vườn chỉ là những cái sân, nhưng không cần phải dùng từ này theo nghĩa xấu là một phần phụ; sân của một ngôi nhà An Nam xinh đẹp, giống hệt như sân của một ngôi chùa, là một khu vực lát gạch và được trang trí bằng sự phong phú đa dạng của những cây bonsai và hoa trồng chậu. Vào dịp Tết, nhìn kĩ thì đặc biệt xinh xắn: bên cạnh *đỗ quỳnh* với những bông hoa mỏng manh màu đỏ là *hoa thủy tiên* trắng với hương thơm tinh tế đang nở rộ.

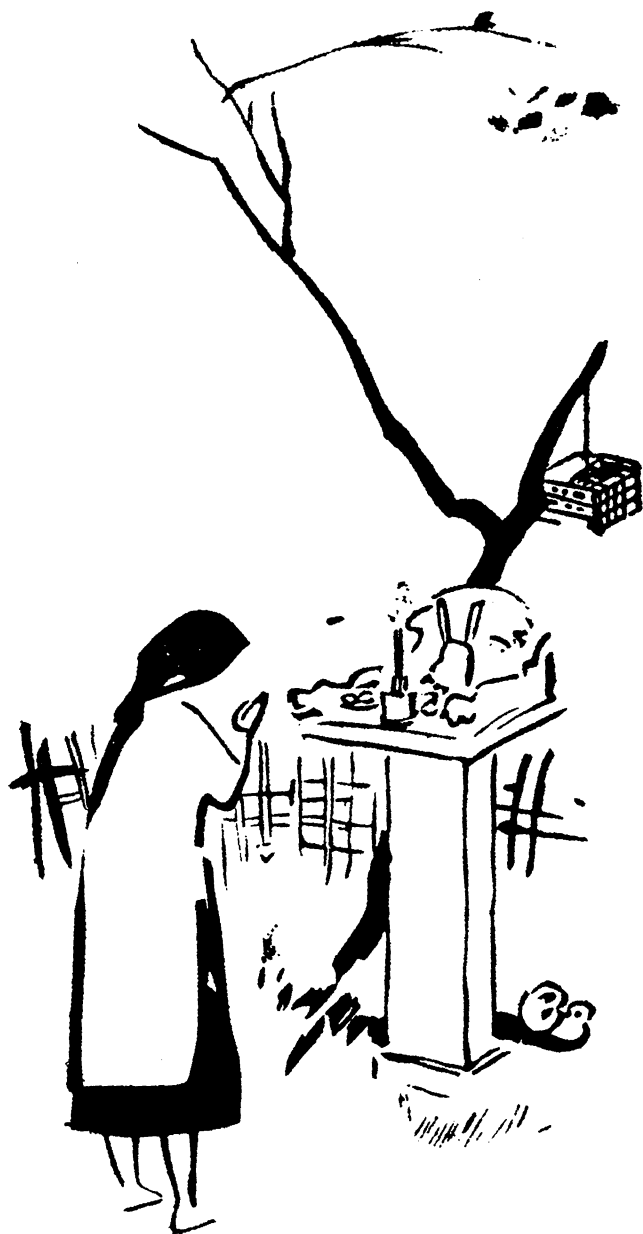
Trên những cái lá sẫm bóng của cây hoa trà, là những bông hoa tròn trịa màu trắng, hồng hoặc đỏ giống như được làm từ sáp ong.

*Cây quất* đông đưa trên những cành mảnh khảnh các quả be bé hình cầu.

Muộn hơn, những cây khác sẽ thay thế hoa ngày Tết: hoa loa kèn đỏ và *huệ tây*, *hoa cúc*, *hoa huệ* có hương thơm sức nức đến đau cả đầu, hoa lan các loại, các loài xương rồng mà đẹp nhất là *hoa quỳnh* hé nở lúc hoàng hôn để rồi những bông hoa trắng tinh khôi sẽ lụi tàn trước bình minh.

---

(1) Hoa sử quân tử. (ND)



Trong các gáo dừa, ống tre, người ta treo những cây dương xỉ; trên thân những cây to, người ta ghim những cây hoa lan có hoa rủ xuống thành chùm màu hồng, vàng hoặc tím nhạt.

Và trong phần lớn các sân, có một bể tiểu cảnh, nơi mọc lên một ngọn núi tí hon với những cái cây, đền chùa và các nhân vật: kiệt tác của sở thích và sự kiên trì.

Trong ao, *sen* nở ra những bông hoa được yêu mến nhất, biểu tượng cho sự thanh khiết theo đạo Phật bởi rễ của nó cắm trong bùn, nhưng những cánh hoa lại nhô lên không tì vết trên mặt nước.

Người ta kể rằng thời xưa, một trong những thú vui tao nhã được các nhà nho ưa thích nhất là buổi sáng đi ven bờ ao đầy sen để nghe tiếng nở của những bông hoa, bởi lúc rạng đông, những bông sen nở ra tạo nên một âm thanh rất khê làm ngậy ngát những tâm hồn khát khao điều trác tuyệt.

# Câu chuyện về hạt gạo

Cơm gạo đối với người An Nam còn hơn cả lúa mì đối với người Pháp: một thức ăn phổ biến, cần thiết đối với cả người giàu cũng như người nghèo, nó mang tính biểu tượng đến mức từ “ăn” đồng nghĩa với “ăn cơm”, và nếu người ta hỏi ai đó đã dùng bữa chưa, người đó sẽ trả lời: “*ăn cơm rồi*”.

Lúa gạo tạo ra những trước tác khổng lồ vốn có thể lấp đầy nhiều ngăn trong thư viện, và vấn đề lúa gạo dường như đã được nghiên cứu trên tất cả mọi mặt, từ những con vật kí sinh nhỏ bé nhất cho đến những công trình thủy nông khổng lồ nhất.

Tuy nhiên, khi kẻ ngoại đạo mong muốn đưa ra một quan niệm chính xác về thứ ngũ cốc quý giá này, bằng cách tiến hành nghiên cứu, anh ta sẽ lạc bước trong sự đa dạng và phong phú của các tư liệu, vấp vào những cái bẫy của những đề tài thường xuyên mâu thuẫn, rồi mù theo các số liệu thống kê khó chịu và tìm kiếm một cách vô ích trong hệ thống phân loại thông thái để nhận ra cái hạt gạo bình dị hoàn toàn đã bị để lạc trong toàn bộ mớ lộn xộn này.

Không đời nào tôi muốn chê bai giá trị của những nghiên cứu khoa học về vấn đề lúa gạo và ích lợi của những nghiên cứu

vốn không vừa tầm tất cả mọi người<sup>(1)</sup>. Tôi cũng không đời nào có tham vọng thêm vào chồng tư liệu đồ sộ ấy vài trang số liệu và công thức.

Nhưng có thể không phải là vô ích khi kể lại một cách thật đơn giản “câu chuyện về hạt gạo” để định hình một cách thức cụ thể vài thao tác mà từ đó có được bát cơm thường nhật của hàng trăm triệu con người và đặc biệt của tất cả những người ở ngay sát chúng ta tại đây.

Một số người có thể sẽ thấy cách tiếp cận đơn giản hóa này là trẻ con, nhưng thực tế có bao nhiêu người đưa ra một quan niệm chính xác về quá trình xay thóc, những biến đổi xảy ra trong lúc gia công và nhận biết quá trình đó bằng những từ dùng riêng?

Chẳng hạn, có biết bao nhiêu người cứ tưởng rằng gạo đỏ là gạo không được làm trắng, trong khi đó chỉ đơn giản là một trong vô số những biến thể của lúa gạo.

\*

\*      \*

Trong cả vùng đồng bằng châu thổ, lúa được gieo bằng cách ươm cây (tiếng Việt là “*mạ*”: cây lúa non) và chúng ta sẽ nhận ra tất cả những ô mạ nhỏ màu xanh rất non tơ này ở nông thôn, vào [hai đợt trong năm]: tháng Giêng, tháng Hai cho mùa thu hoạch vào tháng Sáu thứ mà người ta gọi là “*thóc chiêm*”, hoặc tháng Sáu, tháng Bảy cho vụ thu hoạch vào tháng Mười

---

(1) Xem các nghiên cứu của Ch. Crevost, Ch. Auffret, Coquerel và Auriol...

thứ gọi là “*thóc mùa*”; và đôi khi có cả vụ xen, bởi vì trong một số vùng có vụ thứ ba thu hoạch lúa *ba giăng*.

Tiếp theo, mạ này được cấy xuống *ruộng* và đó là một cảnh tượng quen thuộc đối với những ai dạo chơi tại các vùng phụ cận của Hà Nội hoặc Hải Phòng trong lúc những cô cấy lúa đang khom lưng trên ánh bạc lấp lánh của những mảnh ruộng ngập nước. Họ cắm mạ thành những khóm nhỏ đều đặn, nhanh chóng dày lên, biến cái ao nước rộng của vùng châu thổ thành tấm thảm màu xanh nhạt trù phú. Vừa cấy, họ vừa hát:

“Đầu trần em đi cấy đến tối  
Mong mặt trời tránh cho em khỏi nắng  
Mong đám mây tránh cho em khỏi mưa  
Em còn phải cấy lúa đến tối”<sup>(1)</sup>

Vụ gặt đã đến; và người ta làm lễ cho các sản phẩm đầu mùa (*lễ Thường Tân*), lúc này những bông lúa đầu tiên được cắt dâng lên các vị thần; khắp cánh đồng, vàng rộ lúa chín, một đám rước trắng lệt với những cờ xí sắc sỡ, âm nhạc từ những cái cồng, đàn và sáo cùng những đồ cúng là hoa quả. Cảnh tượng không thiếu sự hoành tráng nếu ta thẩm thía ý nghĩa biểu tượng: sự biết ơn của con người đối với mảnh đất nuôi dưỡng mình.

Lúc này, những thợ gặt nam nữ tủa đi khắp vùng nông thôn, người ta chỉ thấy những chiếc nón to tròn, nhấp nhô trên mặt biển lúa. Ở Bắc Kỳ, *lúa* được cắt bằng *cái liềm* hoặc *cái hái* mà hình dạng thay đổi tùy vùng.

---

(1) Người dịch chưa tìm được nguyên gốc bài ca dao nên ở đây chỉ dịch nghĩa. (ND)



Các bó lúa được chuyển về các trang trại [gia đình] để đập; phương pháp đơn giản nhất là để cho trâu bò giẫm lên; nhưng vẫn còn nhiều phương pháp khác, và ở đây người ta buộc phải theo truyền thống địa phương.

Sau khi đã phơi khô cẩn thận, những thúng *thóc* được cất vào kho và bồ; mỗi ngày người ta lấy ra vài kilo cần thiết để dùng trong gia đình.

Người An Nam – dù là ở nông thôn – thích trữ gạo ở dạng thóc lúa; dưới hình thức này, gạo ít bị mối mọt và được bảo quản tốt hơn. Chỉ ở thành phố, nơi người ta không thể thực hiện được việc xay lúa trong gia đình, các bà nội trợ mới phải mua gạo tẻ hoặc gạo nếp đã xay sẵn để dùng.

Công việc xay sát gạo thủ công vừa lâu la vừa nhàm chán, và dường như sẽ tiện lợi hơn nhiều khi làm việc đó bằng máy móc và với số lượng lớn; nhưng người An Nam bao giờ cũng thích gạo tự mình xay giã, cho ra những thành phẩm hoàn hảo hơn so với việc xay sát bằng máy móc bởi nó giữ được một hương vị riêng có, nếu tôi được phép nói, thay vì chẳng hơn gì một đám tinh bột không mùi. Gạo tự xay giã cũng giữ được nhiều chất dinh dưỡng hơn.

Được mời đến nhà quê của một người bạn An Nam, tôi đã có dịp tham dự vào việc chuẩn bị cơm gạo mà chúng tôi sẽ ăn sau đó, từ lúa được trồng trong các thửa ruộng quanh nhà.

Bà chủ nhà, một bà lão đáng kính, răn rỏi ở tuổi ngoại lục tuần, tự mình phân phối khẩu phần trong ngày mà bà lấy ra từ kho thóc có ba khóa, được xây ở bên phải tòa nhà dành cho việc thờ cúng tổ tiên.



Thế là bắt đầu cái công việc lê thê và nhàm chán thường ngày, những động tác truyền đời được một người ở già thực hiện với sự kiên nhẫn và từ từ, gợi lên mối quan hệ chắc chắn với những sự vật của tự nhiên.

Chúng tôi ngồi tại một trong những nhà kho lợp rạ bao quanh cái sân như một bức tường và trong khi mưa phùn ảm đạm giăng phủ mảnh đất phì nhiêu này, bà lão nông dân vừa nhai trầu vừa làm việc, chốc chốc dừng lại để trả lời một câu hỏi và đặc biệt kinh ngạc khi một công việc bình thường như thế mà cũng có thể khiến chúng tôi quan tâm.

Trước tiên, bà đổ một phần *thóc* vào cái *cối xay*, một cỗ máy rất đơn giản và dễ điều khiển bao gồm hai thớt thấp xếp chồng lên một trục chung [ngõng cối – ND]: thớt bên dưới cố định, thớt bên trên quay quanh trục nhờ chiếc tay quay dài [tràng xay – ND] dùng để truyền cho nó một chuyển động xoay tròn.

Hai thớt này được làm bằng tre bện, trét đầy đất sét rắn và mang trên bề mặt tiếp xúc một tấm gỗ rắn khía rãnh hoạt động như một đĩa mài [dăm cối – ND]; thớt trên có một cái lỗ phễu để dẫn thóc, thóc chảy giữa hai dăm cối, chịu sự cọ xát, tước trấu, tước lớp vỏ mảy cứng, khỏi hạt thóc.

*Gạo xay* đùn ra từ những rãnh nhỏ ở thớt dưới và sẽ rơi xuống một cái mẹt lớn (*cái nong*) đặt dưới dăm cối, vẫn lẫn những hạt còn nguyên, vỏ trấu, *tấm* và cả chút bụi *cám*.

Dường như rất khó trồng tách riêng các giống lúa; mức độ chín hay chưa không phải bao giờ cũng đồng đều nhau; cũng vậy, những hạt rơi xuống nong còn lâu mới trắng hẳn và đồng đều; ta nhận thấy một tỉ lệ hạt đỏ, hồng, vàng, xanh

nào đó nhưng tất cả đều được một lớp màng mỏng màu nâu, chính là vỏ cám bao bọc: như mọi thí nghiệm đã chỉ ra, thứ vỏ cám quý giá này có những hoạt chất của hạt gạo, trong đó có vitamin B1 chống phù nề. Tuy nhiên, người ta sẽ lột bỏ vỏ cám sạch sẽ nhất có thể... để cho lợn ăn. Lũ lợn mới may mắn làm sao!

Ngồi xổm trên gót chân, bà lão lúc này bắt đầu sàng với một cái sàng đan khe lỗ lớn. Vỏ trấu ở lại trên sàng này, hạt gạo thì rơi xuống một cái nia; bà sàng đi sàng lại ít nhất là ba, bốn, năm lần; nhìn đôi tay gầy guộc khốn khổ vì bệnh thấp khớp, biến dạng vì sút sẹo và cáu ghét, tôi ngưỡng mộ sự khéo léo đáng kinh ngạc của chúng, sự dứt khoát của những động tác máy móc nhưng chính xác và cả sự tỉ mỉ khi bà lão nhặt nhanh những hạt gạo nhỏ nhất rơi ra ngoài nia, trong khi lũ gà con vẫn quanh quẩn kiếm ăn xung quanh.

Khi chỉ còn lại trong nia đồng hạt gạo li ti tỏa mùi hương tươi mát của rơm và nhựa cây, người ta mang gạo đi giã.

Cái cối giã gạo là một hệ thống bập bênh, bao gồm một cần đập có trục xuyên qua; ở một đầu là nơi tạo lực tác động, nghĩa là một người đàn ông hoặc phụ nữ bám lấy tay vịn bằng tre của mái nhà để giữ thăng bằng, dùng chân đập xuống phần đầu này của cần đập, để nâng đầu kia lên, mang theo một cái chày được tra vuông góc, đầu bịt kim loại để chống mòn; mỗi nhát đập chân, đầu chày lại đập xuống gạo đã để sẵn trong chiếc cối đá được chôn một nửa dưới đất. Càng giã, gạo càng trắng ra và lột bỏ khỏi gạo một thứ bụi bám dính màu nâu, chính là cám.

Gạo càng già kĩ thì càng nhiều cám, gạo trắng hơn và... cũng mất đi nhiều hoạt chất hơn.

Từ lâu, tôi đã biết nguyên lí của công việc này, và cũng như tất cả mọi người, tôi quan niệm mơ hồ về việc thiếu vitamin B1 trong gạo sau công đoạn tẩy trắng quá tỉ mỉ, nhưng chưa bao giờ tất cả điều đó xuất hiện trước mắt tôi theo cách rành rẽ đến thế.

Càng theo dõi việc thao tác, tôi càng thấy sợ khi người ta phải hi sinh cực nhọc đến thế để tước đi những yếu tố rất cơ bản. Tôi thấy hạt gạo càng trắng lên chừng nào, lượng cám béo và thơm càng tăng lên chừng đó, và bất giác, tôi thấy lo lắng.

Nhưng mọi người cười phá lên khi cuối cùng tôi buột miệng thốt lên: “Bà dừng lại đi, không thì chẳng còn gì nữa đấy.”

Bà lão bảo rằng vẫn còn phải giã tiếp mười lăm phút nữa và vì tưởng tôi kêu lên là do sốt ruột, bà gọi chồng mình ra rồi hai người cùng đứng lên cần đập để giã tiếp.

Khi công việc kết thúc, tôi rụng rời; chỉ vài vân sọc màu nâu còn được giữ lại trên các hạt gạo mà một giờ trước đây còn chứa đựng bao nhiêu là dinh dưỡng.

Nhưng vẫn còn phải sảy gạo nhiều lần, trong một cái sàng mắt dày để tách gạo khỏi cám và tấm: cuối cùng thì gạo cũng sẵn sàng để nấu. Theo bà lão nông dân, lượng thóc rút xuống chỉ còn 5 đến 6 phần mười là gạo và ước chừng như thế chắc là được rồi. Nhưng thật buồn cười khi điều này có vẻ khiến tôi rã rời; dường như tôi đã dự vào một tấn kịch về tiết kiệm và vệ sinh.

Tuy nhiên, khi tôi hỏi tại sao lại phải già và tại sao người ta không cứ thế mà nấu ăn sau khi xay, bà lão nhìn tôi với vẻ sững sốt và trả lời rằng như thế không được, và không ăn được đâu. Nhưng rõ ràng là ăn được mà, bởi do tò mò, tôi đã nấu như vậy, song phải thừa nhận rằng cơm lúc này có một mùi rất “quê mùa” mà không phải ai cũng thích và người ta không quen ăn như thế; thói quen, thứ “hắt cẳng lí trí trong ta”, có một tầm quan trọng trong những loại sự việc thế này.

Nó cũng hoàn toàn giống như vấn đề bánh mì nâu ở châu Âu. Ở Pháp, chắc chỉ có những nhà dinh dưỡng và những kẻ “vô chính phủ” khác mới ăn bánh mì nâu do niềm tin, còn ở Anh tuy nó được dùng phổ biến hơn, nhưng rất nhiều người xem đó như việc cực chẳng đã.

Tuy nhiên theo kinh nghiệm của tôi, chất lượng bánh mì nâu được người Anh sản xuất là tuyệt vời, dù sao cũng thơm ngon hơn hẳn loại bánh mì trắng nhạt nhẽo đẹp đẽ của họ. Nhưng việc người ta thích ăn bánh mì trắng hơn, ngoài vấn đề mùi vị, thì còn có sự can thiệp của thói học đòi làm sang phổ biến, khiến cho nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu hoặc nghèo khó tưởng mình bị mất mặt khi ăn bánh mì nếu như nó không trắng tinh, tàn dư của một thời mà bánh mì trắng là sự xa xỉ của người giàu. Và khi tôi nói với một người về những ưu điểm của bánh mì nâu, anh ta đã trả lời: “Tôi đủ rùng rĩnh để mua bánh mì trắng.”

Chính thói học đòi làm sang này cũng thắng thế ở những người Tàu tại Hồng Kông, nơi ngay cả những cậu bồi cũng nhăn mặt khi cơm không thật trắng.

Ngược lại, một bất lợi thực tế của gạo chỉ được xay không là nó cần thêm chút thời gian nấu và trong những vùng chất đốt hiếm hoi và đắt đỏ thì đó là vấn đề cần được tính đến. Tuy nhiên, người ta có thể khắc phục bất lợi này bằng cách ngâm gạo trước khi nấu trong vài giờ hoặc thậm chí suốt một đêm; tóm lại, như người ta vẫn làm ở Pháp với rau củ khô, mận khô, cá thu khô...

Vì lí do này hay lí do khác, tất cả những người An Nam mà tôi từng có dịp nói chuyện luôn cho rằng không thể ăn gạo chưa được làm trắng<sup>(1)</sup>. Còn đối với người châu Âu, tỉ lệ người ăn cơm ít đến nỗi mỗi người có thể làm thế nào thì tùy, nhưng dù sao tôi cũng không quen người nào chấp nhận một loại cơm khác ngoài cơm trắng thượng hạng, nghĩa là thứ cơm đã bị lấy đi gần hết hoạt chất. Và thật đáng tiếc làm sao!

---

(1) Làm trắng bằng máy móc thì còn tệ hơn là giã thủ công, bởi nó lấy đi nhiều hơn khỏi hạt gạo các hoạt chất và theo một cách bài bản hơn.

**LỄ TẾT  
AN NAM**

# Trước Tết

Mùa xuân đang nắng ấm dịu dàng, vậy mà chỉ sau vài ngày, đột nhiên trời trở lạnh, khi thì gay gắt và khô hanh, khi thì ẩm ướt mưa phùn; tiết trời thực sự của Tết, mà nếu không có nó thì không có cái Tết đúng chất.

Gió thổi gợn nước Hồ Nhỏ phản chiếu một bầu trời xám xịt; những chồi non hồng hào xuất hiện trên cành khô của những cây đa, nơi nép mình ngôi đền nào đó vừa được sơn lại.

Trong phố, người đi lại hối hả, bị kích thích bởi cái lạnh và sự háo hức của ngày Tết đang đến rất gần; bởi dù trong hoàn cảnh nào, người ta cũng sửa soạn đón Tết với lòng phấn khởi như những năm trước.

Những gương mặt se sắt vì gió, nhưng vui tươi; những ai không phải tay xách nách mang thì so vai, co ro giấu đôi tay dưới “*cái áo*”<sup>(1)</sup>, còn những ông già thì giữ ấm tai trong một chiếc khăn che nửa mặt được quấn dưới cằm.

Trong những con phố sầm uất hơn, đặc biệt ta thấy những phụ nữ mua đồ dự phòng cho vài ngày chèn chén bởi vào những ngày này sẽ không thể mua được bất cứ thứ gì: các bà già

---

(1) Áo dài.

An Nam cuộn mình trong chiếc áo chần bông, đầu trùm khăn; các cô gái trẻ đồm dáng không muốn đánh mất dáng người thanh mảnh, trong chiếc áo dài lụa mỏng thường mặc kèm với một chiếc áo vét hoặc măng tô kiểu châu Âu, mà phải thừa nhận là không đạt hiệu quả mỹ mãn cho lắm; các thiếu nữ đi theo mẹ, mang các gói đồ.

Các đám đông ở Viễn Đông bao giờ cũng tráng lệ, nhưng vào thời điểm Tết, ấn tượng ấy về chợ bình dân lên đến tột độ: ở các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường là một dòng người thực sự và vào một số thời điểm trong ngày, đám đông ken đặc đến nỗi hầu như không chiếc xe điện nào có thể mở ở đó một con đường; tiếng chuông xe đạp lanh canh, tiếng la hét ầm ĩ của những anh cu li kéo xe át cả tiếng ồn; trong mỗi chiếc xe tay, ý thức về vai trò vô cùng quan trọng của mình, một bà nội trợ ngồi chễm chệ, vây quanh nào là làn, thùng đựng gạo, buồng chuối và buồng cau, gà vịt bị buộc chân vừa quẫy đạp vừa kêu quàng quạc.

Bên trên khối chật ních và tối sẫm của đám đông, được cắm cao trên một khúc tre to, những chùm hoa giả khổng lồ đựng đưa các sắc màu sặc sỡ, tạo nên một hiệu ứng lớn từ xa, mặc dù ở gần thì trông chúng có vẻ hơi bình thường.

Những sạp bày bán mứt đôi khi lấn ra đến giữa vỉa hè, mời mọc với một sự đa dạng khó cưỡng các loại mứt hoa quả: vỏ bưởi, phật thủ, quất, cà chua, khế, các lát đu đủ xanh hoặc vàng, dưa bổ tư, khoai lang, dưa, gừng, hạt sen, kẹo lạc... và còn có cả *bánh cốm* gói trong lá chuối tươi, buộc một sợi dây



hồng; *bánh đậu xanh* dán nhãn chữ thọ, *bánh khảo* trắng muốt gói giấy màu...

Trong các cửa hiệu khác, người ta trưng bán các câu đối, viết trên lụa mỏng nhiều màu, những đôi hài nhung đính ngọc tuyệt đẹp theo kiểu Huế.

Trong các tiệm vải, thợ may ngồi xổm giữa một sạp hàng tơ lụa, vội vã làm cho xong những chiếc áo lễ dài.

Suốt dọc vỉa hè, người bán lẻ bày ra những hàng hóa đủ loại và thực sự là phép màu khi tất cả những thứ đó không hề bị đám đông giẫm phải; trong sự hỗn độn, những người bán hàng rong đi lại như mắc cửi, quẩy những thùng cam, những buồng cau, và nhất là các kiện lớn bóng bì trắng đã được làm phồng và phơi khô, bắt chước và thường thay thế bong bóng cá trong các món ăn ngày Tết rất được những người sành ăn ưa thích; tôm to sấy khô xâu lại thành xiên, măng tre nửa và nấm khô, *miến* (sợi nhỏ và trong suốt), các sản vật được nhiều người tìm mua, có mặt khắp nơi.

Những tiệm bán đồ thờ cúng bị vây kín, bởi sự lễ bái giữ một vị trí rất quan trọng trong dịp Tết Nguyên Đán này: những que hương được bán theo thẻ, các bó tiền vàng, và những thầy ki vì phải đếm quá nhiều tiền âm phủ mà các ngón tay xỉn đi do bụi bạc.

Trên phố Hàng Mã<sup>(1)</sup>, tất cả các mặt trước cửa hàng lấp lánh ánh vàng và bạc: hoa lá, đồ trang trí bàn thờ, mũ mào,

---

(1) Tên thời Pháp thuộc là Rue du Cuivre (Hàng Đồng) vì đoạn phía tây con phố này bán đồ đồng, còn đoạn phía đông gần chợ Đồng Xuân làm nghề hàng mã. (ND)



giày dép, ngựa của các thần linh và biết bao nhiêu kì quan bằng giấy màu sắc sỡ, những thứ sẽ được đốt gửi cho các thần linh dưới dạng hương khói, khiến họ đẹp lòng và phù hộ độ trì cho, được tấp trên những kệ hàng, chất đống ngay trên mặt đất hoặc đưng đưa ở rìa mái nhà; ngay cả tiệm khiêm tốn nhất cũng trở thành một cung điện lạ thường, mà trong bóng tối vẫn lấp lánh những kho báu đầy bí mật. Cũng trên phố này, ngồi xồm bên vỉa hè là những bà già bán hoa đĩa: hoa huệ, hoa hồng, hoa bưởi vốn luôn đi kèm với đồ thờ cúng, ướp hương cho những bó sớ và cành vàng. Và khi nhìn sang bên kia cái tiền cảnh những đồ trang kim đang nhảy múa này, ta sẽ thấy đầu phố nổi rõ hình bóng màu xám của Ô Quan Chưởng<sup>(1)</sup>; thế là trong vài khoảnh khắc, ta có ảo giác được trở về quá khứ, trong đám đông ngày lễ hội, không khác mấy so với những đám đông xưa kia.

Phố *Sông Tô Lịch* là một vườn hoa đào: những cây hoa nhỏ được trồng đặc biệt trên những cánh đồng vùng ven hồ Tây và không có chúng thì ngày Tết sẽ không vui mấy.

Trong phố Hàng Bò, các ông đồ yên vị trên chiếu với thỏi mực, chiếc nghiên và bó bút lông, long trọng viết các câu đối dưới những con mắt ngưỡng mộ của đám người đứng xem, trong khi trên đầu họ đu đưa theo gió buốt là những bức vẽ chữ màu đỏ và các tranh khắc dài: hàng họ được bày thật đẹp mắt, với Bát Tiên của Trung Quốc đứng bên các

---

(1) Nguyên văn là *Porte Jean Dupuis*, tên gọi cửa ô này thời Pháp thuộc, mang tên một người Pháp sẽ được tác giả nhắc đến trong những trang sau. (ND)

tiên nữ tinh ranh và những con vật huyền ảo trong truyền thuyết Lão giáo.

Các nhà hàng Tàu trên phố Hàng Buồm thì mời chào những xúc xích nhỏ màu đỏ [lạp xường], vịt quay béo ngậy, và *cải trắng*, rượu ngâm hoa quả, kẹo mứt, hạt dưa...

Trong tất cả các con phố này, phảng phất mùi hương đặc trưng của ngày tết An Nam, sự trộn lẫn của khói hương, mùi thơm hắc của hoa và một chút mùi nhàn nhạt và ngòn ngọt của bánh chưng.

Trước chợ Đồng Xuân là một vườn hoa quả thực sự, sắc rực rỡ của cam xen kẽ với màu vàng của bưởi và màu xanh của chanh; đám đông hoạt bát và vui vẻ đi lại trong rừng cây quất với quả nhỏ tròn và hoa thơm ngát, giữa cúc vàng ruộm và đồ quỳen mang tràng hoa đỏ.

Từ cửa chính tuôn ra một dòng người thực sự, mang vác những gói, thùng mủng, ba lô và các gói hoa, và trên quảng trường [trước chợ], một đám lô nhô các phu xe đang dừng đỗ, các bà người An Nam, có các chú *bé con* mang vác đồ hàng theo sau, tìm kiếm trong đám đó một hồi lâu trước khi tìm thấy phu xe của mình.

Bên trong chợ, ta bị đình tai nhức óc bởi tiếng ồn khủng khiếp đến từ hàng nghìn giọng nói, tiếng kêu, tiếng cười phá, trong khi đám đông huyền não đến ghê người: các sạp hàng cứ như sắp sập đến nơi dưới những tháp hoa quả; rau củ, thịt, gà vịt như được ném ra vô thiên lủng, để thỏa lòng những

người mua đang mặc cả liên hồi. Ta còn thấy ở đây sự dồi dào của hoa, khoảnh đất thơm nơi những bông hồng bên cạnh hoa thủy tiên ngày Tết, hoa trà với những cánh sáp ong, những cây hoa huệ, xương rồng màu tím, thược dược, phong lan, hoa đơn... Những khu vườn tí hon, cây cảnh bonsai, các chậu cảnh đầy cá vàng hoàn thiện cho bức tranh đặc trưng này của Tết, gợi tôi nhớ đến những kỉ niệm giống với năm mới ở Trung Quốc và hội chợ diễn ra ở Hồng Kông vào dịp này, trên những bờ ke được một cơn gió bắc giá buốt quét qua.

# Trong và sau Tết

Hiển nhiên, tất cả những người châu Âu đều biết rằng Tết là lễ hội lớn nhất An Nam, nhưng liệu họ có giải thích được tất cả những ý nghĩa tập tục của nó?

Tết An Nam, do tính biểu tượng, tầm quan trọng và ảnh hưởng rất lớn của nó tới dân tộc, không thể đem so với bất cứ ngày lễ nào của người châu Âu; “dù sao thì nó không đơn giản là một ngày đầu tiên của Năm”, đồng thời nó là “sự thống nhất của con người với tự nhiên trong sự trỗi dậy vui tươi của sự tái sinh” – vì rằng lịch âm tương ứng với những hiện tượng tự nhiên – “sự thần thánh hóa, sự ngợi ca, niềm hứng khởi của tín ngưỡng gia đình và thờ cúng tổ tiên”; cuối cùng và đặc biệt, Tết tạo ra cho toàn dân tộc một tâm thức chung, tạo nên sự thống nhất của những khối óc và những trái tim trong một cảm xúc tập thể “khi dân tộc quên đi vào mỗi dịp năm mới, mọi bất hạnh và mọi khó khăn mà họ có thể đã phải chịu đựng trong năm qua, và sẵn sàng bắt đầu lại cuộc sống trong niềm hi vọng và sự hoan hỉ”.

Không, không thể đem so Tết với bất cứ lễ hội nào của người châu Âu, và ngay cả những người phương Tây ít am hiểu nhất cũng giải thích được niềm hi vọng sục sôi bao trùm vào thời điểm này, sự hoan hỉ mà người ta cố gắng kìm nén lại nhưng

cuối cùng lại thủ tiêu mọi thứ ngăn giữ; ngay cả trong những văn phòng, nơi các viên thư kí đã giữ được lâu nhất sự bình thản cần thấy ở kẻ nhân viên mẫn cán, thì những ngày giáp Tết cũng thổi đến như một cơn gió điên rồ. Điều này trở thành một sự gò bó khủng khiếp mà những con người bất hạnh ấy phải chịu để sắp xếp những yêu cầu của ngữ pháp tiếng Pháp hoặc sổ sách kế toán trong khi đầu óc đang đầy những ý nghĩ khác: lo lắng về những món nợ phải trả, quà tặng, cha mẹ và bạn bè phải tiếp đón và hàng nghìn mối quan tâm cá nhân.

Trong tầng lớp nghèo, những mối lo ấy cũng y hệt như vậy, nhưng người ta ít kiềm chế trong việc biểu lộ cảm xúc của mình.

Còn ở những đứa trẻ chẳng có sự giữ gìn ý tứ theo truyền thống cũng chẳng có lí do phải kìm nén niềm phấn khích, thì thật là mũi lòng khi quan sát chúng. Trong các trường An Nam chẳng hạn, vài ngày giáp Tết thì đã là ngày Tết thực sự rồi; trong một số trường nữ sinh ở Hà Nội nơi tôi đã có dịp đến thường xuyên, những ngày này chỉ có những bó hoa và những lời chúc tụng dành cho thầy cô giáo, những cuộc nói chuyện thân mật, các trò chơi, tiếng cười vang và hét hò vui vẻ, chúng quên sạch cách chứng minh các trường hợp bằng nhau của tam giác, nhiều từ rất khó phát âm trong thơ của José-Marie de Hérédia<sup>(1)</sup> hoặc những tai họa của việc “cháy chậm”, để chỉ nghĩ đến kì nghỉ sắp đến và niềm vui đoàn viên bên gia đình. Chính các giáo viên cũng vui vẻ, cảm thấy đầy khoan dung đối với niềm vui thơ trẻ ấy và chẳng điểm kém nào, không một

---

(1) José Marie de Hérédia (1842-1905): Nhà thơ, viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp. Sinh tại Santiago, Cuba, sang Pháp năm mười tuổi và ăn học tại đây. Ông là nhà thơ thuộc trường phái Parnasse (Thi Sơn), sáng tác nhiều bài *sonnet* nghệ thuật hoàn hảo trong bố cục, từ ngữ, vần điệu. (ND)

hình phạt nào làm dịu được sự háo hức, huống chi, còn hơn cả tuyệt vời, khi các thiếu nữ An Nam vốn dĩ rụt rè và không âm ỉ; bài tập phải làm chỉ còn một nửa, các bài học cầm chừng và những học sinh phấn khích thì nhấp nhồm cứ như những cái gai bông mọc lên trên các ghế băng của chúng trong khi những đôi guốc nhỏ khua khoắng ồn ào dưới gầm bàn; chúng lén cắn hạt dưa hoặc ăn vụng những quả táo xanh be bé mà không chỉ một hạt đã lăn lóc qua lớp học. Bóng ma của điểm không và của động từ “nói chuyện riêng” dường như biến mất khỏi chân trời, bị tổng khử do sự táo bạo dấy lên từ niềm vui chung.

Sự náo động mà ta thấy tại trường cũng gặp ở những người lớn, dưới một hình thức khác. Đó là gần ba tuần trước Tết, các bà nội trợ bắt đầu việc sửa soạn và trên những con đường làng, tôi bắt gặp đầy những xe bò chở *lá dong* dùng để gói *bánh chưng* (loại bánh truyền thống làm từ gạo nếp, đỗ xanh và thịt lợn) cũng như các bác nông dân vác những cành đào vẫn còn đương nụ, sẽ bung nở vào ngày Tết, làm vui nhà vui cửa và cũng mang đến may mắn bởi chúng là biểu tượng của sức sống và sự bất tử.

Đó là gần ba tuần mà những người bán hàng rong đi từ nhà này đến nhà khác chào mua buổi, được bảo quản đặc biệt cho dịp Tết; là lúc khắp nơi người ta sơn lại tường, quét tước, rửa ráy, xếp dọn để trang trọng chào đón “Thời khắc rạng đông của sự khởi đầu” (*Tết Nguyên Đán*), bởi vì “Tết mở ra một cuộc sống mới cho tất cả mọi người”.

Tôi chưa bao giờ được tham dự nghi lễ ẩm cúng nổi tiếng, diễn ra trong mọi gia đình để tiễn thần bếp, Táo Quân vào ngày



23 tháng Chạp, khi vị thần này dưới dạng hương khói (người ta đốt hình nộm ông) bay lên trời để gặp Ngọc Hoàng trình báo về sự ăn ở trong năm của gia đình nơi ông cư ngụ. Để ông chỉ nói những điều hay ho, người ta dâng lên ông bánh kẹo và ở Trung Quốc, tôi đã nhìn thấy vài ba bức tượng mà người ta phết mặt lên môi với cùng mục đích.

Nhưng tôi đã tham dự những bữa ăn đón Năm Mới và tôi thấy, trên bàn thờ tổ tiên, các món ăn được dâng cúng hương hồn những người đã khuất: trong ba ngày [Tết], họ sẽ dự phần vào cuộc sống của gia đình và con cháu.

Ngày Tết, đó là ngày của bình yên, khoan hòa, và sẽ là khó coi nếu trách móc ai đó hoặc buông ra những lời nóng nảy; tất cả cần phải vui vẻ và trang nghiêm.

Cuối cùng, tôi nhớ lại buổi sáng ngày Tết nọ, hồi tôi mới đến Bắc Kỳ, khi tôi đi dạo ở nông thôn trong vùng phụ cận Lạch Tray, Hải Phòng, lần đầu tiên tôi trông thấy những *cây nêu* đựng đưa những khóm lá xanh được trang trí vui mắt, với tiếng leng keng khe khẽ của những cái “*khánh*”<sup>(1)</sup>.

Tôi vẫn chưa biết ý nghĩa, nhưng điều đó thật hay ho ở chốn thôn quê có phần tẻ nhạt, làm vơi đi sự ảm đạm của mùa đông, đến nỗi tôi có cảm tưởng rằng trong những lều tranh được chúng bảo vệ kia, những con người trở nên hạnh phúc.

*Cây nêu*, cây tre cao được dóc bớt cành, chỉ trừ lại một khóm lá trên ngọn, được trồng ngay trước nhà hôm giáp Tết.

---

(1) Một vật có hình dạng giống như mỏ neo, bằng đá hoặc đất nung... phát ra âm thanh; người ta cũng làm những cái khánh bằng vàng, xà cừ, bạc.



Trên khóm lá xanh, người ta buộc những con cá nhỏ, những chiếc *khánh* bằng đất nung phát ra âm thanh, những cờ đuôi nheo màu đỏ, các cành cây gai để xua đuổi tà ma, đồ cúng dành cho các vong hồn và những món trang trí linh tinh mang tính biểu tượng khác.

Trong đêm của Tết, người ta làm một lễ hiến sinh để cúng Ngọc Hoàng Thượng Đế và các vị Táo Quân đã trở lại hạ giới sau khi lên trời trình báo việc trong năm. Ở các vùng nông thôn, các bàn thờ chất đầy đồ cúng, sáng rực, được đặt giữa sân và trong khi khói hương nghi ngút bốc lên bầu trời lạnh lẽo, vang lên tiếng pháo nổ chào mừng sự khởi đầu của năm. Đó chính là Giao Thừa, sự chuyển giao năm cũ sang năm mới.

Đa số các doanh nghiệp lớn, các cửa hàng Âu hóa và tất nhiên là tất cả các hãng buôn An Nam đều tuân thủ việc nghỉ phép. Sau vài ngày hoạt động hối hả trước Tết thì đột nhiên là sự tuyệt đối tĩnh lặng và yên ả.

Đêm Giao Thừa, nhà nào nhà nấy cửa đóng then cài và mọi người bận rộn trong nhà với những việc sửa soạn cuối cùng, phố xá vắng tanh và những bước chân của tôi vang lên xa lạ giữa thành phố “chết”.

Thế rồi, trong đêm giá rét căm căm, những tiếng pháo đầu tiên vang lên, và đến sáng, tôi nghe thấy tiếng pháo vẫn dì dẹt, thi thoảng bị cắt ngang bởi tiếng nổ của một quả pháo cối. Qua cửa sổ để mở, tôi ngửi thấy mùi thơm của những cây xoài đương hoa ở Văn Miếu lẫn với mùi của thuốc pháo và hương thơm phảng phất khắp thành phố trong những ngày tết nhất này. Cuối cùng, khoảng mười giờ sáng, những nhóm người

đầu tiên đi chúc Tết bắt đầu ra khỏi nhà, và ngay đầu giờ chiều, các con phố đã kín những đám đông người mặc quần áo Tết: các gia đình đông đủ với lũ trẻ đủ mọi lứa tuổi, cổ rụt lại và dính đặc trong chiếc áo dài mới xinh xẻo, các toán thanh niên sôi nổi, các tốp thiếu nữ mặc “*cái áo*” với những sắc màu sặc sỡ, đầu tóc chải chuốt kỹ càng và mặt thoá phẩn.

Mặc dù lạnh giá và bầu trời xám xịt, ta vẫn nhìn thấy biết bao niềm vui và sự vô lo trên những gương mặt ấy đến nỗi ta phát ghen với người An Nam về ngày lễ thần kì này, nó mang đến cho họ trong vài ngày ảo ảnh rằng hạnh phúc là có thật.

Ngày đầu tiên của năm, người ta cũng thường đi thăm viếng đền chùa để các thần linh phù hộ cho. Ở đền Trấn Vũ, dưới những cây xoài thơm ngát, các tín đồ đội đồ cúng vào ra trong khi những người bán hàng rong bán bánh kẹo và hoa ở ngoài sân.

Và trong cái khung được tạo ra từ những cột cao nhìn ra hồ Tây, đám đông đa sắc màu ấy tạo thành một bức tranh họa đồ tuyệt diệu mà không một cây bút lông nào tả xiết, càng không có ngôn từ nào có thể miêu tả được không khí vui tươi dân dã rung động âm thầm dưới vẻ thành kính hòa lẫn với sợ hãi mà sự hiện diện của các đấng thần linh đã khơi lên.

Ngày tiếp theo, lại tiếp tục suốt cả ngày những cuộc thăm hỏi, các nghi lễ trong gia đình, tiếng pháo nổ và cứ như vậy trong nhiều ngày nữa.

Ở thôn quê, ngày Tết diễn ra ấm cúng hơn và niềm vui cũng hồn hậu hơn, và biết bao nhiêu người An Nam tiếc rằng những đòi hỏi của đời sống hiện đại không cho phép họ quay trở về



quê cha đất tổ, nơi toàn thể gia đình được sum vầy trong sự phù hộ của tổ tiên.

Ngày xưa, các ngày lễ và kì nghỉ Tết thường kéo dài nhiều tuần, gần như hết cả tháng Giêng, và nếu như không có gì là xấu khi vì lợi ích chung nên giảm bớt ngày lễ tết theo tỉ lệ phải chăng, thì đừng nên quên rằng lễ tết là cơ sở tồn tại thân tộc của người dân An Nam, và cần phải tôn trọng những truyền thống nơi biết bao con người không chỉ tìm thấy niềm vui và niềm hạnh phúc trong vài ngày lễ tết, mà nhất là còn tìm thấy “niềm tin vào cuộc đời luôn được đổi mới mà đôi khi họ rất cần trong một đời sống thường khó khăn và bấp bênh”.

# Tết Trung Nguyên

Tết Trung Nguyên diễn ra vào giữa năm, ngày 15 tháng 7 âm lịch, là ngày lễ của các vong linh; có nguồn gốc Phật giáo, ngày lễ này dựa trên một truyền thuyết cảm động về lòng hiếu thảo: chàng trai Mục Kiền Liên đau đớn khi nhìn thấy người mẹ độc ác của mình bị đày xuống địa ngục nên đã chuộc những tội lỗi của bà và đưa bà ra khỏi đó.

Theo tín ngưỡng dân gian, vào ngày này, lúc Mặt Trời lặn, các cánh cửa địa ngục<sup>(1)</sup> mở ra và vong hồn của mọi kẻ tội lỗi trở lại dương thế tham gia vào các nghi lễ đang được cử hành cho họ. Những người đã khuất có con cháu nối dõi sẽ có chỗ trên bàn thờ gia đình, những người khác thì đến đền chùa, nơi diễn ra những nghi lễ gọi là “*làm chay*”; tại một số đền chùa, các nghi lễ kéo dài nhiều ngày.

Trong gia đình, người ta chuẩn bị những bữa ăn thịnh soạn cho tổ tiên và dâng lên những nén vàng bạc, tiền xu, đồ đạc, quần áo và các đồ cúng khác; tất cả những thứ hàng mã bằng giấy này một khi được đốt thì sẽ hữu dụng cho linh hồn người

---

(1) Quan niệm của người An Nam về địa ngục không giống với quan niệm của người Công giáo. Với người Công giáo, đó là nơi trừng phạt, nơi người ta chịu đau đớn để chuộc lại những tội lỗi đã mắc phải trên trần thế. Còn quan niệm của người An Nam thì khá gần với quan niệm thời cổ về địa ngục, cũng có ý nghĩa từ nguyên: nơi ở bên dưới; địa ngục trong thần thoại đa thần giáo là nơi ở lại của các linh hồn, có đức hạnh cũng như phạm tội, sau khi chết.

đã khuất ở thế giới bên kia giống như những đồ vật thật của những người sống vậy.

Năm ngoái, tôi đã được mời đến dự một phần nghi lễ tại một ngôi chùa ở Hà Nội, do một gia đình Hoa kiều cúng tế cho hương hồn người cha quá cố của họ; bởi người ta cũng có thể nhờ cậy một ngôi chùa cho dịp này.

Số lượng và sự phong phú của đồ vàng mã thật cực kì đặc biệt; ở đó có đủ đồ để bày biện cho cả một ngôi nhà và phục sức quần áo xa xỉ cho người quá cố. Mọi đồ vật, làm từ khung tre dán giấy bồi, được bắt chước hoàn hảo đến mức tôi suýt gây ra thảm họa khi định ngồi lên một cái phản giả gỗ màu đen khảm xà cừ. Và không chỉ có đồ nội thất truyền thống An Nam, mà còn có tất cả những thứ mà một người giàu có thể mong ước theo sở thích hiện đại: tủ gương, giường, phòng khách, phòng ăn... cho đến một cái ô tô với kích thước như thật mà ta có thể đóng mở cửa, nâng nắp ca-pô và nâng kính! Từ thứ bé đến thứ lớn, những chi tiết nhỏ nhất đều được làm một cách chính xác, từ chiếc ấm pha trà không thể thiếu, được ủ ấm trong cái giỏ tròn, đến chiếc quạt máy xách tay cùng ổ cắm; tất cả toát lên một chủ nghĩa hiện thực chứng tỏ óc quan sát vĩ đại và sự khéo léo tuyệt vời của các thợ thủ công; cũng với rất nhiều tình yêu và sự chăm lo từ phía gia đình mà trong suốt hơn một tháng họ đã trông coi việc làm ra tất cả những đồ vật ấy. Chúng được vận chuyển đến chùa Bà Đá, phố Nhà Thờ, và chúng phong phú đến nỗi tất cả các gian bên của chính điện đều chật kín.

Ở giữa ban thờ rực rỡ ánh sáng và thép vàng, chồng chất các khay trái cây để lẫn với hoa, và đồ cúng các loại, trong khi



khói hương cuộn bay dưới chân các vị thần, khiến ngôi chùa mờ ảo trong đám mây tỏa hương.

Các món ăn được đặt lên ban thờ, vô số bát đĩa trên một mâm đồng rộng – rồi khi người quá cố đã “thụ hưởng” xong, đến lượt tất cả các thành viên trong gia đình ngồi xuống thụ lộc trên một cái chiếu tại chính điện, và cứ như thể người cha đang ở đó cùng với họ vậy. Các nhà sư thì chăm lo phần cúng bái tế lễ và trong nhiều ngày, có thể nói gia đình sống với người đã khuất cùng những bạn bè đến viếng ông ta.

Với người nghèo, những nghi lễ này không hoành tráng bằng nhưng không kém phần thành tâm và các nghi thức được tuân thủ chu đáo. Để nhận thấy điều đó, chỉ cần đi dạo trong các con phố vào chiều tối ngày Tết. Đặc biệt, ở Hải Phòng, nơi sự tăm tối có thể nói là hoàn toàn, đó là một cảnh tượng kì lạ vào đêm khác, khi trong những con phố tối đen của khu phố Tàu đột nhiên ta thấy tỏa ra các ngọn lửa từ một đồng lửa lớn, xung quanh rung rinh những cái bóng: người ta đốt vàng mã để gửi sang thế giới bên kia cho các linh hồn sử dụng. Bên trên hỏa lò, bay lên vài tàn lửa nóng sáng và ánh lửa soi sáng khuôn mặt có đường nét như một chiếc mặt nạ của cụ già người Hoa nào đó đang *lạ* lấy lạ để, và những gương mặt trẻ em mắt trở lên vì ánh lửa.

Người ta đốt hương, nén màu; một hầu gái vãi gạo hoặc xếp bát dọn một bữa ăn mang tính tượng trưng. Và tất cả những con người khốn khổ tụ tập ở xung quanh tạo thành một đám kì lạ, chăm chú nhìn ánh lửa nhảy múa. Khi vàng mã vừa đốt

hết, lũ trẻ con xông vào lấy những gì còn lại của đồ cúng, và sau đó là cuộc tranh giành, bởi từ trên cao ban công, gia đình tiếp tục nghi lễ ném xu xuống phố. Dưới ánh sáng mờ mờ của những que nhang gần như đã tắt, những cuộc tìm kiếm lại tiếp tục diễn ra một hồi lâu trong bóng tối, trong khi ở trên ban công, trước một ban thờ nhỏ, một ngọn đèn dầu tỏa khói được thắp lên.

Ở chỗ khác, ta chỉ trông thấy dọc theo vỉa hè một hàng nến đỏ cùng những que hương, và những ngọn lửa nhỏ ấy, run rẩy như thể nói với người đã khuất rằng người ta không quên họ, có điều gì đó thật cảm động.

Trên bờ ke Foch và Quảng Châu<sup>(1)</sup>, ánh lửa nhảy múa trên mặt nước trong khi những cột buồm và ống khói [tàu thủy] phác lên những hình bóng mờ mờ.

Đôi khi, qua cánh cửa hé mở của một ngôi nhà, ta nhìn thấy bàn thờ gia tiên được trang hoàng mới mẻ và trên một bàn rộng, bữa ăn đã sẵn sàng; đằng sau những cánh cửa đóng, ta nghe thấy từng tiếng chuông leng keng hoặc tiếng trầm đục phát ra từ một chiếc mõ gõ nhịp theo tiếng tụng kinh.

Rồi sau đó, khi tôi đi qua phố Phúc Châu, đột nhiên, một đám rước hiện ra từ bóng đêm: hai người mang đèn lồng và một nhà sư cùng một gia đình theo sau như một lễ tang. Một người thổi sáo Tàu hòa vào gió một điệp khúc giọng thứ dẫn họ đi dọc kênh Bonnal<sup>(2)</sup>, và trong khi nhà sư vừa niệm chú vừa

---

(1) Quai Maréchan Foch và Quai de Canton: Bờ ke của sông Tam Bạc, chảy qua thành phố Hải Phòng. (ND)

(2) Ngày nay là sông Lấp. (ND)

gỗ chũm chọe còn những phụ nữ khóc lóc nỉ non, vàng mã và hương đốt bay đi gặp linh hồn của một người chết đuối.

Lúc này, trăng rẽ mây và ánh trăng nhợt nhạt nhấp nhô trên mặt nước, nơi những con thuyền tam bản đang lặng lẽ yên giấc: một không khí thuận lợi cho mọi bí ẩn và mọi sự hồi sinh; những tán lá phượng, nhẹ như những chiếc lông, phác lên bầu trời một lưới đan tuyệt mỹ; mùi hoa huệ thoang thoảng quanh những chiếc lều tối sẫm của chợ hoa; xa hơn, sát mặt cỏ bông bênh một làn hơi trắng và tiếng ve rả rích hòa lẫn với tiếng ếch nhái ồm ộp. Cô đơn trên bầu trời nhợt nhạt, lơ lửng trôi vàng trắng tròn đầy, vàng trắng giữa năm.

# Tết Trung Thu

Trung Thu, Tết giữa mùa thu được tắm dưới ánh trăng đẹp đẽ nhất, thuần khiết nhất, rạng rỡ nhất trong năm. Cái Tết điển hình của trẻ em, đó là một trong những cái tết vui tươi nhất, rộn rã nhất, tráng lệ nhất, có nguồn gốc từ một huyền thoại Trung Hoa.

Chuyện kể rằng, một vị hoàng đế của triều đại nhà Đường là Duệ Tông, một lần dạo chơi ngoài cung vào ngày 15 tháng Tám âm lịch. Trong lúc ông đang chiêm ngưỡng ánh trăng lung linh huyền diệu thì gặp một vị tiên. Vị tiên thỉnh nhà vua lên cung trăng dạo chơi, và bởi thời bấy giờ những điều kì diệu nhất vẫn can dự vào cuộc sống thường ngày nên vua đồng ý ngay. Thế là vị tiên đọc thần chú, giơ chiếc gậy đang cầm trên tay biến thành một cầu vồng khổng lồ nổi mặt đất với bầu trời. Hai lữ khách nhanh chóng vượt qua cây cầu, bước ngay vào một thế giới hoàn toàn khác với hạ giới, nơi mà khí quyển tinh khiết và không khí trong suốt thật êm ái diệu kì. Những thiếu nữ duyên dáng đi dạo trong một khu vườn thần tiên trên những thảm cỏ nở hoa, dưới bóng những cây thần.

“Ta đang ở đâu đây?” Hoàng đế thích thú hỏi.



“Trong cung Quảng Hàn”, vị tiên trả lời, “giữa các tiên nữ và những linh hồn của không trung”.

Nhưng vua không thể trì hoãn việc trở về trần thế, người bạn đường của ông đã biến mất và chiếc cầu vồng cũng tan, ông không biết liệu mình có thực sự đi thăm cung trăng ấy hay đó chỉ là một giấc mơ đẹp làm mê muội đầu óc ông, nhưng nó lưu lại tình tiết rõ nét đến nỗi ông quyết định đặt ra một ngày lễ thường niên để cho kí ức ấy trở thành vĩnh viễn.

Trên thực tế, giấc mơ của vị hoàng đế Trung Hoa – hoặc phép màu, nếu muốn – không có vẻ quá huyền hoặc bởi không khí rất đặc biệt vào thời kì này trong năm dường như thực sự thuận lợi cho sự siêu nhiên.

\*

\*   \*

Từ vài ngày, không khí trong và khô mang đến một ấn tượng cực kì nhẹ nhõm, dù trời hơi xám. Trên bầu trời sao, Mặt Trăng to dần, mọi tối đều sáng sủa hơn, trong khi tiếng ve rả rích trở nên mãnh liệt hơn.

Ngay cả trong thành phố, sự quyến rũ cũng bắt đầu phát tác: những con phố, bàng bạc dưới trăng mang dáng vẻ của một đô thành trong mơ, nơi những bóng dáng nhợt nhòa lướt qua như những bóng ma. Dưới những cái cây, ta giẫm lên những đường uốn lượn tuyệt đẹp của một tấm thảm các bóng hình, và trong không khí rất tinh khiết thoảng một mùi hương nhẹ nhẹ; xa xa vang lên những tiếng trống trầm ấm đầu tiên của ngày Tết.

Khi đó, ta hiểu rằng “nòi giống của các vị thần không chết, và vào lúc hoàng hôn của thời đại chúng ta” có những khoảnh khắc mà những huyền thoại dường như trở thành hiện thực.

Từ vài ngày nay, cả thành phố trong trạng thái sôi sục; thợ làm bánh chuẩn bị những chiếc khuôn gỗ được tạc hình dùng để sản xuất bánh truyền thống (*bánh mặt giăng*), những người bán đèn lồng, trống, mặt nạ kì lân, bày biện các kệ hàng; trong những chiếc xe kéo, các ông bố bà mẹ nâng niu mang về những con cá đẹp tuyệt bằng giấy xanh hoặc đỏ có thể động đậy vẫy và đảo những cặp mắt lớn, hoặc ông tiến sĩ trong chiếc áo đỏ chói ngồi dưới ba cái lông vể oai vể, chừng ấy thứ đồ chơi khéo léo và bóng bẩy làm cho không chỉ trẻ con mà cả gia đình thích thú. Dù sao thì năm nay, những linh vật của Trung Thu trở nên hiếm hơn: tất cả đều đã tăng giá, và giá của một con cá giấy không còn vừa với mọi túi tiền nữa; người ta tiếc nuối những thứ tuyệt vời của những năm trước đang đung đưa trong gió suốt dọc phố Hàng Gai: tôm, cua, cá các kiểu và các màu, chuồn chuồn, bướm bướm. Giờ thì người ta thường bằng lòng nhất với những chiếc đèn lồng nhiều màu có các hình tượng trưng.

Cũng từ vài ngày nay, người đi đường nào cũng mang những cái hộp và cuộn bánh làm từ gạo nếp có nhân được bán bốn chiếc một [bánh dẻo – BT].

Các cô bé cậu bé đã bắt đầu đánh trống và đeo mặt nạ kì lân để luyện tập.

Nhưng chỉ duy nhất vào tối trăng tròn, trong đêm mười lăm rạng sáng mười sáu thì ngày hội mới thực sự trọn vẹn. Sự căng thẳng lên đến cực điểm và cả đám đông dường như trời dậy do lòng phấn chấn. Ở Hà Nội, trong phố Hàng Gai và Hàng Bông, khoảng tám giờ tối người ta gần như đã không thể đi lại. Một đám đông náo động làm tắc nghẽn vỉa hè, tràn cả xuống đường, nơi xe kéo và xe đạp đi tới, mà cứ như có phép màu, vẫn lưu thông được.

Trong bóng tối nhập nhoạng, khung cảnh phố xá trải dài dưới những tán cây như một đường hầm, từ đó tuôn ra một dòng người vô tận, được chiếu sáng đầy đủ bằng ánh sáng bất chợt của một bó đuốc hay quầng vàng của chiếc đèn lồng nào đó. Và từ đám đông ồn ào vang lên tiếng đình tai nhức óc, tiếng xì xào lộn xộn, tiếng la ó, tiếng gọi nhau, tiếng leng keng của chuông xe đạp, tiếng la lối om sòm của phu kéo xe và nhất là tiếng trống giục giã, mà cứ mười hoặc hai mươi mét lại hòa nhịp với điệu múa của một con lân dữ tợn.

Những con lân truyền thống này có đủ mọi kích cỡ và dáng vẻ đa dạng nhất, và thường thì có một chú bé con gầy gò và bồng chồn như một con bọ múa vờn; đầu và thân trên giấu dưới chiếc mặt nạ lân to tướng, chú chạy, nhảy, múa may, tiến, lùi hoặc xông tới với một sự nhanh nhẹn khó tin và một vẻ kịch tính khác thường. Hai hoặc ba cậu bé khác giữ đuôi con vật (vải mét vải nhiều màu), và con lân tượng trưng ấy nhả nhó, hung hăng, dữ tợn chìa chiếc sừng duy nhất trên trán, đảo con mắt thần, dựng người lên, khiêu chiến với một đối thủ thường là



tưởng tượng; tất cả hòa trong điệu múa: cặp lông mày của nó rung rinh còn mấy chiếc râu thì ngoe nguẩy, cặp tai đập dữ dội trong khi cặp hàm thì phập phồng một bộ râu bù xù. Thi thoảng, một “chiến binh” mặc bộ quần áo chấp vá từ những mảnh vải lụa xanh đỏ vờ như ghì đầu con quái vật và trận chiến kết thúc khi cây tre biểu trưng cho ngọn giáo được ấn dút khoát vào mõm con vật đáng gờm.

Một số nhà buôn tranh thủ dịp này để quảng cáo và cả một đám nhỏ rước đèn đi theo con kì lân. Trống và chũm chọe, để trên xe kéo hoặc trên xe ba gác, theo nhịp quay cuồng của tiếng trống tùng tùng, khiến cho trên vỉa hè diễn ra một buổi trình diễn thực sự, lôi kéo những khán giả hân hoan tụ lại.

Một đám tụ tập khác hình thành quanh những người bán đèn kéo quân, chiếc đèn được xoay nhờ một trục quay làm chuyển động những cái bóng rất thực: trên mặt này có một người tiều phu đang nện mãi một con hổ hung hăng chưa muốn chết; trên mặt kia thì hai người chèo thuyền đang đi ngang qua một dòng sông vô định với những cử động lắc lư làm người ta muốn say sóng; ở mặt khác nữa, một bà mẹ chìa hoài cho ông bố một em bé đang ngo nguẩy tay chân; hoặc là một con voi nhỏ mãi không xong một cây dừa; mỗi chiếc đèn kéo quân là một kiệt tác nho nhỏ của sự tài khéo và thương là hài hước.

Trên vỉa hè, cơ man là những khay xách tay, bày bán những thứ đồ chơi phù phiếm của ngày hội một đêm này: thỏ bông, hoa giấy, các con vật và nhân vật bằng bột dong cực kì hào nhoáng.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng của phố Hàng Mã, những chái bán đồ vàng mã mở ra sáng loáng, phô ra ngoài mặt tiền những chiếc đèn lồng đưa hình thỏ, cá, côn trùng, những quả cầu, tua viền bằng giấy, các bó hoa, đồ trang trí mà trên đó, vàng và các màu sắc sặc sỡ đua nhau lấp lánh.

Trong phố Hàng Đường, người ta chen nhau trước các tiệm bánh, phủ một màu trắng toát, tất cả đều được trang hoàng và sáng rực. Các thợ làm bánh và thợ phụ làm việc cật lực, mồ hôi trên trán, còn những kẻ hiếu kì thì chẳng bao giờ chán, ngưỡng mộ xem họ trộn những núi bột trắng với những suối si-rô thơm, rồi nhồi những viên nhân làm từ các loại mứt hấp dẫn và cuối cùng, bằng những cử chỉ trang trọng dập chiếc khuôn gỗ xuống bàn để lấy ra chiếc bánh mềm mại và ngon lành, in dấu bằng một con chữ, một cụm hoa hoặc một con rồng. Bên cạnh những người lao động là các vai si-rô và thau đồng chứa đầy mứt quả, bột hạt sen nhào, hạnh nhân, vừng mà những người thợ làm bánh cứ thế lấy ra.

Mùi bột gạo và tinh dầu bưởi tràn ngập cả phố. Với nơi khác, đó là những chiếc *bánh nướng* được nướng theo kiểu Tàu. Vỏ bánh vàng ươm chứa đựng một nhân nửa ngọt nửa mặn, với giấm bông, thịt gà, xúc xích, trứng. Hoặc biến tấu hơn với cá, thịt cóc, thịt thỏ... bằng bột gạo, tất cả những chiếc bánh này đều có hình dáng gợi lên những huyền thoại Trung Hoa về Mặt Trăng.

Những mái sẫm của các ngôi nhà phác nên đường nét kì lạ trên nền trời sáng đã ghim những ngôi sao.

Nhưng, ngoài những thể hiện ồn ào niềm vui dân dã này, trong không khí ấm cúng của gia đình, người ta còn làm lễ *trông trăng*: cả gia đình ngồi tụ tập trong sân, nơi bày các đồ cúng trong khi Mặt Trăng lung linh, thuần khiết, sáng rực và đầy huyền bí; và người ta nói rằng, ở cái đêm phù trì này, ta có thể tìm cách khám phá những dấu hiệu chiêm tinh dựa theo những cái bóng trên bề mặt Mặt Trăng.

**CHÙA CHIỀN**

# Đi lễ chùa Hương Tích

Đầu năm ở Bắc Kỳ là mùa người ta đi lễ và phải nhìn thấy những đám đông hăng hái chen chúc nhau trong một số đền chùa nổi tiếng thì mới thấu hiểu về tâm hồn con người, dù người ta thuộc giống nòi nào thì cũng cần được cảm thấy yên tâm, an ủi, khích lệ nhờ niềm tin vào một sức mạnh siêu nhiên.

Vào một ngày đẹp trời tháng Tư, theo chân những người đi lễ chùa Hương Tích trong tỉnh Hà Đông, tôi đã nghĩ không chỉ một lần tới Lourdes<sup>(1)</sup>; và tôi không cho rằng những đầu óc Kitô giáo lại bị tổn thương vì sự liên tưởng này, bởi ngoại trừ các giáo lí và những hình thức bên ngoài thì tất cả các tôn giáo đều có một điểm chung: niềm hi vọng giúp cho những người bình thường tồn tại.

Ở Hương Tích Sơn, “núi lưu dấu hương khói”, người ta từ xa đến để cầu xin Phật Bà Quan Âm từ bi.

Hơn nữa, đặt sang một bên mọi vấn đề về tôn giáo, Hương Tích là một trong những địa danh đẹp nhất của Bắc Kỳ với

---

(1) Năm 1858, sau khi có tin Đức Mẹ hiện ra với cô Bernadette Soubirous trong một hang đá nhỏ tên là Massabielle bên bờ sông Pau chảy qua, thì Lourdes trở thành một trong các trung tâm hành hương của tín đồ Kitô giáo khắp thế giới. (ND)

ngôi chùa lớn màu trắng núp sau những nếp gấp đầu tiên của dãy núi đá lớn của miền trung du.

Chuyến đi khá dài, và do may mắn ngẫu nhiên, chúng tôi còn được thu xếp cho một chiếc ô tô. Trong trường hợp này, ta sẽ phải đi qua Hà Đông, rồi theo đường Hòa Bình nối với đường tới Hương Tích dẫn ra sông Đáy, nơi ta sẽ phải vượt qua bằng phà<sup>(1)</sup>. Nhưng phần lớn người An Nam thực hiện chuyến hành trình qua Phủ Lý, đi ngược sông Đáy bằng xuồng tam bản và hành trình này được thực hiện vào ban đêm, trong một đêm trăng sáng đẹp, và người ta nói rằng nó cũng thơ mộng như một cuộc dạo chơi trên sông Hương ở Huế; nhưng đối với một hành trình như vậy thì cần phải bố trí nhiều ngày mới được.

Trong suốt tháng Hai âm lịch, một sự náo nhiệt hiếm thấy diễn ra ở cái nơi biệt lập này bởi hàng trăm người đi lễ đến đây mỗi ngày. Dọc theo những con đường mòn, phấp phới những cờ thêu sắc sỡ đặc trưng của những ngày hội An Nam, trông thật tráng lệ giữa những ruộng lúa màu xanh lục. Những quán hàng có tính nhất thời được dựng lên ở khắp nơi: hàng ăn, hàng bán đồ thờ cúng, tranh ảnh, tiền vàng, và bên dưới rất nhiều mái che, đựng đưa những chiếc áo ngắn cho trẻ em bởi Hương Tích đặc biệt là nơi lễ bái của những phụ nữ đi cầu tự. Sau khi đã cầu khẩn, một số phụ nữ được thỏa lòng, họ mua những bộ quần áo nhỏ này, đồ chơi, bánh kẹo, như thể họ mang chúng về cho những đứa con mà họ đang rất khát khao có được; hoặc đó là những bà mẹ mang về cho con những chiếc áo có đóng ấn của nhà chùa, bùa chú chống lại bệnh tật; và tất cả những

---

(1) Cách Hà Nội 65 km.

chiếc áo ngắn với ống tay cứng đờ được khâu trên những cành tre, đều có điều gì đó thực sự cảm động.

Sau khi vượt sông Đáy bằng phà và một hành trình ngắn đi bộ qua những cánh đồng, chúng tôi yên vị trong những chiếc đò dài đáy bằng, và trong một giờ đồng hồ, đò đưa chúng tôi đi trên con sông Hoàng Giang uốn lượn dưới chân các dãy núi. Trên những ruộng lúa ngập nước, vút bay lên những con chim trích ré; thỉnh thoảng, chúng tôi nghe thấy tiếng chuông vang lên xa xa, và mỗi khi chúng tôi gặp một chiếc đò khác thì người ta lại đồng thanh “Nam mô A di đà Phật”<sup>(1)</sup>, câu niệm theo nghi lễ đạo Phật mà những người đi lễ dùng để chào nhau.

Hàng hiên lớn của chùa dường như khép lại thung lũng và trong khoảng sân rộng là đám đông sặc sỡ của những ngày lễ hội An Nam, vừa là đi lễ, vừa là đi hội chợ.

Người ta lạc lối trong quanh co rắc rối của vô số hành lang và những tòa nhà bên trong chật ních đám đông, nhưng bản thân ngôi chùa thì chỉ là một trạm nghỉ. Cái hang động ở cao trên núi kia mới là nơi cần phải đi đến để hiểu thế nào là sùng đạo thực sự.

Qua một con đường mòn dốc đứng và ngoắt ngoéo, nơi những tảng đá đã được mài trơn nhẵn bóng bởi hàng nghìn bước chân trần, chúng tôi nhanh chóng leo lên cao, chốc chốc dừng lại ở rất nhiều ngôi miếu đánh dấu con đường và là nơi những người sùng đạo dâng cúng hoa, hương và những đồng tiền xu.

---

(1) Kính lễ Đấng giác ngộ vô lượng.



李維



Âm vang của tiếng chuông vọng qua núi, tiếng xì xào của đám đông, và thỉnh thoảng những từ ngữ của một câu niệm được xướng to lên, có sức mạnh xua tan mệt mỏi: “Nam mô Quan Thế âm Bồ tát.”<sup>(1)</sup>

Trời nóng nực dưới ánh nắng ban trưa dù có mây che, và những người phụ nữ thì vất vả chống gậy, nhưng tất cả những người đi lễ gặp nhau đều nhanh nhẩu chào câu truyền thống; dọc theo con đường mòn như có một dàn hợp xướng nối tiếp nhau không dứt câu “Nam mô A di đà Phật” lặp đi lặp lại cả nghìn lần.

Mất gần một giờ đồng hồ leo lên dốc đứng và chúng tôi còn đang tuyệt vọng chẳng biết bao giờ mới đến nơi, thì đột nhiên, chúng tôi trông thấy trên đỉnh núi một cầu thang bộ rộng mênh mông dẫn xuống động: cảnh tượng đột ngột, gần như không có thực khi bên dưới động, một đám đông những người bé tí hon đang di chuyển.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng, mờ mờ ảo ảo do khói hương, những ngọn nến được thắp sáng lung linh như những ngôi sao trên các bàn thờ hầu như vô hình. Dường như chỉ trong truyện thần tiên mới có thể tồn tại một cung điện dưới trần thế như vậy mà người ta, do choáng ngợp, ngại ngần bước xuống.

Hàng nghìn tiếng động dội vào những vách đá tạo nên một tiếng rì rào trầm đục, trong đó, nổi lên tiếng chuông và tiếng ngân nga của đàn nguyệt.

Nhưng khi xuống dưới thấp, từ đáy hang, ta nhìn về phía

---

(1) Kính lễ Quan Thế âm Bồ tát.

ánh sáng của bầu trời, ảo ảnh còn trở nên huyền diệu hơn nữa: dọc theo các bậc cầu thang, trong sự mờ mịt do ngược sáng và khói hương, những đoàn người đi lễ vận áo dài đi lên đi xuống, ta tưởng như đột nhiên nhìn thấy giấc mơ của Jacob<sup>(1)</sup> trở thành hiện thực, chiếc cầu thang nối trời với đất, nơi những thiên thần lên xuống, trong cảnh sắc huyền ảo nhường ấy, cái kì diệu không thể tách khỏi cái thực.

Rồi sau đó là chuyến trở về và chúng tôi không thể hình dung được gì thi vị hơn là chuyến dạo chơi bằng đò trên sông Hoàng Giang, lúc Mặt Trời khuất núi, khi thiên nhiên đã dịu đi, bỗng bành một đám sương hồng, trong khi những dãy núi in lên nền trời dáng hình màu xanh sẫm.

Khi thời kì lễ bái qua đi, Hương Tích lại trở về với sự biệt lập của nó, và trong những dãy núi với những hình dáng kì lạ, bao phủ bởi hệ thực vật rối rắm, ngôi chùa đơn cô lại trở nên tĩnh lặng, nơi những vị sư trầm tư mặc tưởng. Duy chỉ có lúc màn đêm buông xuống, những tiếng chuông buổi hoàng hôn, tiếng chuông *thu không* lại vọng lên các đỉnh núi.

---

(1) Trong Kinh Thánh, Jacob nằm chiêm bao thấy một cái thang bắc từ dưới đất, đầu đến tận trời, các thiên sứ của Đức Chúa Trời lên lên xuống xuống trên thang đó.

# Đình Bốn Cột<sup>(1)</sup>

Một vùng đất không có lịch sử vẫn có thể đẹp, một vẻ đẹp trống lẻ, nhưng xúc động hơn biết bao những nơi chốn mà các kỉ niệm đã cho chúng một linh hồn.

Ở Bắc Kỳ, nơi biết bao người Pháp đã yên giấc nghìn thu: binh lính, nhà thám hiểm, thực dân, ở Bắc Kỳ, mà theo một bài thơ bi thiết của Armand Lafrique<sup>(2)</sup>, một “mảnh đất trộn mồ hôi máu, nơi cái chết không ngớt rình rập tất cả những gì cử động”, có thể nói rằng không thể sống mà không bị ám ảnh bởi cái quá khứ vừa là bài học, vừa là niềm cảm hứng.

Biết bao nhiêu cuộc thăm viếng có thể tiến hành quanh Hà Nội, mà trên những cuốn sách lớn để mở của hiện tại, nó tìm cách giải thích điều mà sách đã dạy ở những trang xúc động về những chuyện ngày xưa: Cầu Giấy, đường Sơn Tây, Hoài Đức, Thủ Lệ... Tuy nhiên, có một nơi ít được biết đến hơn mặc dù gây ấn tượng sâu sắc, bởi nơi đây tự nhiên đã ban vẻ đẹp cho một thời kì bi thảm của Chiến dịch Bắc Kỳ, đó là đình Thụy Phương ở Chèm<sup>(3)</sup>, đình Bốn Cột.

Cách khoảng chục kilomet trên đê sông Hồng, hay đúng hơn nằm bên dưới đê, trên một không gian chật hẹp lồng vào

---

(1) Đình Chèm. (ND)

(2) Armand Lafrique (1858-1911): Nhà thơ Pháp. (ND)

(3) Nguyên văn viết là “Thủy Phương” và “Trèm”; đã chữa lại theo đúng chính tả. (BT)

giữa con sông và con đê và dù những con nước mỗi ngày gặm nhấm một chút, đình Chèm dường như vẫn giấu mình sau những cây cối rậm rạp của một vườn cây ăn quả được những tường xám bao quanh. Nhưng nếu vòng qua tường này, đi theo con đường hẹp chạy từ đê xuống, ta sẽ đột nhiên đứng trước một phong cảnh cực kì tráng lệ, mà sẽ vĩnh viễn khắc sâu vào kí ức của những ai từng chiêm ngưỡng: bốn trụ cột trắng đứng sừng sững gần sát bên bờ dốc phía dưới, cách đó mười mét, cuộn chảy một dòng sông náo động, cứ như thể chúng đang canh gác cho ngôi đình có mái ngói thấp nặng nề kia.

Và bên kia bóng dáng mảnh khảnh của những trụ cột này, vượt qua những con nước, phía chân trời, thấp thoáng những ngọn núi màu xanh xám và tím: ở phía đông bắc là Tam Đảo và phía tây là Tản Viên, ngọn núi thiêng với ba đỉnh sừng sững như những người lính gác hung dữ, đứng canh cổng nước An Nam xưa.

Vài chiếc thuyền buồm nâu đi trên những con nước màu đỏ nhạt, những đoàn thuyền bằng tre và gỗ trôi xuôi dòng nước, và trước cảnh tượng ấy, bất biến từ hàng thế kỉ, trong tiếng rì rào dịu êm của những xoáy nước, ta chìm vào những giấc mơ của một thời không có tuổi.

Một không khí thần diệu phảng phất xung quanh ngôi đình này, chế ngự dòng sông, như thể linh hồn của người đàn ông cao lớn Lý Ông Trọng thực sự vẫn lui tới nơi thờ ông, nơi mà ông yêu mến này.

Trên thực tế, người đàn ông An Nam cao lớn ấy sống vào thế kỉ 3, xuất thân từ làng Chèm. Vua An Dương Vương đem dâng ông làm quà cho hoàng đế Trung Hoa. Hoàng đế cử ông đến

biên giới Mông Cổ để trấn giữ quân Hung Nô. Hoàng đế sủng ái ông đến mức gả một trong các con gái của ngài cho ông; nhưng về già, Lý Ông Trọng khắc khoải nhớ quê cha đất tổ, muốn gặp lại dòng sông Hồng. Hoàng đế cho phép ông ra đi, tuy nhiên, sau một thời gian, ngài cho gọi ông về Trung Hoa và muốn ép ông phải trở lại. Tình yêu quê hương xứ sở mạnh hơn tất cả, và do tuyệt vọng, người đàn ông cao lớn này đã tự vẫn. Hối tiếc và ân hận, hoàng đế Trung Hoa truy phong các danh hiệu cho ông.

Tám trăm năm sau, một trong những viên quan đô hộ người Trung Hoa ở An Nam đã tìm nơi từng là nhà của Lý Ông Trọng và lập ở đây một ngôi đền.

Sâu trong những sân trong kín đáo, nơi các mùa đâm chồi nảy lộc lưu giữ một bóng râm ẩm ướt, ta có cảm giác được phù hộ độ trì; những cây bonsai và tùng bách tạo nên nơi đây một khu vườn kiểu Tàu; một cây hoa sứ tỏa hương thơm của những bông hoa trắng xuống các tấm đá lát.

Một cụ từ râu dài ló ra từ gian chính điện có những cánh cửa mở, nhưng chúng tôi không dám bước vào và xâm phạm điều thần bí, không muốn làm khuấy động sự tĩnh lặng cô quạnh và cao vợi; thế nên chúng tôi ngồi lên những bậc thềm bằng đá xù xì dưới mái hiên bên ngoài, nhìn ra dòng sông, và thế là những kỉ niệm khác lại sống dậy trong khi gió lay các gốc cây hoàng lan kêu kẻo kặt và bên trên các con nước vang lên những tiếng gọi xa xôi.

Nhìn những chiếc ghe lớn khó nhọc ngược dòng, được đẩy đi bằng sào mặc dù buồm vẫn giương, chúng tôi nhớ đến

bóng dáng của Jean Dupuis, “nhà phiêu lưu”<sup>(1)</sup> với tâm hồn khoáng đạt, nhà thám hiểm sông Hồng mà đội tàu nhỏ của ông, một ngày nọ, trong lúc đi ngược lên Vân Nam đã dừng chân tại ngôi đình này.

Ít lâu sau diễn ra cuộc chiến chống lại quân Cờ Đen và ngôi đình hiện nay đang yên lành, cách đây hơn nửa thế kỉ đã dự vào một trong những thảm kịch do cuộc phục kích tàn bạo ấy gây ra, nơi bao người Pháp đã tìm thấy một cái chết rất đỗi oai hùng.<sup>(2)</sup>

Đó là ngày 15 tháng 8 năm 1883, quân đồn trú ở Hà Nội đã tiến hành một cuộc xuất kích để đẩy lùi kẻ thù về bên kia sông Đáy.

Suốt ngày, dưới những cơn mưa tầm tã như trút nước vốn là đặc trưng của mùa, trận chiến đã diễn ra ác liệt.

“Chúng tôi bước đi trên những con đê hẹp, lầy bùn, trơn trượt (một nhà chép sử biên niên thời bấy giờ kể lại), bên phải chúng tôi là dòng sông, bên trái là những cánh đồng lúa trải rộng bất tận bị ngập hoàn toàn, mặt đất sũng nước... Ở khúc cua đột ngột mà con đê của làng Chèm tạo nên, những người lính của chúng tôi vấp phải một chiến lũy chặn hết con đường. Đột nhiên, những tiếng súng vang lên.

“Kẻ thù chờ đợi chúng tôi, họ giữ vững vị trí và chấp nhận chiến đấu... thế nên đó là một cuộc tàn sát thực sự, một cuộc chém giết không tên. Quân Cờ Đen được trang bị tốt và được tiếp tế đạn dược nên cảm thấy vô cùng mạnh mẽ đằng sau

---

(1) Lái buôn Pháp, từng mượn cơ thám hiểm sông Hồng để tìm đường cho quân Pháp xâm phạm Bắc Kỳ. (BT)

(2) Tác giả nhìn theo quan điểm của người Pháp thực dân lúc bấy giờ. (BT)

những nơi trú ẩn và chúng tấn công gần như sát sườn. Ở giữa con đê, đại tá Bichot ra lệnh từ trên lưng ngựa, về bình tĩnh và dũng cảm tuyệt vời; ông điều binh khiển tướng bằng sự can đảm và máu lạnh của mình...”

Ba giờ chiều, trên sông Hồng, các con tàu *Pluvier*, *Leopard*, *Fanfare*, *Eclair*, *Trombe* khai hỏa dữ dội lên những chiến lũy cuối cùng của bọn cướp, và cuối cùng chiếm được.

“Khi đến ngang tầm đình Bốn Cột, hải đội của chúng tôi bị đại pháo từ phía hữu ngạn sông bắn dồn dập. Những khẩu súng của kẻ địch trở nên vô hình đối với thủy thủ của chúng tôi, bởi sự rậm rạp của rừng tre quanh dòng *sông Cái*.”

Kẻ thù đã dựng ở trước đền một dãy tường sáu đoạn cỡ lớn, nằm sau những rặng tre, trong đó có những lối mở hẹp để tiện bắn ra.

Không thể kết thúc cuộc chiến do những cánh đồng ngập nước, đại tá Bichot hoãn cuộc tấn công sang ngày hôm sau; để cho đội quân của mình nghỉ ngơi, buổi tối ông trú trong một ngôi đền bên cạnh.

Mới tờ mờ sáng, quân [Pháp] chúng ta lại tiến lên và thấy đình Bốn Cột đã trống trơn; họ dừng lại đây là chờ tin tức từ hai đạo quân khác: một đạo đã tham dự vào trận Vọng<sup>(1)</sup> bị thảm, còn một đạo thì xung phong đi ngược lên Phủ Hoài. Cả hai đạo rút quân trong trật tự trở lại Hà Nội; chỉ duy có đạo quân của đại tá Bichot là ở lại vị trí đã chiếm. Một nhân chứng kể lại: “Ở đó, chúng tôi chờ đợi những thử thách lạ lùng.” Mưa nhiều khiến

---

(1) Dịch Vọng, nơi diễn ra cuộc phục kích của quân Cờ Đen giết chết đại tá Pháp Henri Rivière, rạng sáng ngày 19-5-1883. (BT)

nước càng lúc càng dâng cao, sông Hồng ở vị trí này rộng chừng một nghìn mét, bấy giờ chẳng khác gì một dòng thác khổng lồ, hung dữ cuốn theo đủ loại rác rưởi và xác chết. Từ lúc năm giờ chiều, đại tá Bichot đã sợ rằng nước sông sẽ tràn đê.

Đến mười giờ, những nỗi e sợ xui xẻo của ông đã thành hiện thực và những con nước hung hãn ăn sâu vào đình Bốn Cột, nơi lính Pháp đang trú ngụ.

Chỉ trong mười phút, khi tất cả trở nên lộn xộn không thể giải thích nổi, nước dâng lên 1m20...

Đến hai giờ sáng, tình hình còn nguy kịch và khủng khiếp hơn: sóng dâng lên nhanh đáng sợ, có nguy cơ kéo đổ tường của ngôi đình. Cuối cùng, trong đêm tối mờ, dưới tiếng sấm ầm ầm, mưa như trút nước và gió gào thét, sự lưu thông qua lại được thực hiện và phần lớn các đội quân đã lên mạn tàu *Pluvier* và *Trombe*.

Nhưng bản thân đại tá Bichot lại không muốn rời bỏ ngôi đình cùng với một nửa đại đội. Ông qua đêm tại đây, trú trên mái nhà chỉ chực bị cuốn đi.

Hôm sau, mưa ngớt và những người Pháp bảo toàn vị trí mà họ đã chiếm được một cách đắt đỏ... <sup>(1)</sup>

Ngày nay, cỏ xanh đã mọc ở chân các cột [đình]. Là nhân chứng câm lặng và thản nhiên của những tấn thảm kịch ngày xưa, ngôi đình đứng sừng sững bên bờ con sông mà dòng nước từng xóa đi một quá khứ đẫm máu và vinh quang, giờ vẫn chảy mãi... chảy mãi và dừng đứng trước sự sục sôi của con người.

---

(1) Trong cuốn *An Nam vấy máu*, A. de Pouvoirville đã viết một truyện kể rất li kì về thời kì này, nhưng chúng tôi vẫn muốn được giữ lại mối quan hệ lịch sử của Dick de Lonlay.



# Dạo chơi Yên Sở

Việc viếng thăm một ngôi chùa vào thời gian trăng hội, khi nơi đây tập hợp đám đông bao giờ cũng trảng lệ ở vùng quê, để lại trong kí ức kỉ niệm khó quên về một hình ảnh giàu màu sắc.

Nhưng có một số địa điểm mà vẻ cô tịch mang lại một sức quyến rũ vốn tạo nên từ sự bí ẩn, còn trở nên cuốn hút hơn: đình Yên Sở có thể là một trong những địa điểm như thế.

\*

\* \*

Khởi hành từ Hà Nội bằng xe đạp vào sáng sớm, chúng tôi đi theo đường Sơn Tây<sup>(1)</sup>. Cảnh tượng thì cũng vẫn vậy thôi, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chán khi trên những con đường ấy của vùng châu thổ, người dân quê lũ lượt trẩy qua, đông đúc nhộn nhịp, mặc dù quần áo tối màu đất đai nơi họ sống. Tất cả những nông dân tất tả quẩy “gánh” mà ta thấy từ xa đến này, hợp thành một dòng người bất tận qua những cánh đồng ngô, mang lại ấn tượng đặc biệt về sự sung túc với những gánh rau củ, quả, ngũ cốc và gia cầm; xa hơn là

---

(1) Đi theo đường Sơn Tây đến kilômet 22 (Đan Phượng), rẽ trái, đi qua làng, và đi đường R.P.72, vài kilômet trên đê, dẫn đến Yên Sở (ngôi làng còn được gọi là “cây dừa”). Ta có thể tiếp tục đi theo con đường này trở về Hà Nội qua Hà Đông.

cánh đồng lúa trải rộng đã sắp sửa đến mùa gặt và từ vùng nông thôn phì nhiêu và thanh bình ấy, một điều gì đó toát ra làm vững lòng, làm yên tâm – một cảm giác an toàn.

Nhưng cuối cùng, khi ta rời đường lớn để lên con đê dẫn đến Yên Sở, cảnh sắc lại thay đổi đáng vẻ và sự trù phú có phần nhàm chán của những cánh đồng lúa giờ nhường chỗ cho một sự đa dạng đầy quyến rũ: những làng xóm tươi vui trên những cánh đồng được trồng cấy, khóm cây che chở cho ngôi chùa bất cần nào, đàn trâu bò trên đồng cỏ, ao chuôm được những chiếc lá sen đầu tiên nhuộm xanh, nhưng đặc biệt ta cảm thấy tất cả tắm trong sự thanh thản thắm sâu vốn là linh hồn của thiên nhiên an lành.

Rồi trong lơ mơ xa xa, ta trông thấy đưng đưa những lá cọ: những cây thuộc họ dừa đầu tiên mà sự xuất hiện của chúng không thể giải thích được mang đến một tính chất rất đặc biệt cho vùng này của Bắc Kỳ.

Càng lại gần, ta càng thấy một rừng cọ thực sự với những quả to tướng mọc dưới khóm lá, và nếu lọt vào một trong những xóm làng mái rạ ấy, ta sẽ thấy những hình ảnh của miền Nam An Nam, thậm chí của cả Malaisia và cuối cùng ta bị lạc trong một mê cung của những thân cây trơn nhẵn mà cảnh sắc chẳng chịt dưới bóng lá xanh.

Ở Dương Liễu<sup>(1)</sup>, đó là ngày họp chợ, và trước ngôi đình có mái rộng đưa ra, những phụ nữ nông dân bày bán thực phẩm: những nải chuối, thúng gạo, cà trắng, khoai lang... phần nhiều là những sản vật rất xoàng xĩnh khiến cho đám dân quê ấy

---

(1) Trước Yên Sở 1 km.

càng có vẻ nguyên sơ hơn. Nhưng khi, từ trong đình nhìn qua giữa các cây cột ta thấy tất cả những nông dân ấy đi đi lại lại trên khoảnh sân rực ánh mặt trời, cảnh tượng tạo nên một bức tranh tráng lệ đến nỗi nó sẽ còn mãi khắc sâu trong kí ức và rồi, vào những ngày buồn phiền chán nản, kỉ niệm sẽ làm bạn khuây khoả khi tự nhủ: “Mình đã có may mắn được chứng kiến tất cả điều đó...”

Đình rất độc đáo với nền được đắp cao như một ban công, những hàng lan can với cột con và các tác phẩm điêu khắc rất tinh xảo trên những xà kèo, rất khác so với những tác phẩm điêu khắc mà người ta thường thấy trong những đền đài thuộc loại này. Tiếc rằng mỗi một gặm mòn dần những đồ gỗ được gia công rất công phu ấy và lũ dơi làm bẩn các hoa văn trên đó.

Cả một phường hội thợ cắt tóc ngồi ở đây, họ gọt nhẵn những cái đầu, nạo vét những lỗ tai, cạo những cái cằm và tùy tiện làm vung vãi những món tóc và gàu, điều rất đáng tiếc mặc dù nhìn qua thì cũng vui.

Không xa nơi đó về bên phải là con đường lát gạch dẫn đến đình Yên Sở.

Khi đến thung lũng nhỏ kín đáo, có vẻ là nơi ngôi đền thờ tướng quân Lý Phục Man<sup>(1)</sup> đang say ngủ, chúng tôi thực sự kinh ngạc trước sự hài hòa và vẻ yên bình của cái nơi chốn quẩn rũ này, bởi dường như tất cả vừa mới hiện lên như trong truyền thuyết; mãi rồi chúng tôi mới dám bước xuống

---

(1) Về lịch sử của đình thờ Lý Phục Man, chúng tôi tham khảo với niềm hứng thú tập tài liệu của S. E. Hoàng Trọng Phu “Chùa, đền và nhà thờ ở Hà Nội, 1932”. Nó cũng đưa ra những hành trình với các bản đồ.



lối đi chạy qua những cây cột của cổng nghi môn, vạch trên bãi cỏ xanh một con đường thẳng; lúc đến gần, chúng tôi sẽ nhìn thấy ảo ảnh bị xóa nhòa và ngôi đền mái xám sẽ biến mất trong mây. Ấn tượng siêu nhiên ấy còn tăng lên nữa bởi tiếng líu lo của rất nhiều chim chóc, với những tiếng hót rất đa dạng mà ta có thể thực sự tin rằng do ảnh hưởng của sự phù phép; như trong truyền thuyết Trung Hoa về “Minh Trí”<sup>(1)</sup>, chàng thư sinh này vào một ngày mùa xuân đi qua một khu rừng, đến trước ngôi nhà ma của một phụ nữ rất đổi yêu kiều một thuở, nàng “không chết giống như những người phụ nữ đã chết khác, cái gì đó của nàng vẫn còn sống sót trong những khu rừng sâu”, nơi có nấm mồ của nàng.

Hai bên bãi cỏ là những cây vải quả sai trĩu trĩ, làm tròn tria thêm cho cái bóng ban trưa của chúng; và như được đặt trên thảm cỏ xanh, những tòa *đình* nổi bật trong sự hoàn hảo của cả sơ đồ kiến trúc. Đằng sau, rối rắm những cây cối của một khu rừng bí ẩn và rậm rạp, khu rừng thiêng cho trú ẩn nấm mồ của bậc hiền tài.

Vài câu đối được viết trên giấy đỏ đã phai mờ tô điểm những cây cột của các cổng phụ dạng miếu nổi liền với bức tường bao, và qua các đường nét đục lỗ của các cánh cửa, ta có thể nhìn thấy sân gạch hồng được cỏ viền quanh, với chính điện ở tít trong cùng mà trên nóc uốn lượn những con rồng tượng trưng.

Hai cụ từ đến trước chúng tôi, những cụ già râu tóc bạc phơ, một người mặc áo ngắn màu tía, người kia mặc áo màu

---

(1) Truyện ma Trung Quốc - Lafcadio Hearn; Marc Logé dịch (TG). Nguyên văn tiếng Pháp là “Clair-Esprit”, tạm đặt là “Minh Trí”. (ND)

vàng nghệ, cả hai đều hài hòa với sự tĩnh lặng nơi đây đến mức chúng tôi có ấn tượng mình đã làm phiền những con người bất tử, và theo bản năng, chúng tôi đưa mắt tìm bàn cờ tướng mà những tiên ông đạo Lão vẫn thích chơi.

Họ mở cửa đèn cho chúng tôi, ngôi đền được một tấm bình phong bằng tre che chắn và trong cảnh tranh tối tranh sáng, chúng tôi nhìn thấy nối tiếp nhau những lá cờ đuôi nheo lớn, lọng tròn, màn trướng, các vũ khí và huy hiệu, những bình chậu, lư hương, tất cả những phụ kiện thông thường ấy của ngôi đền được bóng tối ban cho một sự lộng lẫy khác thường. Và lui vào sâu hơn, qua khoang cửa thấp sơn son thếp vàng, chúng tôi nhác thấy trong một căn nhà lụp xụp còn bí ẩn hơn nữa bóng dáng của vài vị thần linh, trong khi lũ dơi bay lượn giữa không khí tỏa mùi ẩm mốc.

Đằng sau chính điện, chúng tôi phát hiện ra một tiểu cảnh, với bể nước ngả màu lục, những cây bonsai và tất cả những cây bụi truyền thống của các ngôi đền; những cây lan nở hoa vàng óng trên một thân cây, một cây nho với những quả màu xanh bé xíu leo trên giàn tre; ở góc tường, một cây hồng bạch leo lên mái ngói cổ kính để rơi xuống những cánh hoa. Một hàng cau tỏa ra xung quanh mùi hương vô cùng dịu nhẹ từ những bông hoa li ti, và phía bên kia của vườn mít, xoài, nhãn, là thẳm sâu một khu rừng cấm, với ngút ngàn những khóm tre vươn lên.

Nếu quay lưng vào *đình*, nhìn về hướng làng xóm, với tiền cảnh là những cây cột bên trên có những con chim phượng hoàng, ta sẽ thấy màu xanh của đồng ruộng dưới bầu trời

gợn mây, những núi đá kì lạ của dãy Sài Sơn và những ngọn núi xanh lơ xa mờ; bóng dáng ngược sáng của những nông dân đi lại trên con đê in trên phong trời màu sáng.

Ngồi trên bãi cỏ, dưới bóng của một trong những cây vải, chúng tôi nói về vị thần của nơi đây, tướng quân Lý Phục Man, “người chinh phục các bộ tộc Man”, ông được một trong những vị vua triều Lý gả con gái cho và theo truyền thuyết thì ông đã chết một cách bí ẩn trong một khu rừng, dù truyền thuyết khác thì khẳng định rằng, ông tự sát bên bờ sông Hát Giang (sông Đáy) ngay gần đó.

Nhưng cuộc trò chuyện sớm dừng lại; tiếng hót của lũ chim trở nên thực sự dị thường; chưa bao giờ và ở bất cứ nơi đâu trên đồng bằng châu thổ, chúng tôi lại được nghe thấy sự đa dạng nhường ấy của tiếng chim: tiếng hót, tiếng láy rền, tiếng huýt, ríu ra ríu rít, rung lên mãnh liệt, ngân nga uốn lượn khôn cùng; những nốt chói tai chấm ngắt những câu dài du dương, tiếng “hú hú” dịu êm bị ngắt bởi một tiếng the the nho nhỏ, tiếng “chích chích” rụt rè đối lập với tiếng quàng quạc thô lỗ, tiếng xào xạc của những nốt nhạc dường như bằng vàng, nốt khác thì trong trẻo du dương như tiếng sáo, những giọng nhại và giọng êm, sự u sầu của những bài ca chậm rãi, tiếng gù của bồ câu âm thầm tiếp nối tiếng chim cu gáy, và hòa trộn với tất cả là sự sôi động của lũ côn trùng ngoài nắng, tiếng rì rào cành lá và tiếng cọt két nhè nhẹ lướt qua của những cây tre.

Ấn tượng siêu nhiên càng lúc càng trở nên kì lạ và giống như khu rừng bị yểm bùa trong truyền thuyết, “không khí hoàn toàn thấm đẫm một mùi thơm nồng nàn của hoa và

rung lên bởi tiếng vo vo của lũ ong... Đường như tịnh không ai từng giẫm chân lên con đường nhỏ từ những năm đằng đẳng. Cỏ ở đây mọc rất cao, những cái cây với cành nhánh khỏe khoắn và rêu phong quấn vào nhau chằng chịt bên trên con đường mà chúng phủ bóng. Tiếng hót của lũ chim làm rung rinh cảnh tranh tối tranh sáng của lá cây; thứ khí vàng óng ả làm huy hoàng những con đường sâu hun hút, và mùi hoa ướp hương cho chúng như nhựa hương ướp thơm những mái vòm của đền đài..."; dường như một cử chỉ nhỏ nhất cũng làm tan biến ảo ảnh về ngôi đền, mọc lên một cách kì bí ở bìa rừng, nơi che giấu ngôi mộ của bậc hiền tài mà sự cô lảnh được đưa nổi trong tiếng rì rào cành lá.



**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Arnhold, Hilda

Bắc Kì - Phong cảnh và ấn tượng / Hilda Arnhold ; Minh hoạ: Mạnh Quỳnh  
; Dịch: Hoàng Thanh Thủy, Đặng Anh Đào. - H. : Kim Đồng, 2022. - 260 tr. : hình  
vẽ, ảnh ; 21 cm

ISBN 978-604-2-26697-0

1. Du hành 2. Miền Bắc 3. Việt Nam  
915.9704 - dc23

KDF3773p-CIP

**BẮC KÌ**  
**Phong cảnh và ấn tượng**

**NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG**

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (024) 3943 4730 - (024) 3942 8632

Website: [www.nxbkimdong.com.vn](http://www.nxbkimdong.com.vn) - Email: [info@nxbkimdong.com.vn](mailto:info@nxbkimdong.com.vn)

**CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG**

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0236) 3812 335

Email: [cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn](mailto:cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn)

**CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3925 1001 - (028) 3925 0987

Email: [cnkimdong@nxbkimdong.com.vn](mailto:cnkimdong@nxbkimdong.com.vn)

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI TUẤN NGHĨA

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng Biên tập VŨ THỊ QUỲNH LIÊN

Biên tập: HOÀNG THANH THỦY

Trình bày: NGUYỄN QUỲNH KHUYẾN

Chế bản: NGUYỄN THANH HƯƠNG

Sửa bài: HOÀI THU

In và gia công 2.000 bản - Khổ 14,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty TNHH Thương mại In Bao bì Tuấn Bằng

Văn phòng: Số 46 phố Tân Ấp, phường Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội

Địa chỉ sản xuất: KCN Thạch Thất Quốc Oai, thị trấn Quốc Oai, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 230-2022/CXBIPH/250-8/KĐ cấp ngày 25/01/2022

Quyết định xuất bản số: 1595/QĐKKĐ ký ngày 31/5/2022

In xong và nộp lưu chiểu quý 2/2022

ISBN: 978-604-2-26697-0